

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG - HOÀNG THỊ THUẬN
(Đồng chủ biên)

NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC
TÁC PHẨM HỒ CHÍ MINH



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. PHẠM MINH TUẤN

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
ThS. PHẠM THỊ THINH

Biên tập nội dung: ThS. HOÀNG THỊ THU HƯỜNG
TS. HOÀNG MẠNH THẮNG
ThS. CAO THỊ LAN ANH
NGUYỄN MAI THẢO NHUNG
ThS. NGUYỄN VIỆT HÀ
Trình bày bìa: ĐẶNG THU CHÍNH
Chế bản vi tính: NGUYỄN QUỲNH LAN
Đọc sách mẫu: ThS. CAO THỊ LAN ANH
BÍCH LIỄU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 2266-2021/CXBIPH/21-23/CTQG.
Số quy trình xuất bản: 433-Q /NXBCTQG, ngày 29/6/2021.
Ngày phát hành: tháng 7 năm 2021.
Mã ISBN: 978-604-57-6906-5.

**NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC
TÁC PHẨM HỒ CHÍ MINH**

**Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam**

Nguyễn Thị Thanh Tùng

Nâng cao chất lượng dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh / Ch.b.:
Nguyễn Thị Thanh Tùng, Hoàng Thị Thuận. - H. : Chính trị Quốc
gia, 2021. - 400tr. ; 21cm

ISBN 9786045764398

1. Hồ Chí Minh, 1890-1969, Lãnh tụ Cách mạng, chính trị
gia, Việt Nam 2. Tác phẩm 3. Dạy học
335.4346071 - dc23

CTF0561p-CIP

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG - HOÀNG THỊ THUẬN
(Đồng chủ biên)

**NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC
TÁC PHẨM HỒ CHÍ MINH**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021

TẬP THỂ TÁC GIẢ

NGUYỄN THỊ THANH TÙNG (Đồng chủ biên)

HOÀNG THỊ THUẬN (Đồng chủ biên)

NGUYỄN THỊ XIÊM

VŨ THỊ HUYỀN TRANG

PHẠM PHƯƠNG LAN

TIÊU THỊ MỸ HỒNG

TRẦN NGỌC VIÊN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Người đã hiến dâng trọn đời mình cho mục tiêu cao cả là giành độc lập, tự do cho Tổ quốc; mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân và để lại những giá trị nhân văn, cao quý cho nhân loại. Trước khi đi xa, Người đã để lại cho toàn Đảng và toàn dân di sản vô giá, đó là tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng ấy được khắc họa rõ ràng và sâu sắc trong những tác phẩm, bài nói, bài viết mà Người để lại.

Để thực hiện mục tiêu về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, trong dạy học các tác phẩm của Hồ Chí Minh cần thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực của người học, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học các học phần, chuyên đề liên quan tới Hồ Chí Minh và di sản Hồ Chí Minh.

Nhằm nâng cao chất lượng dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách

Nâng cao chất lượng dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh của tập thể tác giả do TS. Nguyễn Thị Thanh Tùng và TS. Hoàng Thị Thuận - giảng viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đồng chủ biên.

Nội dung cuốn sách gồm hai phần: Phần thứ nhất nêu một số vấn đề lý luận chung về dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh; Phần thứ hai giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh (như: *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Đường cách mệnh*, *Cương lĩnh chính trị đầu tiên*, *Tuyên ngôn độc lập*...). Trong mỗi tác phẩm, các tác giả xác định mục tiêu dạy học tác phẩm (năng lực, phẩm chất), hoàn cảnh ra đời và bối cảnh của tác phẩm, nội dung cơ bản của tác phẩm, giá trị của tác phẩm và một số câu hỏi ôn tập, củng cố...

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên tập, xuất bản song nội dung cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để nội dung cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2021

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Hồ Chí Minh và di sản tư tưởng Hồ Chí Minh là một pho sử bằng vàng, có một ý nghĩa vô cùng to lớn trong dòng chảy lịch sử dân tộc Việt Nam nói riêng và lịch sử phong trào cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới trong thế kỷ XX nói chung. Việc nâng cao chất lượng giảng dạy về Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh dựa trên các tác phẩm do Người soạn thảo có vị trí quan trọng. Do đó, nghiên cứu, giảng dạy, học tập về tác phẩm Hồ Chí Minh theo định hướng năng lực và phẩm chất là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, đáp ứng các chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo các ngành Giáo dục chính trị, Chính trị học, Hồ Chí Minh học... ở các trường đại học, học viện, trường chính trị các cấp.

Việc trang bị hệ thống phương pháp luận cũng như tìm hiểu nội dung tác phẩm của Hồ Chí Minh góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy môn học, thu hút sự hứng thú của sinh viên, học viên đối với việc tìm hiểu những giá trị cốt lõi trong mỗi tác phẩm do Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh soạn thảo. Đồng thời, việc đổi mới dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh theo hướng chuyển từ định hướng nội dung (chỉ giới thiệu nội dung chủ yếu của tác phẩm) sang định hướng phát triển phẩm chất và năng lực (cung cấp, định

hướng hệ thống phương pháp luận về dạy học, nghiên cứu tác phẩm, phát triển toàn diện người học) cũng góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học các học phần, chuyên đề liên quan tới Hồ Chí Minh và di sản tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong những năm qua, liên quan tới vấn đề đổi mới dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh, có rất ít công trình hay bài nghiên cứu đề cập trực tiếp về các nguyên tắc, biện pháp, vấn đề đổi mới ôn tập, đánh giá đối với môn học này. Các công trình tiếp cận toàn diện, hệ thống về vấn đề dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh vẫn còn khiêm tốn, thiên về phân tích nội dung tác phẩm hơn là định hướng người học cách thức tiếp cận nội dung tác phẩm Hồ Chí Minh. Do đó, cuốn sách *Nâng cao chất lượng dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh* có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trên cả phương diện tiếp cận khoa học chính trị và phương diện khoa học giáo dục.

Cuốn sách gồm 2 phần:

Phần thứ nhất: Một số vấn đề lý luận chung về dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh.

Phần thứ hai: Giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, nhưng chắc chắn cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của bạn đọc để nội dung cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Hà Nội, tháng 3 năm 2021

TẬP THỂ TÁC GIẢ

Phần thứ nhất

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DẠY HỌC TÁC PHẨM HỒ CHÍ MINH

I- SỰ CẦN THIẾT CỦA VẤN ĐỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC TÁC PHẨM HỒ CHÍ MINH

Chương trình học phần “Tác phẩm Hồ Chí Minh” đóng vai trò quan trọng trong khung chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục chính trị, Chính trị học ở các trường đại học, cao đẳng, nhằm mục tiêu hình thành phẩm chất, năng lực và năng lực chuyên môn cho người học thông qua nghiên cứu, giảng dạy và học tập các tác phẩm tiêu biểu gắn với di sản quan điểm và đóng góp của Hồ Chí Minh trong sự nghiệp cách mạng. Tại một số cơ sở giáo dục đại học, học phần “Tác phẩm Hồ Chí Minh” (hay còn gọi chuyên đề “Tác phẩm Hồ Chí Minh”) được xây dựng với mục tiêu chủ yếu dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ trong đó nhấn mạnh một trong những chuẩn đầu ra của sinh viên là hình thành “phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhân dân: thấm nhuần thế giới quan

Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nghề và có trách nhiệm cao với nghề nghiệp, có đạo đức tốt, lối sống và tác phong mẫu mực”¹. Học phần “Tác phẩm Hồ Chí Minh” có mối quan hệ mật thiết với các học phần, chuyên đề có liên quan như tư tưởng Hồ Chí Minh (bao gồm các chuyên đề khái quát và các chuyên đề cụ thể về nội dung), phương pháp dạy học tư tưởng Hồ Chí Minh, Tư tưởng Hồ Chí Minh - Di sản của thời đại... Tất cả các vấn đề nghiên cứu, học tập và giảng dạy về con người, sự nghiệp, đóng góp và di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và nhân loại phần lớn phải xuất phát từ chính các tác phẩm, bài viết, bài diễn văn do Người viết, soạn thảo.

Qua từng bài viết, tác phẩm của Hồ Chí Minh như: *Bản yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam* (1919), *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), *Đường cách mệnh* (1927), *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, *Sách lược vắn tắt của Đảng* (1930), *Tuyên ngôn Độc lập* (1945), *Sửa đổi lối làm việc* (1947), *Dân vận* (1949), *Thường thức chính trị* (1949), *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin* (1960), *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* (1969), *Di chúc* (1969)... trải đều trong cuộc đời, sự nghiệp của Người đã cho những người đam mê tìm hiểu, nghiên cứu, giảng dạy, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh một cách tiếp cận trọn vẹn nhất,

1. Chuẩn đầu ra ngành Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, <http://hnue.edu.vn/Daotao/Chuandaura/DaihocvaCaodang/tabid/423/StdId/10/Default.aspx>.

khách quan nhất, chân thực nhất về quá trình *chuyên biến ngoạn mục quá trình hình thành, phát triển, hoàn thiện tư tưởng Hồ Chí Minh*, từ sự ươm mầm hoài bão lớn (trước năm 1911), ra đi tìm đường cứu nước, khảo sát và tìm thấy con đường cứu nước (1911 - 1920), hình thành cơ bản các quan điểm về cách mạng Việt Nam và thuộc địa (1921 - 1930), vượt qua phong ba, bão táp, khó khăn dồn dập để kiên định với con đường Người đã sáng suốt đi theo (1930 - 1945) và giai đoạn tư tưởng của Hồ Chí Minh được tiếp tục phát triển, bổ sung, hoàn thiện qua hơn một năm xây dựng, bảo vệ chính quyền sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Do đó, muốn tìm hiểu bản chất tư tưởng, quan điểm của Hồ Chí Minh qua chuyên đề “Tác phẩm Hồ Chí Minh”, để nhận thấy cả cái “vừa rất giản dị vừa rất uyên bác”¹, để so sánh được sự giống và khác giữa văn bản gốc tác phẩm với các thành tựu của giới nghiên cứu, người dạy và người học trước hết phải đọc, tìm hiểu nguyên tác của tác phẩm Hồ Chí Minh. Từ đó tìm ra những điểm đặc sắc ẩn chứa trong từng tác phẩm cũng như bước phát triển toàn diện và sâu sắc tư tưởng của Người ở tác phẩm về sau so với tác phẩm trước đó. Điều này chỉ có thể giải quyết trên phương diện phương pháp luận và phương pháp dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh.

1. Đào Phan: *Hồ Chí Minh - Danh nhân văn hóa*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1989, tr.37.

Trong những năm qua, thực trạng dạy học chuyên đề “Tác phẩm Hồ Chí Minh” có những chuyển biến trong nhận thức về mục tiêu môn học, về nội dung môn học, về đội ngũ giảng viên và tình hình giảng dạy, về đội ngũ người học (sinh viên, học viên) và thực trạng học, vấn đề kiểm tra, đánh giá... đặt ra yêu cầu cấp thiết của việc đổi mới, nâng cao chất lượng dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh.

Đối với vấn đề nhận thức mục tiêu của môn học trong khung chương trình đào tạo tín chỉ, học phần “Tác phẩm Hồ Chí Minh” hiện nay được thiết kế theo mục tiêu định hướng nội dung, tập trung nhiều vào ba tiêu chí kiến thức, kỹ năng, thái độ. Mặc dù đã có sự thay đổi so với đào tạo theo hình thức niên chế (mục tiêu giáo dục, giáo dục, phát triển), song việc xác định mục tiêu như vậy ảnh hưởng tới chính việc lựa chọn phương pháp dạy học, tổ chức hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá đối với chuyên đề. Sinh viên hoàn thành môn học khi đạt được các chuẩn đầu ra, trong đó quan trọng hàng đầu là chuẩn về kiến thức. Nguyên nhân của vấn đề xuất phát từ nhận thức còn mang nặng tính hàn lâm của người dạy đối với các môn học thuộc khoa học lý luận chính trị. Người học nắm được hoàn cảnh ra đời, nội dung cơ bản và ý nghĩa của một số tác phẩm tiêu biểu do Hồ Chí Minh soạn thảo.

Về nội dung chương trình: Học phần “Tác phẩm Hồ Chí Minh” đã cung cấp những tri thức quan trọng cho sinh viên, học viên về hoàn cảnh, nội dung cơ bản, giá trị của

một số tác phẩm cụ thể trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Các tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh được đưa vào nội dung chương trình học phần bao gồm:

- *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925);
- *Đường cách mệnh* (1927);
- *Tuyên ngôn độc lập* (1945);
- *Sửa đổi lối làm việc* (1947);
- *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* (1969);
- *Di chúc* (1969).

Mặc dù các tác phẩm nói trên đã làm rõ một số nội dung cơ bản trong quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam “từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa”, những vấn đề về đạo đức cách mạng và biện pháp khắc phục những sai lầm, khuyết điểm trong lề lối làm việc, phong cách lãnh đạo của người cán bộ, đảng viên, về quá trình tự nhận thức của Người từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin... nhưng nội dung các tác phẩm chưa phản ánh được tính toàn diện, hệ thống cũng như kết quả của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước về di sản tư tưởng, tác phẩm của Hồ Chí Minh. Việc lược bớt những tác phẩm trùng chủ đề và bổ sung các tác phẩm mới trong nội dung chương trình là rất cần thiết.

Chuyên đề “Tác phẩm Hồ Chí Minh” là một trong những chuyên đề đặc thù bởi hoạt động dạy học được tiến hành dựa trên tư liệu gốc là các tác phẩm của Hồ Chí Minh.

Vì vậy, hầu hết đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia giảng dạy “Tác phẩm Hồ Chí Minh” qua khảo sát đều có trình độ chuyên môn, có năng lực giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học và luôn tiên phong, chủ động tìm kiếm những phương pháp dạy học mới nhằm đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Sự kết hợp giữa phương pháp giảng dạy truyền thống theo hướng tích cực hóa (phương pháp thuyết trình) kết hợp với phương pháp, phương tiện dạy học hiện đại (phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp dạy học nêu vấn đề...) đã thực sự lôi cuốn và phát huy tính tích cực, sáng tạo học tập, đam mê của người học đối với việc đọc, phân tích, đánh giá giá trị tác phẩm. Từ đó vận dụng vào nhận thức, hành động, ứng xử của bản thân trong công việc, lối sống, nêu gương cho gia đình, cộng đồng.

Do đó, với việc chủ động đổi mới phương pháp dạy học và những kết quả tích cực bước đầu đã cho thấy tính khả thi trong thực tiễn của việc thay đổi phương thức, phương tiện dạy học chuyên đề “Tác phẩm Hồ Chí Minh”. Mục tiêu của đổi mới dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh nhằm định hướng, dạy cách khám phá, phương pháp luận tìm hiểu, nghiên cứu tác phẩm Hồ Chí Minh chứ không đơn thuần dạy nội dung tác phẩm.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong cả hoạt động dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh như tình trạng người dạy duy trì kiểu

dạy truyền thống (thầy đọc, trò chép), dạy tác phẩm nhưng không yêu cầu người học bắt buộc phải đọc toàn văn tác phẩm, dạy chuyên đề tác phẩm nhưng không có phần “lý luận chung về dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh” mà đi thẳng vào nội dung từng tác phẩm. Người học vẫn chưa thực sự chủ động, tự lực trong học tập, chưa tích cực trong các giờ thảo luận, thể hiện thái độ học tập mang tính đối phó, học chủ yếu để làm bài kiểm tra, làm bài thi cho đủ điểm qua được học phần... Điều đó dẫn đến tình trạng người học chỉ nắm được những nội dung do giảng viên cung cấp, tìm hiểu nội dung qua các nguồn tham khảo trên internet, lười đọc nguyên tác, học với mục đích thi cho qua... ảnh hưởng đến chất lượng chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo.

Dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh là một vấn đề khó trong các mạch của chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục chính trị hay Chính trị học ở các cơ sở giáo dục đại học. “Giáo dục của thế kỷ XXI là nên giáo dục tạo ra những sản phẩm ít về số lượng nhưng chất lượng được nâng cao”¹. Trước những yêu cầu của sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học, tổng kết kết quả 15 năm thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, định hướng cho công tác tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục lý luận chính trị, việc đánh giá đúng thực trạng những thành tựu

1. John Vũ: *Giáo dục trong thời đại tri thức*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2016, tr.132.

và những vấn đề còn tồn tại trong dạy học học phần “Tác phẩm Hồ Chí Minh” là cơ sở quan trọng nhằm xác định những nguyên tắc, hình thức và phương pháp dạy học phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong giai đoạn hiện nay đối với học viên, sinh viên chuyên ngành.

II- NHỮNG NGUYÊN TẮC DẠY HỌC TÁC PHẨM HỒ CHÍ MINH THEO HƯỚNG TIẾP CẬN PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC

1. Tiếp cận từ tư liệu gốc và chính thống

Tiếp cận từ tư liệu gốc trong dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh được xem là một trong những nguyên tắc vô cùng quan trọng, mang tính đặc thù của dạy học tác phẩm kinh điển.

Thứ nhất, dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh đảm bảo nguyên tắc tiếp cận từ tư liệu gốc, nghĩa là nghiên cứu tác phẩm từ chính văn bản của ngôn ngữ đầu tiên được viết ra. Trong những hoàn cảnh khác nhau, dành cho những đối tượng khác nhau, Hồ Chí Minh đã sử dụng những thứ tiếng khác nhau để thể hiện quan điểm của mình qua các tác phẩm cụ thể. Bên cạnh tiếng Việt, rất nhiều tác phẩm của Người được viết bằng tiếng Pháp, tiếng Hán. Vì thế, nghiên cứu những tác phẩm được viết từ những ngôn ngữ ấy mà người dạy cũng như người học có khả năng tiếp cận được với bản gốc, đọc đúng từ bản gốc, không qua bản dịch là một điều lý tưởng nhất. Tuy nhiên, tiếp cận tác phẩm

từ ngôn ngữ đầu tiên là rất khó bởi số người có năng lực tiếp cận với những tác phẩm bằng ngôn ngữ không qua bản dịch lại không nhiều.

Thứ hai, tiếp cận tác phẩm từ tư liệu gốc còn được hiểu là bản thân người dạy, người học phải là người trực tiếp đọc tác phẩm, tức là đi từ chính bản thân tác phẩm (bao gồm cả bản dịch - mà thực tế phần lớn những tác phẩm Hồ Chí Minh viết bằng tiếng Pháp và tiếng Hán đều được đọc qua bản dịch) mà không đi qua cầu nối trung gian của người nghiên cứu trước. Ph. Ăngghen khi nói với những người mácxít trẻ về phương thức chủ yếu trong việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác đã từng nhắc nhở phải đọc tác phẩm gốc của C. Mác, không được dựa vào các tài liệu không phải là nguyên gốc. Đó là điều kiện cần thiết đầu tiên cho việc hiểu đúng những tư tưởng vốn có của các nhà kinh điển, làm cơ sở cho việc đánh giá, xem xét lại di sản. Nguyên tắc này đòi hỏi khởi đầu của việc dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh là xem xét các quan điểm, tư tưởng của Người trong các nguyên tác chứ không phải từ cái mà người ta lĩnh hội, giải thích hoặc áp đặt cho nó, không phải từ lời giới thiệu, các bài phân tích bình luận đăng trên các báo và tạp chí.

Thứ ba, tiếp cận từ tư liệu gốc còn được hiểu theo nghĩa những tư liệu có nguồn gốc đáng tin cậy, chính thống. Hiện nay, việc tìm kiếm tư liệu, tìm kiếm tác phẩm không khó khăn như trước đây khi có sự hỗ trợ của mạng internet. Tuy nhiên, không phải lúc nào tác phẩm tìm kiếm được từ nguồn internet cũng đảm bảo tính chính xác,

khoa học. Hầu hết tác phẩm của Hồ Chí Minh đều được đưa lên website nhưng một số chỉ là đánh máy lại hoặc bản bông của nhà xuất bản, vì thế, còn nhiều lỗi. Bởi vậy, trong quá trình dạy học tác phẩm, dù nguồn tìm ở đâu nhất định phải đảm bảo tính chính xác.

2. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính Đảng và tính khoa học

Ngày nay, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã trở thành xu thế “khó cưỡng” đối với mỗi quốc gia, dân tộc. Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi thì toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng mang lại những thách thức, khó khăn. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế cũng tác động một cách mạnh mẽ tới mục tiêu, nội dung chương trình, nguyên tắc, phương pháp và cách thức tổ chức hoạt động, đánh giá. Vì vậy, nếu trong dạy học các môn Lý luận chính trị, không quán triệt nguyên tắc tính Đảng thì sẽ không đảm bảo được mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà nước ta đã đề ra.

Nghiên cứu và dạy học các tác phẩm của Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay, tất yếu cần phải đảm bảo sự thống nhất giữa tính Đảng và tính khoa học. Trong đó, tính Đảng yêu cầu cần phải đứng trên lập trường, quan điểm, phương pháp luận chủ nghĩa Mác - Lênin và quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam để nhìn nhận, đánh giá đúng giá trị của các tác phẩm Hồ Chí Minh. Đồng thời, có thái độ kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm sai trái, đi ngược lại đường lối của Đảng,

chính sách, pháp luật của Nhà nước và lợi ích của nhân dân. Tính khoa học, yêu cầu khi nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm Hồ Chí Minh phải bảo đảm tính lôgic, khách quan, trung thực khi phân tích, lý giải và đánh giá nội dung các tác phẩm để tránh việc áp đặt, cường điệu hóa nội dung tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong nghiên cứu tác phẩm Hồ Chí Minh, tính Đảng và tính khoa học có mối quan hệ biện chứng thống nhất với nhau. Tính Đảng sẽ là cơ sở, phương hướng cho việc nghiên cứu và tìm ra nội dung khách quan, chân thực của các tác phẩm Hồ Chí Minh. Ngược lại, thông qua tính khoa học, các tác phẩm Hồ Chí Minh sẽ được làm rõ hơn về nội dung chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua đó, môn học sẽ góp phần hình thành thế giới quan khoa học, lập trường cách mạng, phẩm chất đạo đức theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tác phẩm Hồ Chí Minh là môn học nghiên cứu các tác phẩm điển hình của Chủ tịch Hồ Chí Minh; trong đó, nội dung của các tác phẩm đa dạng và phong phú nhằm phản ánh sự vận động, phát triển của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, khi nghiên cứu và giảng dạy môn Tác phẩm Hồ Chí Minh, để đảm bảo sự thống nhất giữa tính Đảng và tính khoa học cần quán triệt các nội dung sau đây:

Thứ nhất, nắm vững các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Việc nắm vững các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản

Việt Nam trong nghiên cứu và giảng dạy là vô cùng cần thiết. Trên cơ sở nền tảng lý luận này, sẽ giúp cho việc nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm Hồ Chí Minh đạt được mục tiêu là tìm ra được các nội dung, giá trị và ý nghĩa của tác phẩm một cách khách quan và khoa học.

Thứ hai, đánh giá đúng giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trên cơ sở khách quan, khi phân tích và lý giải, đánh giá các tác phẩm Hồ Chí Minh, cần làm rõ giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nói cách khác, phải làm rõ sự tác động trở lại của tính khoa học đối với tính Đảng trong nghiên cứu và giảng dạy tác phẩm Hồ Chí Minh.

3. Đảm bảo tính thực tiễn và lý luận gắn với thực tiễn

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao hoạt động thực tiễn. Bản thân Người là một trong những nhà tư tưởng có hoạt động thực tiễn vô cùng sôi nổi và phong phú ở nhiều quốc gia, châu lục trên thế giới. Hồ Chí Minh đã kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Người coi thực tiễn chính là nguồn gốc của nhận thức, là cơ sở và tiêu chuẩn của chân lý. Do đó, Hồ Chí Minh luôn xuất phát từ thực tiễn để nhìn nhận, đánh giá và giải quyết các vấn đề của cách mạng Việt Nam.

Xuất phát từ thực tiễn, nhưng Hồ Chí Minh cũng luôn coi trọng lý luận. Trong tư duy của Người, lý luận và thực tiễn có mối quan hệ biện chứng tác động qua lại lẫn nhau.

Khi bàn về vai trò của lý luận, Hồ Chí Minh khẳng định: “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế”¹. Hồ Chí Minh nhấn mạnh khi có lý luận, chúng ta sẽ chủ động và giải quyết công việc một cách hiệu quả, ngược lại thiếu lý luận, chúng ta sẽ lúng túng, như nhắm mắt mà đi. Tuy nhiên, lý luận đó không phải là cái chủ quan của con người, mà theo Hồ Chí Minh nó phải được hình thành từ thực tiễn. Người nhấn mạnh: “Lý luận là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử”². Từ hoạt động thực tiễn, con người đã đúc rút nên những tri thức lý luận và truyền lại cho các thế hệ sau. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng nêu rõ: “*Lý luận* cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên”³. Lý luận cần phải được áp dụng vào thực tiễn để kiểm tra tính đúng đắn và khẳng định giá trị của lý luận. Ngược lại, thực tiễn phải có lý luận dẫn đường để tăng hiểu biết và tránh được bệnh chủ quan, mù quáng. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, trên hành trình tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc và trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn gắn lý luận với thực tiễn. Điều này có

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.273-274.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.11, tr.96.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.5, tr.275.

thể được chứng minh một cách sinh động trong nhiều tác phẩm của Hồ Chí Minh.

Quán triệt nguyên tắc này, trong giảng dạy tác phẩm Hồ Chí Minh theo hướng phát triển năng lực, cần lựa chọn các yếu tố thực tiễn phù hợp đưa vào giảng dạy. Đồng thời, định hướng cho người học gắn nội dung tác phẩm với hoạt động thực tiễn và vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn để thấy được giá trị của các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

4. Đảm bảo tính lịch sử - cụ thể

Di sản mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho dân tộc vô cùng phong phú với nhiều tác phẩm, bài nói và bài viết thuộc các lĩnh vực khác nhau. Tuy nhiên, gắn với mỗi giai đoạn cách mạng Việt Nam và thế giới, Hồ Chí Minh lại có những tác phẩm điển hình nhằm giải thích, tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân. Do vậy, nghiên cứu tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh phải quán triệt nguyên tắc lịch sử - cụ thể.

Bản chất của nguyên tắc lịch sử - cụ thể là luôn đặt một tác phẩm gắn với điều kiện lịch sử mà nó ra đời để đánh giá đúng đắn giá trị và ý nghĩa của tác phẩm. Với tầm nhìn xa trông rộng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thấy trước và giải quyết các yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng một cách thấu đáo. Điều đó một phần được phản ánh thông qua các tác phẩm gắn với các thời điểm lịch sử quan trọng của cách mạng Việt Nam. Người coi đây là một trong những công cụ, phương tiện quan trọng để chuyển

tại đường lối của Đảng đến quần chúng nhân dân. Chính vì thế, khi nghiên cứu tác phẩm của Người, đòi hỏi phải làm rõ được hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, đứng ở thời điểm lịch sử đó để đánh giá tác phẩm.

5. Đảm bảo tính toàn diện và hệ thống

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam. Các quan điểm đó được phản ánh trong các bài nói, bài viết và tác phẩm của Người. Vì vậy, khi nghiên cứu tác phẩm Hồ Chí Minh, cần đặt tác phẩm đó trong dòng chảy tư tưởng của cách mạng Việt Nam để thấy rõ sự phát triển tư tưởng của Người. Nói cách khác, cần đặt các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong mối quan hệ tác động qua lại với các tác phẩm hay bài nói, bài viết khác. Như vậy, mới có cái nhìn toàn diện và hệ thống về nội dung của các tác phẩm. Mặt khác, với hạt nhân cốt lõi là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đều phản ánh tư tưởng đó.

6. Đảm bảo phát huy tính tích cực của người học

Dạy học theo năng lực là tất yếu ở Việt Nam phù hợp với xu thế đổi mới giáo dục trên thế giới. Xuất phát từ mục đích của dạy học theo phát triển năng lực nhằm hình thành những năng lực cần thiết cho người học thông qua các hoạt động; do đó, người dạy chủ yếu là người tổ chức, hỗ trợ người học tự lực và tích cực lĩnh hội tri thức. Trên cơ sở đó, người học sẽ có năng lực vận dụng và giải quyết

vấn đề một cách sáng tạo để tạo ra những tri thức mới đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Khi nghiên cứu tác phẩm Hồ Chí Minh, những nội dung tri thức không phải là khô khan, khó hiểu hay trừu tượng. Với cách viết đơn giản, có trọng tâm, Hồ Chí Minh đã đề ra các nội dung phù hợp với đối tượng là quần chúng nhân dân. Chính vì thế, cần phát huy tính tích cực của người học. Nói cách khác, cần đặt người học ở vị trí trung tâm, giúp người học tự nhận thức được mình trong việc chiếm lĩnh và xây dựng tháp tri thức của bản thân. Để làm được điều đó, người dạy cần sử dụng các phương pháp dạy học tích cực để phát huy tính tích cực của người học. Chẳng hạn, khi giảng dạy tác phẩm *Đạo đức cách mạng*, xuất phát từ nội dung của tác phẩm hướng tới hình thành năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực nhận thức bản thân người dạy cần tổ chức các hoạt động mang tính trải nghiệm. Cụ thể, khi dạy về vai trò của đạo đức cách mạng, người dạy sẽ tổ chức hoạt động so sánh đạo đức cũ (đạo đức phong kiến) với đạo đức cách mạng, hoặc sử dụng mô hình cây để giúp người học nhận thức được tầm quan trọng của đạo đức cách mạng với tư cách là “gốc” của con người. Từ đó, người học sẽ tự mình thấm thấu được vai trò của đạo đức cách mạng trong việc hình thành và phát triển nhân cách. Đặc biệt, thông qua các tri thức về vai trò của đạo đức cách mạng, người học có thể vận dụng một cách sáng tạo trong xây dựng đạo đức sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

III- GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC TÁC PHẨM HỒ CHÍ MINH THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT

Cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết tinh trọn vẹn những giá trị truyền thống từ nghìn đời của dân tộc Việt Nam với sự tiếp thu, chất lọc tinh hoa giá trị văn hóa phương Đông, phương Tây, là sự hy sinh trọn vẹn cả cuộc đời cho dân, cho nước, là biểu tượng cao nhất của một tấm gương con người với vẻ ngoài giản dị, đời thường nhưng tâm vóc vô cùng vĩ đại. Mỗi tác phẩm của Người để lại cho thế hệ sau luôn ẩn chứa trí tuệ, tư duy, tình cảm, phong cách... qua mỗi hoạt động cách mạng. Nhận diện về các bài viết, tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh cần thiết phải có một phong văn hóa rộng và có “độ chín” về năng lực và phẩm chất. Do đó, để có thể nâng cao được chất lượng dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hiện nay theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/3/2013 của Ban Chấp hành Trung ương, đồng thời khắc phục những hạn chế đang tồn tại của thực trạng dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh trong nhà trường sư phạm, mỗi cán bộ, giảng viên và các cấp quản lý cần thực hiện đồng bộ các định hướng, giải pháp sau:

Một là, dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh phải dựa trên tác phẩm, tư liệu gốc do Hồ Chí Minh biên soạn kết hợp với các thành tựu khoa học nghiên cứu về Hồ Chí Minh từ góc nhìn phương pháp luận tác phẩm. Muốn nghiên cứu

về Hồ Chí Minh “trước hết phải xuất phát từ văn kiện, tác phẩm của Người. Nếu chỉ căn cứ vào sự thông hiểu của người đọc, thì như trên đã nói, đối với các mệnh đề kinh điển, mỗi người có thể hiểu khác nhau, thậm chí rất xa nhau. Vì vậy, để không rơi vào gán ghép tùy tiện, thêu dệt chủ quan thì phải bám vào vật liệu khách quan, vào ngôn ngữ của văn bản đã biểu đạt cái tư tưởng vốn có của vĩ nhân. Đây là nguyên tắc đầu tiên, trước nhất, tuy không phải là duy nhất”¹.

Hai là, phải đổi mới nhận thức về mục tiêu của môn học, kích thích tâm lý thích học, muốn học và nghiên cứu về tác phẩm Hồ Chí Minh trong sinh viên chuyên ngành. Đổi mới việc xác định mục tiêu môn học phải tuân thủ theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học thay vì chỉ đơn thuần cung cấp kiến thức, kỹ năng một cách cơ học như giai đoạn trước đây. Cụ thể trong dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh, những năng lực sẽ được hình thành đó là: năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự học và sáng tạo, năng lực làm việc nhóm, năng lực tư duy phản biện, năng lực vận dụng thực tiễn... Về mặt phẩm chất, mỗi tác phẩm của Hồ Chí Minh đều toát lên sức lan tỏa về phẩm chất của Người là tấm gương đạo đức, tình yêu thương con người, sống có tình có nghĩa, về cách ứng xử một cách hài hòa, biết

1. Song Thành (Chủ biên): *Một số vấn đề phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.97.

sống yêu thương và sống có trách nhiệm trong học tập, công việc và cuộc sống.

Ba là, phải đổi mới nội dung của môn học, đảm bảo tính toàn diện, đa dạng chủ đề khi tìm hiểu tác phẩm Hồ Chí Minh. Đổi mới và phát triển nội dung chương trình cần thiết phải gắn với việc lựa chọn tác phẩm điển hình theo từng chủ đề về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về xây dựng hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc các cấp); về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới; về quân sự và chủ quyền lãnh thổ; về ngoại giao... Mỗi tác phẩm theo chủ đề sẽ góp phần giúp sinh viên có được phương pháp luận tiếp cận nội dung tác phẩm của Hồ Chí Minh và vận dụng vào nhận thức các vấn đề của đất nước và nhân loại trong giai đoạn đổi mới và hội nhập hiện nay.

Bốn là, phải đổi mới phương pháp dạy học môn học. Giáo dục đại học Việt Nam, trong đó có giáo dục đại học ở các nhà trường sư phạm, đang trong quá trình đổi mới, hội nhập với khu vực và thế giới. Tuy là một khoa học đặc thù, vừa mang tính chất giáo dục lý luận, giáo dục chính trị, tư tưởng, vừa mang tính chất đào tạo các giảng viên, giáo viên giảng dạy các môn khoa học lý luận chính trị, song để nâng cao chất lượng dạy học, tăng sự hứng thú của người học, vấn đề đổi mới phương pháp dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh càng trở nên cần thiết. Các phương pháp dạy học tích cực trong dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh cho sinh viên bao gồm:

- Phương pháp thuyết trình theo hướng tích cực hóa hoạt động của sinh viên;
- Phương pháp thảo luận nhóm;
- Phương pháp tự học;
- Phương pháp trò chơi;
- Phương pháp sử dụng các kỹ thuật dạy học hiện đại.

Tất nhiên, không có một phương pháp dạy học nào là vạn năng, do đó trong quá trình thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh, giảng viên cần phối hợp nhuần nhuyễn các phương pháp dạy học. Bên cạnh các phương pháp dạy học cơ bản như thuyết trình, thảo luận nhóm, cần bổ sung các kỹ thuật dạy học tích cực, kích thích sự tò mò, hứng thú của sinh viên như sử dụng câu hỏi tình huống có vấn đề; kỹ thuật “trạm”; phương pháp động não và kỹ thuật KWLH; phương pháp WebQuest; kỹ thuật khăn trải bàn; kỹ thuật XYZ; sơ đồ tư duy. Để các kỹ thuật và biện pháp này kết hợp có hiệu quả trong dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh cho sinh viên thì giảng viên cần nắm vững ưu, nhược điểm của các phương pháp, kỹ thuật dạy học, thực hiện công tác chuẩn bị thật sự kỹ lưỡng để đảm bảo mang đến một giờ giảng hấp dẫn, hiệu quả.

Đối với sinh viên, để có thể tham gia vào hoạt động học tập tác phẩm có hiệu quả thì sự chuẩn bị tốt các bước trước, trong và sau hoạt động trên lớp cũng cần tuân thủ quy trình sau:

Bước 1: Tìm tư liệu đảm bảo độ tin cậy, chính thống. Với các sinh viên có phương pháp nghiên cứu văn bản học,

có thể tìm đến bảo tàng Hồ Chí Minh, Trung tâm Lưu trữ quốc gia để tiếp cận với các tư liệu gốc là các tác phẩm viết tay hoặc đánh máy của Hồ Chí Minh.

Bước 2: Đọc toàn văn tác phẩm lần thứ nhất để xác định bố cục tác phẩm, nội dung cơ bản. Một lưu ý rằng trong lần thứ nhất, người học tuyệt đối chỉ tìm hiểu nội dung dựa trên chính câu từ trong tác phẩm chứ không tham khảo bất kỳ một tư liệu nghiên cứu nào.

Bước 3: Đọc tác phẩm lần thứ hai, kết hợp với tham khảo các công trình nghiên cứu đi trước và thiết kế các vấn đề xoay quanh tác phẩm, bao gồm:

- Hoàn cảnh ra đời tác phẩm;
- Bố cục tác phẩm;
- Phân tích các nội dung cơ bản của tác phẩm, có minh chứng kèm theo;
- Đánh giá: Ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

Bước 4: Tổ chức các hoạt động dưới hình thức phù hợp nhằm báo cáo sản phẩm chuẩn bị trước giảng viên và tập thể lớp.

Bước 5: Giảng viên tổng kết, đánh giá và nhấn mạnh lại các vấn đề cốt lõi của tác phẩm, lập bảng thống kê ý nghĩa của việc tìm hiểu tác phẩm đối với việc nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với giảng dạy các chương bài trong chương trình tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên đại học, cao đẳng.

Năm là, phải đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá học phần. Do đây là môn học với đặc thù là nghiên cứu, tìm

hiểu tác phẩm của Hồ Chí Minh nên vấn đề kiểm tra đánh giá có thể lựa chọn một trong hai hình thức: *thứ nhất*, bài kiểm tra cuối học phần bao gồm cả câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi tự luận; *thứ hai*, đánh giá thông qua bài tiểu luận dưới hình thức lựa chọn, phân tích tác phẩm Hồ Chí Minh theo chủ đề như tác phẩm Hồ Chí Minh về “vấn đề chủ quyền lãnh thổ”, về “tâm vóc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917”... và vận dụng để nhận diện các vấn đề thời sự, chính trị, xã hội, văn hóa của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Như vậy, việc đề xuất các hướng giải pháp mang tính toàn diện và đồng bộ sẽ góp phần khẳng định hơn nữa giá trị và sức sống trường tồn của các tác phẩm, bài viết do Chủ tịch Hồ Chí Minh biên soạn trong lòng nhân dân thế giới, nhân dân Việt Nam, thế hệ thanh niên Việt Nam. Trên cơ sở đó “tạo lập một khung định hướng, hệ thống, trình tự các vấn đề và gợi mở những điểm cốt yếu nhất để nâng cao hơn nữa chất lượng học tập các chương trình lý luận chính trị”¹ thuộc khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường đại học, cao đẳng.

1. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Hướng dẫn thực hiện các chuyên đề giáo dục lý luận chính trị*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, tr.6.

Phần thứ hai

GIỚI THIỆU MỘT SỐ TÁC PHẨM TIÊU BIỂU CỦA HỒ CHÍ MINH

BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP (1925)

A. MỤC TIÊU

- *Về phẩm chất:* Qua việc tìm hiểu hoàn cảnh và nội dung tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* giúp người học hình thành thái độ phản đối chiến tranh xâm lược; cảm thông sâu sắc với số phận của người dân trong lịch sử, trân trọng những thành quả cách mạng mà cha ông ta đã đấu tranh giành được.

- *Về năng lực:*

Giúp người học hiểu được hoàn cảnh ra đời và bố cục tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*.

Giúp người học hiểu được quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam và các thuộc địa khác trên thế giới; số phận đau khổ của nhân dân Việt Nam và nhân dân ở các thuộc địa trên thế giới trong quá trình thực dân Pháp khai thác thuộc địa trong Chiến tranh

thế giới thứ nhất; con đường đấu tranh giải phóng dân tộc của Việt Nam và các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Giúp người học hiểu được giá trị lịch sử và ý nghĩa hiện thời của tác phẩm.

B. NỘI DUNG

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ BỐ CỤC CỦA TÁC PHẨM

1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

a) Bối cảnh lịch sử thế giới

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền. Lúc này, để phát triển kinh tế, các nước tư bản xuất hiện yêu cầu cấp thiết về thị trường. Đây chính là nguyên nhân sâu xa để các nước tư bản tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược. Từ đó, biến các nước thuộc địa thành thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, mua bán nguyên vật liệu, khai thác sức lao động và xuất khẩu tư bản của các nước đế quốc. Quá trình đó khiến các nước thuộc địa bị lôi cuốn vào con đường tư bản thực dân.

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Không chỉ vậy, các dân tộc thuộc địa của đế quốc Nga cũng được giải phóng và được hưởng quyền dân tộc tự quyết, kể cả quyền phân lập, hình thành nên các quốc gia

độc lập và quyền liên hợp, dẫn đến sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết (năm 1922). Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã nêu tấm gương sáng về sự giải phóng dân tộc bị áp bức và “mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc”¹. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 làm cho phong trào cách mạng vô sản ở các nước tư bản và phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa phương Đông có quan hệ mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Tháng 3/1919, Quốc tế Cộng sản được thành lập. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản, trên thế giới nhiều đảng cộng sản đã được thành lập. Năm 1920, tại Đại hội II của Quốc tế Cộng sản, *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin được công bố. Trong *Luận cương*, V.I. Lênin chỉ ra phương hướng đấu tranh giải phóng các dân tộc bị áp bức. Tình hình thế giới đầy biến động đó đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến Việt Nam.

b) Bối cảnh trong nước

Vào cuối thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp đặt xong bộ máy cai trị ở Việt Nam, chúng bắt tay vào công cuộc khai thác nước ta với quy mô lớn. Do sự du nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tình hình kinh tế Việt Nam có

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.562.

sự biến đổi: quan hệ kinh tế nông thôn bị phá vỡ, hình thành nên những đô thị mới, những trung tâm kinh tế và tụ điểm cư dân mới. Tuy nhiên, chính quyền thực dân Pháp không du nhập một cách hoàn chỉnh phương thức tư bản chủ nghĩa vào nước ta, mà vẫn duy trì quan hệ kinh tế phong kiến. Vì thế, nền kinh tế Việt Nam bị kìm hãm trong vòng lạc hậu và phụ thuộc nặng nề vào kinh tế Pháp.

Về chính trị, thực dân Pháp thi hành chính sách chuyên chế với bộ máy đàn áp nặng nề. Mọi quyền hành đều tập trung trong tay các viên quan cai trị người Pháp, từ toàn quyền Đông Dương, thống đốc Nam Kỳ, khâm sứ Trung Kỳ, thống sứ Bắc Kỳ, công sứ các tỉnh, đến các bộ máy quân đội, cảnh sát, tòa án...; biến vua quan Nam triều thành bù nhìn, tay sai. Chúng bóp nghẹt quyền tự do, dân chủ, thẳng tay đàn áp, khủng bố, dìm các cuộc đấu tranh của dân ta trong biển máu. Chúng tiếp tục thi hành chính sách “chia để trị” rất thâm độc, chia nước ta thành ba kỳ, mỗi kỳ đặt một chế độ cai trị riêng và nhập ba kỳ đó với nước Lào và nước Campuchia để lập ra Liên bang Đông Dương thuộc Pháp, xóa tên nước ta trên bản đồ thế giới. Chúng gây chia rẽ và thù hận giữa Bắc, Trung, Nam, giữa các tôn giáo, các dân tộc, các địa phương, thậm chí giữa các dòng họ; giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương.

Về văn hóa, chúng thi hành triệt để chính sách văn hóa nô dịch, gây tâm lý tự ti, vong bản, khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, đồi phong bại tục. Mọi hoạt

động yêu nước của nhân dân ta đều bị cấm đoán. Chúng tìm mọi cách bưng bít và ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hóa tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam và thi hành chính sách ngu dân để dễ bề thống trị.

Về xã hội, các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình xã hội Việt Nam. Lúc bấy giờ, xã hội Việt Nam tồn tại những giai cấp cơ bản: địa chủ phong kiến, nông dân, tiểu tư sản, tư sản và công nhân. Mặc dù những giai cấp này có những mâu thuẫn đối lập nhau nhưng cùng chung mục đích là chống thực dân Pháp, giành độc lập cho dân tộc. Các phong trào yêu nước diễn ra rất sôi nổi theo nhiều khuynh hướng khác nhau. Tuy nhiên, do hạn chế của những điều kiện lịch sử, các phong trào yêu nước lần lượt thất bại vì chưa có đường lối đúng. Ách áp bức của kẻ thù càng thêm nặng, nỗi thống khổ của nhân dân càng thêm chồng chất, tiền đồ của dân tộc vẫn mờ mịt.

Như vậy, lịch sử lúc này đặt ra là phải tìm ra một con đường đúng đắn nhất cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nguyễn Tất Thành - người thanh niên giàu lòng yêu nước đã ra đi tìm đường cứu nước.

Từ năm 1919, Nguyễn Tất Thành đã đi đến nhiều quốc gia, đặc biệt Người đã dừng chân khá lâu ở *ba nước đế quốc lớn nhất thời đó là Mỹ, Anh và Pháp*. Qua đó, Người đã nhận biết diện mạo của kẻ thù sâu sắc hơn, khái quát hơn: ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác; ở đâu những người lao động cũng bị bóc lột, áp bức nặng nề và dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có

hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Từ đó, Người quyết tâm tìm con đường giải phóng mà Người đã từng nung nấu, ấp ủ từ ngày rời Tổ quốc.

Tại Thủ đô Paris của nước Pháp, Nguyễn Tất Thành đã hăng hái tham gia vào hoạt động chính trị. Người cùng với Phan Văn Trường, Phan Chu Trinh lập ra *Hội những người yêu nước Việt Nam*, nhằm đưa phong trào yêu nước của Việt kiều ở Pháp đi theo một hướng tích cực. Ngày 18/6/1919, Người đã gửi tới Hội nghị Hòa bình Versailles bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gồm tám điểm và được viết bằng tiếng Pháp (*Revendications du peuple annamite*), ký tên Nguyễn Ái Quốc đòi chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Cùng ngày, bản yêu sách đó xuất hiện trên tờ báo *Nhân đạo* - Cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp, dưới nhan đề: *Quyền của các dân tộc*. Bản *Yêu sách* còn được Nguyễn Ái Quốc dịch ra chữ Hán và chuyển thành một bài diễn ca tiếng quốc ngữ. Bản *Yêu sách* được in dưới dạng truyền đơn gửi tới các tòa báo, phân phát trong các buổi mítting, cuộc họp ở nhiều tỉnh nước Pháp và bí mật gửi về Việt Nam qua con đường thủy thủ và khách về nước. Với bản *Yêu sách*, Nguyễn Ái Quốc đã gây tiếng vang lớn không những trong dư luận xã hội nước Pháp mà còn tạo nên bước chuyển mới trong phong trào giải phóng dân tộc. Chính quyền Pháp đã lập cơ quan chuyên trách theo dõi những hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và Việt kiều yêu nước để áp dụng những biện pháp ngăn chặn.

Báo *Nhân đạo* (L'Humanité), cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp đã đăng toàn văn *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin trong trang đầu của số ra ngày 16 và ngày 17/7/1920. Bản *Luận cương* đã ngay lập tức thu hút sự chú ý đặc biệt của Nguyễn Ái Quốc. Người tham dự Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp tại Tours với tư cách là đại biểu Đông Dương, trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp. Từ đó, Nguyễn Ái Quốc hoạt động nỗ lực và sôi nổi trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Hoạt động trong các tổ chức cách mạng và trong Hội Liên hiệp thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc đã viết nhiều sách báo tấn công vào chủ nghĩa đế quốc, kêu gọi, thúc tỉnh quần chúng ở các nước thuộc địa đấu tranh. Đây cũng là thời kỳ Nguyễn Ái Quốc viết tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (tiếng Pháp: *Le Procès de la colonisation française*). Đây là một tác phẩm chính luận viết bằng tiếng Pháp và được xuất bản đầu tiên vào năm 1925 tại Pháp trên một tờ báo *Imprékor* của Quốc tế Cộng sản.

2. Bố cục của tác phẩm

Tác phẩm gồm 12 chương và phần phụ lục. Cụ thể:

Chương I: Thuế máu

Chương II: Việc đầu độc người bản xứ

Chương III: Các quan thống đốc

Chương IV: Các quan cai trị nước ta

Chương V: Những nhà khai hóa

Chương VI: Tệ tham nhũng trong bộ máy cai trị
Chương VII: Bóc lột người bản xứ
Chương VIII: Công lý
Chương IX: Chính sách ngu dân, hại nước
Chương X: Chủ nghĩa giáo hội
Chương XI: Nỗi khổ nhục của người phụ nữ bản xứ
Chương XII: Nô lệ thức tỉnh
Phụ lục: Gửi thanh niên Việt Nam

II- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1. Tác phẩm tố cáo tội ác của thực dân Pháp trong quá trình khai thác thuộc địa

Bản án chế độ thực dân Pháp trước hết là một bản cáo trạng. Tác phẩm tố cáo tội ác của thực dân Pháp ở Việt Nam và trên khắp các thuộc địa của Pháp: Angiêri, Tuynidi, Tây Phi... Bằng lý lẽ đanh thép, Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần bản chất bóc lột, tàn ác, dã man, phản động của chủ nghĩa thực dân thông qua những luận điểm cơ bản sau:

a) *Chính quyền thực dân hành xử bất chấp luật pháp ở Việt Nam và các nước thuộc địa*

Sau khi đã đặt ách thống trị Việt Nam, quá trình “khai hóa văn minh” của thực dân Pháp được thể hiện ở chỗ, họ đã không áp dụng những thành tựu của cuộc Cách mạng tư sản Pháp năm 1789 để thủ tiêu chế độ phong kiến chuyên chế đã lỗi thời, thay bằng một chế độ chính

trị mới tiến bộ hơn, được soi chiếu bởi tư tưởng của những nhà khai sáng dân chủ tư sản; trái lại, những “nhà khai hóa” lại duy trì chế độ phong kiến làm tay sai cho bộ máy thống trị thực dân. Đặc biệt, thực dân Pháp thi hành ở Việt Nam chính sách, pháp luật hết sức phản động, phân biệt đối xử giữa người da trắng và người bản địa. Về vấn đề này, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: “Về hành chính và pháp lý: cả một vực thẳm cách biệt người Âu với người bản xứ. Người Âu hưởng mọi tự do và ngự trị như người chủ tuyệt đối; còn người bản xứ thì bị bịt mõm và bị buộc dây dắt đi, chỉ có quyền phải phục tùng, không được kêu ca; vì nếu anh ta dám phản đối thì anh ta liền bị tuyên bố là kẻ phản nghịch hoặc là một tên cách mạng, và bị đối xử đúng với tội trạng ấy”¹.

Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc đã nêu đại diện cho chính quyền Pháp là những quan toàn quyền, thống sứ, quan đầu tỉnh, đầu huyện, quan tòa, mật vụ, những sĩ quan và binh lính. Ở chính quốc, họ thuộc nhiều tầng lớp khác nhau; họ có thể xuất thân từ dòng dõi hoàng gia, thân tộc, hoặc từ tầng lớp bình dân, thậm chí là “cặn bã” xã hội. Nhưng khi họ được chính quyền thực dân đưa sang thuộc địa, họ trở thành lớp người thượng đẳng, nhà khai hóa: “Ở thuộc địa, hễ có màu da trắng là quý phái, là thuộc chủng tộc thượng đẳng”². Họ có quyền sinh,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.11.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.60.

quyền sát, quyền áp bức, bóc lột, quyền đánh đập, nhục mạ người dân thuộc địa. Nhiều quan cai trị thực dân bắt giết người mà không cần chứng cứ, không cần xét xử. Nguyễn Ái Quốc đã dẫn hàng loạt những chứng cứ. Ví dụ, ông Đác-lơ đã đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên. Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần tội ác của ông như sau:

“Chính vì sự lạm quyền của ông Đác-lơ mà cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Tòa án Sài Gòn cũng đã xác định tội của ông ta ngay từ năm 1917.

Thế nhưng, có ai ngờ rằng ông Đác-lơ không hề bị một sự trừng phạt nào về mặt hành chính cả. Trái lại, ông ta lại được cử làm Ủy viên Hội đồng thành phố Sài Gòn. Còn sự trừng phạt về mặt tư pháp thì thật là đáng buồn cười: nộp vền vền có 200 phrăng tiền phạt!

Cái ông Đác-lơ ấy quả là một nhà cai trị có tài. Khoa cai trị của ông ta, ông ta đã học được ở khu phố latinh khi ông còn là một anh hàng cháo.

Lúc ấy, ông Đác-lơ không có một xu dính túi và mắc nợ như chúa chổm. Nhưng nhờ một chính khách có thế lực, ông ta được bổ nhiệm làm quan cai trị ở Đông Dương.

Chễm chệ đứng đầu một tỉnh có hàng vạn dân, và được giao cho quyền hành tuyệt đối, ông ta vừa là Tỉnh trưởng, vừa là Thị trưởng, vừa là quan tòa, vừa là mô tòa, vừa là người đốc thuế; tóm lại, ông ta nắm trong tay tất cả mọi quyền hành: Tòa án, thuế khóa, điền thổ, tính mạng và tài sản của người bản xứ, quyền lợi của viên chức, việc bầu cử lý trưởng và chánh tổng, tức là vận mạng của cả một tỉnh được đặt vào tay cái anh hàng cháo ngày xưa ấy.

Ở Pari, không làm giàu nổi bằng cách bóc lột khách hàng, sang Bắc Kỳ ông ta gỡ gạc lại bằng cách bắt bớ, giam cầm, xử tội người An Nam một cách độc đoán, để bòn rút họ.

Đây là một vài việc làm rạn vỡ thời thống trị độc tài của vị quan cai trị dễ thương ấy mà nước mẹ cộng hòa đã có nhã ý gửi sang để khai hóa cho chúng tôi”¹.

Từ cách hành xử bất chấp luật pháp của những quan toàn quyền, nhà khai hóa, Nguyễn Ái Quốc kết luận: “Khi người ta có màu da trắng thì nghiêm nhiên người ta là một nhà khai hóa. Mà khi người ta đã là một khai hóa thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất”².

b) Chính quyền thực dân thi hành chế độ bắt lính thuộc địa tham gia chiến tranh thế giới; các thủ đoạn bóc lột về kinh tế, đàn áp về chính trị, ngu dân về văn hóa, và sự tiếp tay của giáo hội

Nghiên cứu chế độ thực dân của Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã khảo sát từng mặt, từng bộ phận của chế độ dã man đó. Cấu trúc tác phẩm gồm 12 chương, trong đó Nguyễn Ái Quốc tập trung phân tích việc bắt lính thuộc địa tham gia chiến tranh thế giới; các thủ đoạn bóc lột về kinh tế, đàn áp về chính trị, ngu dân về văn hóa, và sự tiếp tay của giáo hội.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.54-55.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.63.

- *Chế độ bắt lính thuộc địa tham gia chiến tranh thế giới*

Ở Chương I của tác phẩm, Nguyễn Ái Quốc đặt nhan đề “*Thuế máu*”. Theo Hồ Chí Minh, thuế máu là thứ thuế tàn nhẫn, ghê gớm nhất của chủ nghĩa thực dân thời bấy giờ. Bên cạnh đó, Nguyễn Ái Quốc cũng bày tỏ thái độ mỉa mai, sự phẫn nộ và châm biếm về tội ác của chính quyền thực dân.

Trước chiến tranh, những người bản xứ vốn chỉ là những tên da đen bẩn thỉu, những kẻ tầm thường hay những tên “Annamít. Họ bị bọn đế quốc thực dân khinh thường là chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị cấp cao hơn. Nhưng khi chiến tranh đã bùng nổ, thì những người bản xứ được ví với chức vụ cao hơn như: những đứa “con yêu”, những người “bạn hiền lành” và thậm chí là “chiến sĩ bảo vệ công lý và tự do”¹. Những người dân hiền lành, không biết gì về chiến tranh phải rời xa vợ con, sẵn sàng hy sinh thân mình. Về vấn đề này, Nguyễn Ái Quốc đã nêu ra những số liệu cụ thể như sau: “Tổng cộng có 700.000 người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, 80.000 người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa!”². Chính quyền thực dân đã bắt buộc những người đói nghèo, khốn khổ ra chiến trường vì lợi ích của chính họ. Những người dân khốn khổ ấy đã hy sinh một cách bất công và không được hưởng một chút gì mà gọi là vui sướng.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.25, 26.

Nguyễn Ái Quốc gọi “Chế độ lính tình nguyện” một cách giễu cợt mỉa mai nhằm che giấu sự thật hoàn toàn ngược lại bên trong: “Ấy thế mà trong một bản bố cáo với những người bị bắt lính, Phủ Toàn quyền Đông Dương, sau khi hứa hẹn ban phẩm hàm cho những lính sẽ còn sống sót và truy tặng những người sẽ hy sinh “cho Tổ quốc”, đã trình trọng tuyên bố rằng:

“Các bạn đã *tấp nập* đầu quân, các bạn đã *không ngần ngại* rời bỏ quê hương xiết bao triu mến để người thì hiến dâng xương máu của mình như lính khố đỏ, kẻ thì hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ”.

Nếu quả thật người An Nam phấn khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lỵ, tốp thì trước khi xuống tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hòa và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sôi sảng đầu quân “tấp nập” và “không ngần ngại”?

“Những vụ trốn đi lính và đào ngũ (tính ra có đến 50 phần trăm trong hàng ngũ quân dự bị) đều bị đàn áp không gớm tay và những cuộc đàn áp lại gây ra những cuộc binh biến bị dìm trong biển máu”¹.

Như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần bản chất chế độ lính tình nguyện của chính quyền thực dân là một sự

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.27-28.

gian dối không có lương tâm nhằm lừa bịp dư luận. Vì vậy, chính sự gian dối đó không chỉ xúc phạm ghê gớm đến tính mạng của người dân thuộc địa mà còn xúc phạm đến danh dự của họ.

Về “Kết quả của sự hy sinh”, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ những gì để lại của cuộc chiến tranh không phải là sự yên lặng của bom súng khi “đã ngấy thối đen, thối vàng rồi” mà là sự yên lặng của các quan cai trị cấp cao. “Khi đại bác đã ngấy thối đen, thối vàng rồi, thì những lời tuyên bố tình tứ của các ngài cầm quyền nhà ta bỗng dưng im bật như có phép lạ, và cả người Nêgrô lẫn người “Annamít” mặc nhiên trở lại “giống người bản thổ”¹. Ở Biên Hòa và Sài Gòn, chính quyền thực dân còn tổ chức ngày hội quyên góp để lấy tiền “xây dựng đài kỷ niệm người An Nam trận vong”, mở chợ phiên, khiêu vũ, chiếu phim mừng ngày 11 tháng 11 - ngày “chiến thắng” và “chính nghĩa” đã gây ra cảnh các ông bà chủ đánh đập những người dân hiền lành, trong đó có cả trẻ em một cách tàn bạo. Đó là một sự tước đoạt trắng trợn tất cả những gì mà người dân bản xứ mua được sau khi đóng thuế máu trong cuộc chiến tranh. Như vậy, Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa và những thủ đoạn tàn bạo của thực dân Pháp trong việc dùng người dân thuộc địa làm vật hy sinh trong các cuộc chiến tranh thảm khốc để mang lại quyền lợi cho nước Pháp.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.32.

Chúng đã lợi dụng xương máu của những con người nghèo khổ, đáng thương để làm giàu, đó chính là một trong những tội ác ghê gớm nhất của chủ nghĩa thực dân.

Đoạn cuối cùng của chương “Thuế máu” nói về “hành vi quân phiệt tiếp diễn”. Nguyễn Ái Quốc tiếp tục phản ánh tình hình binh sĩ các nước thuộc địa bị đối xử tàn tệ, bị xua đi tham gia các cuộc bình định ở xứ Maroc, ở Xiri, tiếp tục đổ máu, tiếp tục bị đối xử tàn bạo bằng “đá dít hoặc roi vọt”, giết chết họ bằng đầu độc vô có...

Trong chương “Thuế máu”, trình tự và cách đặt tên các phần cũng hàm ý bóc trần các chính sách lừa bịp để bóc lột người dân thuộc địa đến tận xương tủy của chính quyền thực dân. Từ “Chiến tranh và người bản xứ” đến “Chế độ lính tình nguyện”, “Kết quả của sự hy sinh” và “Hành vi quân phiệt tiếp diễn”. Các phần đó được sắp xếp theo trình tự thời gian trước, trong và sau khi xảy ra Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918). Với cách sắp xếp này, bộ mặt thật và bản chất độc ác của chính quyền thực dân Pháp cùng với việc bóc lột xương máu được phơi bày toàn diện, triệt để. Ngoài ra, thân phận thảm thương của người dân nô lệ các xứ thuộc địa cũng được phản ánh một cách rất chân thực và hết sức sinh động.

- Thủ đoạn bóc lột về kinh tế

Nhằm vơ vét tài nguyên, khoáng sản, làm giàu cho chính quốc, thực dân Pháp đã đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa, đỉnh cao là cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) và lần thứ hai (1919 - 1929), làm

khánh kiệt tài nguyên của đất nước. Cùng với đó, hệ thống giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy, cảng biển...) phục vụ cho việc khai thác thuộc địa được mở mang; một số công trình dân sinh phục vụ cho nhu cầu của giới thực dân được xây dựng, chứ không nhằm đem lại cuộc sống tốt đẹp cho người dân bản xứ.

Trong chương VII “Bóc lột người bản xứ”, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra chính quyền thực dân đã giáng vào người bản xứ nào sưu thuế “nặng oằn lưng”, nào công trái, nào phu phen tạp dịch: “Từ năm 1890 đến năm 1896, thuế trực thu tăng gấp đôi; từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi. Làng nào bị tăng thuế cũng cắn răng mà chịu; hỏi còn biết kêu vào đâu? Được thế các ngài Công sứ càng làm già. Nhiều người Pháp coi việc các làng ngoan ngoãn đóng thuế như vậy là một bằng chứng rõ ràng rằng mức thuế không có gì là quá đáng!”¹. Hậu quả của chính sách thuế khiến cho đời sống của người dân trở nên cùng khổ. Nạn đói diễn ra triền miên ở Việt Nam và trên các thuộc địa khác của Pháp “Angiêri đau khổ vì nạn đói. Tuynidi cũng bị tàn phá vì nạn đói”².

Nguyễn Ái Quốc còn vạch trần thực chất “công cuộc khai hóa văn minh” của chủ nghĩa thực dân khi chỉ ra rằng, chính quyền thực dân Pháp đã không những không thủ tiêu chế độ ruộng đất phong kiến, mà còn tiếp tay, dung dưỡng cho nhiều tên địa chủ thực dân và địa chủ tay

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.81-82, 92.

sai cướp đoạt ruộng đất của các làng xã, của người nông dân và duy trì phương thức kinh doanh phát canh thu tô lạc hậu, nhưng lại rất an toàn. Trên thực tế, có những tên tư bản sau khi sang Đông Dương và Việt Nam đã biến thành những tên địa chủ theo đúng nghĩa. Đó là “công lao” quay ngược bánh xe lịch sử tiến hóa. Do đó, nền kinh tế Việt Nam thời thực dân thực tế vẫn là một nền kinh tế lạc hậu, què quặt và để lại di chứng lâu dài đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam sau này.

- Đàn áp về chính trị

Chính quyền thực dân Pháp đã ra luật lệ hà khắc, cho phép các nhà cầm quyền phạt vạ, tống tù và kèm theo thẩm sát đẫm máu những phong trào yêu nước của nhân dân ta. Nguyễn Ái Quốc đã lược kể một số nhân vật, một số phong trào yêu nước của ta bị thực dân Pháp đàn áp:

Chính quyền thực dân Pháp thẳng tay chém giết những người Việt Nam yêu nước dám đứng lên chống lại sự thống trị tàn bạo của chúng; tẩm các cuộc khởi nghĩa, các phong trào đấu tranh yêu nước trong biển máu. Các nhà tù khổ sai ở Guyan, Tân Calêđôni, Côn Đảo... đều đầy ắp tù chính trị người bản xứ sau những cuộc đàn áp.

Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra: “Muốn dập tắt sự kháng cự, người ta không thấy có cách nào khác hơn là phó thác việc “bình định” cho lũ phản bội bán nước. Và người ta duy trì ở vùng đồng bằng Bắc Kỳ, ở Bình Thuận, ở Nghệ Tĩnh

những đội quân càn quét hung hãn mà hình ảnh ghê tởm sẽ không bao giờ phai mờ trong trí nhớ”¹.

- *Thi hành chính sách ngu dân về văn hóa*

Để nô dịch, đầu độc, bóc lột dân ta, chính quyền thuộc địa đã áp dụng chính sách độc quyền, khuyến khích tiêu thụ rượu, thuốc phiện. “Lúc ấy, cứ một nghìn làng thì có đến một nghìn năm trăm đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số một nghìn làng đó lại chỉ có vắn vẹn mười trường học”². Từ năm 1900 đến năm 1910, chính quyền thuộc địa thu về 45 triệu tiền lời từ rượu. Đồng thời, sử dụng nhiều biện pháp khuyến khích, ép buộc người dân sử dụng thuốc phiện. Chế độ đó đã làm hại giống nòi Việt Nam nhưng đem lại nguồn thu không nhỏ cho những tên thực dân. Trong thời kỳ 1900 - 1907, ngân sách thu được từ thuốc phiện là 54 triệu đồng, bình quân mỗi năm Đông Dương thu được xấp xỉ 6,8 triệu đồng và năm 1911 thu về là 9 triệu đồng. Mặc dù chính quyền thực dân Pháp có mở một số trường dạy chữ, dạy nghề, nhưng không phải vì mục tiêu nâng cao dân trí, mà chủ yếu nhằm đào tạo ra một đội ngũ người Việt có thể giúp việc đắc lực cho khai thác, bóc lột và duy trì lâu dài nền thống trị thuộc địa của mình. Điều này được Hồ Chí Minh dẫn ý kiến của ngay chính những người Pháp có “tâm địa thực dân” về nền giáo dục ở Đông Dương và Việt Nam: “Truyền học vấn cho bọn Annamít hoặc cho phép chúng tự chúng

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.105, 40.

có học vấn, tức là một mặt cung cấp cho chúng những súng bắn nhanh để chống chúng ta, và mặt khác đào tạo những con chó thông thái gây rắc rối hơn là có ích...”¹, hoặc “Chúng ta chỉ cần dạy tiếng Pháp cho người An Nam, dạy cho họ biết đọc, biết tính toán chút ít thôi; biết hơn nữa chỉ là thừa vô ích”². Với mục đích hạn chế thanh thiếu niên Việt Nam đến trường, chính quyền thực dân quy định, hệ tiểu học gồm 5 lớp từ thấp đến cao, học sinh phải thi lấy bằng Sơ học yếu lược sau khi học được ba năm và phải học bằng tiếng Pháp ở hai năm cuối. Các quy định khắt khe đó đã khiến nhiều học sinh nông thôn bỏ học, nên tình trạng mù chữ vẫn là phổ biến trong dân chúng. Theo thống kê năm 1914, bình quân cả ba xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ chỉ có 20% số trẻ em đến tuổi đi học được đến trường, 80% trẻ em Việt Nam bị thất học.

Việc giảng dạy được thực hiện bằng tiếng Pháp và chương trình mang tính nhồi sọ, nô dịch và ngu dân, làm sai lệch lịch sử dân tộc Việt Nam, nghiêng hẳn về tuyên truyền cho nền văn hóa Pháp, phủ nhận sự tồn tại độc lập của nền văn minh bản địa, nhằm làm lạc hướng, tạo ra trong thanh thiếu niên tư tưởng lệ thuộc Pháp, khiếm sợ trước sức mạnh vật chất của chính quốc, hàm ơn đối với “công khai hóa” của chủ nghĩa thực dân và do đó sẵn lòng phục tùng Pháp, biến họ thành những kẻ mất gốc, quên đi nguồn gốc dân tộc và lịch sử nước mình. Nguyễn Ái Quốc

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.11, 424.

đã vạch trần hệ thống giáo dục của chính quyền thực dân lúc bấy giờ “ngoài mục đích giáo dục để đào tạo tùy phái, thông ngôn và viên chức nhỏ đủ số cần thiết phục vụ cho bọn xâm lược - người ta đã gieo rắc một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự dốt nát nữa, vì một nền giáo dục như vậy chỉ làm hư hỏng mất tính nết của người đi học, chỉ dạy cho họ một lòng “trung thực” giả dối, chỉ dạy cho họ biết sùng bái những kẻ mạnh hơn mình, dạy cho thanh niên yêu một Tổ quốc không phải là Tổ quốc của mình và đang áp bức mình. Nền giáo dục ấy dạy cho thanh thiếu niên khinh rẻ nguồn gốc dòng giống mình”¹. Ngay cả người Pháp cũng nhận xét về phương diện tinh thần, người Pháp không tổ chức một nền giáo dục mới thay thế cho nền giáo dục An Nam mà họ đã bỏ đi. Họ chỉ xây dựng được một ít trường học để đào tạo ra những con vẹt, những người vong bản thiếu đạo đức và thiếu cả kiến thức phổ thông. Không chỉ vậy, thực dân Pháp còn tăng cường kiểm soát các ấn phẩm, nhất là báo chí, sử dụng phương tiện văn hóa để tuyên truyền cho chủ nghĩa thực dân, công kích tư tưởng tiến bộ, phong trào cách mạng trên thế giới: “Trong những trường học cho người bản xứ, bọn Pháp dạy người như dạy con vẹt. Chúng giấu không cho người nước tôi xem sách báo. Không phải chỉ sách của các nhà văn mới, mà cả Rút-xô và Mông-texki-ơ cũng bị cấm”² vì lo sợ tư tưởng của các nhà khai sáng sẽ

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.424, 467.

tác động đến thanh niên ở các dân tộc thuộc địa. Đi cùng với chính sách ngu dân, thực dân Pháp tăng cường thực hiện chính sách đầu độc, trụy lạc đối với người dân, nhất là đối với thanh niên; nạn cờ bạc, mại dâm, mê tín, thói hư, tật xấu,... được chính quyền các cấp dung túng, cho phát triển, trở thành ung nhọt, gây nhức nhối trong xã hội Việt Nam.

- Sự tiếp tay của giáo hội

Nguyễn Ái Quốc đã phê phán gay gắt giáo hội và các tổ chức tôn giáo theo vết chân xâm lược vào đất nước ta không chỉ truyền đạo mà còn biến tôn giáo thành công cụ của thực dân để tham gia bóc lột nhân dân Việt Nam. Trong chương X “Chủ nghĩa giáo hội”, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo tội ác của các giáo sĩ thuộc Hội truyền giáo nước ngoài Paris (MEP) và sự câu kết của giáo hội với chủ nghĩa thực dân trong quá trình xâm lược Việt Nam. “Trong thời kỳ bình định, các sứ giả của Chúa cũng hoạt động chẳng kém. Hệt như bọn gian phi rình lúc mọi người đang hoảng hốt để nhảy vào hôi của sau khi nhà cháy, các nhà truyền giáo chúng ta cũng thừa lúc đất nước rối loạn sau cuộc xâm lăng để... phục vụ Chúa. Kẻ thì tiết lộ những bí mật mà con chiên đã nói ra khi xưng tội và nộp những người An Nam yêu nước cho bọn chiến thắng đem lên máy chém hay giá treo cổ. Kẻ thì tỏ đi khắp nơi để vơ vét những tín đồ bị bắt buộc phải theo đạo. Có linh mục nọ “chân đi đất, quần xắn đến hông, lưng thắt bao đạn, vai khoác súng dài, hông đeo súng ngắn, dẫn đầu một đoàn con chiên vác giáo mác và súng kíp; đó là lối vũ trang phát

triển tìn đồ của một linh mục với sự yểm hộ của quân đội chúng ta do ông ta hướng dẫn, xông vào các làng bên lương mà ông đã báo trước với các nhà cầm quyền là làng phản nghịch”¹.

Bằng những chứng cứ lịch sử không thể chối cãi, Hồ Chí Minh đã chỉ ra âm mưu của giáo hội đã lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để phục vụ cho những mưu đồ chính trị phản động và lợi ích của riêng mình “những giáo sĩ hoạt động ở Nam Kỳ hy sinh quyền lợi của nước Pháp cho những mục đích riêng tư”; “Đấy là những hành động phúc âm mà các “Cha nhà ta” nỗ lực làm hằng ngày và bao giờ cũng là nhân danh Chúa cả”². Người khẳng định, hàng giáo sĩ ở thuộc địa không những phải chịu trách nhiệm gây ra chiến tranh thuộc địa, mà còn là bọn kéo dài chiến tranh “Nếu có dân tộc nào phải nhờ ơn Chúa và các giáo sĩ, thì chính đó là dân tộc An Nam! Vì Chúa và các giáo sĩ mà dân tộc này đã sa vào tình cảnh nô lệ như ngày nay”³.

Tại Hội nghị quốc tế nông dân ở Mátxcova (tháng 10/1923), Nguyễn Ái Quốc có sử dụng mệnh đề nổi tiếng của C. Mác nói về tôn giáo để tố cáo tội ác giáo hội thực dân: ““Nhà thờ là thuốc phiện của thế giới”; nhưng chúng tôi, nhờ nên văn minh phương Tây mà chúng tôi có cả nhà thờ lẫn thuốc phiện”⁴.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.110, 113.

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.442, 229.

Nguyễn Ái Quốc đã vạch rõ bản chất kinh tế của sự câu kết giữa nhà thờ và thực dân. Người đã tố cáo những thủ đoạn vơ vét ruộng đất của giáo hội ở Nam Kỳ cũng như ở Campuchia. Sau khi cướp hết những ruộng đất màu mỡ, giáo hội đánh vào ruộng đất cằn cỗi những thứ thuế vô lý gấp trăm lần thuế đất thời phong kiến. Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc còn chỉ mặt, gọi tên những kẻ đại diện cho “nước mẹ”, cho “tự do”, “công lý”, cho “sự nghiệp khai hóa” và “truyền bá văn minh”, đang ra tay hoành hành ở khắp các thuộc địa. Tất cả bọn chúng, toàn quyền, thống đốc, khâm sứ, công sứ... cho đến bọn đội lốt tôn giáo trong các giáo hội và bọn tay sai mặt hạng của chúng đều là lũ phản động, bóc lột tàn ác. “Dưới chiêu bài dân chủ, đế quốc Pháp đã cắm vào đất An Nam chế độ đẳng nguyên rửa của thời trung cổ; người nông dân An Nam bị hành hình vừa bằng lưỡi lê của nền văn minh tư bản chủ nghĩa, vừa bằng cây thánh giá của giáo hội sa đọa làm ô danh Chúa”¹.

“Bên cạnh uy lực phân đời ấy, còn có những đáng cứu thế phần hồn nữa. Các đảng này, trong khi thuyết giáo “đức nghèo” cho người An Nam, cũng không quên làm giàu trên mồ hôi và máu của họ. Chỉ riêng ở Nam Kỳ, Hội thánh truyền đạo cũng đã độc chiếm đến 1/5 ruộng đất trong vùng. Kinh thánh tuy không dạy, song thủ đoạn chiếm đất rất giản đơn: cho vay nặng lãi và hối lộ.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.92.

Nhà Chung lợi dụng lúc mất mùa để cho nông dân vay và buộc phải có ruộng đất để làm bảo đảm. Vì lãi suất tính cắt cổ, nên người An Nam không thể trả nợ đúng hạn; thế là ruộng đất cầm cố vĩnh viễn rơi vào tay Nhà Chung (Hội Thánh)”¹.

2. Tác phẩm đã khắc họa số phận đau khổ của nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa trên thế giới

- *Nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa trên thế giới là người bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất*

Bằng lối viết trào phúng, Nguyễn Ái Quốc đã khắc họa số phận đau khổ của nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa trên thế giới bằng những cách gọi miệt thị như “những tên da đen bản thủ”, “những tên “annamít” bản thủ”, “*vật liệu biết nói châu Á*”². Dưới chế độ thực dân, mọi tầng lớp thuộc người bản xứ, vua quan, hào lý, tư sản, trí thức, viên chức hay người dân lao động, từ cụ già đến trẻ em, đều bị coi là đám nô lệ thấp hèn, đều bị đối xử như súc vật và tính mạng đều “không đáng giá một trinh”.

Nguyễn Ái Quốc đã đặt sự giàu sang, xa hoa, lãng phí của nhóm quan lại, thực dân bên cạnh cuộc sống lầm than, đói khổ, tủ nhục của cả một cộng đồng dân tộc bị mất nước đang chịu kiếp nô lệ: “Sự tương phản càng nổi bật không kém trong lĩnh vực kinh tế. Một bên là những người bản xứ... họ phải đổ mồ hôi sôi nước mắt trong

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.91-92, 26.

những lao tác nặng nhọc nhất và bạc bẽo nhất để kiếm sống một cách chật vật, và hầu như chỉ bằng sức của họ thôi, để nuôi mọi ngân quỹ của chính quyền. Một bên là những người Pháp và người nước ngoài: họ đều đi lại tự do, tự dành cho mình tất cả các tài nguyên của đất nước, chiếm đoạt toàn bộ xuất nhập khẩu và tất cả các ngành nghề béo bở nhất, bóc lột trắng tráo trong cảnh dốt nát và nghèo khổ của nhân dân”¹.

Với người dân Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra rằng: “Người An Nam đều phải chịu công ơn bảo hộ của nước Pháp. Riêng người nông dân An Nam lại càng phải è ra mà chịu sự bảo hộ ấy một cách nhục nhã hơn: Là người An Nam, họ bị áp bức, là người nông dân, họ bị tước đoạt. Chính họ là những người lao khổ, làm để nuôi lũ người ăn bám, bọn đi khai hóa và những bọn khác. Chính họ phải sống cùng khổ, trong khi bọn đao phủ của họ lại sống phê phỡn; hễ mất mùa là họ chết đói. Họ bị cướp giạt từ mọi phía, bằng mọi cách, bởi nhà nước, bởi bọn phong kiến tân thời, bởi giáo hội Thiên Chúa”².

Sức tố cáo của tác phẩm càng mạnh mẽ thêm khi mô tả những nỗi khổ nhục của người dân bản xứ, nhất là “Nỗi khổ nhục của người phụ nữ bản xứ” (Chương XI). Nguyễn Ái Quốc đã viết: “Không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược. Ngoài phố, trong nhà,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.12.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.90.

giữa chợ hay ở thôn quê, đâu đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của bọn quan cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoan, nhà ga. Một người Âu mắng một phụ nữ An Nam là *con đĩ, con bú dừ* là một việc thông thường. Ngay giữa chợ Bến Thành ở Sài Gòn - mà người ta bảo là một thành phố Pháp -, bọn gác chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bản xứ để bắt họ tránh khỏi làm nghẽn lối!

Những chuyện đáng buồn như thế, có thể kể mãi không hết, song chúng tôi hy vọng rằng mấy việc kể trên cũng đủ làm cho chị em ở chính quốc biết rõ phụ nữ An Nam sống quằn quại trong cảnh lầm than và bị áp bức như thế nào”¹. Ở các thuộc địa, những hiện tượng cướp đoạt, đốt phá, giết chóc, đánh đập, hãm hiếp là chuyện thường ngày xảy ra đối với người bản xứ ở khắp các thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc đã khái quát về bản chất của chế độ thực dân bằng mệnh đề nổi tiếng sau “Người ta thường nói: “Chế độ thực dân là ăn cướp”. Chúng tôi xin thêm: là hiếp dâm và giết người”².

- Nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa trên thế giới là người cần cù, chịu khó, nhẫn nhục nhưng quả cảm trong đấu tranh

Nhân dân các nước thuộc địa không chỉ bị bóc lột mà còn bị đàn áp dã man. Họ bị sỉ nhục, bị đánh đập, bị

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.114, 115.

khinh rẻ, thậm chí người mất rồi vẫn chưa được tha như phần mộ thân sinh cụ Đề Thám. Nguyễn Ái Quốc viết: “Bất lực trong việc trừ khử ông Đề Thám trứ danh, vì mọi âm mưu bắn giết ông, thủ tiêu ông bằng thuốc độc hoặc bằng mìn, đều thất bại, người ta bèn đào mả cha mẹ ông lên, đem hài cốt đổ xuống sông”¹. Đối với người phương Đông, hành vi trên thật hy hữu và phản văn hóa. Đồng thời, điều đó cũng cho thấy sự bất lực của chính quyền thực dân Pháp trước ý chí độc lập và tinh thần tự do của cả dân tộc. Giới cầm quyền dù có tàn bạo, độc ác đến đâu cũng không thể nào tiêu diệt được tinh thần kiên cường, bất khuất và yêu nước của nhân dân. Qua việc phác họa bản chất tàn ác, dã man của chủ nghĩa thực dân, Nguyễn Ái Quốc làm nổi bật những phẩm chất đáng quý của người lao động ở chính quốc và thuộc địa. Đồng thời, Người thể hiện sự cảm thông sâu sắc với quần chúng, đứng trên lập trường những người vô sản tiên tiến bên vực quần chúng lao khổ bị áp bức. Đó là một nội dung của chủ nghĩa nhân đạo cộng sản cao cả; và cũng là một biểu hiện của sự kết hợp nhuần nhuyễn tinh thần yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong một con người mà cuộc đời ngay từ buổi ra đi đã gắn chặt với vận mệnh của những người vô sản và những người lao khổ trên khắp thế giới.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.104.

3. Tác phẩm đã đề ra cho nhân dân Việt Nam con đường đấu tranh giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác - Lênin, thắp lên ngọn lửa đấu tranh cho độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội của dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới

Trong chương XII “Nô lệ thức tỉnh”, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định người dân ở các thuộc địa đều chịu kiếp nô lệ, dù là người Việt Nam, Angiêri, Đahômây, Xiri, Tây Phi hay Xênegan... họ cùng với giai cấp công nhân ở nước Pháp đều có chung một kẻ thù là chủ nghĩa đế quốc. Không chỉ vậy, Nguyễn Ái Quốc còn vạch rõ bản chất của chủ nghĩa tư bản như sau: “Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi còn lại kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản, con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra”¹. Nguyễn Ái Quốc đã đề ra nhiệm vụ cách mạng vô sản ở chính quốc và nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ đó cũng như mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở phương Tây và cách mạng giải phóng dân tộc ở phương Đông.

Nguyễn Ái Quốc khẳng định, sự nghiệp giải phóng dân tộc ở Việt Nam cũng như ở mỗi nước, phải là một bộ phận gắn liền với sự nghiệp cách mạng vô sản và cách

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.130.

mạng giải phóng dân tộc trên phạm vi toàn thế giới. Tác phẩm đã biểu dương sức mạnh của những đợt sóng đấu tranh mang ý nghĩa thời đại đang dâng lên mạnh mẽ trên các thuộc địa như Đahômây, Xiri... ca ngợi các cuộc đấu tranh của công nhân Việt Nam và coi đó là “dấu hiệu của thời đại”. Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định rõ nhiệm vụ của giai cấp vô sản ở chính quốc là vừa phải giác ngộ, tổ chức quần chúng ở chính quốc làm cách mạng, vừa phải đoàn kết chặt chẽ, ủng hộ giai cấp vô sản và nhân dân các nước thuộc địa, không phải chỉ bằng lời nói mà bằng hành động thực tiễn cách mạng, cùng nhau tiêu diệt kẻ thù chung.

Tác phẩm đã mở ra cảnh tương lai tươi sáng cho quần chúng nhân dân. Tương lai đó là hiện thực trên đất nước Nga - Xôviết sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định:

“Cách mạng Nga đã triệu tập họ đến Đại hội Bacu: hai mươi một dân tộc phương Đông đã phái đại biểu tới dự. Những đại biểu của các đảng công nhân phương Tây cũng tham gia Đại hội. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp vô sản ở các nước xâm lược và giai cấp vô sản ở các nước bị xâm lược đã nắm tay nhau trong tình anh em và cùng nhau tìm cách đấu tranh cho có hiệu quả chống chủ nghĩa tư bản là kẻ thù chung của họ.

Sau cuộc Đại hội lịch sử ấy, mặc dù đang phải đương đầu với những khó khăn dồn dập trong nước và ngoài nước, nước Nga cách mạng vẫn không hề một phút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc ấy, những dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng tấm gương cách mạng anh dũng và thắng

lợi của nó. Việc làm đầu tiên của nó là thành lập Trường Đại học phương Đông.

Hiện nay, Trường Đại học phương Đông có 1.025 sinh viên mà 151 là nữ sinh. Trong số sinh viên đó, có 895 người là đảng viên cộng sản. Thành phần xã hội của sinh viên như sau: 547 nông dân, 265 công nhân, 210 trí thức. Ngoài ra còn có 75 học sinh thiếu niên từ 10 đến 16 tuổi.

Có 150 giáo sư phụ trách giảng dạy về khoa học xã hội, về toán học, về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về lịch sử phong trào công nhân, về khoa học tự nhiên, về lịch sử các cuộc cách mạng, về khoa kinh tế - chính trị, v.v.. Trong lớp học, thanh niên của sáu mươi hai dân tộc sát cánh nhau như anh em ruột thịt¹.

Là một người cộng sản, Nguyễn Ái Quốc trực tiếp tuyên truyền về Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Cách mạng vô sản Nga đã hoàn toàn thắng lợi, do sự lãnh đạo tài tình của V.I. Lênin và Đảng Cộng sản Nga, có ảnh hưởng rất lớn đến các dân tộc thuộc địa. Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã mở ra con đường giải phóng dân tộc như tuyên bố ủng hộ các dân tộc bị áp bức “dạy cho họ đấu tranh”, “giúp đỡ họ về tinh thần và vật chất”². Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp công nhân ở các nước xâm lược và giai cấp công nhân ở các nước bị xâm lược đã cùng nhau tìm cách đấu tranh có hiệu quả chống chủ nghĩa tư bản. Nguyễn Ái Quốc nêu lên những

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.130-131, 130.

cố gắng bước đầu của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 là thành lập Trường Đại học phương Đông. Mục tiêu đào tạo của trường là giáo dục cho các chiến sĩ cách mạng trong tương lai nắm được nguyên lý đấu tranh, giáo dục cho họ về tinh thần quốc tế vô sản, đặt cơ sở cho một liên minh công - nông vững chắc, phấn đấu nêu một tấm gương đấu tranh giải phóng các dân tộc bị nô dịch.

Nguyễn Ái Quốc còn nêu vấn đề tổ chức công đoàn ở thuộc địa. Ý nghĩa của tổ chức này rất lớn là chống lại sự áp bức bóc lột của tư bản thực dân, phá bỏ được nền móng của chủ nghĩa đế quốc, đoàn kết giai cấp vô sản ở thuộc địa với giai cấp vô sản ở các nước tư bản, các nước đế quốc, gắn kết phong trào công nhân, những người lao động trên thế giới, chú ý giúp đỡ các tổ chức công đoàn các thuộc địa dựa trên tình hữu ái giai cấp, không phân biệt dân tộc, chủng tộc. Nhiệm vụ của các tổ chức công đoàn ở các nước tư bản là ủng hộ và giúp đỡ các tổ chức công đoàn thuộc địa chống lại sự áp bức bóc lột của bọn tư bản thực dân.

Nguyễn Ái Quốc còn đề cập đến “Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa”. Bản *Tuyên ngôn* đã kêu gọi anh em ở các thuộc địa, hãy tỉnh ngộ nhận ra kẻ thù của mình là bọn thực dân xâm lược đã tước hết quyền tự do, đã bóc lột, đã đầu độc họ bằng thuốc phiện và rượu cồn, bị phân biệt đối xử, bị lừa bịp nữa. Hội kêu gọi anh em hãy đứng cảm đứng lên đấu tranh giải phóng nhưng phải nhớ công thức của C. Mác đã nói với anh em rằng: công cuộc giải phóng

anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em. Hội Liên hiệp thành lập chính là để giúp đỡ anh em trong cuộc đấu tranh ấy. Biện pháp hoạt động của Hội có thể bằng ngôn luận báo chí, tổ chức mítting, nói chuyện, diễn đàn nghị viện, bằng tất cả các biện pháp mà chúng ta có thể làm. Hội kêu gọi các bạn bị áp bức ở chính quốc, hãy giúp đỡ cuộc đấu tranh của anh em bị áp bức các nước thuộc địa và nửa thuộc địa để tự giải phóng. “Các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác: Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”¹.

Nguyễn Ái Quốc còn thêm phần phụ lục “Gửi thanh niên An Nam”, bổ sung vào phần nội dung chính. Người có lời nhắn gửi tới thanh niên An Nam, lực lượng cách mạng tương lai của nước nhà - đó là nỗi đau nhận thấy dân tộc ta bị chìm đắm trong đêm trường nô lệ, khi mà các dân tộc, các nước khác như Nhật Bản, Trung Hoa, Nga đã có những biến đổi sâu sắc bằng các cuộc cách mạng lớn lao; các dân tộc bị áp bức đã vùng lên đòi giải phóng như người Ai Cập, Triều Tiên, Ấn Độ... “Riêng người An Nam, thì vẫn cứ thế: sẵn sàng làm nô lệ”². Nguyễn Ái Quốc đã phê phán lớp thanh niên trí thức đã không biết nổi nhục mất nước, cam phận làm nô lệ, ca ngợi nhà nước thực dân, bọn thực dân, có tên là những tên tội phạm đã từng gây tội ác với dân tộc. Trong khi hơn hai nghìn thanh niên

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.139, 140.

Trung Quốc ở Pháp và hơn năm chục nghìn thanh niên Trung Quốc ở châu Âu, châu Mỹ đang lao động, học tập với mục đích lớn lao là để chấn hưng đất nước. Để khuyến khích thanh niên giác ngộ, hãy sống vì mục đích cao cả, không sống cam chịu thân phận nô lệ nữa, Người kêu gọi: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của Người không sớm hồi sinh”¹.

Như vậy, trên bình diện chính trị, *Bản án chế độ thực dân Pháp* là sự chuẩn bị về tư tưởng, nhận thức cho các dân tộc bị áp bức đi vào cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do, giành quyền thống trị xã hội vào tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Những vấn đề đó có ý nghĩa chiến lược quan trọng của cách mạng Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc của các nước trên thế giới.

III- GIÁ TRỊ, Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

1. Giá trị lịch sử

Ra đời trong bối cảnh lịch sử cụ thể của thế giới và đất nước những năm 20 của thế kỷ XX, *Bản án chế độ thực dân Pháp* có những giá trị lịch sử sau:

Trước hết, giá trị nổi bật của tác phẩm là tính chất phê phán, kết án, luận tội chính quyền thực dân Pháp ở Việt Nam và các thuộc địa khác của Pháp.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.144.

Bằng lập luận sắc bén và những số liệu xác thực, tác phẩm đã phơi bày tội ác của những kẻ tự xưng là văn minh, “nhà khai hóa” nhưng thực chất là những tên kẻ cướp tàn bạo, dã man, mất hết tính người. Mỗi chương của tác phẩm là một bản điều tra, luận tội sắc sảo bọn thực dân, từ tội vũ trang xâm lược, đàn áp dã man phong trào yêu nước ở các thuộc địa đến tội bóc lột bằng “thuế máu” đối với những người lính da màu trên các chiến trường châu Âu trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, từ việc bỏ lên đầu người dân thuộc địa đủ thứ sưu cao thuế nặng đến việc đầu độc con người bằng thuốc phiện và rượu cồn... Tác phẩm cũng thể hiện niềm xót thương vô hạn trước những nỗi đau của nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa.

Trong khi chính quyền thực dân Pháp ra sức tuyên truyền những luận điểm thực dân phản động, bênh vực chủ nghĩa đế quốc thì *Bản án chế độ thực dân Pháp* đã giáng vào chủ nghĩa thực dân một đòn tấn công ác liệt, luận tội bọn chúng. Là người cộng sản tiên tiến, Nguyễn Ái Quốc bênh vực cho quần chúng lao khổ và các dân tộc bị áp bức. Đó là một phương thức cơ bản trong sách lược tấn công của cách mạng lúc ấy và tác phẩm trở thành tiếng nói tiêu biểu cho thế tấn công của thời đại.

Thứ hai, tác phẩm thể hiện sự vận dụng sáng tạo tư tưởng thiên tài của V.I. Lênin trong Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.

Bản án chế độ thực dân Pháp đã tạo ra một tiếng vang lớn giữa Thủ đô Pari và ảnh hưởng của nó rất lớn tới các nước thuộc địa, trong đó có Đông Dương. Tác phẩm đã thức tỉnh các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh, đã làm cho dân tộc Pháp có lương tri nhận thấy tội ác của bọn thực dân Pháp đối với nhân dân các nước thuộc địa, đã gắn kết các phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản ở chính quốc với nhân dân lao động ở các xứ thuộc địa. Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, tác phẩm được xuất bản, đã có tác dụng giáo dục nhân dân lòng căm thù thực dân Pháp, nhận thức về giá trị của độc lập, tự do và phẩm giá của con người, góp phần thúc đẩy nhân dân anh dũng đấu tranh chống lại sự xâm lược của bọn thực dân, để quốc bảo vệ độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc.

Bản án chế độ thực dân Pháp còn là sự chuẩn bị về tư tưởng, nhận thức cho các dân tộc thuộc địa trên thế giới đấu tranh giành độc lập, tự do, giành quyền thống trị xã hội vào tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Thứ ba, Bản án chế độ thực dân Pháp là một tác phẩm có giá trị lớn về nội dung. Giá trị ấy lại càng nổi bật lên với một nghệ thuật biểu hiện sắc sảo.

Tác phẩm đề cập đến những vấn đề lớn của thời đại, nhưng lại không phân tích dài dòng, khô khan, mà đi từ việc diễn tả những hiện tượng hàng ngày xảy ra trong những hoàn cảnh cụ thể, dẫn đến những kết luận sắc, gọn, súc tích. Từ những việc riêng lẻ dưới những đầu đề khác

nhau được đặt trong một kết cấu logic, tác phẩm hình thành một chỉnh thể, một bức tranh toàn diện: Về cái địa ngục trần gian của kiếp người nô lệ; về cái thiên đường của bọn giàu sang; hay về những bộ mặt tàn ác, bỉ ổi của quân thù...

Về hình thức biểu hiện của tác phẩm, từ cách diễn tả, cách sử dụng ngôn ngữ, cách chọn lọc những chi tiết, những hiện tượng, những hình ảnh, cách sử dụng các yếu tố của nghệ thuật châm biếm, đến cách bố cục từng chương, mục và toàn tác phẩm, đều có những nét rất độc đáo. Trong các biện pháp nghệ thuật đó, nghệ thuật châm biếm được sử dụng rất tài tình, tinh tế, sắc sảo.

Không chỉ là một tác phẩm chính trị, *Bản án chế độ thực dân Pháp* còn là tác phẩm có giá trị về nhiều mặt như lịch sử, văn học, xã hội học, ngôn ngữ... cần được nghiên cứu, khai thác và giới thiệu một cách đầy đủ và nghiêm túc.

2. Ý nghĩa hiện thời

Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* không chỉ vạch rõ tội ác của thực dân Pháp với nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa khác mà còn cho thấy giá trị của độc lập, tự do ngày hôm nay. Đất nước ta đã được độc lập, nhân dân không còn phải chịu cảnh nô lệ lầm than. Tuy nhiên, chủ nghĩa thực dân kiểu mới vẫn còn đang tồn tại với nhiều hình thức đa dạng, phức tạp trong giai đoạn hiện nay. Từ đó, chúng ta càng cố gắng giữ gìn hòa bình,

ổn định, chống lại các cuộc chiến tranh phi nghĩa do chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc gây ra.

Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* để lại một số bài học sâu sắc về vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội và giáo dục. Cụ thể, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra những căn bệnh quan liêu của các quan thống đốc, quan toàn quyền, các quan cai trị và sự hách dịch của các “nhà khai hóa”. Những hiện tượng đó trong lịch sử là bài học để chúng ta nhìn lại một số biểu hiện còn tồn tại trong xã hội như tham nhũng, cậy quyền, cậy thế, hách dịch, những nhiễu... Những biểu hiện này làm tổn hại đến uy tín của Đảng, của chính quyền cách mạng.

Hiện nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Nhà nước đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, đồng thời quan tâm đến công tác xây dựng Đảng và chính quyền vững mạnh, củng cố mối quan hệ quốc tế.

Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách nhằm bảo đảm quyền lợi của người phụ nữ, giúp địa vị của người phụ nữ trong gia đình và xã hội được nâng cao. Hiện nay, phụ nữ Việt Nam được tạo nhiều điều kiện phát triển, có một cuộc sống tự do, hạnh phúc hơn. Thanh niên có vị trí vô cùng quan trọng trong cách mạng. Trong lịch sử, đội ngũ thanh niên Việt Nam đã góp phần làm nên những

kỳ tích trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Ngày nay, thanh niên ta cần phải ra sức học tập, lao động, tu dưỡng, phấn đấu tốt để góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành một nước phát triển có nền công nghiệp hiện đại và văn minh.

Hiện nay, xã hội Việt Nam đang ở vào một giai đoạn lịch sử căn bản khác với nửa thế kỷ trước đây. Những nhiệm vụ lịch sử đặt ra trước mắt dân tộc ta do đó cũng khác trước. Trong lúc này, học tập, nghiên cứu để nhận thức đầy đủ, sâu sắc những giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* có ý nghĩa đối cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày hoàn cảnh lịch sử và bố cục của tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo?

2. Phân tích nội dung tội ác của thực dân Pháp trong quá trình khai thác thuộc địa ở Việt Nam. Tư tưởng đó có giá trị và ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

3. Phân tích sự sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong việc vận dụng quan điểm của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Tư tưởng đó có giá trị và ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

ĐƯỜNG KÁCH MỆNH (1927)

A. MỤC TIÊU

Theo cách tiếp cận mới về mục tiêu dạy học dựa trên định hướng phẩm chất năng lực người học, dạy học tác phẩm *Đường cách mệnh* góp phần hướng tới các mục tiêu cụ thể như sau:

- *Về phẩm chất*: Tác phẩm *Đường cách mệnh* hình thành và giáo dục sinh viên tình yêu thương con người, sống có tình có nghĩa, về cách ứng xử một cách hài hòa, biết sống yêu thương và sống có trách nhiệm trong học tập, công việc và cuộc sống, sự tuân thủ nghiêm ngặt đối với các trực quan hệ “đối với mình”, “đối với người”, “đối với công việc” bởi dù tồn tại trong bối cảnh nào thì các trực quan hệ đó đều tồn tại và sinh viên cần trang bị những phẩm chất, tố chất và bài học kinh nghiệm khi thực hành.

- *Về năng lực*: Trong dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh, những năng lực sẽ được hình thành là: năng lực giải quyết vấn đề (trình bày được hoàn cảnh ra đời, bố cục, nội dung cơ bản và giá trị của tác phẩm); năng lực tự học và sáng tạo, năng lực làm việc nhóm; năng lực tư duy phản biện (thông qua việc nhận thiết kế và tổ chức các hoạt động tìm hiểu về tác phẩm dưới định hướng của giảng viên bộ môn), năng lực vận dụng thực tiễn (vận dụng những chuẩn tư cách đạo đức cách mạng, tính chủ động, sáng tạo vào thực tiễn cuộc sống)...

B. NỘI DUNG

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ BỐ CỤC CỦA TÁC PHẨM

1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Tác phẩm *Đường kách mệnh* được ra đời trong một bối cảnh lịch sử hết sức đặc biệt. Vào cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, Việt Nam là một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Xã hội Việt Nam lúc đó có hai mâu thuẫn cơ bản là giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược và giữa giai cấp phong kiến Việt Nam với toàn thể nhân dân (chủ yếu là nông dân). Yêu cầu của lịch sử lúc này là phải giải quyết mâu thuẫn cơ bản đó để đưa dân tộc tiến lên.

Dưới ách thống trị của thực dân - phong kiến, nước ta đã có hàng trăm cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc theo hệ tư tưởng phong kiến và hệ tư tưởng tư sản, nhưng những cuộc khởi nghĩa đó đã bị thực dân Pháp nhấn chìm trong biển máu và đã không giải quyết được nhiệm vụ mà lịch sử đang đặt ra, nhân dân ta đang mong đợi là giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân - phong kiến. Thực tiễn lịch sử đang đòi hỏi phải có một tổ chức mới, được xây dựng trên cơ sở hệ tư tưởng cách mạng và khoa học, có đường lối chính trị đúng đắn, có tổ chức chặt chẽ thì mới lãnh đạo cách mạng đi đến thành công.

Trước sự đòi hỏi cấp bách của thực tiễn đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh với lòng yêu nước thương dân, khâm phục ý chí không cam tâm làm nô lệ của đồng bào và tấm

gương cứu nước của các vị tiền bối cách mạng, song không đi theo con đường của họ, Người đã lựa chọn con đường ra nước ngoài, “tìm đường đi cho dân tộc”. Sau gần 10 năm bôn ba khắp các châu lục, Hồ Chí Minh từ một người yêu nước đã trở thành một người cộng sản. Và bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin là bước tiến nhảy vọt và dứt khoát trong nhận thức tư tưởng của Người. Người quyết định chọn chủ nghĩa Mác - Lênin làm hệ tư tưởng cứu nước. Đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, đến với con đường cứu nước theo quỹ đạo cách mạng vô sản, với khát khao cháy bỏng: độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định lộ trình và quyết định trở về Quảng Châu - Trung Quốc (tháng 11/1924), xúc tiến công cuộc giải phóng dân tộc. Cuối năm 1924, Người từ Liên Xô trở về Quảng Châu (Trung Quốc) - vùng đất hoạt động cách mạng của những người Việt Nam yêu nước những thập niên đầu thế kỷ XX. Tại đây, sau khi nắm bắt được tình hình và các yêu cầu lịch sử đặt ra, tháng 6/1925, Người đã tiến hành cải tổ tổ chức yêu nước “Tâm tâm xã”, thành lập tổ chức “Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên”, nhằm mục đích truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin một cách có tổ chức về trong nước, đồng thời tổ chức các lớp huấn luyện cán bộ, chuẩn bị cho cách mạng về sau. Tập hợp các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1925 - 1927 đã được Bộ Tuyên truyền Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản thành tác phẩm, lấy tên là *Đường cách mệnh*.



Hình ảnh bìa tác phẩm xuất bản năm 1927

2. Bố cục của tác phẩm

Tác phẩm được cấu trúc logic thành 15 phần và tất cả những phần này có sự liên hệ chặt chẽ, bổ sung lẫn nhau làm nổi bật nội dung của tác phẩm.

- I- Tư cách một người cách mệnh
- II- Vì sao phải viết sách này?
- III- Cách mệnh
- IV- Lịch sử cách mệnh Mỹ
- V- Cách mệnh Pháp
- VI- Lịch sử cách mệnh Nga
- VII- Quốc tế
- VIII- Phụ nữ quốc tế
- IX- Công nhân quốc tế
- X- Cộng sản Thanh niên quốc tế
- XI- Quốc tế giúp đỡ
- XII- Quốc tế cứu tế đỏ
- XIII- Cách tổ chức công hội
- XIV- Tổ chức dân cày
- XV- Hợp tác xã

II- NỘI DUNG CỦA TÁC PHẨM

1. *Đường cách mệnh* - Sự khẳng định tính đúng đắn của lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin đối với cách mạng vô sản ở thuộc địa

Đường cách mệnh là tác phẩm thể hiện rõ bước trưởng thành, phát triển trong nhận thức, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kết tinh của quá trình học tập và nghiên cứu lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin và khả năng vận dụng vào thực tiễn cách mạng Việt Nam của Người, từ đó trình bày lý giải những tư tưởng ấy một cách thật

giản dị dễ hiểu, ngắn gọn. “Sách này muốn nói cho vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ... nói việc gì thì nói rất giản tiện, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả... hơn hai triệu đồng bào hấp hối trong vòng tử địa. Phải kêu to, làm chóng để cứu lấy giống nòi, thì giờ đâu rảnh mà vẽ vời trau chuốt”¹.

Ngay từ phần đầu của tác phẩm, Nguyễn Ái Quốc đã đi thẳng vào nêu rõ, giải thích trực tiếp mục đích viết sách là để nhằm trả lời rất rõ câu hỏi lớn “Vì sao phải viết sách này?”. Người viết “mục đích của sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ: (1) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải làm cách mệnh. (2) Vì sao cách mệnh là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc của một hai người. (3) Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. (4) Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. (5) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? (6) Cách mệnh thì phải làm thế nào?”². Như vậy, mục đích chính Người viết tác phẩm này không chỉ làm tài liệu học tập, nghiên cứu cho học viên các lớp huấn luyện về lý luận cách mạng ở Quảng Châu (Trung Quốc) mà xa hơn, cao hơn là để viết cho tất cả những người Việt Nam yêu nước. Nếu như trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* khép lại 12 chương cáo trạng danh thép luận tội chủ nghĩa thực dân, thì trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người đã

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.2, tr.283.

trực tiếp đề cập tới mục đích viết sách là gửi cho đồng bào, toàn dân tộc Việt Nam “sách này chỉ ước ao cho đồng bào xem rồi nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh”¹.

Ngay từ mở đầu tác phẩm, không phải ngẫu nhiên Nguyễn Ái Quốc dẫn lời của V.I. Lênin trong tác phẩm *Làm gì?* làm lời đề từ: “Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong”². Với tác phẩm *Làm gì?* V.I. Lênin đã phát triển những tư tưởng của C. Mác, Ph. Ăngghen và hoàn chỉnh học thuyết về đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, một học thuyết thống nhất, chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn. Học thuyết về đảng kiểu mới là một trong những cống hiến to lớn của V.I. Lênin vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác. Học thuyết đó là nền tảng lý luận, là kim chỉ nam hành động cho đảng kiểu mới của giai cấp công nhân Nga và các đảng cộng sản các nước trên thế giới. Vận dụng các nguyên lý của V.I. Lênin trong tác phẩm *Làm gì?* cùng các nguyên lý khác của học thuyết Mác - Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, Đảng ta trở thành một đảng Mác - Lênin rất vững mạnh, một bộ phận kiên cường của phong trào cộng sản quốc tế. Với trí tuệ thiên tài và khát khao giải phóng giai cấp công nhân,

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.283, 279.

nhân dân lao động trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, kế thừa và phát triển tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăngghen về đảng của giai cấp vô sản, V.I. Lênin đã nêu ra những nguyên tắc xây dựng đảng vô sản kiểu mới nhằm phủ định những quan điểm về xây dựng đảng của tư tưởng cải lương, cơ hội, xét lại chủ nghĩa Mác. Một trong những nguyên tắc quan trọng là kiên định với học thuyết Mác bởi “chủ nghĩa Mác là lý luận của phong trào cách mạng của giai cấp vô sản”¹. Thực tiễn quá trình lãnh đạo cách mạng V.I. Lênin luôn cho rằng, lý luận cách mạng chính là cơ sở để nâng cao trình độ cho quần chúng, làm cho phong trào đấu tranh của họ từ tự phát thành tự giác, đồng thời có lý luận cách mạng là có cơ sở cho Đảng của giai cấp công nhân chống chủ nghĩa cơ hội xét lại, chống lại hệ tư tưởng tư sản. Từ đó, V.I. Lênin đòi hỏi Đảng Cộng sản phải luôn luôn kiên định với chủ nghĩa Mác, phải nghiên cứu nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác để vận dụng vào thực tiễn đấu tranh cách mạng.

Cách mở đầu tác phẩm thông qua dẫn lời của V.I. Lênin vừa cho thấy cơ sở khoa học, vừa cho thấy quan điểm của Nguyễn Ái Quốc trong việc gián tiếp khẳng định vai trò của lý luận đối với việc thực hiện mục tiêu, đường hướng đấu tranh cách mạng trong thực hiện và theo Người,

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.26, tr.281.

*một chính đảng cách mạng chân chính muốn tập hợp, lôi kéo quần chúng đi theo trước hết phải được trang bị vũ khí lý luận sắc bén. Người nhấn mạnh: “Chỉ có theo lý luận tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong”¹. Đối với chính đảng vô sản ở một nước thuộc địa như Việt Nam, chỉ có thể vũ trang bằng lý luận học thuyết Mác - Lênin thì mới có thể tập hợp được đông đảo công nhân, nông dân và các giai cấp, tầng lớp yêu nước trong một khối thống nhất thì cuộc cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản mới giành thắng lợi được. Chủ nghĩa Mác - Lênin là học thuyết về giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức và giải phóng con người nói chung, đồng thời là học thuyết về sự phát triển xã hội lên một hình thái cao hơn, xóa bỏ hoàn toàn bất công, nguồn gốc đẻ ra sự bóc lột, áp bức. “Chủ nghĩa Mác - Lênin là lực lượng tư tưởng hùng mạnh chỉ đạo đảng chúng tôi, làm cho đảng chúng tôi có thể trở thành hình thức tổ chức cao nhất của quần chúng lao động, hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc chúng tôi”². Sau này, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nêu ra 12 nguyên tắc xác định *tư cách**

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.2, tr.279.

2. Hoàng Chí Bảo, Trần Thị Minh Thuyết: *5 tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh 5 bảo vật quốc gia*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2017, tr.73.

của một đảng chân chính cách mạng, trong đó nguyên tắc “cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận cách mạng, và lý luận cùng thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau” được đặt ở vị trí thứ hai, chỉ xếp sau nguyên tắc đảng phải đặt mục tiêu “làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng” lên trên hết, trước hết.

Như vậy, chỉ với một lời đề từ rất ngắn gọn dẫn từ quan điểm của V.I. Lênin, Hồ Chí Minh đã chấm phá được dấu ấn đầu tiên cho tác phẩm *Đường cách mệnh* với quan điểm đồng bào muốn làm cách mạng, muốn đấu tranh cách mạng thì cần có “kim chỉ nam dẫn đường”, một đảng chân chính muốn lãnh đạo quần chúng đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, trước hết phải có vũ khí lý luận soi đường. Đó cũng là lý do giải thích năm 1925, Nguyễn Ái Quốc không vội thành lập một chính đảng vô sản ở Đông Dương vì sự chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức chưa chín muồi. Sự dẫn dắt khéo léo, tài tình này chính là một nghệ thuật tuyên truyền, một phương pháp cách mạng của Hồ Chí Minh mà chúng ta còn gặp trong nhiều bài viết của Người, tiêu biểu là *Tuyên ngôn độc lập* (1945). Do đó, ngay từ mở đầu, *Đường cách mệnh* là “một tác phẩm lý luận, cũng có thể xem là một cuốn sách giáo khoa mang tính *thường thức chính trị, chính trị phổ thông*, cơ bản nhằm “khai trí”, “khai tâm” cho những người cách mạng, sát hợp với hoàn cảnh, với đối tượng, với trình độ của họ... Sâu xa hơn lý luận là công cụ,

phương tiện để nhận thức, để hành động, lý luận không tự lấy mình làm cứu cánh, nó soi sáng thực tiễn rồi trở về thực tiễn, nằm sâu trong thực tiễn, *trở thành một thực tiễn có lý luận*¹.

2. Đường cách mệnh - Bản tuyên ngôn về nhân cách, tư cách đạo đức của người cách mạng chân chính

Theo quan điểm Hồ Chí Minh, con người là vốn quý nhất, là nhân tố quan trọng hàng đầu, quyết định sự thành bại của sự nghiệp cách mạng. Một người cách mạng chân chính phải có sự kết hợp hài hòa đức và tài, hồng và chuyên... đặc biệt là phải có “tư cách” của người cách mệnh. Theo *Từ điển tiếng Việt*, tư cách là “cách ăn ở, cư xử, đạo đức của một người”², còn phẩm giá là “giá trị riêng của con người”³. Một cá nhân muốn được những người xung quanh nhìn nhận, đánh giá tốt, trước hết phải là người có tư cách, chuẩn mực đạo đức tốt, sau mới xét đến trí tuệ, năng lực. Do đó, không ngẫu nhiên, vấn đề *tư cách, phẩm giá* của người cách mạng chân chính được Nguyễn Ái Quốc đặt lên vị trí hàng đầu tác phẩm, thể hiện ở ba khía cạnh:

Trước hết, đối với bản thân, tư cách đạo đức cách mạng được thể hiện ở các phẩm chất “Cần kiệm. Hòa mà

1. Hoàng Chí Bảo, Trần Thị Minh Tuyết: *5 tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh 5 bảo vật quốc gia*, Sđd, tr.73.

2, 3. Viện Ngôn ngữ học: *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng, tr.1070, 770.

không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cẩn thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại (chịu khó). Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng ham muốn về vật chất. Bí mật”¹.

Thứ hai, tư cách của người cán bộ cách mạng chân chính thể hiện trong quan hệ với những người xung quanh, “Với từng người thì khoan thứ. Với đoàn thể thì nghiêm. Có lòng bày vẽ cho người. Trục mà không táo bạo. Hay xem xét người”².

Thứ ba, trong công việc, tư cách của người cách mạng chân chính thể hiện ở phẩm chất “Xem xét hoàn cảnh kỹ càng. Quyết đoán. Dũng cảm. Phục tùng đoàn thể”³.

Như vậy, theo quan niệm của Hồ Chí Minh, người cán bộ cách mạng chân chính trước hết phải có tư cách, thể hiện qua ba tiêu chí (đối với bản thân, đối với người khác, đối với công việc) và 23 phẩm chất cơ bản. Những phẩm chất Người nêu ra rất rõ ràng, ngắn gọn nhưng chất chứa ý nghĩa vô cùng to lớn, để thế hệ đi sau đọc, suy ngẫm và rèn luyện bản thân.

Đạo đức cách mạng của người cán bộ là một tư tưởng lớn trong tư tưởng của Hồ Chí Minh. Người cho rằng, người cán bộ cách mạng phải lấy “đạo đức làm cốt”, đạo đức là gốc, là nền tảng của người cán bộ cách mạng. Đây là một quan điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh. Đạo đức

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.280, 280, 281.

cách mạng của người cán bộ được Hồ Chí Minh trình bày khác so với những chuẩn mực đạo đức của chế độ thực dân phong kiến. Đạo đức của người cán bộ cách mạng ở đây là đạo đức vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, đạo đức để xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn, xây dựng một nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân. Xây dựng cho mình những phẩm chất cách mạng chân chính cũng chính là người cộng sản xác lập được tư cách, nhân cách, phẩm giá cách mạng của bản thân trước nhân dân và dân tộc.

Trên cơ sở phân tích về tài và đức của người cán bộ ta thấy được trong tư tưởng của Hồ Chí Minh người cán bộ phải vừa có tài vừa có đức, vừa hồng vừa chuyên. Đức là cái gốc, là nền tảng, ngọn nguồn của sức mạnh còn tài là điều kiện cần và đủ của người cán bộ. Do đó, không được tuyệt đối hóa vai trò của đức hoặc tài mà cần phải nhìn thấy vai trò của cả đức và tài, thấy được sự tác động biện chứng qua lại của hai yếu tố ấy để hướng đến xây dựng một người cán bộ đủ đức, đủ tài phụng sự đất nước. Phân tích mối quan hệ giữa tài và đức, Hồ Chí Minh viết: “Có tài phải có đức. Có tài không có đức, tham ô hủ hóa có hại cho Nhà nước. Có đức không có tài như ông Bụt ngồi trong chùa, không giúp ích gì được ai”¹.

Do đó có thể khẳng định, tác phẩm *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc không chỉ có giá trị to lớn trong việc hình thành những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.345-346.

cách mạng vô sản ở thuộc địa mà còn đặt nền móng cho việc xây dựng đạo đức mới - đạo đức, tư cách của người chiến sĩ cộng sản chân chính. Đây mới là những phẩm chất cốt cách cần thiết cho sự nghiệp cách mạng đang trong giai đoạn còn nhiều khó khăn, thử thách.

3. Đường cách mệnh - Bước đột phá trong tư tưởng Hồ Chí Minh với vấn đề cách mệnh

Vấn đề bức thiết của cách mạng Việt Nam trong những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đó là giải quyết cuộc khủng hoảng đường lối cứu nước, tìm ra chiếc chìa khóa vạn năng để mở cánh cửa độc lập, tự do cho cả dân tộc. Các thế hệ yêu nước trước Nguyễn Ái Quốc cũng đã tìm kiếm con đường cứu nước và canh tân cho dân tộc theo các khuynh hướng phong kiến và khuynh hướng dân chủ tư sản, tuy nhiên vì nhiều lý do khác nhau nên cánh cửa độc lập, tự do vẫn “khép chặt” đối với 20 triệu người dân Việt Nam và Đông Dương khi đó.

Ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã giúp Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đó là đi theo con đường cách mạng vô sản. Vì vậy, xuyên suốt tác phẩm *Đường cách mệnh*, các vấn đề cơ bản của cách mạng thuộc địa được Nguyễn Ái Quốc trình bày, luận giải một cách toàn diện, hệ thống theo một logic có sức thuyết phục cao. Ở đây, cũng cần khẳng định, trước năm 1927, Nguyễn Ái Quốc đã từng bước thể hiện quan điểm của Người về một

số vấn đề ở thuộc địa. Tuy nhiên, đến *Đường cách mệnh*, các vấn đề giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp ở một nước thuộc địa như Việt Nam được đề cập một cách cơ bản, toàn diện như một bước chuẩn bị cho chiến lược của cách mạng Việt Nam sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam chín muồi các điều kiện thành lập sau này.

a) *Quan niệm về cách mệnh, phân loại và nguồn gốc cách mệnh*

Bằng ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra một quan niệm về cách mệnh vắn tắt nhưng đúng đắn và dễ hiểu “cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”¹. Để minh chứng cho quan điểm đó, Người dẫn ra các ví dụ tiêu biểu trong lịch sử phát triển của nhân loại, đó là sự kiện Stephenson phát minh ra xe lửa, tạo ra bước ngoặt của ngành giao thông vận tải; là cuộc cách mạng trong nhận thức của loài người về sự tiến hóa với thuyết tiến hóa của Đacuyn, luận giải một cách khoa học về nguồn gốc của con người; là cuộc cách mạng trong nhận thức của loài người về chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc khi C. Mác hoàn thành bộ *Tư bản*, tạo thành cuộc “kinh tế học cách mệnh”.

Về phân loại cách mệnh, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ về “*tư tưởng cách mệnh, dân chúng cách mệnh*” thì có ba loại:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.284.

Thứ nhất, là “tư bản cách mệnh như Pháp cách mệnh năm 1789. Mỹ cách mệnh độc lập năm 1776 (đuổi Anh), Nhật cách mệnh năm 1864”¹. Nguyên nhân bùng nổ các cuộc cách mạng này được Nguyễn Ái Quốc lý giải là do “địa chủ hết sức ngăn trở tư bản mới, tư bản mới hết sức phá địa chủ, hai bên xung đột nhau làm thành ra tư bản cách mệnh”², hay về bản chất đó chính là sự phát triển của lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa mâu thuẫn với quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu làm bùng nổ cách mạng.

Thứ hai, là dân tộc cách mệnh “như Ytali đuổi cường quyền Áo năm 1859, Tàu đuổi Mãn Thanh năm 1911”³. Nói đúng hơn, đây vẫn là cuộc cách mạng tư sản diễn ra dưới hình thức đấu tranh giải quyết vấn đề dân tộc. Nguyên nhân của các cuộc cách mạng này là do “bọn cường quyền này bắt các dân tộc kia làm nô lệ, như Pháp với An Nam. Đến khi dân nô lệ ấy không chịu nổi nữa, tỉnh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi tụi áp bức mình đi”⁴. Ở đây, trong cách so sánh “như Pháp với An Nam” phần nào Nguyễn Ái Quốc đã muốn nhấn mạnh cách mạng ở Việt Nam chính là một cuộc cách mạng mang tính chất dân tộc, là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Thứ ba, là giai cấp cách mệnh “như công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy chính quyền năm 1917”⁵. Nguyên nhân

1, 2, 3, 4, 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.285, 286.

của giai cấp cách mệnh là do mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản “không làm công mà hưởng lợi” với giai cấp công nhân, nông dân “làm khó nhọc mà không được hưởng”. Người liên hệ với tình cảnh nhân dân lao động Việt Nam dưới thời Pháp thuộc “như người thợ An Nam, làm ở mỏ than Hòn Gay, một ngày làm 11 giờ, đầu năm làm đến cuối, một ngày chỉ được 3 hào, ăn chẳng đủ ăn, mặc không có mặc, đau không có thuốc, chết không có hòm. Còn anh chủ mỏ ấy không bao giờ nhúng tay đến việc gì, mà nó ăn sung mặc sướng, lên ngựa xuống xe, mỗi năm được mấy mươi triệu đồng lờ (năm 1925 nó được 17.000.000 đồng¹)”².

Việc tìm hiểu, phân loại các cuộc cách mạng là cơ sở quan trọng để Nguyễn Ái Quốc có thể giải thích rõ cho quần chúng hiểu tính chất của cách mạng Việt Nam và mối liên hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới để cùng làm “dân tộc cách mệnh”, “giai cấp cách mệnh” và “thế giới cách mệnh”.

b) Quan điểm của Nguyễn Ái Quốc về cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 được Nguyễn Ái Quốc nhắc đến nhiều lần trong các tác phẩm, bài viết

1. “Đồng” ở đây là đồng bạc Đông Dương (piaster), 1 loại đơn vị tiền tệ do chính quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương đặt ra. Có thời điểm, tỷ giá đồng bạc Đông Dương cao gấp nhiều lần so với đồng Frans của Pháp.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.286.

trước đó. Song phải đến *Đường khách mệnh*, Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 mới được nghiên cứu khá đầy đủ, toàn diện dưới ngòi bút sắc sảo của Nguyễn Ái Quốc. Dù cách diễn đạt có khác nhau, trong từng thời điểm khác nhau nhưng tập hợp lại chính là một bức tranh tổng thể từ bối cảnh lịch sử và nguyên nhân cách mạng, phân tích thời cơ, diễn biến cách mạng, lực lượng, lãnh đạo, kết quả, ý nghĩa của cách mạng đối với thế giới, với nước Nga và với cách mạng Việt Nam.

- Về nguyên nhân cách mạng:

Trước khi chỉ rõ nguyên nhân bùng nổ cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, Nguyễn Ái Quốc đã mô tả tình cảnh nhân dân lao động ở Nga. Dưới chế độ phong kiến, giai cấp khổ cực nhất là nông nô: “Địa chủ xem nông nô như súc vật, nó cho sống được sống, nó bắt chết phải chết, khi nó cần tiền, thì nó đem nông nô bán như bán trâu bán bò”¹ và pháp luật quy định người nông nô không được bỏ trốn từ xứ này sang xứ khác.

Cho đến cuối thế kỷ XIX, sau cải cách nông nô Nga, nước Nga trở thành một nước tư bản chủ nghĩa. Theo mô tả của Nguyễn Ái Quốc, giai cấp nông nô cho rằng đã được giải phóng rồi nên họ đi vào làm công trong các nhà máy, xí nghiệp của tư bản, hoặc ở lại làm ruộng nhưng tình cảnh cuộc sống của họ vẫn không khá hơn trước, “đi làm công thì tiền công ít, giờ làm nhiều, phải làm nô lệ cho tư

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.2, tr.298.

bản, ở lại cày thì đất ruộng ít, trâu bò thiếu, phải chịu lòn tụi phú gia. Dân tiếng tự do tuy được, kỳ thực cứ kiếp nô lệ”¹. Mâu thuẫn giữa giai cấp thống trị với giai cấp bị trị là mầm mống của cách mạng.

Cho đến đầu năm 1917, theo ghi chép của Nguyễn Ái Quốc, nước Nga đã trải qua cuộc cách mạng năm 1905 và cuộc Cách mạng Tháng Hai năm 1917. Tuy nhiên, cả hai cuộc cách mạng này đều chưa mang lại thắng lợi triệt để, chưa mang lại quyền lợi cho công - nông. Người đã chỉ ra 5 bài học cho thợ thuyền nước Nga: “một là phải tổ chức vững vàng, hai là phải liên lạc với dân cày, ba là phải vận động lính, bốn là không tin được tụi đề huê, năm là biết tư bản và vua cùng một tụi, muốn đuổi vua thì phải đuổi cả tư bản”². Việc phân tích, đánh giá đúng thái độ của các lực lượng cách mạng là bài học quý giá cho Đảng và cách mạng Việt Nam sau này.

Từ việc phân tích nguyên nhân sâu xa của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ bốn nguyên nhân trực tiếp, bao gồm:

Một là, do hậu quả của việc đế quốc Nga tham gia Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918);

Hai là, mâu thuẫn giữa các nước đế quốc, tư bản với nhau làm xuất hiện thời cơ cách mạng;

Ba là, do mâu thuẫn giữa “thợ thuyền” (công nhân), “dân cày” (nông dân) với giai cấp thống trị;

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2 tr.298, 301.

Bốn là, xuất hiện “bọn hoạt đầu”, chủ nghĩa cơ hội, xúi giục người dân tiến hành Cách mạng Tháng Hai nhưng cuối cùng “tụi hoạt đầu và tụi tư bản lên cầm chính quyền, bao nhiêu lời nguyên ước chúng nó quên hết... ruộng đất cứ ở tay địa chủ, lò máy cứ ở tay nhà giàu; công nông cũng không được dựa vào Chính phủ”¹. Do đó, Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 tất yếu phải bùng nổ.

- *Về thời cơ, diễn biến, kết quả cách mạng:*

Bất kỳ một cuộc cách mạng nào muốn thắng lợi cũng cần phải có thời cơ chín muồi. Việc phân tích chính xác thời cơ cách mạng để ra quyết định hành động cho thấy sự chín chắn trong nhận thức của người lãnh đạo. Ban đầu Nguyễn Ái Quốc “ủng hộ Cách mạng Tháng Mười chỉ là theo cảm tính tự nhiên. Tôi chưa hiểu hết tầm quan trọng lịch sử của nó. Tôi kính yêu Lênin vì Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình; trước đó, tôi chưa hề đọc một quyển sách nào của Lênin viết”². Nhưng sau này, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã có nhận thức rất đúng đắn về vấn đề thời cơ Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Người đánh giá cao tầm nhìn của Lênin và Đảng Bôn-sê-vích Nga khi nhận định: “mồng 6 cử sự thì sớm quá, vì dân chưa biết hết luật lệ xấu ấy, mà chưa biết luật lệ ấy thì chưa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.302.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.561.

ghét Chính phủ lắm. Mông 8 cử sự thì muộn quá vì khi ấy thì Chính phủ đã biết rằng dân oán và đã phòng bị nghiêm ngặt rồi”¹. Đó là một trong những lý do giải thích Cách mạng Tháng Mười Nga diễn ra đúng ngày 7/11/1917. Sau này, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 diễn ra thắng lợi, ít đổ máu cũng chính từ việc Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định đúng thời cơ và chớp thời cơ “ngàn năm có một” đó.

Về diễn biến, kết quả của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, Nguyễn Ái Quốc khái quát cho nhân dân hình dung sức mạnh của quần chúng nhân dân chính là yếu tố quan trọng nhất làm nên kết quả thắng lợi của cuộc cách mạng: “... ngày mông 7 Đảng Cộng sản hạ lệnh cách mệnh, thì thợ thuyền ào đến vây Chính phủ, dân cày ào đến đuổi địa chủ. Chính phủ phái lính ra dẹp, thì lính ùa theo thợ thuyền mà trở lại đánh Chính phủ... Đảng Cộng sản cầm quyền, tổ chức ra Chính phủ công, nông, binh”². Có thể thấy, ngôn ngữ diễn đạt của Người rất ngắn gọn, súc tích, đầy đủ, song cũng vô cùng giản dị, khiến cho hình ảnh Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 diễn ra cách nước ta rất xa nhưng lại rất gần, rất dễ hiểu để nhân dân Việt Nam nhận thức được rằng: muốn làm cách mạng thì phải học theo Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân phải liên minh với nhau đánh đổ cả tư bản và phong kiến.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.303.

- Về lực lượng và lãnh đạo cách mạng:

Một trong những bài học mà Nguyễn Ái Quốc nhận thấy từ Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 chính là việc xác định đúng lực lượng tiến hành và lực lượng lãnh đạo cách mạng. Người nhận thấy: “Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất”¹. Điều đó có nghĩa là, quần chúng nhân dân mới là lực lượng, động lực quyết định thành bại của cuộc cách mạng. Muốn lôi kéo được quần chúng tham gia thì phải đoàn kết họ, tổ chức họ và giải quyết những yêu cầu chính đáng về kinh tế, chính trị của quần chúng nhân dân, đặc biệt của công nhân và nông dân.

Đồng thời có quần chúng tham gia rồi, nhưng nhất thiết phải có một chính đảng vô sản - giống như Đảng Bôn-sê-vích Nga lãnh đạo. Trong bài viết cho báo *Pravda* (Liên Xô), *Cách mạng Tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc*, năm 1967, Hồ Chí Minh cho rằng: bài học lớn của Cách mạng Tháng Mười dành cho cách mạng Việt Nam chính là: “Cần có sự lãnh đạo của một đảng cách mạng chân chính của giai cấp công nhân, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân. Chỉ có sự lãnh đạo của một đảng biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.304.

Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc đi đến thắng lợi và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công”¹.

4. Đường cách mệnh - Từ nghiên cứu lịch sử cách mạng thế giới đến sự hoạch định lời giải đầy đủ cho bài toán độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam

a) Xác định kẻ thù, tính chất và mục tiêu cách mạng

Trên cơ sở xác định mâu thuẫn trong xã hội, đối tượng của cách mạng, yêu cầu bức thiết của nhân dân các nước thuộc địa là độc lập dân tộc, tác phẩm *Đường cách mệnh* đã xác định rõ tính chất và nhiệm vụ của cách mạng thuộc địa là cuộc “dân tộc cách mệnh”, đồng thời cuộc cách mạng giải phóng dân tộc có mối quan hệ mật thiết, không thể tách rời với cuộc “giai cấp cách mệnh” nhằm mục đích đánh đổ đế quốc và tay sai, lật đổ chế độ phong kiến, giải quyết cả hai vấn đề dân tộc và giai cấp đặt ra bức thiết trong lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Về mục tiêu, cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa nhằm đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thiết lập chính quyền của nhân dân. Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu cả các nước thuộc địa, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân và phù hợp với xu thế của thời đại.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.391.

b) Về phương hướng, con đường giải phóng dân tộc Việt Nam

Tác phẩm *Đường kách mệnh* thể hiện rõ nét quan điểm của Nguyễn Ái Quốc khi so sánh và lựa chọn con đường giải phóng dân tộc phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra những nhận xét và rút ra được bài học kinh nghiệm từ sự thất bại của các phong trào yêu nước trước đó. Vì vậy, Người đã quyết định đi sang phương Tây. Trải qua quá trình tìm hiểu lý luận và thực tiễn ở các nước trên thế giới, Người nhận ra các cuộc cách mạng tư sản là không triệt để. Những luận điểm nghiên cứu về cuộc cách mạng Pháp và cách mạng Mỹ trong tác phẩm *Đường kách mệnh* đã giúp Nguyễn Ái Quốc có những phân tích, nhận định tỉ mỉ về hai cuộc cách mạng tư sản điển hình trên thế giới.

Đối với cách mạng Mỹ, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra ý nghĩa của cách mạng Mỹ đối với cách mạng An Nam qua hai luận điểm:

“1. Chính sách Pháp đối với An Nam bây giờ xấu hơn Anh đối với Mỹ trước... Anh chỉ ham tiền của Mỹ, Pháp đã ham tiền lại muốn làm mất nòi, mất giống An Nam đi. Thế mà dân An Nam còn chưa học Mỹ làm cách mệnh!

2. Trong lời tuyên ngôn của Mỹ có câu rằng: “Giời sinh ra ai cũng có quyền tự do, quyền giữ tính mệnh của mình, quyền làm ăn cho sung sướng... Hễ chính phủ nào mà có

hại cho dân chúng, thì dân chúng phải đập đổ Chính phủ ấy đi, và gây lên Chính phủ khác...”¹.

Đối với cách mạng Pháp, Nguyễn Ái Quốc nêu rõ 5 bài học mà cách mạng Pháp có thể làm gương cho cách mạng Việt Nam:

“1. Dân chúng công nông là gốc cách mệnh, tư bản là hoạt đầu, khi nó không lợi dụng được dân chúng nữa, thì nó phản cách mệnh.

2. Cách mệnh thì phải có tổ chức rất bền vững thì mới thành công.

3. Đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều.

4. Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại.

5. Cách mệnh Pháp hy sinh rất nhiều người mà không sợ; ta muốn làm cách mệnh thì cũng không nên sợ phải hy sinh”².

Tuy nhiên, với trí tuệ và óc phê phán tinh tường, trên cơ sở nghiên cứu rất kỹ hai cuộc cách mạng Pháp và cách mạng Mỹ, Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng tư sản là không phù hợp với hoàn cảnh của nước ta. Người đã nghiên cứu cách mạng Mỹ và nhận ra “Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai. Ấy là vì cách mệnh

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.291, 297.

Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi”¹. Còn đối với cách mệnh Pháp, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy “như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là hòa bình và dân chủ nhưng trong thì tước lục công nông, ngoài thì áp bức các dân tộc thuộc địa”. Vì vậy, Người quyết định không đi theo con đường cách mạng tư sản.

Thực tiễn thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã mở ra một bước ngoặt mới, thời đại mới - thời đại giải phóng dân tộc. Cuộc cách mạng đó đã cho nhân dân thế giới thấy được bản chất tốt đẹp của nó. “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam”². Đó cũng là cuộc cách mạng minh chứng cho giá trị đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin. Với những bài học quý báu mà Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 để lại, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy “Cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất. Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mă Khắc Tư và Lênin”². Điều đó có nghĩa là con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp tất yếu phù hợp với

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.292, 304.

hoàn cảnh lịch sử của Việt Nam khi đó chính là con đường cách mạng vô sản.

- Về lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc:

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ nhân tố quyết định hàng đầu đến mọi thắng lợi của cách mạng vô sản là sự lãnh đạo của một chính đảng vô sản theo chủ nghĩa Mác - Lênin. Theo quan điểm Nguyễn Ái Quốc, *cách mạng trước hết phải có Đảng*. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân. Đảng ra đời nhằm mục đích để tập hợp, xây dựng, huấn luyện, lãnh đạo dân chúng và liên lạc với quốc tế trong sự nghiệp đấu tranh chung. Từ đó, Người khẳng định: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp ở khắp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹.

Để làm tròn nhiệm vụ của mình, Đảng “phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa thì cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”². Qua đó Nguyễn Ái Quốc khẳng định, tư cách lãnh đạo của một đảng vô sản chân chính là phải theo chủ nghĩa Mác - Lênin, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.289.

- Về lực lượng, động lực của cách mạng:

Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và khẩu cứu truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử, Nguyễn Ái Quốc khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng bị áp bức. Trong tác phẩm, trả lời cho câu hỏi “Ai là những người cách mệnh?”, Người chỉ rõ “công nông là người chủ cách mệnh”, là “gốc cách mệnh” (tức là lực lượng nòng cốt) bởi:

1. Là vì công nông bị áp bức nặng hơn,
2. Là vì công nông đông đảo nhất cho nên sức mạnh hơn hết,
3. Là vì công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc”¹.

Bên cạnh đó, Nguyễn Ái Quốc cũng đã nhìn thấy vai trò và sự đóng góp của những tầng lớp yêu nước khác trong xã hội Việt Nam. Trong lực lượng đó, “học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; ba hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi”². Vì vậy, cách mạng giải phóng dân tộc là “việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”, phải đoàn kết toàn dân “dân tộc cách mệnh chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền”³.

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.288, 287.

- Về phương pháp cách mạng:

Tuy Nguyễn Ái Quốc chưa trực tiếp đề cập tới quan điểm bạo lực cách mạng, bạo lực quần chúng song khi trả lời luận điểm “cách mạng là khó hay dễ?” thì phần nào Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa như Việt Nam. Người nhấn mạnh: “sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó. Nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc chắn làm được”¹. Đã làm cách mạng, nhất là làm dân tộc cách mạng và giai cấp cách mạng là vấn đề không dễ dàng, ngược lại là *rất khó*, nhưng biết cách làm, có phương pháp làm đúng đắn thì vẫn làm được. Với cách mạng Việt Nam, để giải quyết vấn đề dân tộc và giai cấp thì theo Nguyễn Ái Quốc:

Một là, phải có quyết tâm.

Hai là, phải làm cho dân giác ngộ, “phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu”.

Ba là, phải nắm được tình hình thế giới, “phải hiểu phong trào thế giới, phải bày sách cho dân”.

Bốn là, cách mệnh phải tập trung, đoàn kết dưới sự lãnh đạo của chính đảng cách mạng chân chính, tránh tình trạng chia rẽ “phái này bọn kia, như dân ta người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc, nên nổi sức yếu đi, như dưa mỗi chiếc mỗi nơi”².

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.288, 289.

c) Về vấn đề đoàn kết quốc tế và quan hệ cách mạng thuộc địa với cách mạng chính quốc

Trong phong trào cộng sản quốc tế đã từng tồn tại quan điểm cho rằng, cách mạng thuộc địa phụ thuộc vào thắng lợi của cách mạng vô sản ở chính quốc, song với quan điểm vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của cách mạng Việt Nam, ngay trong báo cáo tham dự Đại hội V của Quốc tế Cộng sản (1924), Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa...”¹. Đến tác phẩm *Đường cách mệnh*, quan điểm đúng đắn và sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc tiếp tục phát triển lên nhằm khẳng định mối quan hệ bình đẳng, mật thiết chứ không phải quan hệ chính phụ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc với cách mạng vô sản ở thuộc địa.

Một trong những đóng góp về tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc trong tác phẩm *Đường cách mệnh* chính là việc nhấn mạnh tầm quan trọng của xây dựng tình đoàn kết quốc tế, quan hệ bình đẳng trong sự nghiệp đấu tranh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc, thực dân. Người nhấn mạnh, giữa dân tộc cách mệnh và thế giới cách mệnh có mối quan hệ mật thiết với nhau như “An Nam dân tộc cách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.295.

nông Pháp làm giai cấp cách mệnh cũng dễ. Và nếu công nông Pháp cách mệnh thành công, thì dân tộc An Nam sẽ được tự do. Vậy nên cách mệnh An Nam với cách mệnh Pháp phải liên lạc với nhau”¹. Đây là luận điểm sáng tạo, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn; cống hiến quan trọng của Nguyễn Ái Quốc vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn cách mạng Việt Nam đã chứng minh luận điểm của Hồ Chí Minh là đúng đắn.

5. Đường cách mệnh - Bức tranh toàn cảnh về phong trào cách mạng thế giới và các tổ chức quốc tế

Để làm rõ “phong trào cách mạng thế giới” và vấn đề kinh nghiệm của cách mạng thế giới nhằm xây dựng phương pháp cách mạng đúng đắn, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã chú trọng giới thiệu về “quốc tế”, bao gồm lịch sử hình thành, quá trình hoạt động, vị trí, vai trò của Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) tính đến năm 1927; đồng thời giới thiệu tương đối tỉ mỉ về các tổ chức quần chúng của Quốc tế III như Phụ nữ quốc tế, Công nhân quốc tế, Cộng sản thanh niên quốc tế, Quốc tế giúp đỡ, Quốc tế cứu tế đỏ. Cuốn sách cũng dành một phần tương đối để trình bày về một số mô hình tiêu biểu mà cách mạng Việt Nam có thể xem xét, học tập như Công hội, Nông hội (tổ chức dân cày) và Hợp tác xã. Điểm thú vị trong nội dung này của tác phẩm chính là Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến Quốc tế III trong sự đối sánh với Quốc tế II

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.287.

giúp cho người nghe, người đọc dễ hình dung và có một thái độ chính trị đúng đắn.

Đề cập tới mục đích ra đời của Quốc tế, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh: “Quốc tế nghĩa là người trong thế giới, bất kỳ nước nào, dân tộc nào, có một mục đích như nhau, hợp sức nhau làm cho đến mục đích ấy... Chúng ta cách mệnh thì cũng phải liên lạc tất cả các đảng cách mệnh trong thế giới để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa (như Đế tam quốc tế)”¹. Rõ ràng, với nhãn quan chính trị rộng lớn và trí tuệ thiên tài, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy rõ, trong phong trào cách mạng thế kỷ XX, cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Sức mạnh của cách mạng thuộc địa, trong đó có cách mạng Việt Nam và Đông Dương sẽ tăng lên gấp bội khi có sự ủng hộ, giúp đỡ của các tổ chức quốc tế. Về vấn đề thực hiện đoàn kết quốc tế, trong các tác phẩm, bài viết trước đó, trong đó có *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc đã đề cập đến cách mạng Nga, Trường Đại học phương Đông, tổ chức Nông dân quốc tế và kêu gọi:

“Hỡi anh chị em cùng khổ ở các thuộc địa!

Hãy đoàn kết lại!

Hãy tổ chức lại!

Hãy phối hợp hành động của anh chị em với hành động của chúng tôi, chúng ta cùng nhau đấu tranh cho công cuộc giải phóng chung”².

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.305, 136.

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh sâu sắc một số điểm mới khi đề cập đến vấn đề phong trào cách mạng thế giới:

Thứ nhất, Nguyễn Ái Quốc chỉ ra sự khác biệt về bản chất giữa Đệ tam quốc tế (tức Quốc tế Cộng sản, Quốc tế III) so với Quốc tế II và Quốc tế I. Quốc tế III khác với Quốc tế I - theo quan điểm của Nguyễn Ái Quốc trong tác phẩm ở 4 điểm:

a) Đệ nhất quốc tế nhỏ, Đệ tam quốc tế to;

b) Đệ nhất quốc tế chỉ lý luận, Đệ tam quốc tế đã thực hành;

c) Đệ nhất quốc tế không thống nhất, Đệ tam quốc tế chỉ huy tất cả các đảng cộng sản trong các nước phải theo;

d) Đệ nhất quốc tế chỉ nói: “Thế giới giai cấp vô sản liên hợp”; Đệ tam quốc tế nói thêm “Vô sản giai cấp và dân tộc bị áp bức trong thế giới liên hiệp lại”. Đệ nhất quốc tế không bắt hội viên giúp dân tộc thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa như Đệ tam quốc tế¹.

Theo quan điểm của Nguyễn Ái Quốc, Quốc tế III khác với Quốc tế II ở 3 điểm, đó là: *một là*, Quốc tế Cộng sản chủ trương “đập đổ chủ nghĩa tư bản làm thế giới cách mệnh” còn Quốc tế II chủ trương “làm huê với tư bản” mà nguyên nhân là do “tội hoạt đầu” làm phản cách mạng; *hai là*, Quốc tế Cộng sản thành lập còn nhằm mục đích để

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.2, tr.311.

“giúp dân thuộc địa chống lại đế quốc chủ nghĩa” trong khi đó đệ nhị quốc tế “giúp đế quốc chủ nghĩa đè nén dân thuộc địa (Toàn quyền Varen là hội viên Đệ nhị quốc tế)”¹; *ba là*, về phương pháp tập hợp lực lượng cách mạng thì Quốc tế III dạy cho giai cấp vô sản muốn làm cách mạng cần hợp sức với các giai cấp, tầng lớp khác “bất kỳ nòi giống nào, nghề nghiệp gì, tôn giáo gì” miễn là có tinh thần cách mạng, còn ngược lại Quốc tế II thì “xui dân nước này chống lại dân nước kia, nghề nghiệp này chống lại nghề nghiệp khác”. Trên cơ sở so sánh như vậy, Nguyễn Ái Quốc mong muốn cách mạng An Nam nhận thức đúng bản chất và ủng hộ Quốc tế Cộng sản “Đệ tam quốc tế là một Đảng Cộng sản thế giới. Các đảng các nước là như chi bộ, đều phải nghe theo kế hoạch và quy tắc chung. Việc gì chưa có mệnh lệnh và kế hoạch Đệ tam quốc tế thì các đảng không được làm”².

Thứ hai, tác phẩm đánh dấu một bước phát triển trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh khi đề cập toàn diện, chi tiết hơn về các tổ chức quốc tế có liên quan tới các giai cấp, tầng lớp yêu nước đang tồn tại trong xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX như công nhân, nông dân, phụ nữ... Đối với từng tổ chức như Phụ nữ quốc tế, Công nhân quốc tế, Cộng sản thanh niên quốc tế, Quốc tế giúp đỡ, Quốc tế cứu tế đỏ, Cách tổ chức công hội, Tổ chức dân cày,...

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.311, 310.

Nguyễn Ái Quốc luôn đề cập tỉ mỉ về khái niệm, lịch sử, mục đích ra đời tổ chức, cách thức tổ chức hoạt động và ý nghĩa đối với cách mạng Việt Nam. Ví dụ, khi đề cập đến khái niệm công hội, muốn để người nghe dễ hiểu, dễ nhớ, Người giải thích “Tổ chức công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình; hai là để nghiên cứu với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khá hơn bây giờ; bốn là để giữ quyền lợi cho công nhân; năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới”¹. Về lý do thành lập tổ chức dân cày, Nguyễn Ái Quốc luận giải là do “nước ta kinh tế chưa phát đạt, trong 100 người thì đến 90 người là dân cày. Mà dân cày ta rất cực khổ, nghề không có mà làm, đất không đủ mà cày, đến nỗi cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc”², “nếu dân cày An Nam muốn thoát khỏi vòng cay đắng ấy thì phải tổ chức nhau để kiếm đường giải phóng”³. Chỉ trong một vài nhận định ngắn đã cho thấy nhận thức của Nguyễn Ái Quốc về sự đông đảo và vai trò của giai cấp nông dân trong xã hội và có thêm căn cứ giải thích vì sao trong đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (1930) xác định một trong hai khẩu hiệu cách mạng là “người cày có ruộng”. Hay khi giải thích về mô hình hợp tác xã, Người giải thích với ngôn từ hết sức giản dị, mộc mạc mà vẫn đúng bản chất. Hợp tác xã là

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.330, 337, 339.

“góp gạo thổi cơm chung cho khỏi hao của, tốn công, lại có nhiều phần vui vẻ”, là “nếu chúng ta đứng riêng ra, thì sức nhỏ, mà không làm nên việc. Thí dụ mỗi người mang một cái cột, một tấm tranh ở riêng mỗi người một nơi, thì lều chẳng ra lều, nhà chẳng ra nhà. Nhóm những cái cột ấy, tranh ấy, sức ấy, làm ra một cái nhà rộng rãi bề thế rồi anh em ở chung với nhau. Ấy là hợp tác”¹.

Những luận điểm của Nguyễn Ái Quốc về vấn đề phong trào cách mạng thế giới luôn được hiển thị trong các tác phẩm của Người trong những năm tháng hoạt động cách mạng sôi nổi thập niên 20 của thế kỷ XX, trong đó có tác phẩm *Đường cách mệnh*, trở thành điểm tựa để sau này góp vào sự hình thành đường lối chiến lược và sách lược của Đảng Cộng sản Việt Nam.

III- GIÁ TRỊ, Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

Ra đời trong hoàn cảnh lịch sử hết sức đặc biệt, những quan điểm của Hồ Chí Minh về tư cách đạo đức của người cách mạng thể hiện trong phần mở đầu tác phẩm *Đường cách mệnh* chính là *bản tuyên ngôn sâu sắc về phẩm giá* của một người cách mạng chân chính, hình thành một phạm trù đạo đức mới - đạo đức người cộng sản, đạo đức người cán bộ. Những quan điểm đó của Người đã trở thành tri thức lý luận sâu sắc, bài học quý báu trang bị

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.343.

cho Đảng Cộng sản Việt Nam vững bước trên con đường lãnh đạo nhân dân cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như trong công tác xây dựng, chỉnh đốn cách nghĩ, cách làm, cách ứng xử của cán bộ, đảng viên. Qua đó cũng cho thấy rõ, trong tư duy, trí tuệ của Hồ Chí Minh, vị trí vai trò, tầm quan trọng của người cán bộ và công tác cán bộ có mối liên hệ biện chứng với nhau. Muốn có đội ngũ cán bộ tốt, đội ngũ cán bộ thật sự là “gốc của mọi công việc” thì công tác cán bộ là một cơ sở, điều kiện để xây dựng đội ngũ cán bộ tốt, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác đặt ra trong thời kỳ đổi mới đất nước với nhiều thời cơ và thách thức như giai đoạn hiện nay.

Về giá trị lý luận, thông qua tác phẩm *Đường cách mạng*, Nguyễn Ái Quốc - Người cộng sản đầu tiên của Việt Nam đã trình bày những điều cốt lõi của học thuyết cách mạng Mác - Lênin phù hợp với điều kiện của một nước thuộc địa nửa phong kiến, nông nghiệp lạc hậu. Điều này khẳng định tính phổ biến của các nguyên lý của học thuyết Mác - Lênin trên phạm vi toàn cầu, không chỉ ở châu Âu mà còn cả ở phương Đông và châu Á. Tác phẩm đánh dấu một giai đoạn mới trong nhận thức lý luận của Nguyễn Ái Quốc, góp phần phát triển sáng tạo nhiều vấn đề trong lý luận cách mạng Mác - Lênin.

Về giá trị thực tiễn, tác phẩm có vai trò quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam những năm 20 của thế kỷ XX, trong việc kết hợp phong trào yêu nước với chủ nghĩa Mác, tạo lập các tiền đề tư tưởng

lý luận cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930; góp phần khắc phục sự khủng hoảng về đường lối cứu nước của dân tộc, khẳng định rõ xu hướng lựa chọn con đường cách mạng của Việt Nam, vừa thỏa mãn được nhu cầu khách quan của đất nước, vừa phù hợp với xu thế thời đại sau Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917; trở thành cuốn sách gối đầu giường của nhiều thế hệ cách mạng Việt Nam, tài liệu mẫu mực trong việc học tập, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, nhất là trong những giai đoạn lịch sử có sự thay đổi mang tính chất bước ngoặt.

Học tập di sản tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng về đạo đức cán bộ cách mạng trong *Đường cách mệnh* nói riêng, Đảng và Nhà nước ta đã và đang vận dụng sáng tạo và đi đúng hướng trong công tác cán bộ. Nghị quyết Đại hội XI của Đảng đã khẳng định: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác cán bộ. Thực hiện tốt *Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục những yếu kém trong từng khâu của công tác cán bộ...”¹.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta xác định: “Xây dựng đội ngũ cán bộ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.261.

có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống lành mạnh, không quan liêu, tham nhũng, lãng phí, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, có tư duy đổi mới, sáng tạo, có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”¹. Thực chất, quan điểm này của Đảng chính là sự vận dụng sáng tạo di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về tư cách của người cán bộ cách mạng chân chính được nêu trong tác phẩm *Đường cách mệnh* mà Người viết cách đây gần một thế kỷ.

Sau 35 năm đổi mới, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã thu được những thành quả nhất định, trong đó có sự đóng góp to lớn của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc thực hiện chức trách của mình, cán bộ, đảng viên bộc lộ nhiều khuyết điểm yếu kém, đặc biệt là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/01/2012 và Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 Ban Chấp hành Trung ương đã khẳng định, đây là vấn đề cấp bách, cần phải giải quyết trong công tác cán bộ. Đảng ta đã chỉ rõ 27 biểu hiện của tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và biểu hiện của “tự diễn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.292-293.

biến, tự chuyển hóa trong nội bộ”¹ cán bộ, đảng viên. Từ thực trạng trên, Đảng ta đã đưa ra hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác đánh giá cán bộ. Tuy nhiên, để thực hiện tốt các giải pháp đó, bản thân người cán bộ cách mạng phải tự nhận thức, tự đánh giá được phẩm chất, tư cách đạo đức của bản thân và nghiêm khắc khắc phục những sai lầm, khuyết điểm, trau dồi phẩm chất và năng lực, hoàn thiện đạo đức và chuyên môn của bản thân, hoàn thành nhiệm vụ Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó.

Đối với giáo dục Việt Nam, những quan điểm của Hồ Chí Minh có vai trò định hướng, chỉ dẫn vô cùng quan trọng trong việc nâng cao năng lực, đạo đức nghề nghiệp của người giáo viên trên cơ sở mỗi nhà giáo phải tự ý thức về sự tự trau dồi tư cách nghề nghiệp của bản thân. Thế kỷ XXI chứng kiến những tác động to lớn có tính nghịch lý, hai chiều đối với giáo dục Việt Nam nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Bài toán đổi mới giáo dục đã và đang được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ lưỡng ở tất cả các yếu tố, các khâu để tìm ra đáp số đúng nhất thỏa mãn yêu cầu của xã hội.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.29.

Đặt trong bối cảnh đó, vấn đề xác định tư cách, phẩm giá người giáo viên càng cần được quan tâm, nhận thức và thực hành một cách nghiêm túc, thường xuyên. Những yêu cầu về việc nâng cao đạo đức nghề nghiệp, nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho tới quá trình tương tác với đồng nghiệp của giáo viên là cơ sở và nền tảng để nâng cao phẩm chất và năng lực nghề nghiệp họ tại các trường ở Việt Nam hiện nay.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày các nhân tố tác động đến sự ra đời của tác phẩm *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc? Theo anh/chị, yếu tố nào là quan trọng nhất? Tại sao?

2. Bằng những dẫn chứng cụ thể, hãy chứng minh tác phẩm *Đường cách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc là một trong những bảo vật quốc gia của Việt Nam?

3. Anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định sau: “Từ *Bản án chế độ thực dân Pháp* đến *Đường cách mệnh* là một bước phát triển trong nhận thức, tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc về vấn đề cách mạng thuộc địa”?

4. Quan niệm về tư cách của người cách mạng được Nguyễn Ái Quốc đề cập đến trong tác phẩm như thế nào? Liên hệ đến thực tiễn hiện nay.

5. Phân tích giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm *Đường cách mệnh*? Tác phẩm có ý nghĩa như thế nào đối với công cuộc đổi mới đất nước và đổi mới giáo dục hiện nay?

CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN (1930)

A. MỤC TIÊU

Theo cách tiếp cận mới về mục tiêu dạy học dựa trên định hướng năng lực và phẩm chất người học, dạy học tác phẩm Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo năm 1930 góp phần hướng tới các mục tiêu cụ thể như sau:

- Về *phẩm chất*: Việc học tập, nghiên cứu tác phẩm *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng là cơ sở góp phần xây dựng và củng cố cho người học ý thức tôn kính và biết ơn sâu sắc đối với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, có ý thức nâng cao lòng tự hào về Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Tổ quốc Việt Nam; học tập sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc; chống lại những tư tưởng phản động, sai trái, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh của các thế lực thù địch và có niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Về *năng lực*: Thông qua việc học tập, nghiên cứu tác phẩm *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng năm 1930 do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, những năng lực sẽ được hình thành ở người học đó là: năng lực giải quyết vấn đề (hiểu được hoàn cảnh lịch sử ra đời, phân tích được nội

dung cốt lõi và hiểu được giá trị của tác phẩm); năng lực tự học và sáng tạo; năng lực làm việc nhóm; năng lực tư duy phản biện (thông qua việc nhận thiết kế và tổ chức các hoạt động tìm hiểu về tác phẩm dưới định hướng của giảng viên bộ môn); năng lực vận dụng thực tiễn,...

B. NỘI DUNG

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ BỐ CỤC CỦA TÁC PHẨM

1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Trong thời gian nửa sau năm 1929, sự ra đời của ba tổ chức cộng sản đã khẳng định bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, chứng tỏ hệ tư tưởng cộng sản đã giành được ưu thế trong phong trào dân tộc. Đó là một xu thế khách quan của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Các tổ chức cộng sản đã nhanh chóng phát triển cơ sở trong nhiều địa phương và trực tiếp lãnh đạo các cuộc đấu tranh của quần chúng. Tuy nhiên, các tổ chức đó đều hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau, thậm chí công kích lẫn nhau làm cho phong trào cách mạng trong cả nước có nguy cơ bị chia rẽ lớn.

Với chức trách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có quyền quyết định mọi vấn đề liên quan tới phong trào cách mạng ở Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc (sau này là Hồ Chí Minh) đã chủ động triệu tập đại biểu của ba tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn tại bán đảo

Cửu Long (Hương Cảng - Trung Quốc) nhằm bàn việc thống nhất các tổ chức cộng sản. Tuy nhiên, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn đã không đến kịp.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản bắt đầu họp từ ngày 06/01/1930 đến ngày 07/02/1930, do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Hội nghị đã thảo luận và nhất trí với ý kiến của Nguyễn Ái Quốc là thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng và Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam* do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản có ý nghĩa như một đại hội thành lập Đảng. *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam* do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo được thông qua tại Hội nghị sau này được coi là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Bố cục của tác phẩm

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam gồm: *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng và Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Tuy các văn kiện mang tính vắn tắt nhưng đã toát lên nhiều vấn đề cơ bản thuộc về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam.

II- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo năm 1930 đã xác định đường lối chiến lược cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là tiến hành cuộc “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”

Xuất phát từ những đặc điểm thực tiễn trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước Việt Nam cuối những năm 20 của thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc đã nhìn nhận và kịp thời phát hiện ra bản chất của những mâu thuẫn đang tồn tại trong lòng xã hội Việt Nam, do đó khi chấp bút khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã viết: “Tư bản bản xứ đã thuộc tư bản Pháp, vì tư bản Pháp hết sức ngăn trở sức sinh sản làm cho công nghệ bản xứ không thể mở mang được. Còn về nông nghệ một ngày một tập trung đã phát sinh ra lắm khủng hoảng, nông dân thất nghiệp nhiều. Vậy tư bản bản xứ không có thể lực gì ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc được, chỉ bọn đại địa chủ mới có thể lực và đứng hẳn về phe đế quốc chủ nghĩa”¹. Đây là xuất phát điểm quan trọng của Nguyễn Ái Quốc trong việc xác lập đường lối cách mạng đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.1.

Nếu như C. Mác tập trung luận bàn về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, V.I. Lênin đề cập nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc thì Nguyễn Ái Quốc lại tập trung nghiên cứu, luận giải về vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân các dân tộc thuộc địa. Thời điểm Nguyễn Ái Quốc khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, nước Việt Nam vẫn là một thuộc địa của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam lúc này vẫn mang tính chất là xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Trong bối cảnh đó, cuộc đấu tranh cách mạng ở Việt Nam là một cuộc đấu tranh dân tộc hay đó là cuộc đấu tranh giai cấp? Việc xác định mấu chốt của vấn đề này có ý nghĩa quyết định sự đúng đắn trong đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Bằng sự nhạy cảm chính trị và tầm nhìn xa rộng, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thấy yêu cầu bức thiết của xã hội Việt Nam lúc này là phải tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc để giành độc lập dân tộc. Để tiến hành cách mạng giành độc lập dân tộc nhất thiết phải xác định con đường phát triển của dân tộc. Xác định con đường phát triển của dân tộc là việc làm có ý nghĩa quan trọng trực tiếp quy định những yêu cầu và nội dung của cuộc đấu tranh cách mạng giành độc lập dân tộc. Trên cơ sở nắm bắt những đặc điểm của thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam, từ thực tiễn phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân Việt Nam kết hợp với việc vận dụng sáng tạo lý luận cách mạng của V.I. Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định phương hướng phát triển của dân tộc

Việt Nam trong bối cảnh thời đại mới là chủ nghĩa xã hội. Trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹.

Xác định rõ chủ trương “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”², nghĩa là làm cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Chủ trương đó là cơ sở xác lập đường lối chiến lược cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, quy định giai đoạn đầu của tiến trình cách mạng Việt Nam là cuộc đấu tranh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân với hai nhiệm vụ chiến lược là chống đế quốc và phong kiến, nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ đặt lên trước hết, trên hết; nhiệm vụ dân chủ là nhiệm vụ phải được thực hiện đồng thời, song tiến hành từng bước, căn cứ theo tiến trình giải phóng dân tộc và nhằm hỗ trợ nhiệm vụ giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Từ việc xác định đường lối chiến lược cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là tiến hành cuộc “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”³ trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng đã cho thấy sự hoạch định chiến lược mang tính biện chứng và khách quan của Nguyễn Ái Quốc về con đường phát triển của dân tộc Việt Nam, phù hợp với hoàn

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.3, tr.1.

cảnh lịch sử - cụ thể và tình hình trong đời sống kinh tế - xã hội cụ thể ở Việt Nam.

Độc lập dân tộc trở thành nội dung cốt lõi của *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi soạn, phản ánh khát vọng chính đáng của quảng đại quần chúng nhân dân Việt Nam, là động lực thôi thúc hành động thực tiễn cách mạng của mỗi đảng viên, cán bộ và toàn thể nhân dân Việt Nam. Đồng thời, *độc lập dân tộc* đã phản ánh tư tưởng lớn, chứa đựng sức sáng tạo độc đáo của Nguyễn Ái Quốc trong hoạch định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam: Độc lập dân tộc là mục tiêu cốt yếu, là yêu cầu trực tiếp trước mắt và tiên đề, là điều kiện đảm bảo chắc chắn để dân tộc Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Năm 1960, trong một bài viết đăng trên báo *Nhân dân*, số 2120, ngày 06/1/1960, Nguyễn Ái Quốc lúc này với tên gọi Hồ Chí Minh đã tổng kết: “Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn. Trong bản *Cương lĩnh cách mạng tư sản dân quyền năm 1930*, Đảng đã nêu rõ nhiệm vụ *chống đế quốc và chống phong kiến*, thực hiện dân tộc độc lập, người cày có ruộng. Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta là nông dân. Vì vậy, Đảng đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn chung quanh giai cấp mình”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.407.

2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo nêu ra những nhiệm vụ quan trọng và cụ thể của cách mạng Việt Nam trên các phương diện chính trị, kinh tế, xã hội

Sau khi phân tích thực tiễn tình hình xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX tới cuối những năm 20 của thế kỷ XX, dưới sự thống trị của thực dân Pháp và triều đình phong kiến nhà Nguyễn, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo đã vạch ra đường lối chiến lược cách mạng Việt Nam là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”, tức là làm cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Để thực hiện đường lối chiến lược cách mạng đó, trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên những nhiệm vụ cơ bản, quan trọng trên các phương diện chính trị, kinh tế, xã hội.

Một là, những nhiệm vụ trên phương diện chính trị.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp và triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã khiến cho tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội Việt Nam ngày càng khủng hoảng trầm trọng, đời sống của hầu hết các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động Việt Nam ngày thêm cơ cực. Trong bối cảnh đó, khát vọng lớn nhất đồng thời là khát vọng chính đáng của toàn thể dân tộc Việt Nam là dân tộc Việt Nam được hoàn toàn độc lập, tự do. Nắm bắt được quy luật cách mạng “có áp bức, có đấu tranh”, muốn giành

được độc lập, tự do ắt toàn thể nhân dân Việt Nam phải vùng lên chống lại kẻ thù hòng thực hiện khát vọng độc lập tự do chính đáng của mình, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo đã nêu lên những nhiệm vụ chính trị cụ thể:

“*Về phương diện chính trị:*

- a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.
- b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.
- c) Dựng ra Chính phủ công nông binh.
- d) Tổ chức ra quân đội công nông”¹.

Trong bốn nhiệm vụ về phương diện chính trị nêu lên trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930, Nguyễn Ái Quốc xác định nhiệm vụ đầu tiên mà nhân dân Việt Nam phải thực hiện là nhiệm vụ: “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến”. Đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến là điều kiện tiên quyết, cốt tử đảm bảo cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập. Ngay khi đất nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập, những công việc chính trị đặt ra kế tiếp đối với sự nghiệp cách mạng là dựng ra chính phủ của toàn thể nhân dân Việt Nam: “chính phủ công nông binh” và tổ chức ra quân đội công nông.

Chỉ với 39 từ nhưng những nhiệm vụ đề ra trên phương diện chính trị của bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930 do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.1.

đã phản ánh quy luật khách quan, đáp ứng nhu cầu bức thiết của toàn thể nhân dân Việt Nam về nước Việt Nam độc lập, tự do. Bốn nhiệm vụ nêu trên là những nhiệm vụ vừa cụ thể, vừa trực tiếp có ý nghĩa hiện thực hóa đường lối chiến lược cách mạng “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

Thứ hai, những nhiệm vụ trên phương diện kinh tế.

Đề xuất các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam xét trên phương diện kinh tế, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930 do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo đã xác định những nhiệm vụ cụ thể và đối tượng cụ thể trong từng nhiệm vụ.

Đối với đế quốc Pháp và tay sai phản động của chúng: Đặt nền thống trị tại Việt Nam ngay sau khi hoàn tất quá trình xâm lược, thực dân Pháp và tay sai đã tiến hành những chính sách bóc lột dã man đối với nhân dân Việt Nam, nhất là qua hai lần khai thác thuộc địa. Xét trên phương diện kinh tế, thực dân Pháp đã có những thủ đoạn bóc lột nhân dân lao động Việt Nam từ chính sách tịch thu ruộng đất, thuê tóm đồn điền, độc chiếm các hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải,... độc quyền phân phối hàng hóa nhu yếu phẩm,... Qua cách thức bóc lột kinh tế đó, thực dân Pháp vừa thỏa mãn tham vọng vật chất làm giàu cho chính quốc Pháp, vừa tạo tiềm năng vật chất nuôi sống thực dân Pháp, tay sai và gia tăng tiềm năng sức mạnh cai trị của chúng đối với nhân dân Việt Nam. Thực tiễn đó đặt ra cho

cách mạng Việt Nam trong quá trình đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và phong kiến nhất thiết phải đánh đổ, phải hủy bỏ những cơ sở kinh tế đóng vai trò nuôi sống đế quốc chủ nghĩa Pháp và tay sai. Từ thực tiễn đó, khi khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên những nhiệm vụ quan trọng, cụ thể đặt ra đối với cách mạng Việt Nam: “a) Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; b) Thu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; c) Thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo”¹.

Đối với nhân dân Việt Nam: Trong suốt thời gian thực dân Pháp xâm lược và đặt ách thống trị tại Việt Nam, nhân dân Việt Nam sớm phải chịu sự áp bức bóc lột vô cùng hà khắc của thực dân Pháp và tay sai thông qua những chính sách sưu cao thuế nặng, bóc lột tột cùng sức lao động, kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế nông nghiệp, công nghiệp Việt Nam,... nhằm duy trì tình trạng nghèo nàn lạc hậu của nền kinh tế Việt Nam và cột chặt nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế Pháp, mãi biến Việt Nam là thị trường độc chiếm của tư bản Pháp. Nhằm giải thoát khỏi sự phụ thuộc của nền kinh tế Việt Nam vào kinh tế đế quốc Pháp, giải phóng sức lao động của nhân dân Việt Nam và vực dậy nền kinh tế

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.1-2.

Việt Nam, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930 do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo đã xác định: “d) Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; e) Mở mang công nghiệp và nông nghiệp; f) Thi hành luật ngày làm 8 giờ”¹.

Thứ ba, những nhiệm vụ trên phương diện xã hội.

Sống dưới sự thống trị của thực dân Pháp và tay sai, nhân dân Việt Nam không được hưởng quyền tự do dân chủ, mọi hoạt động xã hội cơ bản, tối thiểu nhất của con người đều không được thực hiện, như quyền được tự do hội họp, quyền bình đẳng giới, quyền được học hành,... Thấu hiểu nỗi cơ cực này của nhân dân Việt Nam, chính tại nước Pháp ngay từ năm 1919, nhân dịp các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp Hội nghị Vécxây, Nguyễn Ái Quốc đã thay mặt nhóm người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi tới Hội nghị *Bản yêu sách của nhân dân An Nam*, trong đó Bản yêu sách đã nêu lên vấn đề tự do báo chí và tự do ngôn luận, tự do lập hội và hội họp, tự do học hành,... nhằm tố cáo chính sách thực dân của Pháp và đòi chính phủ Pháp phải thực hiện các quyền tự do, dân chủ, bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Từ *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* năm 1919 đến Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã không ngừng đấu tranh vì quyền lợi chính đáng của nhân dân Việt Nam. Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, với tư cách là lãnh tụ của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.2.

phong trào cách mạng Việt Nam, là người khởi thảo, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ những nhiệm vụ trên phương diện xã hội của cách mạng Việt Nam: “A. Về phương diện xã hội thì:

- a) Dân chúng được tự do tổ chức;
- b) Nam nữ bình quyền, v.v..
- c) Phổ thông giáo dục theo công nông hóa”¹.

Những nhiệm vụ của cách mạng về phương diện xã hội được nêu lên trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930, đã phản ánh những yêu cầu khách quan của nhân dân Việt Nam về những quyền cơ bản: được tự do tổ chức, được thực hiện bình đẳng giới, được học hành,... Đồng thời, phản ánh bản chất của đường lối cách mạng chân chính luôn luôn lấy quyền lợi chính đáng của nhân dân Việt Nam làm mục tiêu, làm động lực trong suốt quá trình hoạt động.

Như vậy, từ việc xác định những nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam nêu lên trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã phổ quát tất cả các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Đó là những vấn đề thiết thực cần giải quyết, trực tiếp và khách quan phản ánh khát vọng và đặt ra những yêu cầu chính đáng của toàn thể nhân dân đối với cách mạng Việt Nam trong bối cảnh cả dân tộc Việt Nam đang trong cơn nguy biến dưới ách thống trị

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.2.

hết sức dã man, phản động của chủ nghĩa thực dân Pháp và chế độ phong kiến.

3. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo chứa đựng tư tưởng chiến lược lớn về xây dựng lực lượng cách mạng Việt Nam

Trước hết, lực lượng cách mạng Việt Nam là công nhân, nông dân.

Trước ba năm khi khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, tức năm 1927, trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Nguyễn Ái Quốc đã nêu lên câu hỏi lớn “Ai là những người cách mệnh?”¹. Người viết: “Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết. Khi trước tư bản bị phong kiến áp bức cho nên nó cách mệnh. Bây giờ tư bản lại đi áp bức công nông, cho nên công nông là người chủ cách mệnh.

1. Là vì công nông bị áp bức nặng hơn,

2. Là vì công nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết,

3. Là vì công nông là tay sai không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những cơ ấy, nên công nông là gốc cách mệnh”². Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, lớp công nhân Việt Nam đầu tiên xuất hiện gắn liền với

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.288.

cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (năm 1897) và thực sự trở thành giai cấp công nhân Việt Nam từ công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp lần thứ hai (1924 - 1929), vốn xuất thân từ nông dân, bị thực dân phong kiến bóc lột, bản cùng hóa nên công nhân Việt Nam có mối quan hệ gần gũi nhiều mặt với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác. Ở một nước nông nghiệp lạc hậu, nền kinh tế lấy nông nghiệp là hoạt động chính, nông dân là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam, nông dân Việt Nam bị đế quốc, phong kiến áp bức bóc lột nặng nề. Do đó, yêu cầu khách quan đặt ra đối với cuộc cách mạng giải phóng dân tộc muốn giành được thắng lợi nhất thiết phải thu phục, lôi cuốn được nông dân đi theo và xây dựng nên khối liên minh công - nông làm động lực cho cách mạng.

Tiếp nối tư tưởng về vấn đề lực lượng cách mạng trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, năm 1927, Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời phát hiện vai trò lịch sử của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng “tư sản dân quyền cách mệnh và thổ địa cách mệnh để đi tới xã hội cộng sản”. Do đó, khi khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã đề ra sách lược: “1. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng; 2. Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân

cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trúc bọn đại địa chủ và phong kiến”¹.

Kế thừa lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về liên minh công - nông và vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, song việc đánh giá vai trò của giai cấp nông dân trong khối liên minh công - nông của Nguyễn Ái Quốc có sự sáng tạo phù hợp với tình hình thực tiễn cách mạng ở Việt Nam. Nếu chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh tới tính hạn chế của giai cấp nông dân ở tính chất tư hữu, thì Nguyễn Ái Quốc phát hiện ở giai cấp nông dân Việt Nam là lực lượng đông đảo và nhận thấy ở họ khả năng đấu tranh chống áp bức bóc lột. Lực lượng cách mạng Việt Nam là toàn thể nhân dân Việt Nam, tuy nhiên vị trí và vai trò của từng giai cấp, tầng lớp xã hội có sự khác nhau, trong đó bộ phận trung tâm trong lực lượng cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là liên minh công nông do giai cấp công nhân với đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Thứ hai, sách lược thu hút, tập hợp rộng rãi các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động khác nhau vào trận tuyến đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

Bối cảnh lịch sử dân tộc Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX tới cuối những năm 20 của thế kỷ XX, nhất là những

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.3.

chuyển biến về kinh tế, về giai cấp xã hội Việt Nam qua cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, đã khiến nền kinh tế Việt Nam thêm nghèo nàn, lạc hậu và ngày càng bị cột chặt vào nền kinh tế Pháp; nhân dân Việt Nam sống cuộc sống cực khổ dưới ách thống trị của thực dân Pháp, cùng với nông dân, công nhân - là những giai cấp chiếm số lượng lớn trong xã hội, các tầng lớp lao động khác như tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, viên chức, trí thức đều chung cuộc sống điều đứng, địa chủ nhỏ cũng bị sa sút, một số tư sản dân tộc bị phá sản.

Đặt trong bối cảnh lịch sử đó của dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thức sâu sắc nỗi thống khổ của nhân dân Việt Nam, tuy ở những giai cấp, tầng lớp khác nhau song tựu trung họ có những điểm tương đồng: họ đều là những người dân mất nước, mất cuộc sống tự do, tự chủ; họ đều đang sống trong kiếp đời nô lệ, phụ thuộc; họ đều là những người dân Việt Nam cùng chịu ách áp bức của thực dân, phong kiến vậy nên trong họ đều có tinh thần dân tộc dù ít hay nhiều,... Trong khi đó, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân chứ không phải là công việc của một vài người hay một giai cấp, một tầng lớp cụ thể nào trong xã hội. Từ xuất phát điểm này, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thức sâu sắc để sự nghiệp cách mạng thành công, Đảng Cộng sản Việt Nam nhất thiết phải thu hút, giác ngộ và tập hợp rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp khác nhau trong xã hội Việt Nam vào lực lượng cách mạng Việt Nam.

Trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam, mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ”¹.

Đối với giai cấp tiểu tư sản (gồm những người buôn bán nhỏ, chủ xưởng nhỏ, thợ thủ công, học sinh, sinh viên, công chức, trí thức,...). Nếu chủ nghĩa Mác - Lênin coi tiểu tư sản, trí thức là tầng lớp trung gian trong lực lượng cách mạng vô sản, thì Nguyễn Ái Quốc xem đây là tầng lớp đồng minh gần gũi của công nhân và nông dân. Do đó, khi chấp bút khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức,... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp”².

Đối với giai cấp tư sản dân tộc: Giai cấp tư sản Việt Nam là giai cấp ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ nhất và sớm phân hóa thành hai bộ phận là tư sản dân tộc và tư sản mại bản; trong đó, chỉ có bộ phận giai cấp tư sản dân tộc đi vào con đường phát triển kinh tế dân tộc và có

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.3.

ưu điểm lớn nhất là lực lượng có khuynh hướng dân tộc và dân chủ. Nhận thấy đặc điểm cơ bản đó của bộ phận tư sản dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã đề ra sách lược của cách mạng Việt Nam trước mắt cần lợi dụng rồi sau đó ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập.

Đối với giai cấp địa chủ: Trong bối cảnh xã hội thuộc địa nửa phong kiến, chính quá trình hình thành và phát triển trong một dân tộc giàu truyền thống yêu nước, đánh đuổi ngoại xâm như Việt Nam nên trong một bộ phận không ít tiểu địa chủ và trung địa chủ có ý thức dân tộc chống thực dân Pháp và tay sai. Nguyễn Ái Quốc đã sớm nhận thấy đặc điểm này và phân biệt rõ đặc điểm cùng thái độ chính trị của từng bộ phận trong giai cấp địa chủ phong kiến. Đây là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc đưa ra sách lược xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng đối với giai cấp địa chủ phong kiến Việt Nam trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng: Đối với bộ phận đại địa chủ phong kiến mà quyền lợi của họ gắn bó cùng đế quốc thực dân và lộ rõ mặt phản động cách mạng thì Đảng kiên quyết “phải đánh đổ”¹; đối với bộ phận còn lại của giai cấp địa chủ phong kiến Việt Nam, từ phú nông, trung địa chủ, tiểu địa chủ mà chưa lộ mặt phản cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đề xuất sách lược: “phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”².

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.3.

Lực lượng cách mạng là vấn đề lớn, có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong khi khẳng định vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử, chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo chân chính ra lịch sử, mọi lý tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng con người, xây dựng xã hội mang tới cho con người cuộc sống tốt đẹp,... không thể tự nó làm biến đổi xã hội mà tất yếu phải thông qua hành động cách mạng và hoạt động thực tiễn của quần chúng nhân dân nhằm biến lý tưởng, ước mơ thành hiện thực trong đời sống xã hội.

Từ xuất phát điểm là khát vọng giải phóng dân tộc, qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã đề ra sách lược quan trọng về xây dựng và phát triển lực lượng cho cách mạng Việt Nam; trong đó, với tầm chiến lược cách mạng, trên cơ sở tiếp thu và vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện thực tiễn của Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã hiệu triệu, tập trung và thu hút trong lực lượng cách mạng Việt Nam gồm tất cả các giai cấp, các tầng lớp nhân dân lao động. Đó là lực lượng mang tinh thần dân tộc dân chủ, là biểu trưng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc của nhân dân Việt Nam. Nhìn lại Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng sau 30 năm, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta là nông dân. Vì vậy, Đảng đã đoàn kết

được những lực lượng cách mạng to lớn xung quanh giai cấp mình”¹.

4. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo đã khẳng định vị trí, vai trò lịch sử, nhiệm vụ và bản chất, lý tưởng cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lịch sử cách mạng dân tộc Việt Nam

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc, từ khi đọc *Sơ khảo luận thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lênin và đi theo con đường đấu tranh cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vấn đề chính đảng của giai cấp công nhân luôn là vấn đề được Người lưu tâm.

Cuối năm 1929, đầu năm 1930, phong trào cách mạng Việt Nam phát triển mạnh mẽ với sự ra đời của ba tổ chức cộng sản là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn. Ba tổ chức cộng sản này hoạt động độc lập, tranh giành ảnh hưởng của nhau dẫn tới nguy cơ phân tán, chia rẽ phong trào cộng sản ở Việt Nam. Nắm bắt được tình hình đó, ngày 27/10/1929, Quốc tế Cộng sản đã gửi tới những người cộng sản Đông Dương Chỉ thị “Về việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương”. Chỉ thị của Quốc tế Cộng sản đã khẳng định: “Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.407.

tất cả những người cộng sản Đông Dương là việc thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng Cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương”¹.

Thời điểm Quốc tế Cộng sản gửi những người cộng sản Đông Dương Chỉ thị “Về việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương”, Nguyễn Ái Quốc đang trong thời gian hoạt động tại Xiêm nên Người không biết tới bản chỉ thị này. Song, khi biết tin về sự chia rẽ trong phong trào cộng sản ở Việt Nam, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có quyền quyết định mọi vấn đề liên quan tới phong trào cách mạng ở Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đã rời Xiêm tới bán đảo Cửu Long (Hương Cảng - Trung Quốc) triệu tập đại biểu các tổ chức cộng sản ở Việt Nam họp bàn việc thống nhất các tổ chức cộng sản từ ngày 06/01/1930 đến ngày 07/02/1930. Dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, hội nghị đã nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam và thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất ở Việt Nam đặt tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập là một quyết định thể hiện chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ của đất nước Việt Nam, thể hiện sự vận dụng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.1, tr.614.

sáng tạo lý luận về vấn đề dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin trên phong nền am hiểu sâu sắc đặc điểm lịch sử - chính trị và đời sống xã hội của ba nước trong khu vực Đông Dương là Việt Nam, Lào, Campuchia của Nguyễn Ái Quốc. Tuy nhiên, trong bối cảnh thế giới lúc đó, khi mô hình của Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết và Đảng Cộng sản Liên Xô đang trở thành mẫu hình của Quốc tế Cộng sản và phong trào cộng sản thế giới, với chỉ thị của Quốc tế Cộng sản gửi những người cộng sản Đông Dương ngày 27/10/1929 thì quyết định thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc đã phản ánh bản lĩnh cùng tầm nhìn xa trông rộng, sáng tạo trong giải quyết vấn đề dân tộc hướng tới sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; thể hiện tinh thần trách nhiệm của Nguyễn Ái Quốc đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam, đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân các dân tộc trên bán đảo Đông Dương, đối với phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản và phong trào cách mạng chung toàn thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, với tinh thần đặt lợi ích của dân tộc, của nhân dân lên trước hết, trên hết, với mục tiêu về con đường chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ tiến lên xã hội chủ nghĩa, trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo và được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã khẳng định vị trí, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ của nhân dân

Việt Nam: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp”¹. Là đội tiên phong của giai cấp vô sản, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành lực lượng lãnh đạo phong trào cách mạng của toàn thể nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập tự do, mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho toàn thể nhân dân Việt Nam.

Đồng thời với việc khẳng định vị trí, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong phong trào cách mạng Việt Nam, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã xác định những nhiệm vụ cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công tác tập hợp, tổ chức, lãnh đạo các giai cấp, tầng lớp nhân dân tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến tới xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, về nhiệm vụ của Đảng đối với giai cấp công nhân, nông dân Việt Nam: Trong điều kiện và hoàn cảnh toàn thể giai cấp công nhân, nông dân Việt Nam đang chịu sự áp bức bóc lột của thực dân Pháp và tay sai, nhiệm vụ đầu tiên mà Đảng cần phải giải quyết là giải phóng giai cấp công nhân và nông dân khỏi ách áp bức và sự ảnh hưởng của tư bản: “Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia”².

Thứ hai, về nhiệm vụ thu hút các giai cấp, tầng lớp nhân dân vào lực lượng cách mạng dưới sự lãnh đạo của

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.3.

Đảng: Thu hút đông đảo các giai cấp, tầng lớp nhân dân trong cả nước là công việc liên quan trực tiếp và quyết định trực tiếp tới sự thành bại của sự nghiệp cách mạng. Kế thừa tư tưởng trọng dân trong truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông đi trước, kết hợp với tư tưởng sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của toàn thể nhân dân, khi khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã xác định nhiệm vụ xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng của tổ chức Đảng: “phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng. 2. Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh trừ bọn đại địa chủ và phong kiến... Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam, mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ”¹.

Thứ ba, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng khẳng định mục đích, lý tưởng cách mạng chân chính vì dân tộc, vì nhân dân của Đảng: Theo Nguyễn Ái Quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam không có lợi ích nào khác ngoài

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.3.

lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. Đó là mục đích, lý tưởng cao cả của Đảng. Ngay trong hội nghị thành lập Đảng, với tư cách là lãnh tụ của phong trào cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: “Không bao giờ Đảng lại hy sinh quyền lợi của giai cấp công nhân và nông dân cho một giai cấp nào khác”¹. Mục đích, lý tưởng của Đảng khẳng định Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã trở thành tư tưởng xuyên suốt trong quá trình hoạt động tổ chức, lãnh đạo, rèn luyện Đảng của Nguyễn Ái Quốc. Từ *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng* (năm 1930) đến *Sửa đổi lối làm việc* (năm 1947), cuối cùng là tác phẩm *Di chúc* (năm 1969), Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh luôn gương cao tinh thần cách mạng chân chính của một Đảng cách mạng chân chính - Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong những căn dặn cuối cùng gửi lại đối với toàn Đảng trước khi qua đời, *Di chúc* của Hồ Chí Minh nhấn mạnh tới vị trí, vai trò, bản chất, mục đích và lý tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam: “Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.4.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611-612.

5. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là sự hoạch định chiến lược về mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới

Trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*, V.I. Lênin đã khẳng định để chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản, để đảm bảo cho các dân tộc giành lại được độc lập, thì phải thực hiện sự liên minh và thống nhất của giai cấp vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức trên thế giới: “Không có sự cố gắng tự nguyện tiến tới sự liên minh và sự thống nhất của giai cấp vô sản, rồi sau nữa, của toàn thể quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên toàn thế giới, thì không thể chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản được”¹. Tư tưởng lớn của V.I. Lênin về sự liên hiệp các dân tộc và giai cấp vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức thể hiện trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* trở thành cơ sở lý luận quan trọng trực tiếp chỉ dẫn con đường đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc trên toàn thế giới.

Là người yêu nước với khát vọng giải phóng dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã sớm đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tin tưởng và đi theo con đường mà V.I. Lênin đã chỉ dẫn trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*. Với tư cách là phái viên

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.41, tr.206.

của Quốc tế Cộng sản phụ trách mọi vấn đề liên quan tới cách mạng ở Đông Dương, đồng thời là lãnh tụ của phong trào cách mạng ở Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc đã nhận thức một cách sâu sắc mối quan hệ biện chứng giữa sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ của nhân dân Việt Nam với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trong mối quan hệ đó, sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam là bộ phận của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Do đó, khi khởi thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930, Nguyễn Ái Quốc đã xác định sách lược về mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới, Người viết: “Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước *An Nam độc lập*, phải đồng thời tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp”¹.

Qua sách lược về mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, những vấn đề cơ bản quan trọng được Nguyễn Ái Quốc nêu lên có tính chỉ đạo đối với cách mạng Việt Nam:

Thứ nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam phải tuyên truyền và thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản trên thế giới.

Dân tộc Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược, nhân dân Việt Nam mất quyền độc lập, tự do. Bối cảnh lịch sử

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.3.

đó đã sớm quy định một cách khách quan cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam là phải tiến hành một cuộc cách mạng vì độc lập, vì tự do.

Tuyên truyền khẩu hiệu “An Nam độc lập” với nhân dân các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản trên thế giới nhằm làm sáng tỏ khát vọng cháy bỏng của nhân dân Việt Nam trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, và để thể hiện rõ tính chính nghĩa trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và phong kiến giành lại độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam,... Đó là một phương thức đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, mặt trận ngoại giao, có ý nghĩa thiết thực và trực tiếp giúp cho toàn thể nhân dân các dân tộc, nhân dân yêu chuộng hòa bình, nhất là nhân dân các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản trên thế giới thấu hiểu, ủng hộ và chung vai sát cánh với nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh cách mạng chân chính, chính nghĩa.

Cùng với công tác tuyên truyền của Đảng, với tư cách là một bộ phận của phong trào cách mạng thế giới, trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ trách nhiệm và khẳng định sách lược ngoại giao của Đảng trong quá trình tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng dân tộc dân chủ đó là Đảng phải thực sự tự nguyện và chủ động trong công tác liên lạc với giai cấp vô sản và nhân dân tại các dân tộc đang bị áp bức bởi các thế lực của chủ nghĩa đế quốc thực dân cướp nước. Đây thực sự là chiến lược lớn trong công tác đối ngoại của Đảng nhằm giúp cho Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam vừa có thêm sức mạnh trong cuộc đấu tranh chống đế quốc

và phong kiến để thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc, vừa góp phần công sức và thực hiện trách nhiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người chung toàn thế giới.

Thứ hai, Đảng Cộng sản Việt Nam phải tuyên truyền và thực hành liên lạc với giai cấp vô sản Pháp.

Trải qua thực tiễn đấu tranh cách mạng vô cùng phong phú, Nguyễn Ái Quốc thấu hiểu từng vấn đề cụ thể giữa một bên là thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và biến Việt Nam thành thuộc địa của thực dân Pháp, với một bên là dân tộc và nhân dân Pháp, nhất là Đảng Cộng sản và giai cấp vô sản Pháp - những người yêu chuộng hòa bình, bảo vệ công lý, tôn trọng lẽ phải. Từ sự phân định rõ ràng kẻ thù và người bạn của cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc sớm chủ trương hoạch định chiến lược đối ngoại của Đảng, chủ động và trực tiếp đề xuất: “Trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu nước *An Nam độc lập*, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp”¹.

Thực hành tuyên truyền khẩu hiệu *An Nam độc lập* với giai cấp vô sản và nhân dân yêu chuộng hòa bình Pháp là cơ sở để Đảng giúp cho họ hiểu rõ về cuộc cách mạng mà nhân dân Việt Nam tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.3.

Cộng sản Việt Nam là cuộc cách mạng chống lại thực dân Pháp xâm lược đã gây bao đau thương và cướp đi quyền độc lập dân tộc và cuộc sống tự do chính đáng của nhân dân Việt Nam; đồng thời, qua việc tuyên truyền khẩu hiệu *An Nam độc lập*, Đảng Cộng sản Việt Nam giúp cho giai cấp vô sản và nhân dân yêu chuộng hòa bình Pháp thấu hiểu bản chất chân chính và tính chính nghĩa của cuộc đấu tranh cách mạng dân tộc dân chủ mà nhân dân Việt Nam tiến hành với mục tiêu và khát vọng vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam. Trên cơ sở đó, Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam cùng giai cấp vô sản và nhân dân yêu chuộng hòa bình Pháp có thêm cơ sở trong cuộc đấu tranh vì lẽ phải, cho mối quan hệ về tương lai.

Đặt trong bối cảnh dân tộc Việt Nam đang là thuộc địa của thực dân Pháp, mảnh đất Việt Nam chưa xuất hiện với tư cách là một quốc gia thực thụ trên bản đồ chính trị quốc tế, sách lược về hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng thực sự là sách lược đoàn kết và liên hiệp của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam với giai cấp vô sản và liên hiệp các dân tộc bị áp bức chung toàn thế giới, nhằm tạo nên sức mạnh, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế trong cuộc đấu tranh cách mạng vì sự nghiệp độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân.

Tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc về xác định mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới là sự hoạch định mang tầm vóc chiến lược, đặt cơ sở nền móng đầu tiên trong công tác đối ngoại của Đảng,

Nhà nước Việt Nam sau này, là vấn đề mang tính thời đại phản ánh tư tưởng và tầm nhìn chiến lược của Nguyễn Ái Quốc đối với sự nghiệp cách mạng vì dân tộc, vì nhân dân Việt Nam, vì phong trào cộng sản và nhân dân thế giới.

III- GIÁ TRỊ VÀ Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

Đảng chính trị ra đời là sản phẩm của đấu tranh giai cấp. Tuy nhiên, không phải giai cấp nào cũng có khả năng thành lập được chính đảng của mình. Đó phải là giai cấp có trình độ tổ chức và trình độ lý luận cao. Đối với giai cấp công nhân, chính đảng của nó là Đảng Cộng sản.

Mỗi đảng chính trị đều có cương lĩnh chính trị hoặc văn bản có tính chất như cương lĩnh chính trị để định hướng hành động và nhận thức của thành viên trong tổ chức mình - đảng viên; đồng thời để thu hút, tập hợp, lãnh đạo quần chúng nhân ủng hộ, giúp đỡ chính đảng hoàn thành trọng trách được giao. Cương lĩnh trình bày một cách cơ bản quan điểm về đường lối, nguyên tắc, nhiệm vụ, cách thức hoạt động cho một giai đoạn hoạt động. Đảng Cộng sản Việt Nam không phải là trường hợp ngoại lệ. V.I. Lênin cho rằng: “Cương lĩnh là một bản tuyên ngôn vắn tắt, rõ ràng và chính xác nói lên tất cả những điều mà Đảng muốn đạt được và vì mục đích gì mà đấu tranh”¹.

1. Lê Mậu Hãn: *Các cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.1.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân Việt Nam, lãnh đạo cách mạng Việt Nam trước hết bằng Cương lĩnh chính trị. Cương lĩnh chính trị của Đảng được hình thành trên cơ sở vận dụng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, đồng thời còn tham khảo kinh nghiệm của các nước trên thế giới. Điều này làm cho Cương lĩnh của Đảng có thực tiễn phong phú và lý luận sâu sắc, thể hiện tính giai cấp gắn liền với tính dân tộc và tính thời đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ dân tộc đặt ra.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã phản ánh một cách súc tích các luận điểm cơ bản về đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh tuy vắn tắt nhưng có nội dung cách mạng, khoa học, sáng tạo, thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc đánh giá đặc điểm, tính chất xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX, chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc Việt Nam lúc đó, đặc biệt là việc đánh giá đúng đắn, sát thực thái độ của các giai tầng xã hội đối với nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Từ đó, Cương lĩnh đã xác định đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam, đồng thời xác định phương pháp, nhiệm vụ và lực lượng của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đã đề ra phù hợp với nhu cầu khách quan của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam, thuận chiều tiến hóa của lịch sử.

Cương lĩnh chính trị phản ánh đúng quy luật khách quan của xã hội Việt Nam, đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Những nội dung cơ bản của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của một nước thuộc địa nửa phong kiến. Đó chính là giải quyết đúng đắn các mối quan hệ cốt lõi của cách mạng Việt Nam: kết hợp đúng đắn vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc; kết hợp truyền thống yêu nước và tinh thần cách mạng của nhân dân ta với những kinh nghiệm của cách mạng thế giới; kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Đặc biệt là sự kết hợp nhuần nhuyễn và đầy sáng tạo đặc điểm thực tiễn, yêu cầu của cách mạng Việt Nam với tư tưởng tiên tiến cách mạng của thời đại. Vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam một cách đúng đắn, sáng tạo và có phát triển trong điều kiện lịch sử mới.

Thực tiễn quá trình vận động của cách mạng Việt Nam trong 90 năm qua đã chứng minh tính khoa học và cách mạng, tính đúng đắn và tiến bộ của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

Một là, Cương lĩnh xác định rõ nhiệm vụ, mục tiêu cơ bản của cách mạng tư sản dân quyền (sau này gọi là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) là chống đế quốc, chống phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng.

Xuất phát từ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, Cương lĩnh đã phân tích mối quan hệ gắn bó giữa hai nhiệm vụ cơ bản là chống đế quốc và chống phong kiến nhưng trước hết phải đánh đổ đế quốc, “làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập”¹. Đây là cơ sở để giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Chỉ có độc lập, tự do của đất nước mới đủ điều kiện để thực hiện quyền con người, quyền công dân.

Hai là, chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc được xây dựng từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên là tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt cách mạng Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Tư tưởng này thể hiện rõ trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng* về các lực lượng cách mạng. Những lực lượng như tiểu tư sản, trí thức, trung, tiểu địa chủ đều được Đảng chủ trương tập hợp, đoàn kết lại trong lực lượng cách mạng do công - nông làm nòng cốt.

Chủ nghĩa yêu nước là nền tảng cơ sở cho sự thống nhất trong khác biệt nhằm tập hợp lực lượng, tạo ra sức mạnh tổng hợp của một đất nước tiềm lực kinh tế, quân sự không lớn, người không đông, lại phải đối mặt với các thế lực đế quốc hùng mạnh. Hiện nay, khi tình hình Biển Đông có nhiều biến động, chủ quyền biển, đảo đang bị đe dọa,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.1.

hơn bao giờ hết việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tranh thủ sức mạnh quốc tế là yếu tố quyết định để bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Ba là, xác định rõ sứ mệnh lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cùng với *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, *Sách lược vắn tắt của Đảng*, Hội nghị thông qua *Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam* và *Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng*. Các văn kiện này chỉ rõ: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp vô sản; Đảng được tổ chức ra để dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo quần chúng lao khổ đấu tranh giải phóng toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột “để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản”¹.

Với Cương lĩnh chính trị đúng đắn, ngay từ khi ra đời Đảng đã trở thành lực lượng lãnh đạo, tập hợp toàn thể dân tộc làm cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Cương lĩnh ấy rất phù hợp với nguyện vọng thiết tha của đại đa số nhân dân ta là nông dân. Vì vậy, Đảng đã đoàn kết được những lực lượng cách mạng to lớn chung quanh giai cấp mình. Còn các đảng phái của các giai cấp khác thì hoặc bị phá sản, hoặc bị cô lập. Do đó, quyền lãnh đạo của Đảng ta - Đảng của giai cấp công nhân - không ngừng củng cố và tăng cường”². Dưới ánh sáng soi đường của Cương lĩnh, Đảng ta đã dẫn dắt toàn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.5.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.407.

dân tộc vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Khi đánh giá quá trình cách mạng Việt Nam hơn 80 năm thực hiện Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* đã nhận định: “Từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và *giành được những thắng lợi vĩ đại*: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.63-64.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam được ra đời trong bối cảnh như thế nào?
2. Phân tích nội dung và ý nghĩa của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam?
3. Chứng minh rằng: Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng năm 1930 là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (1945)

A. MỤC TIÊU

- *Về phẩm chất:*

Qua việc tìm hiểu hoàn cảnh và nội dung tác phẩm giúp người học hình thành ý thức, lòng tự tôn dân tộc và phẩm giá hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân từ nhân cách vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Giúp người học hiểu được tội ác của thực dân Pháp, tình cảnh khốn cùng của người dân dưới ách áp bức bóc lột của thực dân, từ đó có thái độ trân trọng thành quả của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 mang lại.

Giúp người học hình thành ý thức, trách nhiệm công dân trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; có ý thức giữ gìn và tôn trọng quyền và nhân phẩm của người khác.

- *Về năng lực:*

Giúp người học nắm được những kiến thức cơ bản về hoàn cảnh ra đời và bố cục của tác phẩm *Tuyên ngôn độc lập*; từ đó nhận thức bài học về tính kiên định sáng tạo trong việc đấu tranh bảo vệ các lợi ích của quốc gia, dân tộc trong bối cảnh quan hệ quốc tế phức tạp.

Giúp người học hiểu được những kiến thức về nội dung của tác phẩm *Tuyên ngôn độc lập*; từ đó nhận thức được những giá trị lịch sử và ý nghĩa hiện thời của *Tuyên ngôn độc lập*.

B. NỘI DUNG

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ BỐ CỤC CỦA TÁC PHẨM

1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Sau nhiều năm bôn ba ở hải ngoại, ngày 28/01/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã trở về nước cùng với Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo các tầng lớp nhân dân tích cực chuẩn bị các điều kiện cho cuộc tổng khởi nghĩa khi có thời cơ.

Đầu tháng 8/1945, thời cơ cho cuộc tổng khởi nghĩa đã xuất hiện với những điều kiện khách quan thuận lợi như sau: đế quốc Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống thành phố Hirôsimas (ngày 06/8) và Nagasaki (ngày 9/8) của Nhật Bản. Cùng trong thời gian đó, Liên Xô tuyên chiến và đánh bại phátxít Nhật ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Sự kiện đó dẫn đến việc Nhật hoàng phải chấp nhận chính thức tuyên bố đầu hàng các lực lượng Đồng minh. Ngày 13/8/1945, khi được tin phátxít Nhật sẽ đầu hàng Đồng minh, Đảng ta đã gấp rút thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc và ra Quân lệnh số 1. Ngày 14/8,

Hội nghị toàn quốc của Đảng được triệu tập để quyết định Tổng khởi nghĩa. Ngày 16/8, Đại hội quốc dân đã thông qua các chính sách lớn của Việt Minh và cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, quy định Quốc kỳ, Quốc ca. Ngày 19/8, tổng khởi nghĩa nổ ra và giành thắng lợi nhanh chóng tại Hà Nội, Huế (ngày 23/8) và Sài Gòn (ngày 25/8) cùng các địa phương khác giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 25/8/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh về Thủ đô Hà Nội. Tại số nhà 48 phố Hàng Ngang, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã soạn thảo bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Theo lời kể của Trần Dân Tiên:

“Cụ Hồ nói, trong đời Cụ, Cụ đã viết nhiều, nhưng đến bây giờ mới được viết một bản tuyên ngôn như vậy... Bản Tuyên ngôn Độc lập là hoa, là quả của bao nhiêu máu đã đổ và bao nhiêu tính mạng đã hy sinh của những người con anh dũng của dân tộc Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường.

Bản Tuyên ngôn độc lập là kết quả của bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn 20 triệu nhân dân Việt Nam”¹.

1. Vũ Quang Hiến: *Tuyên ngôn độc lập, những khát vọng về quyền dân tộc và quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013, tr.123.

Bản *Tuyên ngôn độc lập* ra đời trong bối cảnh lịch sử rất phức tạp. Trong thời điểm này, xứ Đông Dương nói chung và nước Việt Nam nói riêng chưa có tên trên bản đồ chính trị thế giới. Thậm chí, tại Hội nghị giữa các nước thắng trận sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Tổng thống Pháp, Sácơ Đờgôn (Charles De Gaulle) đã yêu cầu các quốc gia coi vấn đề Việt Nam là vấn đề nội bộ của nước Pháp. Trên thực tế, lúc này, nước ta có rất nhiều lực lượng can thiệp. Phátxít Nhật dù đã thua trận nhưng vẫn chưa bị giải giáp. Trong khi đó, dưới danh nghĩa Đồng minh, ở phía Bắc, 20 vạn quân Tưởng đang rục rịch kéo vào. Ở phía Nam, các hạm đội tàu chiến của Anh, Mỹ cũng sẵn sàng cập bến. Trước tình thế đó, thực dân Pháp ngày càng công khai dã tâm quay trở lại áp bức dân tộc ta một lần nữa. Vận mệnh Tổ quốc như “ngàn cân treo trên sợi tóc”. Những thành quả cách mạng mà nhân dân ta phải đổ bao nhiêu xương máu mới giành được có nguy cơ bị cướp mất bất cứ lúc nào.

Trước bối cảnh lịch sử nêu trên, *Tuyên ngôn độc lập* ra đời nhằm bảo vệ thành quả đầu tiên; tuy nhiên vấn đề quan trọng bậc nhất của một cuộc cách mạng xã hội đó là chính quyền nhà nước. Theo đó, bản *Tuyên ngôn* phải “tuyên bố” một cách công khai và rộng rãi về sự ra đời của một chính quyền hoàn toàn mới, độc lập và đối lập với chế độ cũ. Đặc biệt, bản *Tuyên ngôn* phải được công bố vào một thời điểm phù hợp nhất có thể và ở một địa điểm tốt nhất trong điều kiện cho phép. Trên thực

tế, việc lựa chọn một cách chính xác và tài tình về thời gian và địa điểm công bố bản *Tuyên ngôn* đã đem đến một hiệu ứng lịch sử hết sức tích cực. Điều đó không những tạo ra cho Chính phủ lâm thời vị thế chủ nhà trước khi quân Đồng minh kéo vào, mà còn góp phần cảnh báo, ngăn ngừa từ xa mọi mưu đồ định lợi dụng chiêu bài giải giáp quân Nhật để thủ tiêu các thành quả cách mạng.

Ngày 02/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Lễ độc lập được tổ chức với sự tham dự của hàng chục vạn đồng bào trong cả nước để đón chào Chính phủ của nhân dân. Đội danh dự đứng nghiêm trang quanh lễ đài mới dựng. Các chiến sĩ Quân Giải phóng đã về Hà Nội để có mặt trong các đội quân tự vệ bảo vệ Chính phủ lâm thời. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* trước hàng chục vạn đồng bào. Bản *Tuyên ngôn độc lập* không chỉ có ý nghĩa đối với nền độc lập của dân tộc Việt Nam mà còn thể hiện rõ ý chí hòa bình và quyết tâm sắt đá của nhân dân ta trong công cuộc bảo vệ nền độc lập vừa mới giành được.

2. Bố cục của tác phẩm

Bản *Tuyên ngôn độc lập* gồm ba phần chính:

Phần 1: Cơ sở pháp lý của *Tuyên ngôn độc lập*

Phần 2: Cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập*

Phần 3: Lời tuyên bố độc lập

II- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1. Tuyên ngôn độc lập nêu rõ những tội ác và sự hèn nhát của chính quyền thực dân Pháp đối với Việt Nam

Tuyên ngôn độc lập là bản luận tội hết sức đanh thép về tính chất tàn độc nhưng vô cùng hèn nhát của chính quyền thực dân Pháp đối với Việt Nam. Điều này lý giải tại sao, trong bản *Tuyên ngôn độc lập* có đến 4/5 dung lượng dành cho việc tố cáo tội ác của thực dân Pháp đối với dân tộc ta. *Tuyên ngôn* tố cáo mạnh mẽ hơn 10 tội ác của chính quyền thực dân Pháp với nhân dân Việt Nam.

“Về chính trị - Chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về kinh tế - Chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, rừng mỏ, nguyên liệu.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta góc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn”¹.

Ở đó, trên tất cả các địa hạt quan trọng nhất có liên quan đến sự tồn vong của một dân tộc - từ chính trị đến kinh tế, từ văn hóa, xã hội đến các quyền cơ bản của con người, thực dân Pháp đều phạm phải những tội ác dã man. Ngay cả đến lãnh thổ thiêng liêng của dân tộc ta, nơi mà thực dân Pháp đã 80 năm chà đạp, chúng vẫn hèn nhát trao cho phátxít Nhật đến cả hai lần. Như vậy, trong bản *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục hoàn thiện bản luận tội mà Người đã dày công trình bày trong *Bản yêu sách 8 điểm* gửi Hội nghị các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất ở Vécxây (năm 1919) hay *Bản án chế độ thực dân Pháp* (năm 1925). Tuy nhiên, lần này bản *Tuyên ngôn độc lập* được cô đúc hết sức ngắn gọn, súc tích và đặc biệt là được phát ngôn bởi vị Chủ tịch của một quốc gia hoàn toàn mới. Do đó, tiếng vang của *Tuyên ngôn độc lập* cũng nhanh chóng lan rộng ra khắp năm châu bốn biển.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.1-2.

Trong *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã điểm lại thái độ đầu hàng, phản động của thực dân Pháp trước quân phiệt Nhật từ khi phátxít Nhật vào Đông Dương.

“Mùa thu năm 1940, phátxít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó, dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc là bỏ chạy, hoặc là đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không “bảo hộ” được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn trước. Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thù, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật và bảo vệ tính mạng, tài sản cho họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp

nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sự thực là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp”¹.

Trong *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định rõ sự thật là nhân dân Việt Nam đã giành chính quyền từ tay phátxít Nhật chứ không phải từ tay Pháp. Vấn đề này tác động lớn đến thái độ của Chính phủ Pháp đối với Việt Nam. Điều đó xuất phát từ những sự kiện lịch sử sau:

Năm 1940, sự kiện Pháp thất bại trước quân đội Đức quốc xã khiến tướng Sácơ Đờgôn phải sống lưu vong tại Vương quốc Anh. Tuy vậy, tướng Sácơ Đờgôn vẫn ngoan cố nuôi ý đồ thực dân với Việt Nam. Giữa năm 1943, khi quân đội Hoa Kỳ đổ bộ lên Bắc Phi, tướng Sácơ Đờgôn đã lập ra “Ủy ban giải phóng” tại Angiêri với mục đích dựa vào Đồng minh để giải phóng Pháp và duy trì nền thống trị của Pháp ở thuộc địa, trong đó có việc giành lại xứ Đông Dương từ tay phátxít Nhật. Như vậy, thay vì cần đáp ứng yêu cầu của Việt Minh trong việc hợp tác với nhân dân Việt Nam thành lập mặt trận chống phátxít thì những người Pháp thuộc phái Đờgôn ở Đông Dương lại câu kết với quân phiệt Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân ở Đông Dương.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sdd*, t.4, tr.2-3.

Ngày 09/3/1945, Nhật đảo chính, lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương. Ngày 24/3/1945, tướng Sác-lơ Đờ-gôn đưa ra bản tuyên bố về Đông Dương, xác định thể chế cho Đông Dương sau khi được giải phóng, đặt Liên bang Đông Dương trong cái gọi là “Khối Liên hiệp Pháp” mà quyền đối ngoại là do Pháp đại diện. Chính phủ của Liên bang Đông Dương có một viên quan toàn quyền đứng đầu, những bộ trưởng được chọn trong người bản xứ và những người Pháp ở Đông Dương. Năm xứ trong Liên bang sẽ giữ nguyên được tính riêng biệt của mình. Với quan điểm thực dân phản động của tướng Sác-lơ Đờ-gôn khi coi Đông Dương là thuộc địa của Pháp đã chi phối hành động của Chính phủ Pháp trong thời gian đó và tự đặt Chính phủ Pháp vào vị trí kẻ thù của nền độc lập, dân tộc Việt Nam.

Đầu năm 1945, quân đội Mỹ và Anh liên tục giành những thắng lợi trong cuộc phản công phátxít Nhật trên mặt trận Thái Bình Dương. Nhân sự kiện đó, tướng Sác-lơ Đờ-gôn đã hối thúc Bledô (Blaizot) tổ chức lực lượng viễn chinh Pháp ở Viễn Đông, chuẩn bị để “làm chủ Đông Dương”. Ngày 17/8/1945, tướng Sác-lơ Đờ-gôn đã họp Ủy ban Quốc phòng Pháp bàn “Kế hoạch giải phóng Đông Dương”. Trong cuộc họp đó, đô đốc Đác-giăng-liơ (Theierry D’Argenlieu) được cử làm Cao ủy với nhiệm vụ cấp tốc chuẩn bị lực lượng quân đội để đưa sang Đông Dương.

Tại thời điểm đó, mặc dù các lực lượng đế quốc có mâu thuẫn nhau về quyền lợi, nhưng do cùng chung mục đích

chống phá cách mạng Việt Nam nên đều tìm cách giúp Pháp trở lại Việt Nam. Chính phủ Pháp đã đưa ra những yêu sách vô lý, đòi hỏi Chính phủ Việt Nam phải tôn trọng hiệp ước mà triều đình nhà Nguyễn đã ký với Pháp trước đây, trong đó có việc cắt đất Nam Kỳ cho Pháp.

Như vậy, *Tuyên ngôn độc lập* đã nêu rõ tội ác tàn bạo nhưng vô cùng hèn nhát của chính quyền thực dân Pháp đối với Việt Nam. *Tuyên ngôn độc lập* còn chỉ rõ tính chất lỗi thời, phi lý, phi pháp của mọi “biến thể” của chế độ bảo hộ ở Việt Nam. Không chỉ dừng lại ở đó, bản *Tuyên ngôn độc lập* còn là bản cáo trạng tuyên bố kết liễu sự tồn tại của chế độ phong kiến và chế độ thực dân nửa phong kiến đã suy tàn. Chính quyền cách mạng mới được thành lập là chính quyền thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, và là chính quyền tồn tại và phát triển bền vững mãi mãi đúng với ý nguyện của quần chúng nhân dân.

2. *Tuyên ngôn độc lập* đã khắc họa cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam; đồng thời khẳng định giá trị hiện thực và cơ sở pháp lý của nước Việt Nam độc lập

Khi thời cơ Tổng khởi nghĩa đã đến, nhân dân Việt Nam đã nổi dậy giành chính quyền. “Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà

lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”¹. Đó là hiện thực lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam được làm nên bởi sức mạnh, khối đại đoàn kết và khát vọng độc lập, tự do của toàn dân Việt Nam do Đảng Cộng sản và lãnh tụ Hồ Chí Minh lãnh đạo. Hiện thực lịch sử đó không những làm thay đổi vị thế của một dân tộc, một đất nước, “làm thay đổi cả một tiến trình lịch sử”, mà còn làm biến đổi cuộc sống của mỗi con người Việt Nam, mở ra thời đại mới và tạo nên động lực cho sự phát triển đất nước bền vững.

Khẳng định hiện thực lịch sử, đồng thời *Tuyên ngôn độc lập* cũng làm sáng tỏ cơ sở pháp lý nên độc lập của dân tộc Việt Nam.

“Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không nhận quyền độc lập của dân Việt Nam”².

Năm 1943, các nước Đồng minh đã tổ chức Hội nghị Tehran, Iran. Đây là hội nghị cấp cao họp từ ngày 23/11 đến ngày 1/12 với sự có mặt của nhà lãnh đạo Liên Xô. Hội nghị đã củng cố khối đoàn kết của các nước Đồng minh trong đấu tranh chống phátxít. Tại Hội nghị, Liên Xô đã tuyên bố tham gia chống quân phiệt Nhật sau khi chiến tranh kết thúc ở châu Âu. Hai năm sau đó, Hội nghị Cựu Kim Sơn (San Francisco, Hoa Kỳ) họp từ ngày 25/4 đến ngày 26/6, gồm đại biểu của 50 quốc gia, đã thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc. Hiến chương,

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.3.

nêu rõ mục đích của Liên hợp quốc là giữ gìn hòa bình và an ninh quốc tế, giải quyết các vấn đề tranh chấp và xung đột bằng biện pháp hòa bình, phát triển quan hệ hữu nghị giữa các nước trên cơ sở tôn trọng các quyền bình đẳng và tự quyết dân tộc, tăng cường hợp tác quốc tế trên mọi lĩnh vực. Hiến chương Liên hợp quốc là cơ sở chính trị, pháp lý rất cơ bản và quan trọng, bảo đảm chủ quyền đối với các quốc gia, dân tộc mới giành độc lập và có ý nghĩa sâu sắc, bền vững đến ngày nay. Khi soạn thảo *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh dựa trên cơ sở chính trị và pháp lý vững chắc đó. Không chỉ vậy, *Tuyên ngôn độc lập* còn nhấn mạnh chủ quyền dân tộc Việt Nam được xác lập từ cuộc đấu tranh lâu dài chống thực dân, phátxít và được bảo đảm bởi những cam kết quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc.

“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phátxít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi - Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - trình trọng tuyên bố với thế giới rằng:

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.3.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc xong bản *Tuyên ngôn độc lập*, hàng chục vạn người dân Việt Nam tại Quảng trường Ba Đình đồng loạt hô vang lời thề độc lập:

“- Chúng tôi, toàn thể nhân dân Việt Nam xin thề: kiên quyết ủng hộ Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Chúng tôi xin thề: cùng Chính phủ giữ gìn nền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, chống mọi mưu đồ xâm lược, dù có chết cũng cam lòng.

- Nếu Pháp đến xâm lược lần nữa thì chúng tôi xin thề:

Không đi lính cho Pháp.

Không làm việc cho Pháp.

Không bán lương thực cho Pháp

Không đưa đường cho Pháp”¹.

Thay mặt Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Võ Nguyên Giáp đã đọc diễn văn. Trong bản diễn văn có nêu:

“Dưới sự lãnh đạo của Chính phủ lâm thời và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đem hết của cải, xương máu ra xây đắp, tô điểm non sông, làm cho nước Việt Nam yêu quý của chúng ta lại được tươi sáng, phú cường sau bao năm lầm than, kiệt quệ.

Noi theo truyền thống của thế hệ đi trước, thế hệ chúng ta sẽ đánh “một trận cuối cùng” để cho những thế hệ sau này mãi mãi được sống với độc lập, tự do và hạnh phúc”².

1, 2. Vũ Quang Hiến: *Tuyên ngôn độc lập, những khát vọng về quyền dân tộc và quyền con người*, *Sđd*, tr.124.

Thực hiện lời thề độc lập, nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu chống sự xâm lược của chủ nghĩa thực dân với tinh thần “Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”¹, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”², giành độc lập cho Tổ quốc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Bản *Tuyên ngôn độc lập* đã mở ra thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam - thời đại đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội, nhân dân làm chủ đất nước; đồng thời, khẳng định cơ sở chính trị - thực tiễn và cơ sở pháp lý của nền độc lập của Việt Nam. *Tuyên ngôn độc lập* là sự kết tinh khát vọng độc lập mấy nghìn năm của dân tộc và cũng tỏ rõ ý chí, quyết tâm giữ vững quyền tự do, độc lập. Độc lập của Tổ quốc gắn liền với tự do, hạnh phúc của nhân dân.

3. *Tuyên ngôn độc lập* thể hiện khát vọng về quyền con người, quyền dân tộc của nhân dân Việt Nam

Lịch sử Việt Nam trong suốt mấy nghìn năm đã trải qua biết bao cuộc đấu tranh giữ nước để đắp xây và bảo vệ nền độc lập dân tộc. Quá trình đó đã để lại những bản tuyên ngôn độc lập bất hủ nhằm khẳng định quyền dân tộc tự quyết người dân Việt Nam. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã thấm nhuần những tư tưởng vĩ đại đó và đến lượt mình, trên cương vị người đứng đầu chính quyền cách mạng, Người soạn thảo bản *Tuyên*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.534.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.130.

ngôn độc lập, văn bản đầu tiên khẳng định trên cả phương diện lý luận và thực tiễn quyền con người, quyền tự do, bình đẳng dân tộc của nhân dân Việt Nam phù hợp với đạo lý, pháp lý quốc tế.

Quyền con người là những quyền tự nhiên, vốn có, không phải là sự cho phép hay được ban phát từ trên xuống như là một ân sủng của đấng tối cao trao cho con người. Đó là những giá trị cao quý, được nhân loại nhận thức sâu sắc như một giá trị phổ quát. Không chỉ là những lý thuyết suông, quyền con người được khẳng định về mặt pháp lý trong các bản *Tuyên ngôn độc lập* (Mỹ), Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền (Pháp) và Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (Liên hợp quốc)...

Quyền con người là một trong những vấn đề lịch sử lâu đời trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Ở phương diện lý luận, phạm trù quyền con người xuất hiện và phát triển rực rỡ ở phương Tây thế kỷ XVII - XVIII. Trong các tác phẩm của những triết gia, tiêu biểu như John Locke (1632 - 1704), Jean Jacques Rousseau (1712 - 1778), Thomas Jefferson (1743 - 1826), John Stuart Mill (1806 - 1873)... đã luận bàn về quyền con người trên cơ sở quyền tự nhiên và quyền pháp lý. J. Locke được vinh danh là triết gia đầu tiên đã phát triển một lý thuyết quyền con người một cách toàn diện. Trong tác phẩm *Khảo luận thứ hai về chính quyền*, J. Locke cho rằng, loài người trải qua hai trạng thái phát triển xã hội: trạng thái tự nhiên và trạng thái xã hội dân sự. Ở trạng thái tự nhiên, con người có được đầy đủ các quyền tự nhiên như: quyền tự do,

quyền bình đẳng và quyền tư hữu. Ở đó, không ai có thể bị rút ra khỏi tình trạng tự do, bình đẳng và độc lập; bị đặt dưới quyền lực chính trị của người khác, mà không có sự thỏa thuận của chính mình. Theo đó, người dân hình thành nên các xã hội, các xã hội hình thành nên các chính phủ để mỗi người đảm bảo quyền được hưởng các “quyền tự nhiên”.

J. Locke định nghĩa chính phủ là một “khế ước xã hội” giữa kẻ cai trị và người bị trị. Ông cho rằng, công dân chỉ có nghĩa vụ trung thành với những chính phủ bảo vệ các quyền của họ. Thậm chí những quyền này có thể được ưu tiên hơn so với những đòi hỏi và lợi ích khác của chính phủ. Tính hợp pháp của chính phủ chỉ có được nếu tôn trọng và bảo vệ một cách có hệ thống các quyền của công dân. Những tư tưởng triết học về quyền con người ở thời kỳ này là cơ sở lý luận trực tiếp cho cuộc cách mạng tư sản ở Pháp và Anh, cuộc đấu tranh giành độc lập ở Mỹ. Cụ thể, trong cuộc đấu tranh của mười ba thuộc địa ở Bắc Mỹ đã tuyên bố với đế quốc Anh vào năm 1776 thông qua bản Tuyên ngôn Độc lập, khẳng định “Mọi người sinh ra đều bình đẳng. Tạo hóa cho họ các quyền tự nhiên, trong những quyền đó có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”¹. Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ có thể coi là sự xác nhận chính thức đầu tiên trên phương

1. All men are created equal, they are endowed by their Creator with certain unalienable Rights, that among these are Life, Liberty and the pursuit of Happiness.

diện nhà nước về quyền con người. Đánh giá văn kiện này, C. Mác cho rằng nước Mỹ là nơi lần đầu tiên xuất hiện ý tưởng về nền cộng hòa dân chủ vĩ đại, nơi đã tuyên bố bản tuyên ngôn đầu tiên về quyền con người.

Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1789 là thành quả của nhân dân Pháp đã đứng lên lật đổ chế độ phong kiến, thành lập nền cộng hòa đầu tiên. Vấn đề quyền con người đã được xác định trong Điều 1 và Điều 2 của Tuyên ngôn:

“I. Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng và quyền lợi. Sự khác biệt xã hội chỉ có thể được thiết lập trên cơ sở lợi ích chung.

II. Mục đích của mọi tổ chức chính trị là việc bảo toàn các nguồn lợi thiên nhiên và bảo toàn các quyền con người không thể bị tước bỏ. Các quyền đó là tự do, tài sản, sự an toàn, và quyền được chống lại mọi sự áp bức”¹.

Mở đầu *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dẫn một câu trích trong Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền năm 1789 của Pháp.

1. I. Men are born, and always continue, free and equal in respect of their rights Civil distinctions, therefore, can only be founded on public utility.

II. The end of all political associations is the preservation of the natural and imprescriptible rights of man; and these rights are Liberty, Property, Security, and Resistance of Oppression.

Với một trí tuệ uyên bác, Hồ Chí Minh am hiểu tường tận các danh ngôn của Đông - Tây, kim, cổ để trích dẫn. Tuy nhiên, khi soạn thảo một văn bản lập quốc - mang tính trường tồn - Hồ Chí Minh đã cân nhắc đầy đủ khi chọn một câu trích mà Người đánh giá là bất hủ. Bất hủ vì nó bao quát được những ước vọng lớn nhất, bao trùm nhất trong lịch sử nhân loại. Đó là những quyền cơ bản của con người: quyền sống, quyền tự do và quyền tư hữu của con người. Tất cả những điều này đã được triết gia J. Locke nêu từ thế kỷ XVII, được T. Jefferson nâng lên thành quyền mưu cầu hạnh phúc khi soạn Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ. Trong các quyền cơ bản của con người, T. Jefferson khẳng định hạnh phúc của con người phải do mưu cầu mà có, chứ không thể có sẵn. Một chế độ xã hội tiến bộ phải tạo cơ hội để mỗi người có thể mưu cầu hạnh phúc.

Từ một chân lý có giá trị lịch sử, Hồ Chí Minh phát triển thêm ý nghĩa mới trong bối cảnh thời đại của Người bằng cách “Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”¹.

Từ những quyền cơ bản của con người mà các triết gia phương Tây ở những thế kỷ trước thừa nhận, trong bối cảnh thời đại mới, Hồ Chí Minh đã phát triển thành quyền dân tộc. Nếu quyền tự do của con người được hình

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.1.

thành từ nhân phẩm vốn có của con người, là cái tất yếu của con người thì quyền tự quyết của dân tộc xét về mặt đạo lý và pháp lý cũng là quyền tự nhiên của các dân tộc. Tư tưởng này của Hồ Chí Minh không chỉ có ý nghĩa đối với dân tộc Việt Nam mà còn có ảnh hưởng đến các dân tộc bị áp bức, nô dịch khác trên thế giới. Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, các nước đế quốc đã tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược, áp bức, nô dịch các dân tộc thuộc địa, trong đó có Việt Nam. Mặc dù trong Tuyên ngôn độc lập của Mỹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp đều khẳng định các quyền cơ bản của con người nhưng thực chất đó chỉ là quyền của một số dân tộc tự cho mình là “văn minh”, “mẫu quốc”. Các nước đế quốc không hề chia sẻ những giá trị nhân quyền - cả phương diện lý thuyết và thực tiễn cho dân tộc thuộc địa. Trong bài trả lời phỏng vấn nhà văn người Pháp, Hồ Chí Minh hồi tưởng “Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... Và từ thuở ấy, rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn sau những chữ ấy. Nhưng trong những trường học cho người bản xứ, bọn Pháp dạy người như dạy con vẹt. Chúng giấu không cho người nước tôi xem sách báo. Không phải chỉ sách của các nhà văn mới, mà cả Rút-xô và Mông-texkiơ cũng bị cấm”¹. Bằng việc tố cáo

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.461.

tội ác của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã chỉ ra các nước đế quốc ngang nhiên chà đạp lên nhân quyền của người dân nước thuộc địa và phụ thuộc.

Trên hành trình đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã rút ra được kết luận: muốn giành được quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc thì nhân dân các nước thuộc địa trước hết phải giành được độc lập dân tộc. Chỉ khi dân tộc được độc lập thì quyền tự quyết và bình đẳng dân tộc mới được thực hiện, khi đó, mỗi người dân mới được tự do và được hưởng những quyền cơ bản của con người. Vì vậy, đấu tranh cho dân tộc được độc lập là cơ sở, điều kiện tiên quyết bảo đảm quyền con người cho nhân dân, cho từng cá nhân¹. Hồ Chí Minh đã phát triển thêm nhiều luận điểm mới về nhân quyền. Nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người được thể hiện ở những nội dung sau:

Một là, trong lý luận về quyền con người của các học giả phương Tây, chủ yếu và cốt lõi là quyền tự do cá nhân. Tiêu biểu cho quan điểm này có John Stuart Mill - vị “giáo chủ tự do” của chủ nghĩa tự do cổ điển Anh. Trong tác phẩm *Bàn về tự do* (On liberty, 1859), J.S. Mill đề cập đến các quyền tự do của cá nhân trên các phương diện: tư tưởng, tôn giáo, tự do ngôn luận; tự do về sở thích, tự do đặt kế hoạch cho cuộc sống và tự do hội họp.

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.14, tr.774.

Những quyền này là cần thiết nhưng chưa đủ trong bối cảnh thời đại mới, bởi vì trong giai đoạn này, chủ nghĩa tư bản đã chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Bằng sức mạnh kinh tế, các cường quốc tư bản đã đi xâm chiếm thuộc địa, đặt ách thống trị tàn bạo cho nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc. Từ bối cảnh lịch sử đó, Hồ Chí Minh đã tiếp thu lý luận quyền con người của các học giả phương Tây và đặt vấn đề quyền con người trong mối quan hệ với quyền dân tộc.

Hai là, Hồ Chí Minh không những kế thừa những giá trị phổ biến về nhân quyền trong lịch sử mà còn nâng giá trị đó lên một tầm cao mới. Ở đây, Người không chỉ đấu tranh giành quyền cho con người mà còn nhấn mạnh đến quyền làm người. Bởi vì, quyền con người không chỉ dừng lại ở những nhu cầu ăn, mặc, ở, đi lại để tồn tại mà vươn lên trên cái tồn tại để hoàn thiện, phát triển bản thân. Nội dung về quyền con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh rất đa dạng, phong phú, tạo ra một hệ thống về quyền con người theo quan điểm khoa học và cách mạng.

Ba là, Hồ Chí Minh tiếp cận nhân quyền không chỉ dưới góc độ lý luận mà còn là một nguyên tắc trong hành động của Người. Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng, là một pho sách trợn vện về nhân quyền và cuộc đấu tranh cho quyền con người. Người tâm niệm: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn

toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹. Điều đó cho thấy, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề con người và giải phóng con người, coi đó là mục đích cao nhất cần đạt tới trong mọi hoạt động lý luận và cách mạng.

III- GIÁ TRỊ, Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

1. Giá trị lịch sử của tác phẩm

Thứ nhất, Tuyên ngôn độc lập là văn bản pháp lý quan trọng đầu tiên khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khẳng định quyền tự do, độc lập của nhân dân và dân tộc Việt Nam với toàn thế giới.

Bản *Tuyên ngôn độc lập* đầu tiên của dân tộc được xác định là *Nam quốc sơn hà*, ra đời từ thế kỷ XI (năm 1077) sau khi giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống quân xâm lược nhà Tống. Trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1077 đã khẳng định sông núi, lãnh thổ này là của ta, rằng nhân dân ta quyết tâm đánh thắng bất cứ kẻ thù nào. Sang thế kỷ XV, Nguyễn Trãi viết *Bình Ngô đại cáo*, bản *Tuyên ngôn độc lập* thứ hai của dân tộc - cũng đã nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự cường của dân tộc ta và khẳng định danh thếp quyền được sống, được tồn tại trong thái bình, thịnh vượng của người dân nước Việt Nam. Tiếp nối truyền thống hào hùng đó của dân tộc, sau thắng lợi của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.187.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng tuyên bố với thế giới bản *Tuyên ngôn độc lập* thứ ba của dân tộc - Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam mới (nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) để một lần nữa khẳng định chủ quyền của dân tộc, nền độc lập, tự do cho dân tộc; khẳng định quyền bình đẳng của dân tộc Việt Nam với các dân tộc khác trên thế giới; khẳng định quyền thật sự làm chủ đất nước của người dân nước Việt; khẳng định các quyền cơ bản của con người cho toàn thể nhân dân Việt Nam.

Thứ hai, Tuyên ngôn độc lập tạo dựng nên nền tảng, tiêu thức và hạt nhân thống nhất về tư tưởng, nhận thức và hành động trong mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam để thuyết phục, tập hợp, động viên, quy tụ và đoàn kết mỗi người dân Việt Nam ở trong nước và đồng bào Việt Nam ở nước ngoài cùng kề vai sát cánh xung quanh Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sẵn sàng bảo vệ nền độc lập và tự do đã được chính thức khai sinh từ bản Tuyên ngôn trọng đại này.

Từ lý luận và thực tiễn lịch sử đều cho thấy rằng, việc hiện thực hóa các ý tưởng của một tuyên ngôn, phụ thuộc vào bản chất giai cấp của chính quyền mà theo đó nó ra đời và bắt đầu sứ mệnh. Theo logic ấy, trong *Tuyên ngôn độc lập*, việc Chủ tịch Hồ Chí Minh vạch trần tội ác và tính chất phản động của các thế lực đến từ quê hương của các bản tuyên ngôn tư sản nổi tiếng đối với dân tộc ta. Điều đó khẳng định một vấn đề có tính quy luật, một phát hiện mang tầm thời đại của những người cộng sản.

Phát hiện ấy chính là, trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập và chống lại ách áp bức dân tộc, thì chỉ có giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản mới có khả năng giải quyết tận gốc và triệt để vấn đề độc lập cho dân tộc và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Như vậy, trong thời đại mới, để hiện thực hóa khát vọng tự do, độc lập thật sự, cần phải gắn chặt vấn đề độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, với việc lựa chọn con đường phát triển của dân tộc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nguyên lý này có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn sâu sắc cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Vì những lẽ trên, *Tuyên ngôn độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt qua khuôn khổ chật hẹp của một định hướng chính trị đơn thuần, để trở thành một văn kiện pháp lý có tầm quốc tế. Sau khi bản *Tuyên ngôn độc lập* được công bố, tinh thần của nó và thực tiễn đấu tranh của dân tộc Việt Nam luôn chiếm một vị trí và vai trò đặc biệt trong cuộc đấu tranh của các dân tộc cho sự hình thành một trật tự pháp lý quốc tế mới, nhất là xung quanh các vấn đề về quyền hợp pháp của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Ngày 14/12/1960, Liên hợp quốc ban hành Tuyên bố về trao trả độc lập cho các nước và các dân tộc thuộc địa và Tuyên bố của Liên hợp quốc về việc khẩn thiết chấm dứt mau chóng và vô điều kiện chế độ thực dân dưới mọi hình thức như là chiến thắng của ngọn cờ Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc xâm lược và mọi hình thức nô dịch dân tộc trên toàn thế giới.

Với những cống hiến vô cùng to lớn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh không những hoàn toàn xứng đáng với danh hiệu “*Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hóa kiệt xuất*” do Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc tôn vinh mà còn hơn thế nữa.

Thứ ba, Tuyên ngôn độc lập còn là áng văn kiện đầu tiên hội tụ được các trào lưu tư tưởng của nhân loại, làm xích lại gần nhau những quan niệm về quyền sống của con người và cao hơn là quyền dân tộc tự quyết của Việt Nam và các dân tộc khác trên thế giới.

Nếu như trong Tuyên ngôn độc lập của Mỹ, quyền con người mới chỉ dừng lại ở những nguyên tắc, ý tưởng thì trong Tuyên ngôn về nhân quyền và dân quyền của Pháp đã xác định một loạt các quyền cơ bản của con người như quyền tự do và bình đẳng, quyền sở hữu, được bảo đảm an ninh và chống áp bức, quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền không bị bắt giữ trái phép, quyền được coi là vô tội cho đến khi bị tuyên bố phạm tội, quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, quyền tự do ngôn luận, quyền tham gia ý kiến vào công việc nhà nước... Đồng thời, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp còn đề cập đến những biện pháp cụ thể nhằm bảo đảm thực hiện các quyền này. Điều đáng lưu ý là, trong một khoảng thời gian ngắn sau đó (41 năm), ở châu Âu có hơn 70 bản hiến pháp mang dấu ấn của những luận điểm trên trong bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp đã được thông qua. Điều đó chứng tỏ, những tư tưởng về quyền con người đã thấm thấu

một cách nhanh chóng và gây ra những biến động xã hội rất to lớn ở châu lục này. Nó cũng cho thấy giai cấp tư sản đã nhận thấy và tận dụng triệt để quyền con người như là một phương tiện hữu hiệu trong cuộc đấu tranh giành quyền lực với giai cấp phong kiến.

Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu và kế thừa những nội dung hợp lý về quyền con người của tư tưởng nhân loại trên cơ sở truyền thống dân tộc. Đó là cách ứng xử “thương người như thể thương thân”, là tư tưởng dựa vào dân và chính sách an dân của các nhà cầm quyền. Quyền con người còn được thể hiện trong các văn kiện mang tính pháp lý, tiêu biểu là *Bộ luật Hồng Đức* (Quốc triều hình luật). Bộ luật Hồng Đức được xây dựng, bổ sung trong thời Lê Sơ và được Lê Thánh Tông ban hành vào năm 1483. Với những quy phạm cụ thể, Bộ luật Hồng Đức đã thừa nhận, tôn trọng về nhân phẩm và nhiều quyền tự do khác của con người. Những tư tưởng tiến bộ về quyền con người trong Bộ luật Hồng Đức thể hiện qua những đánh giá tích cực của những nhà luật học và xếp nó ngang hàng với những bộ luật nổi tiếng trên thế giới. Bộ luật Hồng Đức được xác định như là một văn kiện quan trọng đánh dấu sự phát triển của tư tưởng nhân quyền trong lịch sử dân tộc. Tất cả những truyền thống đó đều thấm nhuần trong tư tưởng và cốt cách của Hồ Chí Minh. Đặc biệt, xuất phát từ bối cảnh lịch sử đất nước bị đô hộ đã thôi thúc Người đi tìm chân lý.

Năm 1919, trong Hội nghị Vécxây, Nguyễn Ái Quốc thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp

trực tiếp đến Văn phòng hội nghị trao bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* (Revendcations du frenple An namite), ký tên Nguyễn Ái Quốc gồm tám điều, chủ yếu yêu cầu Chính phủ Pháp công nhận và thực hiện các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng, quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, bản *Yêu sách* cũng như yêu cầu của các dân tộc bị áp bức không được xem xét. Ngay sau khi Hội nghị Vécxây kết thúc, Nguyễn Ái Quốc đã cho in bản *Yêu sách* thành truyền đơn, đăng báo ở Pháp và đặc biệt chuyển ngữ thành Việt Nam yêu cầu ca để người dân hiểu, giác ngộ, tích cực tham gia đấu tranh đòi các quyền cho mình và cho dân tộc. *Tuyên ngôn độc lập* là kết quả của một sự khám phá lớn, của một quá trình khảo nghiệm sâu sắc của bản thân Hồ Chí Minh và sự kế thừa những bản tuyên ngôn lập quốc bất hủ trong lịch sử nhân loại. Trong bản *Tuyên ngôn* này, quyền con người và quyền dân tộc được khẳng định một cách rõ ràng và gắn bó vô cùng chặt chẽ. Giáo sư Nhật Bản Singo Sibata từng đánh giá: “Cống hiến nổi tiếng của cụ Hồ Chí Minh là ở chỗ đã phát triển quyền con người thành quyền dân tộc”¹ trong bản *Tuyên ngôn* bất hủ này.

2. Ý nghĩa của tác phẩm

Bản *Tuyên ngôn độc lập* ngắn gọn nhưng chứa đựng những nội dung bất hủ, không chỉ có giá trị lịch sử đối với

1. Iliia Sétlich: *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.240.

dân tộc Việt Nam, mà còn có ý nghĩa thời đại và để lại cho chúng ta những bài học sâu sắc sau đây:

Trước hết, bài học về lòng tự tôn dân tộc và phẩm giá hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Khi viết *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đang lâm bệnh nặng. Để *Tuyên ngôn* ra đời đúng lúc, được phát đi xúng tằm khánh tiết quốc gia, nội dung phản ánh đúng bản cờ thế cuộc, hình thức thu hút được sự quan tâm của quảng đại quần chúng nhân dân là cả một nỗ lực vô cùng to lớn của bản thân Người. Cội nguồn của những cố gắng phi thường ấy chính là lòng tự tôn dân tộc, là ở sự quý trọng vô bờ bến của Chủ tịch Hồ Chí Minh với những thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã đổ biết bao máu xương mới giành được.

Xét trên nhiều phương diện, có thể khẳng định, *Tuyên ngôn độc lập* đã được cả dân tộc ta viết ra bằng máu. Ở đó thể hiện rõ nét trí tuệ, bản lĩnh và khí phách của dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành và bảo vệ những quyền cơ bản của mình suốt tiến trình lịch sử. Qua *Tuyên ngôn độc lập*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện phẩm giá cao quý - phẩm giá suốt đời thực sự hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Hai là, bài học về chủ động dự báo chiến lược trong các quyết sách chính trị trọng đại có liên quan đến vận mệnh của toàn dân tộc.

Tháng 8/1945, tình hình thế giới lúc này đang có những diễn biến phức tạp, khó lường với những tính toán chiến lược của các nước lớn trong khối Đồng minh. Để

Tuyên ngôn độc lập hoàn thành sứ mệnh của một văn kiện chính trị có ý nghĩa trọng đại, ngoài việc đáp ứng các yêu cầu trước mắt của tiến trình cách mạng, nó còn phải chỉ đạo toàn cục, lâu dài. Trong thời điểm này, cách mạng Việt Nam những cần có dự báo có tầm chiến lược hơn bao giờ hết.

Với tầm nhìn của một lãnh tụ thiên tài, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, lúc này bàn cờ thế cuộc đã bắt đầu thay đổi. Dã tâm quay trở lại xâm lược nước ta của chính quyền thực dân Pháp đã quá rõ ràng. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cả Anh và Pháp đều đã bắt đầu già cỗi, kẻ thay thế hai đế quốc này để “cầm trịch” bàn cờ thế cuộc rất có thể là Mỹ - một thế lực mới nổi nhưng đã bộc lộ rất nhiều tham vọng. Mặc dù vậy, vô luận thế nào thì tất cả các thế lực kể trên đều đang khoác áo Đồng minh, việc phân hóa và tranh thủ sự giúp đỡ của họ là việc nên làm và có thể. Sự ra đời của Nhà nước Dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á, rõ ràng là một thành quả cuộc cách mạng của nhân dân ta, tuy nhiên đó mới chỉ là sự khởi đầu. Việc vạch mặt kẻ thù, ngăn ngừa từ xa những âm mưu thâm độc của chúng là một tất yếu, nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc chúng ta “tuyệt giao” với tất cả, cũng như chúng ta không thể cùng một lúc chống lại tất cả các lực lượng can thiệp với cùng một thái độ như nhau. Lúc này, mọi tính toán chiến lược sai lầm, chủ quan, ảo tưởng đều sẽ phải trả giá, có khi rất đắt. Những dự báo ấy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được lịch sử dân tộc làm sáng tỏ. Bài học ấy đối với cách mạng Việt Nam

trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa rất lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Ba là, bài học về tính kiên định, sáng tạo trong việc đấu tranh bảo vệ các lợi ích của quốc gia, dân tộc trong bối cảnh quan hệ quốc tế phức tạp.

Tuyên ngôn độc lập, một trong số rất ít tác phẩm mà Chủ tịch Hồ Chí Minh tâm đắc nhất¹, Người vẫn dành ỏ vị trí trang trọng nhất để viện dẫn những bản tuyên ngôn của cả nước Mỹ và nước Pháp như là khởi nguồn cho ý tưởng và cho cả tác phẩm bất hủ của mình. Đây thực sự là một nghệ thuật trong việc giải quyết các quan hệ quốc tế. Để kiên định các mục tiêu chiến lược của mình, không nhất thiết phải dùng biện pháp cứng rắn và nhất là, chỉ bám lấy mỗi một cách tiếp cận vấn đề. Ngay cả những kẻ xâm lược tàn bạo và thâm độc nhất, nhiều khi cũng phải điều chỉnh lại mình, khi những giá trị cốt lõi của dân tộc họ được chính đối phương tôn trọng.

Bản *Tuyên ngôn độc lập* đã được các ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Đảng, các vị bộ trưởng góp ý và tán thành. Không chỉ vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn cho mời Đại tá Patti, đại diện của Mỹ trong phái đoàn Đồng minh nghe trước khi được công bố chính thức với thế giới. Thấy có câu trích từ Tuyên ngôn độc lập của Mỹ, ngài Patti đã hỏi lý do. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định:

1. Trần Kư: *Bác Hồ viết Tuyên ngôn độc lập*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.5.

“Đúng thế! Mục đích cao cả của Cách mạng Việt Nam, của Cách mạng Mỹ là vì hạnh phúc của con người. Chúng ta chiến đấu vì hạnh phúc của con người”¹. Ngay tối hôm đó, Đại tá Patti đã đánh điện về Mỹ, trong đó có nói: “Ngày 2 tháng 9 năm 1945 sắp tới, Việt Nam sẽ tổ chức lễ tuyên bố độc lập. Câu mở đầu của bản Tuyên ngôn độc lập do Hồ Chí Minh sẽ đọc là câu mở đầu của bản Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ”². Lịch sử cũng ghi nhận rằng, gần như ngay sau khi Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh được phát đi, chính giới Pháp cũng bắt đầu phân hóa thành hai phe đối lập trong quan điểm về cuộc chiến tranh Việt Nam. Bài học này chưa bao giờ cũ trong tiến trình cách mạng Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh chúng ta đang đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương nhằm gìn giữ môi trường hòa bình cho công cuộc đổi mới hiện nay.

Hiện nay, các quốc gia, dân tộc trên thế giới đang tham gia vào quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, hợp tác cùng phát triển trong hòa bình và tình thân hữu. Đó là xu thế chủ đạo mà nước Việt Nam độc lập đang chủ động và tích cực tham gia với tư cách là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng thế giới. Tuy nhiên, tình hình thế giới vẫn còn những diễn biến phức tạp, đó là chiến tranh, xung đột cục bộ vẫn xảy ra, đặc biệt, nước lớn với

1, 2. Vũ Quang Hiến: *Tuyên ngôn độc lập, những khát vọng về quyền dân tộc và quyền con người*, *Sđđ*, tr.123.

lợi ích và chủ nghĩa dân tộc cực đoan, ngang nhiên xâm phạm độc lập, chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo của các nước nhỏ, bất chấp đạo lý, lẽ phải và luật pháp quốc tế. Điều đó dẫn đến nguy cơ gây mất ổn định cho các quốc gia, đe dọa hòa bình, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới. Các quốc gia, dân tộc cần phải đoàn kết, thống nhất hành động, phấn đấu vì một thế giới hòa bình, hợp tác, thân thiện và phát triển. Dù nước lớn hay nước nhỏ đều phải tôn trọng chủ quyền của nhau, trên cơ sở hiện thực lịch sử và luật pháp quốc tế.

Bốn là, bài học khéo kết hợp các quyền cơ bản của con người với quyền dân tộc thiêng liêng thành các quyền dân tộc cơ bản.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khéo kết hợp các quyền cơ bản của con người với quyền dân tộc thiêng liêng thành các quyền dân tộc cơ bản với nội dung thiết thực, bao gồm các quyền về độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của một quốc gia, dân tộc. Đó là một phạm trù cơ bản của luật pháp quốc tế hiện đại mà chúng ta phải dựa vào để bảo vệ một cách kiên định bởi những phương cách sáng tạo những quyền cơ bản của dân tộc cho phù hợp với những điều kiện lịch sử khác nhau. Ở đây, *Tuyên ngôn độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra một mẫu mực về việc giải quyết vấn đề này. Từ vấn đề quyền tự do của con người mà thấy được quyền tự do và bình đẳng của các dân tộc là một đóng góp vĩ đại của Hồ Chí Minh vào lý luận về nhân quyền của nhân loại ở thế kỷ XX. Vào thời điểm đó, quan điểm về nhân quyền của Liên hợp quốc cũng mới chỉ xem

xét về quyền con người, chưa thấy được quyền tự quyết của các dân tộc. Phải đến giữa thập kỷ 60 của thế kỷ XX trở đi, khiếm khuyết này mới được phát hiện và điều chỉnh. Đến *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội* (năm 1966) và *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị* (năm 1966) ghi nhận “Tất cả mọi dân tộc đều có quyền tự quyết”¹. Tại Hội nghị nhân quyền thế giới tổ chức ở Vienna (nước Áo) năm 1993, cộng đồng quốc tế một lần nữa khẳng định: Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết dân tộc. Quyền này bao gồm: Quyền xác lập chế độ chính trị, thể chế quốc gia và hệ thống pháp luật. Tất cả các quốc gia đều phải tôn trọng quyền đó. Với quyền này, các nhà nước có quyền áp dụng mọi biện pháp, trong đó có xây dựng và thực thi pháp luật để bảo vệ chế độ của mình. Những hành vi chống lại chế độ chính trị và nhà nước hiện hữu là vi phạm quy luật, tất yếu sẽ mất tự do. Nhận thức đúng đắn về tự do của cá nhân không thể không nhận thức đúng quy luật này. Hay nói cách khác, không có quyền tự do cá nhân nào được phép đứng trên hoặc chà đạp lên chế độ chính trị, lợi ích của nhà nước. Việc khước từ hay thủ tiêu quyền dân tộc tự quyết là một sự vi phạm nhân quyền. Như vậy, ngay từ rất sớm Hồ Chí Minh đã có tầm nhận thức vượt thời đại về mối quan hệ giữa quyền con người với quyền độc lập và tự do của dân tộc.

1. Viện Thông tin Khoa học xã hội: *Quyền con người - Các vấn đề quan trọng*, Nxb. Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.218.

Sự thống nhất biện chứng giữa quyền dân tộc và quyền con người, về khát vọng và tinh thần đấu tranh kiên quyết để giữ vững nền độc lập, tự do trong *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh vẫn có ý nghĩa đặc biệt sâu sắc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Đảng ta xác định: “*Con người* là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân”¹. Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện một bước tiến quan trọng khi đề cao nhân quyền như tổng hòa quyền con người và quyền công dân, từ đó thể chế hóa quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ công dân. Đồng thời, Hiến pháp năm 2013 cũng xác định rõ: Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Tôn trọng quyền con người cũng chính là tạo động lực để thúc đẩy sự phát triển của xã hội, bởi con người là chủ thể xây dựng và bảo vệ đất nước².

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr.76.

2. Xem Báo Nhân Dân: *Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, chí tuệ toàn dân tộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.180.

Tuyên ngôn độc lập là một kiệt tác về tư tưởng, lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh và là áng hùng văn lập quốc vĩ đại, mang giá trị lịch sử vĩnh hằng. Với tư cách là người đứng đầu Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt nhân dân Việt Nam trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố trước toàn thế giới về sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước Dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á; về quyền độc lập, tự do cho dân tộc, cho mỗi người dân Việt Nam.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Anh/chị hãy phân tích cơ sở pháp lý và căn cứ thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập*?
2. Anh/chị hãy phân tích giá trị lịch sử và ý nghĩa hiện thời của *Tuyên ngôn độc lập*?
3. Anh/chị phân tích nét đặc sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người và quyền dân tộc trong *Tuyên ngôn độc lập*?

SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC (1947)

A. MỤC TIÊU

- *Về phẩm chất:* Sinh viên có ý thức vận dụng sáng tạo quan điểm của Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam; chống lại những tư tưởng phản động, sai trái, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh của các thế lực thù địch; có niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- *Về năng lực:* Giúp sinh viên hiểu được các nội dung cơ bản của tác phẩm; có kỹ năng rèn luyện đạo đức cách mạng của bản thân; lý giải được những vấn đề trong thực tiễn đấu tranh rèn luyện đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên hiện nay.

B. NỘI DUNG

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ BỐ CỤC CỦA TÁC PHẨM

1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Tháng 10/1947 Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* với bút danh X.Y.Z. Tình hình đất nước và công tác xây dựng Đảng lúc này có nhiều vấn đề, đặt ra nhiều yêu cầu mới:

Trên thế giới, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đang phát triển thuận lợi. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, sự sụp đổ của Liên Xô, hệ thống xã hội chủ nghĩa ra đời, tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi và Mỹ Latinh. Trong khi đó, cách mạng Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn. Sau một năm tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể đã chuyển lên chiến khu Việt Bắc, hoạt động trong điều kiện chiến tranh ác liệt, nguy hiểm. Mặc dù vậy, quân và dân ta vẫn tiếp tục tấn công giành thắng lợi vang dội trong Chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông năm 1947, tạo niềm tin chiến thắng, khích lệ cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân cả nước, củng cố các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể.

Trong điều kiện mới, Đảng ta trở thành đảng cầm quyền. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của cuộc kháng chiến, vì vậy Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề này.

Nước ta tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong điều kiện tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính, chưa nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của phong trào cách mạng thế giới. Vì vậy, mọi cán bộ, đảng viên phải phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, nêu cao đạo đức cách mạng, dám chấp nhận hy sinh, gian khổ, đặt lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc, của Đảng lên

trên hết, đã thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, bệnh hình thức, chống chủ nghĩa cá nhân. Đảng đã đề ra và thực hiện chủ trương xây dựng các “chi bộ tự động công tác” nhằm khắc phục khó khăn do điều kiện thông tin liên lạc bị ách tắc, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình lãnh đạo của các tổ chức đảng.

Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành công tác xây dựng Đảng từ năm 1945 đến năm 1947, Hồ Chí Minh thấy rằng, bên cạnh những ưu điểm rất đáng biểu dương, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên còn bộc lộ những thiếu sót lớn làm giảm uy tín của Đảng, ảnh hưởng đến sự nghiệp kháng chiến. Vì vậy, tháng 10/1945, Người đã gửi thư cho *Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng*, tháng 3/1947 gửi thư cho các đồng chí Bắc Bộ, Trung Bộ. Trong những bức thư đó, Người đã đề cập đến công tác tổ chức, lề lối làm việc, những sai lầm, khuyết điểm của cán bộ, đảng viên. Người chỉ rõ những nguy cơ thoái hóa, biến chất và căn bệnh của đảng cầm quyền là: quan liêu, địa phương chủ nghĩa; óc bè phái, hẹp hòi; ham chuộng hình thức, ích kỷ, hủ hóa, chung quy lại là “chủ nghĩa cá nhân” và “kiêu ngạo cộng sản”, những căn bệnh này đã làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Cuối bức thư, Người viết: “Mong các đồng chí mang toàn bộ tinh thần cách mạng mà khắc phục các khuyết điểm, phát triển các ưu điểm, đồng tâm hiệp lực,

đoàn kết nội bộ, mở rộng hàng ngũ, chấn chỉnh công tác để lãnh đạo toàn dân hăng hái kháng chiến để đi đến thắng lợi vẻ vang”¹.

Qua theo dõi tình hình thực tế, Hồ Chí Minh thấy phong trào đấu tranh tự phê bình và phê bình của cán bộ, đảng viên còn yếu kém, “Những cán bộ và đảng viên các nơi, hoặc chỉ nghiên cứu qua loa, hoặc nhận thấy khuyết điểm rồi nhưng không cố gắng sửa chữa”². Chính vì vậy, Người đã viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* để giúp cán bộ, đảng viên có tài liệu học tập, rèn luyện, tu dưỡng về các mặt tư tưởng, đạo đức và phương pháp làm việc. Khi ấy, Người đang ở làng Vang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Sửa đổi lối làm việc là một tác phẩm quan trọng, ra đời trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, thể hiện tư tưởng và lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng đảng cầm quyền trong điều kiện vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Theo đó, phải *sửa đổi* để đổi mới trong tư tưởng, trong tổ chức bộ máy và trong cách làm việc của Đảng, của cán bộ, đảng viên trước tình hình mới. Trên tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, tìm ra nguyên nhân, biện pháp và cách thức tiến hành để cán bộ, đảng viên có tư tưởng, đạo đức và cách làm việc đúng hơn, khéo hơn,

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.91-92, 271.

hiệu quả hơn; và nội dung cần phải sửa đổi là toàn bộ hoạt động của Đảng, của mỗi cán bộ, đảng viên từ nhận thức, tư tưởng đến chỉ đạo tổ chức thực hiện.

2. Bố cục của tác phẩm

Tác phẩm đề cập đến 6 vấn đề lớn, vừa có tính lý luận, vừa có tính chỉ đạo thực tiễn sâu sắc về công tác xây dựng Đảng:

- 1- Phê bình và sửa chữa
- 2- Máy điều kinh nghiệm
- 3- Tư cách và đạo đức cách mạng
- 4- Vấn đề cán bộ
- 5- Cách lãnh đạo
- 6- Chống thói ba hoa

Trong mỗi mục lớn có nhiều mục nhỏ được sắp xếp theo một trật tự chặt chẽ, bảo đảm tính logic, chỉnh thể của một tác phẩm lý luận.

Tác phẩm tập trung vào chủ đề xây dựng Đảng, trong đó chủ yếu là những vấn đề bức xúc đặt ra về tư tưởng, đạo đức, công tác cán bộ, đảng viên, quan hệ giữa Đảng và quần chúng; về phương pháp, phương thức lãnh đạo của Đảng; về cách thức học tập đạt kết quả cao; về những khuyết điểm của cán bộ, đảng viên mắc phải, cách sửa chữa.

II- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1. Những khuyết điểm, căn bệnh của cán bộ, đảng viên và cách sửa chữa

a) Những khuyết điểm, căn bệnh

Theo Hồ Chí Minh, khuyết điểm có nhiều thứ, có thể chia tất cả các khuyết điểm vào ba hạng: khuyết điểm về tư tưởng, tức là bệnh chủ quan; khuyết điểm về sự quan hệ trong Đảng với ngoài Đảng, tức là bệnh hẹp hòi; khuyết điểm về cách nói và cách viết, tức là ba hoa. Đó là ba chứng bệnh rất nguy hiểm phải sửa chữa ngay.

- Về bệnh chủ quan:

Nguyên nhân của bệnh chủ quan là: kém lý luận, hoặc khinh lý luận, hoặc lý luận suông. Theo Người: “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế”¹. Lý luận chân chính là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế.

Căn bệnh này được biểu hiện rất rõ, đó là: kém lý luận, khinh lý luận, lý luận suông. *Kém lý luận* tức là gặp mọi việc không xem xét, cân nhắc đúng, nghĩ thế nào làm thế đấy, kết quả thường thất bại. *Khinh lý luận* tức là làm việc theo kinh nghiệm. Theo Hồ Chí Minh, đã có kinh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.273.

nghiệm mà lại biết thêm lý luận thì công việc tốt hơn nhiều. Kinh nghiệm của cá nhân tuy tốt, nhưng cũng chẳng qua là từng bộ phận, chỉ thiên về một mặt. “Có kinh nghiệm mà không có lý luận, cũng như một mắt sáng, một mắt mờ”¹. Theo Người, để trở thành người cán bộ hoàn toàn cần phải học thêm lý luận. *Lý luận suông* tức là siêng xem sách và xem được nhiều sách nhưng không biết áp dụng vào công việc thực tế. Theo Người, “xem được hàng ngàn hàng vạn quyển lý luận, nếu không biết đem ra thực hành, thì khác nào một cái hòm đựng sách”².

Hồ Chí Minh cho rằng, những người mắc căn bệnh này phải ra sức thực hành mới thành người biết lý luận. Phải khiêm tốn. Chớ kiêu ngạo. Phải ra sức làm các việc thực tế. Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận. “Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn, hoặc bắn lung tung, cũng như không có tên. Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế. Chỉ học thuộc lòng, để đem lờ thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích”³. Vì vậy, phải gắng học, đồng thời học thì phải hành.

- *Về bệnh hẹp hòi:*

Đây là căn bệnh rất nguy hiểm, mà nhiều cán bộ và đảng viên mắc phải. Bởi vì, theo Người căn bệnh này: Trong, thì “ngăn trở Đảng thống nhất và đoàn kết”. Ngoài, thì “phá hoại sự đoàn kết toàn dân”⁴. Nhiều thứ bệnh, như

1, 2, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.273, 273, 275, 276.

chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa bản vị, chủ nghĩa cá nhân, khuynh hướng tham danh vọng, tham địa vị, đìm người giỏi, bệnh hủ hóa, v.v., đều do bệnh hẹp hòi mà ra.

Căn bệnh này được biểu hiện: chủ nghĩa địa phương, chủ nghĩa bản vị, chủ nghĩa cá nhân, khuynh hướng tham vọng, tham địa vị, đìm người giỏi. Bệnh hẹp hòi đối ngoại: chỉ cần đoàn kết trong Đảng, không cần đoàn kết toàn dân.

Theo Hồ Chí Minh, bệnh chủ quan, bệnh ích kỷ, bệnh hẹp hòi, v.v., mỗi chứng bệnh là một kẻ địch. Mỗi kẻ địch bên trong là một bạn đồng minh của kẻ địch bên ngoài. Địch bên ngoài không đáng sợ. Địch bên trong đáng sợ hơn, vì nó phá hoại từ trong phá ra. Vì vậy, phải ra sức đề phòng những kẻ địch đó, phải chữa hết những chứng bệnh đó. Để chữa những căn bệnh đó “phải tự phê bình ráo riết, và phải lấy lòng thân ái, lấy lòng thành thật, mà ráo riết *phê bình đồng chí mình*”¹. Hai việc đó phải đi đôi với nhau. Trong lúc phê bình, khuyết điểm phải vạch ra rõ ràng, mà ưu điểm cũng phải nhắc đến. Một mặt là để sửa chữa cho nhau. Một mặt là để khuyến khích nhau, bắt chước nhau. Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên, mỗi ngày phải “tự kiểm điểm, tự phê bình, tự sửa chữa như mỗi ngày phải rửa mặt”².

- Về bệnh ba hoa:

Hồ Chí Minh cho rằng, chống bệnh chủ quan, chống bệnh hẹp hòi, đồng thời cũng phải chống thói ba hoa. Vì

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.279, 279.

thói này cũng hại như hai bệnh kia. Vì ba thứ đó thường đi với nhau. Vì thói ba hoa còn, tức là bệnh chủ quan và bệnh hẹp hòi cũng chưa khỏi hẳn.

Thói ba hoa được biểu hiện:

+ *Dài dòng, rộng tuếch* “Viết dài mà rộng, thì không tốt. Viết ngắn mà rộng, cũng không hay. Chúng ta phải chống tất cả những thói rộng tuếch. Nhưng trước hết phải chống thói đã rộng lại dài”¹. Bất kỳ làm việc gì cũng phải có chừng mực. Viết và nói cũng vậy. Chúng ta chống nói dài, viết rộng. Chứ không phải nhất thiết cái gì cũng phải ngắn mới tốt. Viết và nói cố nhiên phải vắn tắt. Song trước hết phải có nội dung. Phải chữa cho hết bệnh nói dài, viết rộng.

+ *Có thói cầu kỳ*: trình bày người xem không hiểu, giống như “gậy đàn tai trâu”. Người tuyên truyền phải điều tra, phân tích, nghiên cứu, hiểu biết quần chúng, không được gặp sao nói vậy, bạ gì viết nấy thì mới không thất bại.

+ *Khô khan, lúng túng*: thích mượn chữ, dùng chữ. Những người tuyên truyền phải học cách nói của dân chúng, vì theo Người “cách nói của dân chúng rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực, mà lại rất giản đơn”².

+ *Báo cáo lông bông*: là báo cáo giả dối hoặc báo cáo chậm trễ. Thành công ít, thì suýt ra nhiều. Còn khuyết điểm thì giấu đi, không nói đến. Trong báo cáo chỉ thấy 1,

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.341, 341.

2, 3, 4 hoặc a, b, c, v.v.. Không nêu rõ vấn đề ra. Không phân tách, không đề nghị cách giải quyết các vấn đề. Không nói rõ tán thành hoặc phản đối. Khi đã có vấn đề, phải nghiên cứu cho rõ cái gốc mâu thuẫn trong vấn đề đó là gì. Phải điều tra, phải nghiên cứu cái mâu thuẫn đó. Phải phân tách rõ ràng và có hệ thống, phải biết rõ cái nào là mâu thuẫn chính, cái nào là mâu thuẫn phụ. Phải đề ra cách giải quyết. Theo Người, “Gặp mỗi vấn đề, đều phải kinh qua ba bước: đề nó ra, phân tách nó (điều tra, nghiên cứu, sắp đặt), giải quyết nó”¹.

+ *Lục chạp, cầu thả*: Khi viết, diễn thuyết cần phải xem đi xem lại trước khi viết, diễn thuyết. Không biết rõ, không hiểu rõ, khi không có gì cần nói, không có gì cần viết, chớ nói, chớ viết càn. Khi viết xong một bài báo, một bản báo cáo, hoặc thảo một bài diễn văn, nhất định phải đọc lại vài lần.

+ *Bệnh theo sáo cũ*: Tìm hiểu từng đối tượng để áp dụng tuyên truyền, không áp dụng một cách máy móc, sáo rỗng cho tất cả các đối tượng. Theo Người, “học cốt để mà làm. Học mà không làm được, học mấy cũng vô ích”².

+ *Nói không ai hiểu, bệnh hay nói chữ*: viết một cách cao xa, màu mè, người khác không hiểu được. Muốn chống bệnh hay nói chữ phải làm cho dân chúng đều hiểu, phải học cách nói của dân chúng. “Nếu không hàng vạn khẩu hiệu cũng vô ích”³.

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.343, 343, 345.

Để chống thói ba hoa, Hồ Chí Minh đã chỉ ra năm “liều thuốc”:

+ Phải học cách nói của quần chúng. Chớ nói như cách giảng sách.

+ Phải luôn luôn dùng những lời lẽ, những thí dụ giản đơn, thiết thực và dễ hiểu.

+ Khi viết, khi nói, phải luôn luôn làm thế nào cho ai cũng hiểu được. Làm sao cho quần chúng đều hiểu, đều tin, đều quyết tâm theo lời kêu gọi của mình.

+ Chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ, chớ nói, chớ viết.

+ Trước khi nói, phải nghĩ cho chín, phải sắp đặt cẩn thận.

- Về bệnh chủ nghĩa cá nhân:

Hồ Chí Minh cho rằng, chủ nghĩa cá nhân là việc gì cũng chỉ lo cho lợi ích của riêng mình, không quan tâm đến lợi ích chung của tập thể, nó như là “một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm”¹, thí dụ những bệnh: Bệnh tham lam, bệnh lười biếng, bệnh kiêu ngạo, bệnh hiếu danh, thiếu kỷ luật, óc hẹp hòi, óc địa phương, óc lãnh đạo.

Chủ nghĩa cá nhân sẽ ngăn cản cán bộ, đảng viên phấn đấu vì mục đích, lý tưởng của Đảng, của dân tộc, từ đó sẽ dẫn đến sự suy thoái biến chất, làm giảm sức chiến đấu của Đảng, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, tổn thương mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.295.

- *Một số căn bệnh khác:*

+ **Bệnh hữu danh vô thực:** Làm việc không thiết thực, không từ chỗ gốc, chỗ chính, không từ dưới làm lên. Làm cho có chuyện, làm lấy rồi. Hồ Chí Minh cho rằng, những người làm việc như vậy là “không làm tròn nhiệm vụ của mình. Thế là đối trá với Đảng, có tội với Đảng. Làm việc không thiết thực, báo cáo không thật thà, cũng là một bệnh rất nguy hiểm”¹.

+ **Kéo bè kéo cánh:** Bệnh này rất tai hại cho Đảng. Nó làm hại đến sự thống nhất. Nó làm Đảng bớt mất nhân tài và không thực hành được đầy đủ chính sách của mình. Nó làm mất sự thân ái, đoàn kết giữa đồng chí. Nó gây ra những mối nghi ngờ.

+ **Bệnh cận thị:** Không trông xa thấy rộng. Những vấn đề to tát thì không nghĩ đến mà chỉ chăm chú những việc tỉ mỉ.

+ **Bệnh cá nhân:** Hồ Chí Minh đã chỉ ra 10 biểu hiện của căn bệnh, đồng thời khẳng định “Những tật bệnh đó khiến cho Đảng xệch xoạc, ý kiến lung tung, kỷ luật lỏng lẻo, công việc bê trễ. Chính sách không thi hành được triệt để, Đảng xa rời dân chúng”².

Mười biểu hiện đó là: việc gì không phê bình trước mặt để nói sau lưng; muốn làm xong việc, ai có ưu điểm cũng không chịu học theo, ai có khuyết điểm cũng không dám phê bình; không phục tùng mệnh lệnh, không tuân theo

1, 2, Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.297, 298.

kỷ luật, cứ làm theo ý mình; khi phê bình ai, không phải vì Đảng, không phải vì tiến bộ, không phải vì công việc, mà chỉ công kích cá nhân, cãi bướng, trả thù, tiểu khí; nghe những lời bình luận không đúng, cũng làm thính; gặp dân chúng thì không điều tra, không hỏi han, không tuyên truyền, không giải thích; thấy những việc có hại đến dân chúng cũng mặc kệ, không khuyên răn, không ngăn cản, không giải thích; làm việc không có kế hoạch, gặp sao làm vậy, làm lấy lệ, làm không có ngăn nắp, làm không đến nơi đến chốn; tự cho mình là “cách mạng già”, “cách mạng cũ”, việc to làm không nổi, việc nhỏ không chịu làm; làm việc thì lơ mờ, học hành thì biếng nhác; biết mình có khuyết điểm, nhưng không chịu cố gắng sửa đổi.

+ Bệnh lười biếng: Khi tiếp được mệnh lệnh hoặc nghị quyết, không chịu nghiên cứu rõ ràng. Không lập tức đưa ngay mệnh lệnh và nghị quyết đó cho cấp dưới, cho đảng viên, cho binh sĩ. Cứ xếp lại đó.

Hồ Chí Minh chỉ ra cách chữa căn bệnh này:

“- Các cơ quan chỉ đạo phải có cách lãnh đạo cho đúng. Mỗi việc gì đều phải chỉ bảo cách làm.

- Cấp trên phải hiểu rõ tình hình cấp dưới và tình hình quần chúng, để chỉ đạo cho đúng.

- Khi nghị quyết việc gì, phải cẩn thận, rõ ràng. Khi đã nghị quyết thì phải kiên quyết thi hành...

- Các cấp dưới, đảng viên và dân chúng (hoặc binh sĩ) phải thảo luận những mệnh lệnh và nghị quyết đó cho rõ ràng, hiểu thấu ý nghĩa của nó và định cách thi hành cho đúng.

- Cấp dưới cần phải báo cáo. Cấp trên cần phải kiểm soát”¹.

+ Bệnh tật nạnh: cái gì cũng muốn bình đẳng. Bệnh này sinh ra vì hiểu lầm hai chữ bình đẳng. Không hiểu rằng: Người khỏe gánh nặng, người yếu gánh nhẹ. Người làm việc nặng phải ăn nhiều, người làm việc dễ thì ăn ít.

Hồ Chí Minh chỉ ra cách chữa căn bệnh này: “Giải thích cho họ hiểu: đồng cam cộng khổ là một điều rất hay, rất tốt. Nhất là trong lúc cái gì cũng còn túng thiếu, và mỗi đảng viên, mỗi cán bộ cần phải làm kiểu mẫu trong sự cần lao, tiết kiệm. Nhưng cũng phải tùy theo hoàn cảnh. Cái gì thái quá cũng không tốt”².

Người khẳng định: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”³.

+ Bệnh xu nịnh, a dua: trước mắt thì ai cũng tốt, sau lưng thì ai cũng xấu.

+ Bệnh kém tính đảng:

Tính đảng là phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết; việc gì cũng phải điều tra rõ ràng, cẩn thận và

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.299-300, 301, 301.

phải làm đến nơi đến chốn; lý luận và thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau.

Vì kém tính đảng mà có những bệnh như bệnh ba hoa, bệnh chủ quan, bệnh địa phương, bệnh hình thức, bệnh ham danh, bệnh ích kỷ, bệnh thiếu kỷ luật, bệnh hủ hóa, bệnh cầu thả (gặp sao hay vậy), bệnh thiếu ngăn nắp, bệnh xa quần chúng, bệnh lười biếng. Mắc phải một bệnh trong mười hai bệnh đó tức là hỏng việc. Vì vậy, phải ráo riệt tự phê bình và phê bình để giúp nhau chữa cho hết những bệnh ấy. Người chỉ rõ: “Phê bình là nêu ưu điểm và vạch khuyết điểm của đồng chí mình. Tự phê bình là nêu ưu điểm và vạch khuyết điểm của mình. Tự phê bình và phê bình phải đi đôi với nhau. Mục đích là cho mọi người học lẫn ưu điểm của nhau và giúp nhau chữa những khuyết điểm”¹.

Muốn chữa căn bệnh này về mặt Đảng thì phải: 1) Nghiêm ngặt kiểm tra, các địa phương phải kiên quyết thực hành những nghị quyết của Đảng. Kiên quyết chống lại cái thói nghị quyết một đường, thi hành một nẻo; 2) Nơi nào sai lầm, ai sai lầm, thì lập tức sửa chữa. Kiên quyết chống thói nể nang và che giấu, chống thói “trước mặt thì nể, kể lể sau lưng”; 3) Phải kiên quyết thực hành kỷ luật, tức là cá nhân phải tuyệt đối phục tùng tổ chức, số ít phải phục tùng số nhiều, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng trung ương; 4) Phải đòi hỏi mỗi đảng viên, trước

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.307.

hết là mỗi cán bộ, phải thật thà tự phê bình, tự sửa chữa những khuyết điểm của mình. Đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết. Kiên quyết chống bệnh tự mãn tự túc, tự tư tự lợi, kiêu ngạo, ba hoa. Phải thực hành khẩu hiệu: “Chí công vô tư; cần, kiệm, liêm, chính!”.

b) Cách sửa chữa những khuyết điểm, căn bệnh

- *Nhận biết rõ nguyên nhân của những khuyết điểm, căn bệnh.*

Hồ Chí Minh cho rằng: Đảng là một tổ chức chính trị - xã hội đủ các tầng lớp có nhiều tính cách rất trung thành, kiên quyết rất vĩ đại, nhưng không tránh khỏi những tập tục, những tính nết khuyết điểm của xã hội bên ngoài nó lây, ngấm vào Đảng. Đảng không phải ở trên trời sa xuống, nó ở trong xã hội mà ra. Số đông là đảng viên tốt nhưng một số chưa bỏ được thói hư tật xấu¹.

Hơn nữa, hơn 80 năm nô lệ, những thói hư tật xấu từ xã hội vào Đảng. Người chỉ rõ “nếu có nấu cơm cũng 15 phút mới chín, hướng chi là sửa chữa cả một nước đã 80 năm nô lệ, người tốt có, người xấu có, một đám ruộng có lúa lại có cỏ, muốn nhổ cỏ thì cũng vài ba giờ mới xong”².

- Cách sửa chữa những khuyết điểm, căn bệnh.

Để sửa chữa những khuyết điểm, căn bệnh đó, theo Hồ Chí Minh cán bộ, đảng viên phải nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của việc học tập nâng cao trình độ mọi mặt.

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.301-302.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.75.

Mọi cán bộ, đảng viên dù trong hoàn cảnh nào cũng phải không ngừng học tập lý luận, nâng cao trình độ của mình. Vì lý luận là kim chỉ nam, là phương hướng trong công việc, không có lý luận như “nhắm mắt mà đi”. Không có lý luận, khi làm việc gì đều “không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử lý cho khéo”¹, ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy, kết quả thường thất bại. Xao nhãng việc học tập, đó là “một khuyết điểm rất to. Khác nào người thầy thuốc chỉ đi chữa người khác, mà bệnh nặng trong mình thì quên chữa”².

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh cũng nêu rõ mục đích và phương pháp học tập lý luận: Học để sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, hoàn thành tốt nhiệm vụ Đảng giao. Phải thiết thực học tập, sửa chữa các khuyết điểm. Vì có tẩy sạch khuyết điểm, công việc mới có thể tiến bộ. Nếu không kiên quyết sửa chữa thì giống như người giấu bệnh trong mình, không dám uống thuốc để bệnh ngày càng nặng thêm. Làm việc không đúng, không khéo thì khuyết điểm nhiều, khuyết điểm nhiều thì thành tích ít. Khuyết điểm của một người thì chỉ hại cho người đó, khuyết điểm của Đảng thì hại cho toàn Đảng.

Người yêu cầu học tập lý luận phải gắn lý luận với thực tiễn, nói và làm, để nâng cao đạo đức cách mạng. Có lý luận, có kinh nghiệm, đem lý luận, kinh nghiệm đó áp dụng vào công việc thực tế thì mới gọi là lý luận hoàn toàn, còn ngược lại là người có “lý luận suông”.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.274, 271

2. Về tư cách của đảng chân chính và bổn phận của đảng viên

a) Tư cách của đảng chân chính

Hồ Chí Minh chỉ rõ, tư cách của đảng chân chính cách mạng gồm 12 điều:

(1) Đảng không phải là 1 tổ chức làm quan phát tài. Đảng phải làm tròn nhiệm vụ: Đảng lãnh đạo dân tộc, mang lại hạnh phúc nhân dân.

(2) Cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận cách mạng, lý luận với thực hành phải luôn đi đôi với nhau.

(3) Xác định đường lối, chủ trương, Đảng phải dựa vào thực tiễn, kinh nghiệm cách mạng ở trong nước, ngoài nước.

(4) Phải kiểm tra, kiểm soát.

(5) Phải liên hệ với dân chúng.

(6) Vì lợi ích của dân chúng.

(7) Chỉ đạo, tổ chức khéo, hoạt bát.

(8) Không che giấu khuyết điểm, không sợ phê bình, nhận khuyết điểm để sửa chữa tiến bộ, dạy bảo cán bộ, đảng viên.

(9) Lựa chọn những người gương mẫu, trung thành đoàn kết lại.

(10) Loại bỏ phần tử xấu ra khỏi Đảng.

(11) Giữ kỷ luật nghiêm từ trên xuống.

(12) Luôn bổ sung vào nghị quyết những vấn đề thực tiễn mới.

Mười hai điều Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra về tư cách của Đảng chân chính cách mạng bao quát một cách toàn

diện và sâu sắc những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền. Đó là những vấn đề căn cốt nhất của công tác xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, thể hiện ở những điểm cơ bản sau:

Một là, mục tiêu cầm quyền của Đảng là giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng. Mục tiêu này chính là sự cụ thể hóa mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là mục tiêu chủ đạo, định hướng cho hoạt động của Đảng, trong bất kỳ điều kiện, hoàn cảnh nào cũng không được dao động và xa rời mục tiêu đó.

Hai là, Đảng cầm quyền phải được vũ trang bằng lý luận tiên phong, lý luận đó phải gắn với thực tiễn. Thực chất của vấn đề này là sự khẳng định của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với hệ tư tưởng, nền tảng tư tưởng của Đảng, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong điều kiện đảng cầm quyền, mỗi cán bộ, đảng viên phải ra sức học tập lý luận cách mạng, nâng cao trình độ trí tuệ để xác định đúng đắn đường lối, nghị quyết của Đảng và tổ chức thi hành chỉ thị, nghị quyết cho đúng.

Ba là, Đảng phải luôn gắn bó mật thiết với quần chúng, mọi công tác của Đảng luôn từ quần chúng và hướng vào phục vụ lợi ích, nguyện vọng chính đáng của quần chúng. Khi trở thành đảng cầm quyền, Đảng phải hết sức chú trọng củng cố, tăng cường mối quan hệ với quần chúng, kiên quyết đấu tranh chống bệnh quan liêu, xa rời quần chúng.

Bốn là, Đảng phải hết sức coi trọng thực hiện tốt tự phê bình và phê bình, không che giấu khuyết điểm mà phải có gan thừa nhận khuyết điểm của mình để sửa chữa và tiến bộ, trưởng thành.

Năm là, đảng cầm quyền phải luôn quan tâm, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, lựa chọn những người trung thành và hăng hái cách mạng thành nhóm trung kiên lãnh đạo.

Sáu là, Đảng phải luôn giữ nghiêm kỷ luật tự giác và nghiêm minh, kiên quyết tẩy bỏ những phần tử thoái hóa, biến chất ra khỏi Đảng...

Những điều tâm huyết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tư cách của Đảng chân chính cách mạng có giá trị rất lớn, là tôn chỉ cho mọi hoạt động của Đảng trên cương vị là đảng cầm quyền, lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, bảo đảm cho Đảng luôn xứng đáng với tư cách là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Đúng như Người khẳng định: “*Muốn cho Đảng được vững bền. Mười hai điều đó chớ quên điều nào*”¹.

b) Đạo đức cách mạng (Phận sự của đảng viên)

Khi đánh giá vai trò của đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh coi đạo đức là nền tảng của người cách mạng, cũng như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối. Người viết rằng “*Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.5, tr.290.

nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”¹. Người cán bộ, đảng viên phải “Trọng lợi ích của Đảng hơn hết... Vô luận lúc nào, vô luận việc gì, đảng viên và cán bộ phải đặt lợi ích của Đảng ra trước, lợi ích của cá nhân lại sau. Đó là nguyên tắc cao nhất của Đảng. Đó là “tính Đảng”². Đảng viên và cán bộ phải có đạo đức cách mạng; Người khái quát và đi sâu phân tích những phẩm chất đạo đức từ “nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm” một cách súc tích, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thuộc. “**NHÂN** là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. **NGHĨA** là ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng. **TRÍ** vì không có việc tư túi nó làm mù quáng, cho nên đầu óc trong sạch, sáng suốt. Dễ hiểu lý luận. Dễ tìm phương hướng... **DŨNG** là dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Cực khổ khó khăn, có gan chịu đựng. Có gan chống lại vinh hoa, phú quý không chính đáng. **LIÊM** là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình... Chỉ có một thứ là ham học, ham tiến bộ...”³.

Để làm rõ hơn phận sự của đảng viên và cán bộ, cần nắm bắt hai vấn đề chính sau:

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.292, 290-291, 291-292.

Một là, vai trò của đạo đức cách mạng hết sức quan trọng; nó liên quan đến sự thành bại trong công việc của đảng cầm quyền. Hồ Chí Minh khẳng định, đạo đức cách mạng như gốc của cây, nguồn của sông, là căn bản của mỗi đảng viên và cán bộ. Nếu không có đạo đức cách mạng, nếu tự mình hủ hóa, xấu xa thì không những không làm được gì mà còn không lãnh đạo được cách mạng dù cho có tài giỏi đến mấy.

Hai là, nội dung của đạo đức cách mạng được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa từ tri thức chuẩn mực của văn hóa phương Đông và từ truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam nói riêng; với những bổ sung và phát triển về chất cho phù hợp với yêu cầu sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Xuất thân từ gia đình nhà Nho, từ tinh hoa của các bậc thánh hiền như Khổng Tử (“Nhân” bao hàm 2 yếu tố chủ yếu là thương yêu con người và giúp con người cùng với các tiêu chí “Cung kính”, “Khoan hậu”, “Thành tín”, “Cần mẫn”, “Từ huệ”), Người đã nâng “Nhân” lên tầm cao mới mang tính Đảng, tính cách mạng; con người là đồng bào, đồng chí; những suy nghĩ, hành động có hại đến nhân dân, đồng chí, có hại đến Đảng thì phải chống; mình phải là trụ cột cho mọi người, lo trước mọi người, hưởng sau mọi người; không sợ cực khổ, không ham uy quyền... “Nghĩa”, theo văn hóa phương Đông là cách ứng xử giữa người với người phụ thuộc vào địa vị, quan hệ của mình đối với người khác trong gia đình, ngoài xã hội như vợ chồng, cha mẹ con, nghĩa thầy trò, nghĩa vua tôi, bạn hữu... Nhưng “Nghĩa” trong tư tưởng Hồ Chí Minh là ứng xử ngay

thẳng, không tư tâm, không làm điều bậy, không có việc gì giấu Đảng; thấy việc gì phải thì phải làm, phải ủng hộ; thấy việc gì trái thì phải tránh; không sợ phê bình... “Trí”, theo Người không chỉ là trí thức hay kinh nghiệm con người có được qua quá trình sống, chiến đấu, lao động, học tập; mà “Trí” còn là phải tự rèn mình sao cho không làm việc gì một cách mù quáng, để cho đầu óc ta luôn trong sạch, sáng suốt; biết xem người, biết xem việc để luôn biết dùng, biết cất nhắc người tốt; biết loại bỏ những phần tử hủ hóa, biết việc gì lợi để làm, biết việc hại để tránh. “Dũng”, theo Hồ Chí Minh dạy không chỉ là sự can đảm, gan dạ, bất khuất mà còn là bản lĩnh, trung thực để chiến thắng chính mình. “Liêm”, theo Hồ Chí Minh là không lấy của người làm của mình, ít lòng tham muốn vật chất; không tham sung sướng; không tham địa vị, tiền tài, không tham kẻ tâng bốc mình... Đạo đức mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu trong tác phẩm này không phải là đạo đức thủ cựu, thuần túy, là đạo đức phong kiến mà là đạo đức mới, đạo đức cách mạng. Đạo đức cách mạng không phải vì danh vọng cá nhân mà là vì lợi ích chung của Đảng, là ấm no hạnh phúc của nhân dân, Tổ quốc, dân tộc và cả loài người.

Như vậy, đạo đức cách mạng gồm năm tính tốt là “Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm”. Những đức tính này được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa từ đạo đức Nho giáo, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc “Lấy chí nhân thay cường bạo, Đem đại nghĩa thắng hung tàn”; nhưng Người đã bồi đắp vào đó những nội dung mới phù hợp với hoàn

cảnh lịch sử của cách mạng nước ta, tươi mới và sâu sắc ở chỗ “Đạo đức đó không phải là đạo đức thủ cựu. Nó là đạo đức mới, đạo đức vĩ đại, nó không phải vì danh vọng của cá nhân, mà vì lợi ích chung của Đảng, của dân tộc, của loài người”¹. Đạo đức là cái gốc của người cách mạng, nhưng cũng phải nhận thức được “Đức” và “Tài” có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau. Có đức phải có tài, nếu không sẽ không mang lại lợi ích gì mà còn có hại cho nhân dân. Mặt khác, phải thấy trong đức có tài, mà tài càng lớn đức phải càng cao, vì đức, tài là nhằm phục vụ nhân dân và đưa cách mạng đến thắng lợi. Không những thế, theo Hồ Chí Minh, người cán bộ, đảng viên “phải giữ kỷ luật”.

Kỷ luật của Đảng là kỷ luật tự giác, “Không ai bắt buộc ai vào Đảng làm chiến sĩ xung phong. Đó là do sự “tự giác”, lòng hăng hái của mỗi người mà tình nguyện làm đảng viên, làm chiến sĩ xung phong”². Ngoài ra “Đối với những người không chịu nổi khó nhọc, không chịu nổi kỷ luật nghiêm khắc mà xin ra khỏi Đảng, thì Đảng vẫn bằng lòng để họ ra. Đảng chỉ yêu cầu một điều là: họ thề không lộ bí mật của Đảng, không phản Đảng, không phá hoại Đảng. Như thế thì Đảng vẫn giữ cảm tình thân thiện với họ”³. Hàng loạt các bệnh Người “chẩn đoán” thì khi nhìn vào bản thân mỗi chúng ta cũng nhận ngay ra bệnh gì mình mắc phải; có thể một bệnh, có thể nhiều

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.292, 293, 294.

bệnh, có thể có người mắc hầu hết các bệnh để từ đó mạnh dạn, trung thực, thẳng thắn và tự giác sửa chữa bằng được. Hồ Chí Minh cũng nhắc về bệnh sợ tự phê bình, và khẳng khái: “Một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”¹.

3. Về phương thức lãnh đạo và phương pháp công tác của Đảng

Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Hồ Chí Minh xác định rằng, một phương thức lãnh đạo đúng phải hàm chứa trong đó ba yêu cầu:

Thứ nhất, lãnh đạo đúng tức là phải định vấn đề cho đúng, mà quyết định đúng là từ tổng kết thực tiễn, từ hiểu biết lý luận và phải từ phát huy sáng kiến của nhân dân. Một quyết định đúng là một quyết định phải thể hiện được ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Muốn làm như vậy thì phải tổng kết xuất phát từ dân chúng.

Thứ hai, phương thức lãnh đạo đúng là phương thức biết tổ chức thực hiện quyết định cho đúng; mà tổ chức thực hiện quyết định này lại dựa vào dân chúng, tổ chức

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.301.

nhân dân, đoàn kết nhân dân để thực hiện quyết định mà mình đã đưa ra.

Thứ ba, phương thức lãnh đạo đúng là một phương thức có một cơ chế kiểm soát đúng. Cơ chế kiểm soát ở đây là một cơ chế kiểm soát có hệ thống, kiểm soát theo cả chiều dọc và chiều ngang, kiểm soát từ trên xuống và kiểm soát từ dưới lên. Để kiểm soát quyết định có hiệu quả, Hồ Chí Minh đưa ra hai yêu cầu:

- Kiểm tra, kiểm soát phải thường xuyên, liên tục. Khi có quyết định rồi thực hiện bất kỳ quyết định nào là phải theo dõi, giám sát, phải có kiểm tra, kiểm soát một cách liên tục và thường xuyên. Không đợi đến lúc có sự kiện, có yếu tố, có khuyết điểm thì mới kiểm tra, kiểm soát. Hồ Chí Minh cho rằng, kiểm tra kiểm soát là chế độ trong phương thức lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo mà không kiểm tra kiểm soát là lãnh đạo nửa vời không đến nơi đến chốn.

- Kiểm soát muốn có hiệu quả thì phải biết chọn người đi kiểm soát cho đúng. Muốn vậy phải:

(1) Kết hợp chính sách chung và chỉ đạo riêng. Đường lối là chung, chính sách là chung, nhưng trong quá trình thực tiễn thì không theo cái chung đó mà phải biết chọn điểm, chọn chỗ để thực hiện chính sách. Từ chỗ, từ điểm, từ diện mà nhân rộng ra để thực hiện chính sách toàn bộ. Hồ Chí Minh nói, cùng một lúc mà muốn thực hiện chính sách ở tất cả mọi nơi, ở tất cả mọi ngành, tất cả quân chúng đều như nhau thì rất khó, nên cái tài của người

quản lý, người lãnh đạo là từ những chính sách chung đó để chọn ra những mắt khâu quan trọng, chủ yếu, những nhiệm vụ trước mắt để thực hiện. Thành công sẽ chứng tỏ rằng, chính sách chung đó là có hiệu quả và lúc đó ta nhân rộng ra. Cho nên, Người nói, lãnh đạo đúng là phải biết kết hợp chính sách chung và chỉ đạo riêng theo cái nghĩa như vậy.

(2) Lãnh đạo đúng tức là biết kết hợp lãnh đạo với quần chúng, tức là kết hợp lãnh đạo của người lãnh đạo với hành động của quần chúng. Lãnh đạo tức là hướng dẫn quần chúng mà không biết kết hợp sự lãnh đạo của mình với hành động của quần chúng cách mạng thì không thực hiện được sự lãnh đạo đó. Hồ Chí Minh lưu ý rằng, người lãnh đạo phải gần gũi dân chúng, đi vào trong dân chúng để hiểu được dân tình, hiểu thấu dân tâm. Lãnh đạo phải kết hợp được với hoạt động của quần chúng tức là phải kết hợp cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí. Dân trí của quần chúng được nâng cao thì trình độ của Đảng được nâng cao và thực hiện sự lãnh đạo đó sẽ thuận lợi hơn.

(3) Muốn lãnh đạo quần chúng thì phải xuất phát từ dân. Đó là phải gần nhân dân, sát nhân dân, hiểu được nhân dân, tin nhân dân, biết được, phát hiện được nguồn tài lực trong dân, của dân, sức dân để làm được cho dân. Phương pháp lãnh đạo quần chúng xuất phát từ một chữ dân, chính là xuất phát từ dân đi đến dân chủ và cuối cùng đi đến dân. Theo Người, nếu chúng ta lãnh đạo như

vậy thì chắc chắn rằng Đảng ta sẽ tạo ra được một phong cách lãnh đạo quản lý dân chủ, quản lý dân chủ là quản lý hợp lòng dân, phù hợp với tâm tư nguyện vọng của nhân dân.

4. Vấn đề cán bộ và công tác cán bộ Đảng

a) Vai trò của cán bộ và công tác cán bộ

Trong tác phẩm, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng”¹. Như vậy, cán bộ trở thành là một khâu nối liền Đảng với nhân dân mà cán bộ phải là người ở giữa. Sau này, có lúc Hồ Chí Minh gọi cán bộ là dây chuyền của bộ máy; cán bộ có chức năng quan trọng nối liền Đảng, Nhà nước với Nhân dân, nên cán bộ là công việc gốc là khâu quyết định; công tác cán bộ là công tác cần thiết và trọng yếu. Từ đó Hồ Chí Minh đi đến một tổng kết: “Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém”².

Hồ Chí Minh xác định công tác cán bộ là chăm lo đội ngũ cán bộ, nuôi trồng đội ngũ cán bộ. Nuôi trồng đội ngũ cán bộ giống như người làm vườn nuôi trồng những cây cối quý báu, là nuôi trồng vốn quý của Đảng, của nhân dân.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.309, 280.

Hồ Chí Minh kết luận: công tác cán bộ là công tác gốc của Đảng. Đảng có nhiều việc nhiều công tác nhưng cái gốc phải là công tác cán bộ.

b) Tiêu chuẩn người cán bộ cách mạng

Tiêu chuẩn của người cán bộ cách mạng bao gồm:

Thứ nhất, đó là lòng trung thành, lòng hăng hái đối với cách mạng “Tuyệt đối trung thành với Đảng với nhân dân”. Người cho rằng, đây là yếu tố quan trọng, yếu tố nguyên tắc của một người cán bộ cách mạng.

Thứ hai, đó là người cán bộ cách mạng phải gần gũi, gắn bó với nhân dân, hiểu biết nhân dân và biết sử dụng sức mạnh nhân dân.

Thứ ba, người cán bộ cách mạng tức là người dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám có gan phụ trách, tức là dám quyết định những vấn đề ngay cả những lúc khó khăn nhất. Đây chính là bản lĩnh làm cán bộ. Dám làm, dám chịu trách nhiệm thì phải có tri thức, có hiểu biết chứ không phải làm bừa làm ẩu, làm bừa làm ẩu lại càng có hại.

Thứ tư, người cách mạng phải giữ nghiêm kỷ luật, có ý thức kỷ luật. Người cán bộ coi kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy tắc, quy chế cơ quan, đơn vị là kỷ luật sắt, kỷ luật tự giác. Kỷ luật đó là tự giác, tự nguyện chấp hành, không ai ép buộc cả. Khi tất cả cán bộ, đảng viên đều có kỷ luật tự giác thì Đảng nhiều người mà trở thành như một người, Đảng nhiều người nhưng mà luôn có sự đoàn kết thống nhất.

c) Nội dung công tác cán bộ của Đảng

- Về tuyển chọn cán bộ: Hồ Chí Minh cho rằng, muốn làm được công tác cán bộ thì phải tuyển chọn. Tuyển chọn cán bộ thì phải xuất phát từ hai căn cứ. Căn cứ thứ nhất, xuất phát từ nhu cầu cách mạng mà tuyển chọn; thứ hai là phải xuất phát từ tiêu chuẩn cán bộ mà tuyển chọn. Chọn cán bộ đúng thì cách mạng sẽ có lãi. Nếu chọn cán bộ sai thì cách mạng sẽ khó khăn, tức là làm ăn lỗ. Cho nên, vấn đề quan trọng là phải chọn cho đúng cán bộ.

- Về huấn luyện cán bộ có rất nhiều nội dung, bao gồm nhiều mặt:

Hồ Chí Minh đề nghị trong huấn luyện cán bộ phải chú trọng bốn mặt sau:

+ Huấn luyện nghề nghiệp cán bộ, làm nghề nào thì phải huấn luyện cho họ nghề đó. Nghề nghiệp của cán bộ phải huấn luyện trên nhiều mặt: nghiên cứu, khảo sát, lịch sử, lý luận của nghề đó. Theo Hồ Chí Minh, trong đào tạo cán bộ chúng ta thường làm theo một thói quen. Cán bộ nào cũng huấn luyện lý luận như nhau cả, như vậy là vô ích. Huấn luyện cán bộ về mặt nghề nghiệp thì những cái gì mà thiết thân đến cái nghề của họ, đến công việc của họ thì ta hướng dẫn cho họ.

+ Huấn luyện chính trị, chú trọng hai mặt: huấn luyện đường lối, chính sách và huấn luyện thời sự.

Đường lối, chính sách thì người cán bộ phải biết, phải nắm. Ít nhất là đường lối, chính sách mà mình đang trực

tiếp chỉ đạo. Đường lối, chính sách là nhiều, là chung nhưng đường lối, chính sách mà mình đang trực tiếp làm, đang trực tiếp chỉ đạo thì phải nắm cho chắc.

Huấn luyện thời sự: Cán bộ là phải biết thời sự. Thời sự chung và thời sự riêng. Nhất là thời sự của ngành mình, những vấn đề bức xúc trong lĩnh vực mà mình đang phụ trách. Theo Hồ Chí Minh, muốn làm được như vậy thì Đảng và Nhà nước phải luôn yêu cầu và tạo điều kiện để cán bộ phải nghe thời sự. Về phần mình, Người luôn thể hiện chế độ nghe thời sự, đọc báo hằng ngày theo tinh thần như vậy.

+ Huấn luyện văn hóa, tức là bồi dưỡng trình độ học vấn, trình độ tri thức, hiểu biết cho cán bộ, đảng viên. Đây là một vấn đề quan trọng. Hồ Chí Minh cho rằng, thực tế đất nước ta trải qua nhiều năm chiến tranh, kháng chiến nhiều nên đội ngũ cán bộ của ta không được học hành đến nơi đến chốn. Hạn chế này là mang tính lịch sử. Trong quá trình thực hiện công tác cán bộ, Đảng phải tạo điều kiện để những người nào có ham muốn, có khát vọng, có nguyện vọng được học. Học để dần dần nâng cao trình độ văn hóa lên. Văn hóa được nâng cao thì nghiệp vụ cũng được tăng lên và điều quan trọng đặc biệt hơn là người có văn hóa ứng xử đạo đức sẽ khác với người không có văn hóa. Người có văn hóa cao có cách ứng xử, có nhận thức, lời nói phải, gần chân lý hơn.

Hồ Chí Minh đề nghị, Đảng huấn luyện văn hóa phải tùy theo trình độ mà huấn luyện. Ai cũng ở một trình độ thì huấn luyện ở trình độ đó. Đừng cho tất cả vào một lớp

như nhau để rồi huấn luyện. Như thế người biết nhiều hơn thì người ta chán với cách dạy đó và người chưa biết thì không tiếp thu được. Dù là lớp nhỏ hay lớp lớn cũng phải chia theo trình độ văn hóa, theo lớp.

+ Huấn luyện lý luận, dạy tư duy lý luận: Hồ Chí Minh nhấn mạnh nhiều nhất là lý luận chính trị. Dạy lý luận là phải dạy thiết thực, không hình thức. Dạy lý luận rồi áp dụng trong thực tế. Dạy lý luận và đi vào thực chất của vấn đề rồi dùng phương pháp, tinh thần của lý luận đó mà giải quyết các công việc thực tế. Dạy lý luận không phải học thuộc lòng từng câu, từng chữ. Đây cũng chính là cách học lý luận của Người.

- *Về đánh giá cán bộ*: Đây là một mặt quan trọng của công tác cán bộ. Hồ Chí Minh đề ra một số nguyên tắc:

+ Đánh giá cán bộ phải công tâm và khách quan, trung thực và chân thành. Bởi vì có đánh giá trung thực và khách quan thì sau này mới sắp xếp cán bộ đúng vị trí.

+ Đánh giá một cách toàn diện, lịch sử, cụ thể. Đánh giá cán bộ là đánh giá trên tất cả các mặt: hoạt động, công tác, phong cách, phương pháp công tác với quần chúng. Và cuối cùng là đánh giá hiệu quả công tác đạt được trong thực hiện nhiệm vụ.

+ Đánh giá cán bộ trong quá trình phát triển của cán bộ. Đã nói đến cán bộ là hoạt động. Hoạt động là quá trình và không nên chỉ dựa vào một công việc, không nên chỉ dựa vào một người, không nên chỉ dựa vào thành tích, không nên chỉ dựa vào một khuyết điểm nào đó mà để quy chụp cho cán bộ. Hồ Chí Minh cho rằng, ngày hôm

nay cán bộ này là tốt, nhưng biết đâu ngày mai lại không tốt. Một cán bộ trước đây có khuyết điểm, nhưng biết đâu hôm nay họ lại trở thành cán bộ tốt. Một cán bộ hôm nay rất tốt nhưng biết đâu sau này lại trở thành một kẻ cơ hội chủ nghĩa. Vì thế đánh giá cán bộ là cả quá trình. Người khuyên chúng ta trong công tác lãnh đạo và quản lý đừng bao giờ quy chụp cán bộ. Đừng bao giờ chỉ lấy một khuyết điểm để xem xét cán bộ, như vậy là kiềm nén cán bộ, không sử dụng đúng cán bộ, có hại cho Đảng và Nhà nước.

- *Về lựa chọn cán bộ*: Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, muốn lựa chọn đúng cán bộ phải hiểu biết cán bộ, hiểu biết cán bộ thì sẽ giúp cho việc lựa chọn đúng cán bộ để sử dụng đúng cán bộ. Khi giao việc cho cán bộ phải phù hợp với khả năng, năng lực của cán bộ để phát huy được năng lực và dẫn đến thành công; đồng thời tránh được lãng phí cán bộ và còn có tác dụng tích cực, làm cho cán bộ làm việc có hiệu quả cao ngày càng nhiều. Theo Người: “Năng lực của người không phải hoàn toàn do tự nhiên mà có mà một phần lớn do công tác, do tập luyện mà có. Lãnh đạo khéo, tài nhỏ có thể hóa ra tài to. Lãnh đạo không khéo, tài to cũng hóa ra tài nhỏ”¹. Vì vậy, sử dụng cán bộ tuy đơn giản, song thực tế có không ít trường hợp việc sử dụng cán bộ lại mắc phải những căn bệnh như ham dùng người bà con, thân quen, ham dùng người nịnh hót, v.v..

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.320.

Những căn bệnh ấy không chỉ gây hại cho Đảng, Nhà nước, mà còn làm ảnh hưởng đến chính những cán bộ không có năng lực khi được sử dụng, tạo điều kiện cho cái xấu của cán bộ phát triển, làm cho cái tốt của cán bộ khó có điều kiện phát huy.

Hồ Chí Minh yêu cầu những người làm công tác cán bộ phải có lòng “độ lượng vĩ đại” thì mới có thể đánh giá và sử dụng cán bộ một cách khách quan, công tâm; phải có “tinh thần rộng rãi” thì mới có thể sử dụng những cán bộ mình không ưa; phải có “tính chịu khó dạy bảo” thì mới có thể nâng đỡ những cán bộ còn kém, giúp cho cán bộ tiến bộ; phải “sáng suốt” thì mới khỏi bị bọn vu vơ bao vây, mà cách xa cán bộ tốt; “phải có thái độ vui vẻ, thân mật” thì các đồng chí mới vui lòng gần gũi mình; phải xác định rõ mục đích của sử dụng cán bộ là “để thực hành đầy đủ chính sách của Đảng và Chính phủ”¹. Phải tạo điều kiện để cán bộ phát huy năng lực của họ và để có được điều đó, trước hết phải tạo môi trường dân chủ để “khiến cho cán bộ *cả gan nói, cả gan đề ra ý kiến*”². Khi đã trao quyền, giao việc, phải có niềm tin đối với cán bộ, vì tin tưởng và giao việc vừa là một cách đào tạo cán bộ, vừa là cách tạo động lực hành động cho cán bộ. Đồng thời, việc “Cất nhắc cán bộ, phải vì công tác, tài năng, vì cổ động cho đồng chí khác thêm hăng hái. Như thế, công việc nhất định chạy”³. Điều đó có nghĩa là, việc cất nhắc

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.319, 319, 321.

cán bộ phải xuất phát từ hiệu quả công tác thực tế của cán bộ, và phải có tác dụng khuyến khích các cán bộ khác phấn đấu vươn lên, cố gắng để tiến bộ; phải tránh tình trạng trước khi cất nhắc thì không xem xét kỹ. Khi đã cất nhắc thì không giúp đỡ họ. Khi họ sai lầm thì đẩy xuống, chờ lúc họ làm khá, lại cất nhắc lên. “Một cán bộ bị nhắc lên thả xuống ba lần như thế là hỏng cả đời”¹. Theo Hồ Chí Minh, cách cất nhắc cán bộ cũng như cách đánh giá hiệu quả công tác của cán bộ có tác động trực tiếp đến “lòng tự tin, tự trọng” của cán bộ. Vì thế, người cán bộ lãnh đạo phải biết “tôn trọng”, “vun trồng” lòng tự tin, tự trọng của cán bộ; phải thường xuyên quan tâm, động viên, giúp đỡ và kịp thời nhắc nhở, uốn nắn sai lầm và khuyết điểm của cán bộ. Không nên “để sai lầm và khuyết điểm trở nên to tát rồi mới đem ra “chỉnh” một lần, thế là “đập” cán bộ. Cán bộ bị “đập”, mất cả lòng tự tin, người hăng hái cũng hóa thành nản chí, từ nản chí đi đến vô dụng”².

- *Về chính sách cán bộ*: Theo Hồ Chí Minh thực hiện đúng chính sách cán bộ là phải biết cán bộ, khéo dùng cán bộ, cất nhắc cán bộ, thương yêu cán bộ và phê bình cán bộ, vì: “Không phải vài ba tháng, hoặc vài ba năm, mà đào tạo được một người cán bộ tốt. Nhưng cần phải công tác, tranh đấu, huấn luyện lâu năm mới được. Trái lại, trong lúc tranh đấu, rất dễ mất một người cán bộ. Vì vậy,

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.322.

Đảng phải yêu thương cán bộ”¹. Theo Người, thương yêu cán bộ không phải là vỗ về, nuông chiều, phó mặc; mà thương yêu là làm cho cán bộ hiểu, góp ý phê bình cán bộ trong công việc, trong sinh hoạt hằng ngày, vì đó “là giúp họ học tập thêm, tiến bộ thêm. Là giúp họ giải quyết những vấn đề khó khăn sinh hoạt, ngày thường thì điều kiện dễ chịu, khi đau ốm được chăm nom, gia đình họ khỏi khốn quẫn”². Thương yêu cán bộ là phải luôn luôn chú ý đến công tác của cán bộ: Hễ thấy có khuyết điểm thì giúp họ sửa chữa ngay; hễ thấy ưu điểm thì động viên, khuyến khích họ phấn đấu trong công việc. Khi phê bình cán bộ là phải có thái độ ứng xử đúng đối với cán bộ khi cán bộ có sai lầm, khuyết điểm, vì “người đời ai cũng có khuyết điểm. Có làm việc thì có sai lầm”³. Người cán bộ không có gì phải sợ sai lầm và khuyết điểm mà vấn đề là ở chỗ cán bộ có nhận ra và cố gắng sửa chữa sai lầm, khuyết điểm không; và người lãnh đạo có tìm ra cách giúp cán bộ sửa chữa sai lầm, khuyết điểm không. Một người cán bộ chân chính cách mạng không phải là người không bao giờ có sai lầm, khuyết điểm, mà là những người có khả năng nhận thức được sai lầm, khuyết điểm của mình, tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục những sai lầm, khuyết điểm ấy. Đối với người lãnh đạo, Người yêu cầu phải xác định rõ: “Trừ những người cố ý phá hoại, ngoài ra không ai cố ý sai lầm, sai lầm là vì không hiểu,

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.322, 323, 323.

không biết”¹; và đối với cán bộ mắc sai lầm, phải tìm cách để cán bộ tự nhận ra sai lầm và làm cho cán bộ vui lòng tự nguyện sửa đổi; tuyệt đối tránh thái độ quy chụp, công kích đối với cán bộ.

III- GIÁ TRỊ, Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

1. Về giá trị lý luận

Tác phẩm là sự vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin về xây dựng Đảng kiểu mới vào thực tiễn Việt Nam trong điều kiện đảng cầm quyền. Đảng cầm quyền phải tránh hai nguy cơ mà V.I. Lênin đã từng cảnh báo: quan liêu, xa dân và sai lầm về đường lối. Đảng lãnh đạo cách mạng phải không ngừng củng cố và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Đảng quan liêu xa dân làm tổn hại đến cách mạng. Lý luận mácxít chỉ rõ: Phải xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức bộ máy. Từ thực tiễn Việt Nam/Hồ Chí Minh bổ sung rộng hơn, ngoài ba mặt đó ra còn phải xây dựng đạo đức người cán bộ, đảng viên. Đảng lãnh đạo cách mạng phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao phê bình và tự phê bình, không sợ khuyết điểm, chỉ sợ không dám nhận khuyết điểm để sửa chữa; Đảng phải có phương pháp làm việc khoa học, bám sát thực tiễn, bám sát để định ra chủ trương, đường lối đúng.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.323.

Những đúc kết của Hồ Chí Minh trong tác phẩm mang tính kinh điển, là nền tảng tư tưởng, lý luận để Đảng ta xác định chủ trương, đường lối, biện pháp, cách thức về công tác xây dựng Đảng, giáo dục rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên trước yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi.

Sửa đổi lối làm việc là cuốn cẩm nang về xây dựng Đảng, sách gối đầu giường của cán bộ, đảng viên, về các mặt như: cách tổ chức học tập; phê bình và tự phê bình; cách sử dụng cán bộ, đào tạo bồi dưỡng cán bộ; những lối, khuyết điểm mà cán bộ, đảng viên hay mắc; kinh nghiệm trong học tập, giáo dục đảng viên; cách lãnh đạo và kiểm soát.

Tác phẩm đề cập tới nhiều vấn đề có giá trị về mặt học thuật giúp cho việc học tập, nâng cao trình độ của cán bộ, đảng viên hướng vào thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, như các vấn đề: lý luận là gì? Đảng là gì? vai trò của cán bộ, tư cách của đảng viên? vai trò của lý luận? vai trò của thực tiễn? mối quan hệ lý luận và thực tiễn? những đúc kết của Hồ Chí Minh mang tính kinh điển là nền tảng lý luận xây dựng Đảng.

2. Về giá trị thực tiễn

Trên cơ sở những nội dung cơ bản (phương hướng) của tác phẩm, Đảng đã tổ chức phát động trong toàn Đảng đợt học tập, phê bình, tự phê bình góp phần nâng cao tư tưởng, đạo đức, phương pháp của cán bộ, đảng viên.

Thực tiễn qua học tập, sửa đổi làm việc, tuyệt đại bộ phận cán bộ, đảng viên nhận rõ ưu, khuyết điểm của mình và tìm mọi cách sửa chữa, khắc phục, uy tín của Đảng nâng cao.

Tác phẩm đã để lại cho Đảng nhiều bài học quý về: phương pháp tuyên truyền giáo dục cán bộ, đảng viên một cách hiệu quả, thiết thực, về rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của cán bộ, đảng viên, về công tác cán bộ và chính sách cán bộ, về huấn luyện cán bộ, sử dụng cán bộ, về phê bình và tự phê bình, về cách lãnh đạo quản lý cán bộ.

Trong tác phẩm, Hồ Chí Minh đã dùng phương pháp nêu vấn đề, đặt ra câu hỏi sát với thực tiễn, trả lời ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm, dễ vận dụng, như: khuyết điểm biểu hiện mấy hạng? nguyên nhân gây ra? cách sửa chữa? khắc phục? nếu không sẽ tác hại gì? nhỏ hay to? tri thức là gì? người có tri thức mắc khuyết điểm gì? muốn không mắc phải làm gì? cách sử dụng cán bộ?

Cách lấy ví dụ luận giải về khuyết điểm: làm cho người học không sợ khuyết điểm, muốn sửa chữa ngay. Đảng không phải trên trời sa xuống, trong xã hội mà có. Người lợi bùn mà trên mình không có hơi bùn mới là kỳ quái, có hơi bùn là bình thường, cần phải tắm rửa lâu mới sạch.

Tác phẩm ra đời cách đây hơn 70 năm nhưng nhiều vấn đề mang tính thời sự trong công tác xây dựng Đảng vẫn còn giá trị cho đến ngày nay như: vấn đề học tập của Đảng; vấn đề phê bình và tự phê bình; vấn đề bằng cấp tri thức; vấn đề, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bố trí cán bộ; vấn đề đạo đức cán bộ, đảng viên...

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích hoàn cảnh lịch sử ra đời tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* của Hồ Chí Minh?
2. Phân tích những yêu cầu của Hồ Chí Minh đối với Đảng, đảng viên và cán bộ trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*?
3. Phân tích nguyên nhân và cách khắc phục những khuyết điểm trong Đảng mà Hồ Chí Minh đã nêu ra trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*?
4. Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về sửa đổi một số cách lãnh đạo và liên hệ với việc học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh, nêu cao tác phong của người đứng đầu theo Hướng dẫn số 52/BTGTW hiện nay?
5. Giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* của Hồ Chí Minh?

DÂN VẬN (1949)

A. MỤC TIÊU

- *Về phẩm chất:* Ra đời trong bối cảnh đất nước ta đang tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tác phẩm *Dân vận* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần hình thành, củng cố và phát triển mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. Tác phẩm đã khẳng định cán bộ, đảng viên phải gần dân, tin dân, lắng nghe quần chúng nhân dân. Đồng thời, cán bộ, đảng viên phải là những người tiên phong, chủ động, nêu gương trong mọi công việc trên tinh thần dân chủ. Chính vì vậy, nghiên cứu và học tập tác phẩm sẽ góp phần hình thành những phẩm chất tốt đẹp, đó là trung thành với cách mạng của nhân dân, yêu thương con người, gắn bó và gần gũi với nhân dân. Trên nền tảng đó, tự xác định được trách nhiệm của bản thân, gia đình, xã hội, tự giác trau dồi tri thức, tham gia các hoạt động tập thể để hoàn thiện bản thân.

- *Về năng lực:* Tiếp cận theo hướng dạy học phát triển năng lực, thông qua việc nghiên cứu và học tập nội dung, tác phẩm sẽ cung cấp cho người học các tri thức cơ bản về nền dân chủ ở nước ta, nội dung, cách thức, chủ thể của công tác dân vận. Trên cơ sở đó, giúp người học hình thành các kỹ năng giao tiếp ứng xử trong học tập, công

việc; kỹ năng thuyết trình để giải thích và vận động mọi người xung quanh tham gia các công việc quản lý nhà nước, xã hội; kỹ năng tổ chức và lãnh đạo để tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, có thái độ tôn trọng nhân dân, tự giác tham gia các hoạt động xã hội.

B. NỘI DUNG

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ BỐ CỤC CỦA TÁC PHẨM

1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Tác phẩm *Dân vận* của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng Việt Nam. Cụ thể:

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thực dân Pháp đã quay trở lại xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh, dân tộc ta lại bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ nhằm đánh bại âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp.

Thực hiện Chỉ thị kháng chiến, kiến quốc (ngày 25/11/1945) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhân dân ta từng bước vượt qua các khó khăn và xây dựng chế độ mới. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính, đến cuối năm 1947, nhân dân ta đã mở chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông (07/10 - 20/12/1947)

nhằm đánh bại cuộc hành quân lớn của Pháp lên Việt Bắc, bảo vệ căn cứ địa và cơ quan đầu não kháng chiến. Chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông là chiến dịch đầu tiên giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Do đó, thắng lợi Việt Bắc - Thu Đông đã tạo ra bước ngoặt quan trọng, góp phần đưa cuộc kháng chiến của dân tộc ta phát triển sang một thời kỳ mới.

Tiếp nối tinh thần của Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (ngày 22/12/1946) và trên nền tảng thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đẩy mạnh công tác dân vận nhằm phát huy tối đa lực lượng của nhân dân trong cách mạng. Do đó, Người đã viết nhiều bài báo nhằm vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia chống thực dân Pháp. Tiêu biểu nhất là tác phẩm *Dân vận* (ngày 15/10/1949), được đăng ở số 120 tại mục “Sửa đổi lối làm việc” của báo *Sự thật*, cơ quan tuyên truyền kháng chiến của Hội nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác, thực chất là cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Đông Dương. Với bút danh X.Y.Z, tác phẩm đã chứa đựng những tư tưởng lớn về phong cách làm việc và lãnh đạo của cán bộ, đảng viên khi bước vào thời kỳ đẩy mạnh kháng chiến chống thực dân Pháp. Qua đó, đã phát huy sức mạnh của toàn dân, làm nền tảng cho thắng lợi của Chiến dịch Biên giới (1950) và đi đến giành thắng lợi cuối cùng trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1954).

2. Bố cục của tác phẩm

Dân vận là một tác phẩm ngắn gọn, súc tích, ngôn ngữ dễ hiểu, gần gũi với quần chúng nhân dân. Với 573 từ, tác phẩm đã chứa đựng những tư tưởng lớn, quan điểm lớn thể hiện tầm nhìn và trí tuệ uyên bác của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tác phẩm được chia thành 4 mục lớn:

I. Nước ta là nước dân chủ

II. Dân vận là gì?

III. Ai phụ trách dân vận?

IV. Dân vận phải thế nào?

Mỗi một nội dung trong tác phẩm *Dân vận* có quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm giúp người dân hiểu được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong xây dựng chế độ dân chủ và giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

II- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nhà nước dân chủ và mối quan hệ giữa dân vận và xây dựng nhà nước dân chủ

a) Quan điểm của Hồ Chí Minh về nhà nước dân chủ

Trên hành trình tìm đường cứu nước cũng như trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khát khao giải phóng dân tộc, giải phóng con người một cách triệt để. Là “kiến trúc sư trưởng”, đồng thời là người lãnh đạo cao nhất của cách mạng Việt Nam, sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm tới việc

xây dựng chế độ dân chủ nhằm đảm bảo các quyền cơ bản của nhân dân với tư cách công dân từ pháp lý tới hành động. Chế độ dân chủ được Hồ Chí Minh từng bước vạch ra và tuyên truyền cho quần chúng nhân dân thông qua các bài nói, bài viết. Trong tác phẩm *Dân vận*, Người cũng đã chỉ rõ bản chất dân chủ của chế độ xã hội mới. Người khẳng định:

“Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân.

Công việc đổi mới, xây dựng là *trách nhiệm của dân*.

Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*.

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương *do dân cử ra*.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã *do dân tổ chức nên*.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân*”¹.

“Dân” trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh có nội hàm phong phú và đa dạng. Dân bao gồm tất cả những người yêu nước không phân biệt giai cấp, già trẻ, gái trai hay tôn giáo miễn là có lòng yêu nước. Họ chính là công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần cách mạng, trong đó, nền tảng của dân chính là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và do giai cấp công nhân lãnh đạo. Như vậy, Hồ Chí Minh đã đặt dân ở vị trí tối thượng, vị trí cao nhất

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232.

trong xã hội. Dân chính là người làm chủ đất nước, làm chủ bản thân, mọi thứ khác đều phải phụ thuộc vào dân.

Mặt khác, trong mỗi câu, Hồ Chí Minh lại nói đến một vấn đề liên quan đến dân và dân chính là người thực hiện. Đó là lợi ích, quyền hạn, trách nhiệm, công việc, chính quyền, đoàn thể, quyền hành và lực lượng. Qua các vấn đề đó, Người đã khẳng định bản chất của nền dân chủ, vị trí của dân và vai trò, trách nhiệm to lớn của dân trong mọi công việc từ kháng chiến, kiến quốc đến xây dựng chế độ mới.

Với những trải nghiệm vô cùng phong phú, được nghiên cứu thực tiễn trên thế giới, Hồ Chí Minh đã thấy được điểm mấu chốt tạo nên sự khác biệt của các nền dân chủ chính là việc giải quyết vấn đề lợi ích. Từ đó, Người đã chỉ rõ bản chất của nền dân chủ ở nước ta là tất cả lợi ích đều vì dân. Người cũng nhấn mạnh, lợi ích đó không phải chỉ là hô hào trên khẩu hiệu như các cuộc cách mạng tư sản, mà phải được hiện thực hóa thành hành động cụ thể. Vì vậy, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, để dân thấy được giá trị của độc lập và dân chủ, Người đã chỉ rõ: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”¹. Hồ Chí Minh hiểu rõ rằng, dân chủ chính là

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.175.

thành quả đấu tranh cách mạng của người dân nên giá trị của độc lập, tự do và dân chủ mà nhân dân nhận thấy đầu tiên chính là việc được hưởng các lợi ích cơ bản với tư cách là người chủ thực sự của đất nước. Do đó, Người đã cùng với Đảng lãnh đạo nhân dân tăng gia sản xuất, thực hiện Tuần lễ vàng,... nhằm giải quyết các vấn đề cơ bản về ăn, mặc, ở, học hành của nhân dân. Qua đó, không chỉ củng cố niềm tin mà tạo động lực cho nhân dân trong xây dựng chế độ dân chủ ở nước ta.

Ngay từ tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927), Người khẳng định: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cho cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”¹. Như vậy, thực chất của dân chủ là quyền hành và lực lượng thuộc về nhân dân, nhân dân sử dụng quyền đó để đấu tranh cho bình đẳng, hạnh phúc, mà đó là những quyền tự nhiên, vốn có của con người. Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ, bình đẳng trong một xã hội dân chủ, trước hết là sự bình đẳng về lợi ích. Trên cơ sở khẳng định quyền hành và lợi ích, với tư duy biện chứng, một mặt, Hồ Chí Minh khẳng định vị trí và địa vị làm chủ của nhân dân trong xã hội, mặt khác cũng chỉ rõ trách nhiệm. Người nhấn mạnh: “Công việc đổi mới, xây

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.292.

dựng là *trách nhiệm của dân*. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là *công việc của dân*¹. Trách nhiệm của dân gắn với tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam từ kháng chiến, kiến quốc đến xây dựng chế độ mới; trong đó, dân chính là chủ thể, lực lượng quyết định đưa tới thắng lợi. Tuy nhiên, để phát huy vai trò và trách nhiệm của dân thì cần có một nền dân chủ thực sự, cần có những người đại diện cho quyền và lợi ích của nhân dân một cách chân chính từ trung ương đến cơ sở. Nói cách khác, mặc dù nhân dân đấu tranh giành lấy quyền lực rồi, nhưng cần phải trao cho người đại diện của mình. Vì vậy, theo Người, dân phải có trách nhiệm cử ra người đại diện từ trung ương đến cơ sở. Dân phải kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà nước để xem họ thực thi quyền lực như thế nào, có thực sự vì lợi ích của nhân dân không? Do đó, theo Người, quyền hạn của Nhà nước là một thứ quyền hạn được ủy thác thông qua việc nhân dân giao cho nhân viên nhà nước làm đại diện. Mọi cán bộ nhà nước phải thực thi quyền lực một cách hiệu quả. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thông qua tổng tuyển cử bầu Quốc hội và các cơ quan của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người chỉ rõ: “Chính phủ Dân chủ Cộng hòa lâm thời là công bộc của dân. Anh em trong Chính phủ, ai là người có tài năng, có đức hạnh, giúp đỡ

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232.

cho dân, cho nước, tất nhiên là được quốc dân hoan nghênh”¹. Cán bộ trong bộ máy nhà nước, theo Hồ Chí Minh không phải là quan cách mạng, mà phải là “công bộc” của nhân dân, lo nỗi lo của nhân dân, luôn có tinh thần xung phong, vượt trước khó khăn.

Như vậy, với tư tưởng “Nước ta là nước dân chủ”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết được các nội dung cơ bản về dân chủ. Đó là dân là chủ, địa vị cao nhất là dân, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Đây cũng chính là nội dung mô hình nhà nước của dân, do dân mà Người chủ trương xây dựng và hiện thực hóa ở Việt Nam.

b) Mối quan hệ giữa dân vận và xây dựng nhà nước dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc về vai trò của công tác dân vận trong xây dựng chế độ mới. Nhìn lại lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, Người đã thấy rõ vai trò của công tác dân vận trong tập hợp lực lượng. Chính vì vậy, các triều đại phong kiến Việt Nam đều chủ trương thân dân và đưa ra các quan điểm, chính sách để phát huy được sức mạnh của nhân dân trong bảo vệ và xây dựng đất nước. Chẳng hạn, để ba lần đánh bại vó ngựa của quân Mông - Nguyên ở thế kỷ VIII, Hưng đạo vương Trần Quốc Tuấn đã khẳng định một chân lý:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.47.

“Khoan thư sức dân để làm kế bền gốc, sâu rễ, đó là thượng sách giữ nước”¹. Qua đó, đã tạo nên sự gắn kết chặt chẽ, cả nước đồng lòng tạo nên sức mạnh to lớn lần lượt làm thất bại các cuộc xâm lược của quân Mông - Nguyên hùng mạnh. Hay để giúp Lê Lợi đánh bại quân Minh, Nguyễn Trãi cũng chỉ rõ vai trò của nhân dân. Nguyễn Trãi cho rằng, chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân. Do đó, triều đình cần phải quan tâm đến dân, thương yêu dân chúng.

Mặt khác, Hồ Chí Minh cũng đã thấy rõ tinh thần đấu tranh anh dũng của các giai cấp và tầng lớp nhân dân trong các phong trào yêu nước: Tuy nhiên, sự thất bại của các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX cũng đã cho Hồ Chí Minh một bài học kinh nghiệm vô cùng sâu sắc. Đó chính là chừng nào chưa giác ngộ, chưa làm dân tin và tập hợp được quần chúng nhân dân một cách đầy đủ thì cách mạng không thể đi đến thắng lợi. Cùng với việc nghiên cứu thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, Hồ Chí Minh càng hiểu sâu sắc hơn vai trò của công tác dân vận đối với cách mạng Việt Nam. Do đó, Hồ Chí Minh đã bắt đầu thực hiện công tác dân vận từ rất sớm gắn với việc thành lập và tổ chức hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên. Để giác ngộ về chủ nghĩa Mác - Lênin

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967, t.2, tr.80.

cho nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh đã mở lớp huấn luyện cán bộ chính trị ở Quảng Châu - Trung Quốc. Với những bài giảng sinh động, thiết thực, Hồ Chí Minh đã giúp cán bộ Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên hiểu và thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin. Với mục tiêu: “đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập...”¹, phần đông cán bộ được cử về nước hoạt động, gây dựng và tổ chức, phát triển các phong trào cách mạng Việt Nam. Như vậy, Hồ Chí Minh chính là người đầu tiên dạy người Việt Nam làm công tác vận động quần chúng kiểu mới.

Xuyên suốt tiến trình của cách mạng Việt Nam, bằng nhiều hình thức khác nhau, Hồ Chí Minh đã thực hiện công tác dân vận một cách triệt để. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, Người nhận thấy, công tác dân vận còn những khuyết điểm nhất định. Vì vậy, để phát huy tối đa sức mạnh của nhân dân, mở đầu tác phẩm *Dân vận*, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “*Vấn đề Dân vận* nói đã nhiều, bàn đã kỹ nhưng vì nhiều địa phương, nhiều cán bộ chưa hiểu thấu, làm chưa đúng, cho nên cần phải nhắc lại”². Trong đó, nội dung đầu tiên mà Người nhắc lại cho cán bộ chính là về nội dung chế độ dân

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.47.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232.

chủ ở nước ta. Tại sao khi bàn về công tác dân vận, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại đưa ra vấn đề đầu tiên là xây dựng một nhà nước dân chủ? Bởi Người đã thấy rõ mối quan hệ biện chứng giữa công tác dân vận và nội dung xây dựng nhà nước dân chủ ở nước ta.

Trước hết, Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ dân vận là yêu cầu khách quan của cách mạng Việt Nam. Người nhấn mạnh: “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”¹. Thực hiện công tác dân vận, theo Hồ Chí Minh sẽ phát huy được tất cả tinh thần và lực lượng của nhân dân đưa tới thắng lợi của cách mạng. Tuy nhiên, muốn làm được điều đó thì công tác dân vận phải “khéo”. Nói cách khác, phải có nghệ thuật trong vận động, tập hợp và tổ chức quần chúng nhân dân đấu tranh cách mạng. Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, Người cũng thấy rõ, *mặc dù giành được chính quyền, đáng lẽ công tác dân vận có nhiều lực lượng, phương tiện cần thiết để tiến hành có hiệu quả hơn, nhưng nhiều nơi lại không “khéo” dân vận mà còn làm cho “dân giận”. Do đó, để công tác dân vận có hiệu quả hơn sau khi giành được chính quyền thì cần thực hiện xây dựng nhà nước dân chủ để thực hành dân chủ rộng rãi trong xã hội. Dân vận mà không gắn với thực hành dân chủ thì dù có cố gắng hô hào*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.234.

hay tuyên truyền thì cũng đều dẫn tới kết quả nhân dân không theo, không phục và không tin. Mặt khác, thông qua thực hành dân chủ, *mọi khó khăn trong cách mạng đều được giải quyết triệt để. Bởi thực hành dân chủ chính là chìa khóa vạn năng trong công tác dân vận.* Như vậy, muốn xây dựng nhà nước dân chủ tất yếu cần phải thực hiện công tác dân vận, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm để mọi người hiểu được giá trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, ý thức được vai trò và sức mạnh của bản thân. Ngược lại, thông qua nhà nước dân chủ, dân vận ngày càng phát huy vai trò của nhân dân với tư cách là người là chủ và làm chủ đất nước.

2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân vận và các bước thực hiện dân vận

a) Quan niệm về dân vận

Dân vận không phải là việc xa lạ đối với cán bộ, đảng viên, nhưng để hiểu và làm tốt hơn nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra quan niệm về dân vận. Theo Người: “Dân vận là vận động tất cả lực lượng của *mỗi một người dân* không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hành những công việc Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho”¹. Dân vận trong tư tưởng của Người được thực hiện theo các cấp độ khác nhau nhằm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232.

phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc. Trước hết, theo Người, dân vận phải là vận động tất cả lực lượng của từng người dân cụ thể. Đó không phải là con người chung chung, trừu tượng mà con người đó luôn gắn với các mối quan hệ cụ thể, có sự thống nhất và phát triển cả về mặt thể lực, trí lực và tâm lực. Công tác dân vận phải đi vào từng người dân để có thể hiểu một cách thấu đáo về hoàn cảnh, tài năng, nguyện vọng, tìm ra các giải pháp nhằm khơi dậy và phát huy hết tính tích cực, sáng tạo trong thực hiện mục tiêu chung của dân tộc. Đó chính là chiều sâu của công tác dân vận theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm đi vào từng chủ thể của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trên cơ sở đó, sẽ không để sót bất cứ một ai, góp thành lực lượng toàn dân, đoàn kết được toàn dân. Đây chính là chiều rộng của dân vận để phát huy sức mạnh của toàn dân tộc. Như vậy, cốt lõi của công tác dân vận là xây dựng lực lượng từ mỗi người dân đến toàn dân trong cả nước.

Từ quan niệm về dân vận, Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ thực chất của dân vận là xây dựng mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Dân vận theo Người, tất yếu luôn gắn với mục tiêu chính trị cụ thể phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam. Thông qua dân vận, phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân tất yếu sẽ diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi nhằm thực hiện các nhiệm vụ mà Đảng, Chính phủ giao cho. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, trong kháng chiến chống thực dân

Pháp và đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh cùng với Đảng đã xây dựng được mối quan vững chắc với nhân dân. Từ đó, đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

b) Các bước thực hiện dân vận

Bàn về những thắng lợi của nhân dân Liên Xô trong xây dựng chế độ mới, V.I. Lênin cũng đã chỉ rõ: “Nguyên nhân những thắng lợi của chúng ta và Chính quyền Xôviết đã trực tiếp chỉ ra cho quần chúng lao động thấy hết mọi khó khăn trước mắt và nhiệm vụ trước mắt, đã biết giải thích cho quần chúng hiểu vì sao lúc này phải dồn hết sức, cố gắng vào mặt này, lúc khác lại phải dồn hết sức vào mặt kia của công tác Xôviết”¹. V.I. Lênin và Đảng Bôn-sê-vích đã thực hiện tốt dân vận thông qua việc chỉ rõ, giải thích cho nhân dân hiểu và hành động phù hợp với các yêu cầu của cách mạng.

Kế thừa quan điểm của V.I. Lênin, từ việc xác định bản chất của công tác dân vận, Hồ Chí Minh đã làm rõ các bước trong thực hành dân vận. Người chỉ rõ: “Dân vận không thể chỉ dùng báo chương, sách vở, mítting, khẩu hiệu, truyền đơn, chỉ thị mà đủ”². Dân vận theo Hồ Chí Minh không chỉ dừng ở mục tiêu lý luận mà phải biến thành hành động cụ thể. Vì vậy, nếu chỉ dựa vào những

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.41, tr.117.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.232.

bài nói, bài viết, khẩu hiệu thì sẽ không giác ngộ, tổ chức được quần chúng nhân dân. Từ đó, Người đã đưa ra bốn bước cụ thể trong thực hiện dân vận:

Bước 1, theo Hồ Chí Minh cần phải giải thích cho nhân dân mọi vấn đề. Người nhấn mạnh: “Trước nhất là phải tìm mọi cách *giải thích cho mỗi một người dân hiểu rõ ràng*: Việc đó là lợi ích cho họ và nhiệm vụ của họ, họ phải hăng hái làm cho kỳ được”¹. Để vận động được lực lượng của mỗi người dân cũng như của toàn dân tộc, theo Hồ Chí Minh, việc đầu tiên mà cán bộ dân vận phải làm chính là giải thích cho người dân hiểu được quyền và lợi ích mà họ được hưởng khi thực hiện một công việc mà Đảng và Chính phủ giao cho. Đồng thời, chỉ rõ trách nhiệm của họ trong thực hiện các công việc với tư cách là người làm chủ đất nước. Bởi khi dân chúng đã hiểu, “dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được”² và sẽ tích cực, chủ động phát huy vai trò của bản thân. Vì vậy, cán bộ dân vận phải giác ngộ được người dân sự thống nhất và mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân với tinh thần yêu nước và nghĩa vụ công dân.

Bước 2, Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ dân vận phải làm thế nào để người dân thực hiện được quyền là chủ và làm chủ đất nước của mình trong xã hội. Người yêu cầu: “bất cứ việc gì phải bàn bạc với dân, hỏi ý kiến và kinh nghiệm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.233.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.333.

của dân, cùng với dân đặt kế hoạch cho thiết thực với hoàn cảnh địa phương, rồi động viên và tổ chức toàn dân ra thi hành”¹. Điều đó thể hiện sự tôn trọng, gần dân và tin dân. Thông qua thực hành dân chủ, Hồ Chí Minh chỉ rõ, cán bộ dân vận phải đi sâu vào quần chúng nhân dân, trao đổi, bàn bạc và lắng nghe ý kiến và học tập. Bởi Người thấy rõ, nhân dân là những người rất khôn khéo, rất hăng hái và rất anh hùng. Chính vì vậy, nếu cán bộ dân vận mà khơi dậy và phát được trí tuệ và lực lượng của nhân dân thì sẽ động viên được toàn dân thi hành các công việc một cách tích cực. Qua đó, củng cố hơn nữa mối quan hệ gắn bó giữa cán bộ với nhân dân.

Bước 3, để thi hành công việc một cách hiệu quả, Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong lúc thi hành phải theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc, khuyến khích dân”². Lực lượng của nhân dân thì vô cùng to lớn, nhưng để phát huy được thì cần có tổ chức. Tổ chức đó mà chủ thể là các cán bộ dân vận cần đồng hành, sát cùng nhân dân, cùng ăn, cùng ở, cùng làm với nhân dân. Trên cơ sở đó, giúp đỡ nhân dân vượt qua những khó khăn, hăng hái thực hiện công việc và củng cố niềm tin vào Đảng, Chính phủ để đi đến hoàn thành công việc được giao.

Bước 4, Hồ Chí Minh hiểu rất rõ, trong thực thi các công việc, tất yếu không tránh được những khuyết điểm,

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sổđ*, t.6, tr.233.

hạn chế, do đó, cần *tiến hành kiểm tra, kiểm soát*. Người nhấn mạnh: “Khi thi hành xong phải cùng với dân kiểm thảo lại công việc, rút kinh nghiệm, phê bình, khen thưởng”¹. Như vậy, trong tất cả các bước thực hiện dân vận, Hồ Chí Minh luôn gắn với thực hành dân chủ. Thông qua kiểm thảo, rút kinh nghiệm, phê bình, Người muốn mỗi cán bộ cũng như người dân sửa chữa và khắc phục được những hạn chế, hoàn thiện bản thân trở thành người công dân tốt trong xã hội. Khi đó, việc xây dựng nhà nước dân chủ ở nước ta sẽ được tiến hành một cách tự giác, chủ động và phát huy tối đa sức mạnh của nhân dân.

Qua phân tích, có thể nói rằng, bốn bước thực hiện dân vận trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Mỗi bước tuy có nội dung cụ thể nhưng lại làm nền tảng cho bước sau. Điểm chung của các bước là Người đã gắn dân vận với dân chủ và thực hành dân chủ rộng rãi trong xã hội. Người đã giác ngộ người dân về vai trò của người là chủ đất nước và sự cần thiết phải phát huy lực lượng của bản thân trong thực hiện các nhiệm vụ cách mạng được giao.

3. Quan điểm về lực lượng thực hiện công tác dân vận

Từ quan niệm, dân vận đi từ vận động từng người dân đến toàn dân tộc trong thực hiện các mục tiêu chính trị,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.233.

Hồ Chí Minh đã xác định rõ ràng, thực hiện công tác dân vận không phải của riêng ai mà là của toàn bộ hệ thống chính trị. Người nêu rõ: “tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ Đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh, v.v.) đều phải phụ trách dân vận”¹. Tất cả mọi lực lượng trong hệ thống chính trị đều phải tham gia vào công tác dân vận, coi đây là công việc thường xuyên và liên tục. Tuy nhiên, Người đặt lên hàng đầu và trước hết là công tác dân vận của cán bộ chính quyền. Người coi cán bộ chính quyền là lực lượng tiên phong trong việc thực hiện công tác dân vận. Đây là nội dung thể hiện sự linh hoạt, phù hợp với thực tiễn trong nhận thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bởi đây là thời điểm lịch sử có nhiều vấn đề nhạy cảm, mà cụ thể chính là do Đảng Cộng sản Đông Dương đã tuyên bố tự giải tán nhưng thực chất rút vào hoạt động bí mật. Chính phủ sẽ đại diện cho sự lãnh đạo của Đảng, mọi vấn đề đều do Chính phủ trực tiếp giải quyết. Vì vậy, vai trò của Đảng ẩn trong vai trò của Quốc hội, Chính phủ. Hồ Chí Minh không nêu trực tiếp trách nhiệm của Đảng mà dùng từ “đoàn thể” và “hội viên”. Mặt khác, từ việc khẳng định, Chính phủ là công bộc của nhân dân, Hồ Chí Minh đã đặt trách nhiệm thực hiện dân vận của chính quyền lên hàng đầu. Qua đó,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.233.

góp phần ngăn chặn, phòng tránh nguy cơ xa dân, khinh dân của chính quyền.

Để phát huy vai trò của hệ thống chính trị trong công tác dân vận, theo Hồ Chí Minh, cần phải có sự phân công cụ thể và phối hợp chặt chẽ với nhau. Người yêu cầu: “Cán bộ chính quyền và cán bộ đoàn thể địa phương phải cùng nhau bàn tính kỹ càng, *cùng nhau chia công rõ rệt*, rồi cùng nhau đi giải thích cho dân hiểu, cổ động dân, giúp dân đặt kế hoạch... giải quyết những khó khăn”¹. Cán bộ chính quyền tuy giữ vai trò hàng đầu trong thực hiện dân vận, nhưng phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong mỗi công việc được giao, cán bộ chính quyền và cán bộ đoàn thể cần phải đoàn kết chặt chẽ, phân công và phối hợp trong việc tuyên truyền, giải thích, bàn bạc và giúp đỡ nhân dân thực hiện các nhiệm vụ được giao. Đồng thời, trước mỗi nhiệm vụ, cán bộ chính quyền, đoàn thể và hội viên cần phải nêu cao tinh thần xung phong, làm gương cho nhân dân. Có như vậy, mới tạo được sự đoàn kết, nhất trí trong nội bộ hệ thống chính trị và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Nói cách khác, thông qua phát huy vai trò và trách nhiệm của hệ thống chính trị, công tác dân vận sẽ được thực hiện rộng rãi trên nền tảng dân chủ. Từ đó, quyền làm chủ của nhân dân thực sự được tôn trọng và phát huy đầy đủ trong xã hội.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.233.

4. Quan điểm về phương pháp thực hiện dân vận

Chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Vì vậy, cách mạng muốn thành công cần tập hợp, phát huy vai trò của nhân dân thông qua tuyên truyền, giác ngộ về lý tưởng và trách nhiệm. Từ thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa ở Liên Xô, V.I. Lênin không chỉ khẳng định tầm quan trọng của công tác vận động quần chúng nhân dân mà chỉ rõ cách thức thực hiện. Theo V.I. Lênin: “Hãy bớt làm rùm beng về chính trị đi. Hãy bớt những nghị luận kiểu trí thức đi. Hãy gần gũi đời sống hơn nữa. Hãy chú ý nhiều hơn nữa xem trong công việc thường ngày của họ, quần chúng công nông đang *thực tế* sáng tạo *cái mới* như thế nào. Hãy *kiểm nghiệm* kỹ hơn xem cái mới đó có tính chất *cộng sản* đến mức độ nào”¹. Như vậy, V.I. Lênin nhấn mạnh tới hành động cụ thể, thiết thực của cán bộ trong thực hiện công tác vận động quần chúng nhân dân. Người phê phán lối tuyên truyền sáo rỗng, xa rời thực tiễn mang tính phô trương. Người yêu cầu phải gắn với công việc cụ thể của quần chúng nhân dân để học hỏi, phát huy tính sáng tạo nhằm giúp nhân dân hiểu rõ bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Xuất phát từ thực tiễn ở Việt Nam, tổng kết công tác vận động quần chúng nhân dân của cán bộ, đảng viên,

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.37, tr.109.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra cách thức thực hiện dân vận, đó là “*Những người phụ trách dân vận cần phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm*”¹. Chỉ với 12 từ, Hồ Chí Minh đã khái quát cách thức mà mỗi người làm công tác dân vận cần thực hiện trong vận động quần chúng nhân dân.

Hồ Chí Minh đặt ra yêu cầu đầu tiên đối với cán bộ phụ trách dân vận là “óc nghĩ”. Công tác dân vận theo Người không chỉ là những thao tác, việc làm cụ thể mà nó là một khoa học về con người, một nghệ thuật trong vận động con người. Vì vậy, cán bộ phụ trách công tác dân vận phải luôn suy nghĩ, tìm tòi, phân tích tình hình, nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để vận động tốt nhân dân. Điều đó cho thấy, Người đặc biệt đề cao trí tuệ, trình độ nhận thức và chuyên môn của cán bộ làm công tác dân vận. Theo Người, cán bộ là người trước hết phải nắm vững chính sách của Đảng và Chính phủ, đem chính sách đó thi hành trong nhân dân. Do vậy, cán bộ tốt thì thi hiệu quả cao, cán bộ dở thì chính sách hay mấy cũng không thực hiện được. Người cán bộ phải thường xuyên suy nghĩ, tư duy để tìm ra quy luật vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng trong xã hội. Qua đó, hướng dẫn quần chúng nhân dân giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.233-234.

Để “óc nghĩ” đúng đắn và khách quan, Người nhân mạnh cán bộ phụ trách dân vận phải “mắt trông”. Nói cách khác, cán bộ phải tằm mình, đi sâu vào đời sống của nhân dân, quan sát mọi sự việc, hiện tượng từ thực tiễn phong trào cách mạng của quần chúng. Từ đó, cán bộ có thêm tri thức để phân tích và nhận thức đúng đắn về bản chất của sự vật, hiện tượng trong hướng dẫn nhân dân giải quyết vấn đề. Đồng thời, cán bộ có thể đề xuất và tham mưu cho các chính sách, giải pháp của Đảng và Nhà nước trong việc thực hiện quyền dân chủ cho nhân dân. Như vậy, cán bộ phụ trách công tác dân vận phải thường xuyên sâu sát cơ sở để “thấy” mọi sự việc theo nhiều hướng, nhiều chiều. Nói cách khác chính là cán bộ phải hết sức quan tâm đến đời sống của nhân dân. Mọi vấn đề đều xuất phát từ việc “làm lợi” cho dân thì chính sách của Đảng và Nhà nước sẽ dễ dàng thực hiện.

Tuy nhiên, “mắt trông” theo Hồ Chí Minh là chưa đủ, mà cần phải “tai nghe” để thể hiện sự cầu thị, tôn trọng của cán bộ đối với nhân dân. “Tai nghe” sẽ giúp cán bộ lắng nghe đầy đủ ý kiến, tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân một cách khách quan và trung thực theo nhiều chiều khác nhau. “Tai nghe” để cán bộ nắm được dân đã hiểu gì, hiểu được đến mức nào, dân đã làm như thế nào và làm được đến đâu. Từ đó, cán bộ sẽ nắm được thông tin, tình hình thực tiễn một cách đầy đủ, chi tiết, có cái nhìn toàn diện về mọi vấn đề. Đây chính là cơ sở để cán bộ đưa ra các chính sách, giải pháp trong vận động

nhân dân. Mặt khác, thông qua “tai nghe”, cán bộ có thể “học hỏi quần chúng”¹ những điều hay vì quần chúng có sức sáng tạo vô cùng to lớn. Trên cơ sở đó, cán bộ làm giàu tri thức của bản thân, tự sửa chữa và khắc phục được những hạn chế, khuyết điểm hướng tới hoàn thiện bản thân.

Với tư duy biện chứng, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ cho cán bộ hiểu, để “óc nghĩ”, “mắt trông” và “tai nghe” thì cách duy nhất là “chân đi”. Cán bộ phụ trách dân vận phải đi vào quần chúng, bám sát quần chúng. Tức là “cán bộ cùng ăn, cùng ở, cùng lao động, cùng bàn bạc với quần chúng”², gắn bó trực tiếp với nhân dân. “Chân đi” theo tư tưởng của Người, chính là cán bộ phải hướng đến cơ sở, coi cơ sở là gia đình của mình. Do đó, cán bộ không được phô trương, đòi hỏi, hạch sách mà phải nghiêm khắc, trung thực và thẳng thắn. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân cho việc gần dân, tin dân. Người không ngại khó khăn, gian khổ, luôn dành thời gian đi cơ sở khảo sát tình hình thực tế, sẵn sàng đồng hành cùng quân và dân trên mọi mặt trận đánh địch. Hình ảnh vị Chủ tịch nước quần nâu, áo vải cùng nhân dân tát nước, trò chuyện; hình ảnh Người cùng bộ đội hành quân qua các chiến trường là tấm gương sinh động cho cán bộ phụ trách dân vận noi theo. Đồng thời, thực hiện “chân đi”, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.48.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.694.

còn giúp cán bộ phụ trách dân vận tránh được căn bệnh quan liêu xa rời dân chúng. Quan liêu sẽ dẫn tới cán bộ chỉ “*nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh*”¹ không gắn với thực tiễn. Vì vậy, tất cả các “mệnh lệnh” đó không phản ánh được nhu cầu, lợi ích của nhân dân, không được nhân dân đồng tình thực hiện. Đồng thời, cũng ngăn chặn được các căn bệnh tiêu cực trong cán bộ phụ trách dân vận. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Ở đâu có bệnh quan liêu thì ở đó chắc có tham ô, lãng phí; nơi nào bệnh quan liêu càng nặng thì nơi đó càng nhiều lãng phí, tham ô”². Quan liêu sẽ đẩy cán bộ phụ trách dân vận không chỉ mất niềm tin với nhân dân mà còn gây hại cho dân.

Khi thực hiện “chân đi” đến với quần chúng nhân dân, Hồ Chí Minh yêu cầu, cán bộ phụ trách dân vận phải “miệng nói” và “tay làm”. “Miệng nói” để cán bộ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chính sách và giải thích công việc, lợi ích và trách nhiệm cho nhân dân. Chính vì vậy, “miệng nói” là một hình thức tuyên truyền không thể thiếu của người làm công tác dân vận; trong đó, Hồ Chí Minh cũng lưu ý cán bộ phải dân vận một cách đơn giản, dễ hiểu, rõ ràng, cụ thể và thiết thực phù hợp với từng đối tượng, hoàn cảnh để ai cũng hiểu và làm được. “Miệng nói” phải gắn với “tay làm” trong tư tưởng của Hồ Chí Minh chính là nhắc nhở cán bộ phụ trách dân

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.234.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.13, tr.417.

vận phải gắn lý luận với thực tiễn, nhận thức đi liền với hành động. “Tay làm” của cán bộ, theo Hồ Chí Minh là phải “thật thà nhúng tay vào việc”. Cán bộ phải hăng hái, tích cực tham gia vào mọi công việc. Thậm chí, Hồ Chí Minh còn khẳng định vai trò đi đầu, tiên phong, nêu gương của cán bộ nói chung và cán bộ dân vận nói riêng. Người nêu:

*“Cán bộ xung trước,
Làng nước theo sau,
Việc khó đến đâu,
Cũng làm được hết”¹.*

Nếu cán bộ chỉ “miệng nói” mà tay không làm thì nhân dân chỉ thấy lý luận và ngược lại “tay làm” mà miệng không nói thì nhân dân không hiểu được công việc. Do đó, sau khi tuyên truyền, giải thích cán bộ phải “đi trước” để vận động nhân dân cùng làm, cùng giải quyết thì việc gì cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua. Đồng thời, khi cán bộ phụ trách dân vận hoàn thành tốt vai trò của mình, trở thành tấm gương cho nhân dân thì tất yếu sẽ vận động được lực lượng của toàn dân tộc trong mọi công việc của đất nước. Qua đó, cũng củng cố và phát huy được mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng, Nhà nước với quần chúng nhân dân. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn muốn nhắc nhở cán bộ phải loại bỏ ngay tư tưởng và

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.271.

hành động: “Miệng thì nói dân chủ, nhưng làm việc thì họ theo lối “quan” chủ. Miệng thì nói “phụng sự quần chúng”, nhưng họ làm trái ngược với lợi ích của quần chúng, trái ngược với phương châm và chính sách của Đảng và Chính phủ”¹. Đối với cán bộ phụ trách dân vận thì nói luôn đi đôi với làm, luôn tôn trọng nhân dân và hết lòng phục vụ nhân dân.

Với tư duy biện chứng, Hồ Chí Minh không chỉ đưa ra phương pháp thực hiện dân vận, mà còn chỉ rõ khuyết điểm cần phải khắc phục. Đó chính là việc “xem khinh dân vận”, coi thường dân vận trong cách mạng của cán bộ trong hệ thống chính trị. Người khẳng định, đó là sai lầm rất to, rất có hại cho cách mạng nước ta. Bởi ở những nơi có khuyết điểm đó, công tác dân vận chưa được hiểu đầy đủ, cán bộ dân vận không có hoặc trình độ còn hạn chế nên không có trách nhiệm đối với nhân dân. Vì vậy, “xem khinh dân vận” đã tạo ra bi kịch và thất bại trong tập hợp lực lượng cách mạng, thậm chí còn suy giảm mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân.

Qua việc phân tích cách thức thực hiện dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh, có thể nhận thấy “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”² luôn thống nhất, hòa quyện chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau, cái này làm nền tảng cho cái kia; đồng thời, cũng nhấn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.176.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.233-234.

mạnh đến mục tiêu của việc thực hiện dân vận đó là phát huy vai trò của người cán bộ trong vận động lực lượng của toàn dân tộc. Đây có thể coi là cảm nang về phương pháp dân vận cho tất cả cán bộ, đảng viên trong công tác dân vận.

III- GIÁ TRỊ, Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

1. Về phương diện lý luận

Tác phẩm *Dân vận* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa, phát triển những tinh hoa của dân tộc và nhân loại trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin nhằm giải quyết một trong những bài toán lớn quyết định đến vận mệnh của dân tộc và của cách mạng Việt Nam. Đó chính là làm thế nào để đoàn kết toàn dân trong điều kiện đảng cầm quyền, làm thế nào để gần dân, tin dân và phát huy tối đa vai trò của nhân dân trong mọi giai đoạn cách mạng. Đồng thời, phải đặt dân ở vị trí tối thượng, quyền lực thuộc về nhân dân trong xã hội.

Từ việc xác định bản chất của Nhà nước dân chủ ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gắn dân chủ, thực hành dân chủ với dân vận trong cách mạng Việt Nam. Người đã nhắc nhở cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của công tác dân vận trong xây dựng nhà nước dân chủ và trách nhiệm của cán bộ trong vận động lực lượng của toàn dân tộc trong thực hiện mục tiêu cách mạng. Nói cách khác, thực hiện tốt công tác dân vận sẽ phát huy dân chủ và

ngược lại, thực hành dân chủ sẽ tạo điều kiện cho công tác dân vận được hiệu quả.

Cùng với tư tưởng đề cao dân vận trong cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ rõ thực hiện dân vận đồng thời phải chống lại căn bệnh quan liêu, hách dịch xa rời quần chúng nhân dân. Cán bộ phụ trách dân vận phải thực hiện đầy đủ các bước, không chỉ làm cho dân hiểu, bàn bạc với dân mà còn giúp đỡ dân thực hiện và kiểm thảo lại công việc. Đây chính là nền tảng để Đảng ta đề ra quy chế dân chủ ở cơ sở, dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra trong giai đoạn hiện nay.

Vận dụng sáng tạo quan điểm về công tác vận động nhân dân của chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định, dân vận mà chỉ giải thích, vận động, thuyết phục chưa đủ, mà cần phải dân vận trong hành động, trong cuộc sống, thông qua tấm gương mẫu mực về phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Điều đó thể hiện quan điểm thực tiễn, gắn lý luận với thực tiễn của Người. Vì vậy, có thể thấy, nếu xét về mặt giá trị lý luận thì có thể coi dân vận là một triết luận hành động. Điều này đã được Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định: “Với Kinh Thánh, khởi thủy là lời nói; với nhà đại thi hào Gớt, khởi thủy là hành động; với Hồ Chí Minh thì lời nói và hành động là một”¹.

1. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh: quá trình hình thành và phát triển, Sđd*, tr.50.

Ngày nay, nước ta đang tiến hành công cuộc đổi mới đất nước một cách toàn diện. Qua 35 năm đổi mới, những thành tựu đạt được trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đã khẳng định vai trò của công tác dân vận của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và tác động của Cách mạng 4.0 cũng đặt ra nhiều vấn đề cho công tác dân vận ở nước ta. Công tác dân vận ngày nay có nhiều điều kiện, phương tiện và công cụ để thực hiện nhất là ở bước tuyên truyền, giải thích dựa trên thành tựu của khoa học và công nghệ. Nhân dân có thể biết về công tác tuyên truyền qua nhiều phương tiện truyền thông đại chúng. Cán bộ phụ trách công tác dân vận cần quán triệt tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh là “óc nghĩ, tai nghe, chân đi, miệng nói và tay làm” để nhân dân hiểu về vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc giữ vững ổn định chính trị, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, “Bài báo Dân vận của Bác về công tác dân vận hay quá, đến nay vẫn còn có tính thời sự đối với chúng ta”¹.

2. Về phương diện thực tiễn

Bảy mươi năm đã trôi qua, nhưng tác phẩm *Dân vận* không chỉ có giá trị lý luận sâu sắc mà vẫn còn ý nghĩa thực tiễn đối với nước ta. Tác phẩm đã soi đường cho

1. Ban Dân vận Trung ương: *Tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.16.

những thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc và trong giai đoạn hiện nay đã gợi mở cho Đảng, Nhà nước và những người làm công tác dân vận hiện nay những bài học kinh nghiệm sâu sắc.

Trước hết, có thể khẳng định, tác phẩm *Dân vận* của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết năm 1949 đã tạo ra sức mạnh nội lực to lớn cho dân tộc Việt Nam. Bởi, năm 1949 là thời điểm quân và dân ta đang chuẩn bị cho tổng phản công chiến lược vào năm 1950. Tác phẩm đã xác định rõ trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị trong phát huy vai trò, sức mạnh của quần chúng nhân dân đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Do vậy, những tư tưởng và quan điểm lớn của tác phẩm *Dân vận* khi được tuyên truyền rộng rãi trong quần chúng nhân dân đã góp phần thực hiện phương châm kháng chiến toàn diện đưa tới thắng lợi của chiến dịch Biên giới năm 1950. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh công tác dân vận, với quyết tâm “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”¹ đã đưa tới thắng lợi vẻ vang của kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954. Trên nền tảng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, công tác dân vận tiếp tục được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quán triệt đầy đủ trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược với khẩu hiệu “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”² và đưa tới

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.534.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.131.

thắng lợi hoàn toàn kết thúc 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc.

Nghiên cứu tác phẩm *Dân vận*, chúng ta không chỉ thấy những bài học lý luận, mà còn thấy ở đó hiện thân của một cán bộ phụ trách dân vận hết mình phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đó chính là tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thực hiện công tác dân vận. Bởi những nội dung của tác phẩm *Dân vận* đã được thể hiện vô cùng sinh động trong hoạt động thực tiễn phong phú của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người luôn quán triệt nói đi đôi với làm nên đồng thời với việc đề ra tư tưởng về dân vận, Người cũng thực hành một cách nghiêm túc. Chúng ta đã thấy hình ảnh một cán bộ dân vận ở Người từ ngay trong hành trình tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc đến khi làm Chủ tịch nước. Thông qua hoạt động dân vận thực tiễn, Người đã làm gương cho cán bộ, đảng viên về đạo đức và tác phong dân vận. Từ đó, đã tạo ra niềm tin, tình yêu đặc biệt của quần chúng nhân dân đối với Người.

Trong giai đoạn hiện nay, tác phẩm *Dân vận* của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là cơ sở để Đảng, Nhà nước tiếp tục mở rộng và phát huy vai trò của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Đồng thời, đòi hỏi phải tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận vừa có phẩm chất năng lực, vừa có trình độ chuyên môn. Đội ngũ cán bộ này sẽ truyền đạt nguyện vọng, tâm tư và ý kiến của quần chúng nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Trên cơ sở đó, Đảng, Nhà nước đề ra những chính sách thiết thực, cụ thể, hợp lòng dân, củng cố mối quan hệ máu thịt với nhân dân.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân chủ? Từ đó, làm rõ sự kế thừa và phát triển của Đảng trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?

2. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân vận và vai trò của cán bộ làm công tác dân vận? Liên hệ thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

3. Phân tích vai trò của công tác dân vận theo tư tưởng Hồ Chí Minh? Đánh giá vai trò của công tác dân vận hiện nay trong thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

4. Phân tích đối tượng của công tác dân vận theo tư tưởng Hồ Chí Minh?

5. Phân tích phương pháp thực hiện công tác dân vận theo tư tưởng Hồ Chí Minh? Đánh giá về việc thực hiện Pháp lệnh thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn ở nước ta hiện nay.

THƯỜNG THỨC CHÍNH TRỊ (1953)

A. MỤC TIÊU

- *Về phẩm chất:* Tác phẩm *Thường thức chính trị* có thể coi là “cẩm nang” của cán bộ, đảng viên và nhân dân về các vấn đề chính trị cơ bản. Với cách viết đơn giản dễ hiểu, tác phẩm đã giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm vững các tri thức cơ bản về chính trị. Từ vấn đề đầu tiên là giai cấp cho đến chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mà nước ta đang hướng tới. Tác phẩm đã giúp người học, người nghiên cứu thấy được nỗi khổ của người dân thuộc địa nói chung và người dân Việt Nam nói riêng dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến. Đồng thời, qua tác phẩm, nhân dân đã xác định được sự cần thiết phải đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc giải phóng hoàn toàn và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, phải bên gan, quyết chí, gắn vận mệnh của mình với vận mệnh của quốc gia và dân tộc.

- *Về năng lực:* Tác phẩm *Thường thức chính trị* giúp người học, người nghiên cứu có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn; hình thành và phát triển kỹ năng thuyết trình và giao tiếp với mọi người, kỹ năng tư duy độc lập và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

Mặt khác, tác phẩm còn hướng người học, người nghiên cứu đến thái độ lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản ở nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

B. NỘI DUNG

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ BỐ CỤC TÁC CỦA PHẨM

1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Tác phẩm *Thường thức chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời trong bối cảnh đặc biệt, khi nhân dân ta cùng lúc thực hiện hai nhiệm vụ cách mạng: vừa kháng chiến vừa kiến quốc xây dựng chế độ dân chủ nhân dân.

Sau chiến dịch Biên giới (1950), cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam nhận được sự chi viện của các nước trong khối xã hội chủ nghĩa. Nhưng cũng bắt đầu từ năm 1950, lợi dụng những khó khăn của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ từng bước can thiệp vào Đông Dương thông qua viện trợ. Từ đó, thực dân Pháp đã triển khai âm mưu mới nhằm giành thắng lợi ở Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung. Cụ thể, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ vừa ra sức xây dựng chính phủ bù nhìn, vừa tăng cường lực lượng quân sự để bình định và tìm cách phản công lực lượng vũ trang cách mạng, hòng giành lại quyền chủ động trên chiến trường. Vì vậy, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân

ta càng gặp khó khăn. Chỉ riêng ở chiến trường đồng bằng Bắc Bộ, hàng trăm làng bị địch chiếm lại, nhiều khu căn cứ du kích bị địch đánh phá. Nhưng với tinh thần đấu tranh anh dũng, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam vẫn phát triển không ngừng theo thế chủ động và tiến công nên đã làm thất bại những cố gắng của địch trong những năm 1951 - 1952 ở chiến dịch Hòa Bình, Tây Bắc. Để đảo ngược tình thế trên chiến trường và cứu vãn sự thất bại của mình, thực dân Pháp đã cử tướng Nava sang Việt Nam. Nava đã triển khai chiến lược Đông Xuân (1953 - 1954) gồm hai bước với mong muốn sẽ giành thắng lợi quyết định trong cuộc chiến tranh vốn quá lâu dài, đang bị dư luận ở Pháp và quốc tế lên án là cuộc chiến tranh “bắn thử”.

Trước âm mưu của thực dân Pháp, cuối tháng 9/1953, tại bản Tỉn Keo, thôn Lục Giã (nay là xã Phú Đình) huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, thuộc ATK Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị đã họp bàn kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953 - 1954. Căn cứ vào sự phát triển của ba dòng thác cách mạng trên thế giới đang tác động tích cực vào cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã quyết tâm lãnh đạo nhân dân đập tan kế hoạch quân sự của Nava, đẩy bộ máy cai trị, chính quyền, quân đội thực dân Pháp và tay sai rơi xuống vực thẳm. Trên cơ sở đó sẽ đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ của dân tộc Việt Nam đến thắng lợi quyết định.

Cùng với những thắng lợi trên mặt trận quân sự, nhân dân ta cũng tích cực xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, thành quả cách mạng của Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Trong tình hình mới, để lãnh đạo cách mạng Việt Nam tiếp tục tiến lên, tại Đại hội II (tháng 02/1951), Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra hoạt động công khai và quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một đảng. Ở Việt Nam, Đảng lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam với mục đích phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đại hội đã thông qua nhiều văn kiện quan trọng về cách mạng Việt Nam, trong đó có Chánh cương của Đảng Lao động Việt Nam. Đại hội cũng đặc biệt nhấn mạnh mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ trong thời kỳ vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Triển khai đường lối của Đại hội II, hệ thống chính quyền kháng chiến các cấp được củng cố từ Trung ương xuống cơ sở; các Bộ đã phát huy được vai trò quản lý nhà nước, điều hành kháng chiến, kiến quốc theo nhiệm vụ đã được Quốc hội và Chính phủ quy định. Bên cạnh đó Đảng, Nhà nước cũng tiến hành cải cách ruộng đất nhằm đem lại ruộng đất cho nông dân và xóa bỏ địa chủ. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi, do tư duy máy móc, nhiều nơi nóng vội và mắc sai lầm. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng, Nhà nước thừa nhận những khuyết điểm của cải cách ruộng đất và sửa chữa nhằm đảm bảo quyền lợi cho các giai cấp, tầng lớp. Nhờ đó, đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện. Quan hệ giữa nước ta và các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày

càng phát triển. Trung Quốc và Liên Xô đã chi viện cho Việt Nam một số quân trang, quân dụng, thuốc men, lương thực và thực phẩm. Vì vậy, nền dân chủ cộng hòa được củng cố và ngày càng phát triển là nhân tố quyết định đến thắng lợi trên mặt trận quân sự.

Trên cơ sở những thắng lợi trên mặt trận quân sự và thành tựu trong xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, để phát huy tối đa vai trò của nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết tác phẩm *Thường thức chính trị* vào năm 1953. Qua đó, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa yêu nước, chủ trương, đường lối kháng chiến, kiến quốc của Đảng, Chính phủ trong quần chúng nhân dân. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, tác phẩm đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của dân tộc Việt Nam và đưa đến thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ, kết thúc chín năm kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp.

2. Bố cục của tác phẩm

Nghiên cứu di sản của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta thấy Người không chỉ là một nhà quân sự, nhà tư tưởng mà còn là một nhà chính trị. Do đó, Người cũng quan tâm đặc biệt đến chính trị và điều này được thể hiện qua nhiều tác phẩm, bài nói, bài viết gắn với hành trình tìm đường cứu nước và trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đó là những tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, *Đường cách mệnh*, *Tuyên ngôn Độc lập*, *Sửa đổi lối làm việc*, *Di chúc*,... Trong đó, *Thường thức chính trị* với nghĩa là những tri thức

phổ thông về chính trị là tác phẩm trình bày một cách cụ thể, toàn diện những quan điểm cơ bản về chính trị nhằm tuyên truyền và giải thích cho quần chúng nhân dân.

Tác phẩm *Thường thức chính trị* gồm 50 bài viết được đăng trên báo *Cứu quốc* trong chuyên mục Thường thức chính trị từ ngày 16/01 đến ngày 23/9/1953 với bút danh Đ.X... Đến năm 1954, các bài viết của Người đã được tập hợp lại và in thành sách với tiêu đề Thường thức chính trị để cung cấp tài liệu học tập và tuyên truyền trong cán bộ và nhân dân.

Với cách diễn đạt giản đơn, dễ hiểu, dễ nhớ, có sức thuyết phục mạnh mẽ và sâu sắc, trong tác phẩm *Thường thức chính trị*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày các vấn đề theo hình thức đặt câu hỏi và giảng giải làm sáng tỏ các vấn đề về chính trị theo một logic chặt chẽ, thống nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chia nội dung tác phẩm thành hai phần:

Phần I: Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung lý giải các vấn đề: giai cấp (bài 1), các xã hội có giai cấp (từ bài 2 đến bài 5), con đường giải phóng dân tộc Việt Nam (từ bài 6 đến bài 16), xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân ở Việt Nam (từ bài 17 đến bài 22), xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta (các bài 23, 24).

Phần II: Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày các vấn đề về: thời đại và đất nước (từ bài 26 đến bài 30), Đảng Lao động Việt Nam (từ bài 31 đến bài 44), xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản (từ bài 45 đến bài 49).

Như vậy, với 50 bài viết ngắn gọn, dễ hiểu, tác phẩm *Thường thức chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần cung cấp những tri thức phổ thông quan trọng về chính trị cho đảng viên và nhân dân ta, góp phần đáp ứng nhiệm vụ cách mạng tại thời điểm tác phẩm ra đời.

II- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1. Quan điểm về giai cấp

Lý giải sự phát triển của xã hội loài người qua học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ ra những nội dung xung quanh vấn đề giai cấp. Trong thời đại của mình, C. Mác đã khẳng định: “*Sự tồn tại của các giai cấp chỉ gắn liền với những giai đoạn phát triển lịch sử nhất định của sản xuất*”¹. C. Mác đã chỉ rõ, giai cấp chỉ xuất hiện khi có những điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. Trên cơ sở lý luận của C. Mác, trong tác phẩm *Sáng kiến vĩ đại*, V.I. Lênin đã đưa ra định nghĩa giai cấp. Theo V.I. Lênin: “Giai cấp là những tập đoàn người, mà tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác, do chỗ các tập đoàn có địa vị khác nhau trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định”². Như vậy, V.I. Lênin

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.28, tr.662.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t.39, tr.18.

đã chỉ rõ nguyên nhân hình thành các giai cấp trong xã hội đó chính là sự khác nhau về quyền sở hữu của họ đối với tư liệu sản xuất. Từ sự khác nhau này sẽ dẫn tới sự khác nhau về vai trò trong tổ chức, quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm.

Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong tác phẩm *Thường thức chính trị*, nội dung đầu tiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra và giải đáp cho nhân dân chính là vấn đề “Giai cấp là gì?”. Phân tích xã hội Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh khẳng định, với việc giành được chính quyền thì tất cả mọi người trong xã hội đều được bình đẳng, tự do. Tuy nhiên, để giải phóng dân tộc và các giai cấp một cách triệt để, theo Người, nhân dân cần tiến tới làm chủ tư liệu sản xuất.

Hồ Chí Minh chỉ rõ, mọi của cải vật chất trong xã hội đều do giai cấp công nhân và giai cấp nông dân làm ra với tư cách là hai giai cấp chiếm số lượng đông đảo trong xã hội. Tuy nhiên, công nhân và nông dân ở nước ta vẫn nghèo khổ, còn một số ít người không lao động vẫn có của cải dư thừa. Nguyên nhân là do một số ít người đó đã sở hữu tư liệu sản xuất (ruộng đất, hầm mỏ, công cụ, nguyên liệu). Đây chính là nguyên nhân dẫn tới sự hình thành giai cấp trong xã hội. Thông qua việc sở hữu tư liệu sản xuất mà họ bắt những người lao động lao động vất vả để họ hưởng.

Theo Hồ Chí Minh, ở xã hội có giai cấp thì giai cấp được chia thành giai cấp bóc lột và bị bóc lột. Người đã nêu

lên khái niệm giai cấp bóc lột và bị bóc lột: “Những người chiếm tư liệu sản xuất không làm mà hưởng, là giai cấp bóc lột. Những người lao động mà không được hưởng là *giai cấp bị bóc lột*”¹. Qua đó, giúp nhân dân hiểu sự cần thiết phải chiếm lại tư liệu sản xuất từ tay giai cấp bóc lột để được hưởng các thành quả lao động của bản thân.

2. Quan điểm về các chế độ xã hội có giai cấp

Trên cơ sở chỉ rõ nguyên nhân hình thành, sự phân chia giai cấp trong xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng lý luận đó vào phân tích các xã hội có giai cấp cho nhân dân hiểu sâu hơn. Cụ thể, Người đã chỉ rõ bản chất, đặc điểm của chế độ phong kiến, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc và xã hội Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam đã bỏ qua một vài hình thái kinh tế - xã hội theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin. Do đó, nước ta đã đi từ chế độ cộng sản nguyên thủy lên chế độ phong kiến và tồn tại hàng nghìn năm. Phân tích về chế độ phong kiến, Hồ Chí Minh đã nêu ra: “*Chế độ phong kiến tức là chế độ địa chủ bóc lột nông dân*”². Cách giải thích đơn giản, dễ hiểu giúp nhân dân hình dung ra được hai giai cấp cơ bản trong xã hội phong kiến là địa chủ và nông dân. Giai cấp địa chủ đã trở thành người làm chủ tư liệu sản

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.247.

xuất nên là giai cấp bóc lột. Từ đó, Người đi đến kết luận: “Đó là một chế độ cực kỳ không công bằng” và “*sản xuất không thể nâng cao*”¹ do giai cấp nông dân không có tư liệu sản xuất buộc phải đi làm thuê, bị bóc lột và phụ thuộc vào giai cấp địa chủ. So sánh xã hội phong kiến với các xã hội trước đó, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ hai đặc điểm: “*Đặc điểm của chế độ phong kiến là: nông dân sản xuất một cách rời rạc. Địa chủ bóc lột một cách tàn tệ*”². Địa chủ bóc lột nông dân thông qua nhà nước phong kiến với “một bầy quan lại và quân lính” để áp bức nông dân. Nông dân đã đứng lên đấu tranh nhiều lần nhưng đều thất bại do không có giai cấp lãnh đạo. Do đó, trong xã hội Việt Nam chỉ có giai cấp công nhân mới đủ sức lãnh đạo giai cấp nông dân trong công cuộc giải phóng hoàn toàn.

Mặc dù Việt Nam không trải qua hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa, nhưng đã có những giai cấp, tầng lớp trong xã hội vọng tưởng tới xã hội này. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã đặt ra câu hỏi “Chủ nghĩa tư bản là gì” để giải thích cho nhân dân hiểu bản chất của chủ nghĩa tư bản. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, điểm chung của xã hội tư bản và xã hội phong kiến là tồn tại sự bóc lột giữa các giai cấp. Người khẳng định: “Chủ nghĩa tư bản là một chế độ bọn ít người bóc lột và thống trị đa số nhân dân.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.248.

Song bọn ấy là bọn tư bản, chứ không phải là bọn phong kiến”¹. Bọn tư bản nắm trong tay tư liệu sản xuất và thuê giai cấp công nhân sản xuất để bóc lột công nhân. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, giai cấp công nhân đại diện cho phương thức sản xuất mới, nhưng do không có tư liệu sản xuất nên phải bán sức lao động cho nhà tư bản. Hồ Chí Minh đã chỉ ra cho nhân dân thấy được sự bóc lột tinh vi của chủ nghĩa tư bản so với chế độ phong kiến. Đó là việc “sức lao động hóa ra tập thể” thông qua sử dụng máy móc và tư bản “dùng chế độ tiền công để bóc lột công nhân”. Vì vậy, so với xã hội phong kiến thì xã hội tư bản có sự tiến bộ hơn, của cải được tạo ra nhiều hơn. Nhưng đây cũng là nguyên nhân đưa tới một hiện tượng trong chủ nghĩa tư bản là “khủng hoảng kinh tế” làm cho đời sống của nhân dân ngày càng khó khăn. Đặc biệt, Hồ Chí Minh cũng lý giải cho nhân dân thấy sự tham lam của chủ nghĩa tư bản. Đó là tư bản không chỉ bóc lột công nhân trong nước mà còn muốn mở rộng thị trường xâm chiếm các nước khác để bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động dẫn tới sự ra đời của chủ nghĩa đế quốc.

Để hiểu tận cùng bản chất của chủ nghĩa tư bản, Hồ Chí Minh lại trả lời cho nhân dân câu hỏi “Chủ nghĩa đế quốc là gì?”. Hồ Chí Minh đã lý giải sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.248.

độc quyền đế quốc chủ nghĩa bằng cách diễn đạt đơn giản. Đó là việc các nhà tư bản luôn cạnh tranh nhau thông qua đầu tư về vốn và khoa học công nghệ. Kết quả là đã có một số nhà tư bản liên kết với nhau trong một lĩnh vực và nắm độc quyền trong sản xuất, phân phối sản phẩm không chỉ ở trong nước mà còn ở các nước thuộc địa. Vì vậy, chủ nghĩa đế quốc ra đời ở nhiều nước, nhưng cuối cùng cũng bị giai cấp công nhân đánh tan.

Có thể nói với việc đặt ra ba câu hỏi và trả lời, Hồ Chí Minh đã giúp nhân dân nhận thức và phân biệt được chế độ phong kiến, chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc; trong đó, điểm chung của các xã hội này đều tồn tại chế độ người bóc lột người và nhân dân lao động vô cùng nghèo khổ. Vì thế, Việt Nam không thể quay về chế độ phong kiến, cũng không thể đi lên tư bản chủ nghĩa mà phải đi lên chủ nghĩa xã hội. Bởi đó là xã hội duy nhất giải phóng con người một cách triệt để và mang lại cuộc sống hạnh phúc.

Nhìn về Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh đã xác định cho nhân dân thấy rõ tình hình chính trị - xã hội. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhân dân Việt Nam “quần quai” trước chính sách khai thác và bóc lột. Kết quả là “*đế quốc Pháp cướp hết quyền kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa của nước ta và thu hết mồ hôi nước mắt của nhân dân ta*”¹. Điểm đặc biệt

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.251.

là thực dân Pháp không thủ tiêu chế độ phong kiến ở Việt Nam mà còn biến nó thành tay sai. Chính vì thế, ở nước ta, nhân dân vừa bị đế quốc vừa bị phong kiến bóc lột, đời sống vô cùng khó khăn. Nhân dân đã đoàn kết đứng lên đấu tranh lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp hơn 80 năm và chế độ phong kiến hàng nghìn năm. Nhân dân ta tiếp tục vượt lên khó khăn đánh bại thực dân Pháp, can thiệp Mỹ và tay sai để giành độc lập thực sự.

3. Quan điểm về con đường giải phóng dân tộc Việt Nam

Sau 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, tại Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941), Hồ Chí Minh đã nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc theo tinh thần của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 02/1930). Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”¹. Vì vậy, vấn đề giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của dân tộc Việt Nam trong cách mạng nhằm đánh đổ thực dân, giành chính quyền về tay nhân dân.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhân dân ta lại tiếp tục cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp để

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.7, tr.113.*

giành độc lập dân tộc. Để nhân dân hiểu rõ con đường cách mạng mà Đảng đã lựa chọn, Hồ Chí Minh đã phân tích các giai cấp trong xã hội Việt Nam, chỉ ra giai cấp có sứ mệnh lãnh đạo. Vì là một nước thuộc địa nửa phong kiến nên xã hội Việt Nam có sự phân hóa giai cấp sâu sắc. Hồ Chí Minh đã chỉ ra đặc điểm và vai trò của từng giai cấp trong xã hội.

Hồ Chí Minh chỉ rõ cho nhân dân “Tư bản mại bản là gì?”. Đó là một bộ phận rất đặc biệt trong giai cấp tư sản ở Việt Nam. Bộ phận này được ra đời từ âm mưu của thực dân Pháp. Thực dân Pháp sang nước ta không phải khai hóa văn minh mà khai thác và bóc lột. Do đó, thực dân Pháp tuyệt đối không để cho tư bản dân tộc ở Việt Nam phát triển vì sẽ tranh mất thị trường của chúng. Với tư cách là tay sai của thực dân Pháp, địa chủ, phong kiến cũng tìm mọi cách cản trở sự phát triển của tư bản dân tộc để có thể tiếp tục bóc lột nông dân. Tuy nhiên, trong giai cấp tư sản Việt Nam, có một bọn tư bản đã dựa vào đế quốc mà làm giàu. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ bản chất của tư bản mại bản cho nhân dân: “Nó cũng là tay sai của đế quốc, chống lại lợi ích của nhân dân”¹. Tư bản mại bản có quyền lợi gắn với thực dân Pháp nên không đứng về phía cách mạng, về nhân dân. Ngược lại với tư bản mại bản là tư sản dân tộc Việt Nam, họ chiếm số lượng đông đảo

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.252.

trong giai cấp tư sản Việt Nam. Vì quyền lợi không dính hoặc dính líu rất ít đối với đế quốc nên cũng có tinh thần cách mạng. Tuy nhiên, cũng giống như giai cấp tư sản nói chung, tư sản dân tộc vẫn mang bản chất bóc lột nên họ có tính thỏa hiệp khi được nhượng bộ quyền lợi. Muốn phát huy được vai trò của mình, tư sản dân tộc cần đoàn kết với giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để nhất, đó là giai cấp công nhân.

Từ phân tích giai cấp tư sản ở Việt Nam, Hồ Chí Minh cũng đã phân tích rõ cho nhân dân biết “Kinh tế lạc hậu là như thế nào?”. Nói cách khác, Hồ Chí Minh lý giải nguyên nhân vì sao nền kinh tế Việt Nam lại nghèo nàn và lạc hậu. Người khẳng định, một nền kinh tế phải có sự phát triển của nông nghiệp và công nghiệp. Trong công nghiệp, cần chú trọng phát triển công nghiệp nặng làm nền tảng cho sự phát triển của kinh tế. Nông nghiệp tuy là lợi thế của nước ta, nhưng do ruộng đất nằm trong tay địa chủ và thực dân nên không phát huy được vai trò của mình. Chính vì vậy, kinh tế Việt Nam ngày càng lạc hậu, phụ thuộc vào kinh tế Pháp và đời sống của nhân dân vô cùng cực khổ, khó khăn. Nhân dân không có bất cứ quyền gì từ chính trị đến kinh tế, xã hội. Hồ Chí Minh đã phân tích cụ thể nỗi khổ của tất cả các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Trước hết là giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh khẳng định, công nhân Việt Nam rất khổ so với công nhân các nước khác. Công nhân không chỉ bị thực dân Pháp mà còn bị phong kiến bóc lột nên thường thất nghiệp. Bên cạnh đó,

giai cấp nông dân cũng cùng cảnh ngộ với công nhân. Người chỉ rõ nỗi khổ của nông dân: “*Nông dân* thì nghèo khổ đã sẵn, lại bị sưu cao thuế nặng”¹. Vì vậy, nông dân ở Việt Nam luôn có khát khao độc lập dân tộc, ruộng đất cho dân cày. So với công nhân, nông dân thì tầng lớp tiểu tư sản theo Hồ Chí Minh có “sống hơn nhưng sinh hoạt của họ cũng không chắc chắn”². Nguyên nhân là tầng lớp tiểu tư sản cũng như các giai cấp khác đều chịu ách thống trị của thực dân và phong kiến. Từ đó, Hồ Chí Minh kêu gọi: “Muốn giải phóng thì nhân dân, tức là công, nông, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, phải đoàn kết để đánh đổ đế quốc, đánh đổ phong kiến và tư sản mại bản”³. Chỉ có đoàn kết, các giai cấp và tầng lớp mới đánh đổ được thực dân, phong kiến và tay sai. Con đường giải phóng mà nhân dân thực hiện phải là con đường phù hợp với nguyện vọng của nhân dân và xu thế phát triển của thời đại.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu các cuộc cách mạng tư sản điển hình trên thế giới. Người đã rút ra được bài học quan trọng: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”⁴. Cách mạng ở Việt Nam không thể đi theo con đường cách mạng tư sản. Hồ Chí Minh đã hướng

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.253.

4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.296.

dân tộc Việt Nam đến với ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Theo Hồ Chí Minh cuộc cách mạng này đã thức tỉnh các dân tộc châu Á, mở ra thời đại chống đế quốc và giải phóng dân tộc. Với tư duy biện chứng, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đặt cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam vào quỹ đạo của cách mạng vô sản. Đồng thời, cũng nhấn mạnh, tùy điều kiện cụ thể mà các nước sẽ xác định các bước, các giai đoạn cụ thể.

Xuất phát điểm là một nước thuộc địa nửa phong kiến, con đường giải phóng của dân tộc Việt Nam theo Hồ Chí Minh phải trải qua hai bước. Bước thứ nhất “là đánh đổ đế quốc, đánh đổ phong kiến, thực hiện “người cày có ruộng”, xây dựng chính trị và kinh tế dân chủ mới”¹. Hồ Chí Minh đã nhìn thấy điểm chung của nhân dân Việt Nam đó là cùng chung lợi ích, chung mục tiêu và quan trọng nhất là chung kẻ thù. Chính vì vậy, để thực hiện bước này cần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp tất cả các giai cấp, tầng lớp miễn là có lòng yêu nước vào Mặt trận dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hoàn thành bước thứ nhất là cơ sở vững chắc để thực hiện bước thứ hai trên con đường giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh vạch rõ: “Bước thứ hai là tiến lên chủ nghĩa xã hội, tức là giai đoạn đầu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.254.

của chủ nghĩa cộng sản”. Tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản sẽ giải phóng nhân dân một cách triệt để nhất. Như vậy, cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam theo Hồ Chí Minh là cuộc cách mạng dân chủ mới - cách mạng dân chủ nhân dân. Cuộc cách mạng đó đặt lên hàng đầu nhiệm vụ giải phóng dân tộc, trên cơ sở đó từng bước thực hiện nhiệm vụ dân chủ thông qua chính sách “canh giả hữu kỳ điền” trả lại ruộng đất cho nhân dân.

Cách mạng dân chủ mới ở Việt Nam, theo Hồ Chí Minh muốn thắng lợi cần tập hợp được lực lượng cách mạng. Tức là cần phải xác định động lực của cuộc cách mạng đó là các giai cấp, tầng lớp nào. Căn cứ vào tính chất của cách mạng nước ta là cách mạng dân chủ mới, Hồ Chí Minh xác định: “động lực của cách mạng gồm có những giai cấp: *công nhân, nông dân, tiểu tư sản*”¹. Bởi đây là những công nhân, nông dân là giai cấp bị áp bức, bóc lột nặng nề nhất, tiểu tư sản thì có tinh thần yêu nước. Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh, trong những thời kỳ và điều kiện nhất định, cách mạng có thể tập hợp tư sản dân tộc và coi đây là một động lực của cách mạng dân chủ mới. Mặc dù đã xác định động lực của cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta, nhưng kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã chỉ ra vai trò của từng giai cấp gắn với địa vị của họ trong xã hội. Vậy giai cấp nào sẽ lãnh đạo cách mạng ở Việt Nam?

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.255.

Phân tích xã hội tư bản, C. Mác chỉ rõ: “giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những *người vô sản*”¹. Sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản đã dẫn tới giai cấp công nhân đứng lên đấu tranh lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ mới. Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Hồ Chí Minh đã khẳng định, ở Việt Nam giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Để nhân dân hiểu vì sao giai cấp công nhân có thể gánh vác trọng trách to lớn này, Hồ Chí Minh đã phân tích rõ các đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh: “Tất cả những người không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động mà sống, đó là công nhân”². Như vậy, đặc trưng của giai cấp công nhân là những người không có tư liệu sản xuất, họ có thể bán sức lao động của mình cho giai cấp tư sản để kiếm sống và bị bóc lột thậm tệ. Vì phải làm việc trong các hầm mỏ, đồn điền, xí nghiệp nên công nhân là lực lượng kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật và đại diện cho phương thức sản xuất mới. Nên khi được tiếp nhận chủ nghĩa Mác - Lênin thì họ đã tìm được vũ khí lý luận của mình. Từ đó, dù số lượng còn ít nhưng giai cấp công nhân vừa có lập trường chính trị, hệ tư tưởng có tổ chức và hành động nên tất yếu giữ vai trò lãnh đạo cách mạng.

1. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.605.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.256.

Hơn nữa để hoàn thành được vai trò lãnh đạo, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh giai cấp công nhân cần thành lập Đảng với tư cách là lực lượng tiên phong. Đảng sẽ đề ra đường lối, chủ trương, chính sách tập hợp, giác ngộ các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng sự thống nhất về tư tưởng, nhận thức và hành động. Người đã nhiều lần nhắc nhở cán bộ, đảng viên: “Tư tưởng thông thì công việc tốt”¹. Tư tưởng phải được nhân dân nhận thức một cách đầy đủ, hợp với quy luật khách quan thì mọi công việc dù khó khăn cũng được giải quyết. Chính vì vậy, để vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân được thừa nhận một cách tất yếu, Hồ Chí Minh đã phân tích giai cấp nông dân và giai cấp tiểu tư sản ở nước ta. Người chỉ rõ, nông dân là lực lượng chiếm số lượng đông đảo trong xã hội và cũng bị áp bức, bóc lột nặng nề, nhất là bần nông. Trong giai cấp nông dân “*bần nông và trung nông* là quân đội chủ lực của kháng chiến và của cách mạng dân chủ mới”². Với chính sách “canh giả hữu kỳ điền”, nông dân được chia ruộng đất, họ đã hăng hái tham gia cách mạng. Nhưng suy đến cùng, nông dân chỉ “là đồng minh chắc chắn của giai cấp công nhân”. Mặt khác, do đặc thù gắn với sản xuất nông nghiệp nên nông dân “thường có tính thủ cựu, rời rạc, tư hữu”³ nên nông dân không thể giữ vai trò lãnh đạo cách mạng mà chỉ là bạn đồng minh của giai cấp nông dân. Trong xã hội

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.257.

Việt Nam, theo Hồ Chí Minh, tiểu tư sản bao gồm nhiều đối tượng khác nhau. Trí thức và học sinh thuộc “giai cấp tiểu tư sản” do có học thức nên “dễ có cảm giác chính trị”. Nhưng vì là người có học, không trực tiếp gắn với lao động sản xuất nên Hồ Chí Minh khẳng định, trí thức và học sinh có lập trường không vững vàng, khi hành động thì hay lung lay nên không giữ được vai trò lãnh đạo cách mạng. Vì vậy, để giải phóng mình, giai cấp tiểu tư sản phải trở thành đồng minh quan trọng của giai cấp công nhân.

Như vậy, với việc phân tích sâu sắc con đường giải phóng dân tộc của Việt Nam là cách mạng dân chủ mới đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, Chủ tịch Hồ Chí Minh thông qua tác phẩm *Thường thức chính trị* đã nhắc nhở nhân dân phải đoàn kết một lòng trong cách mạng và kháng chiến. Trên cơ sở đó, nước ta mới đánh đổ được thực dân Pháp và can thiệp Mỹ giành thắng lợi cuối cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

4. Quan điểm về xây dựng nhà nước mới ở Việt Nam

Con đường cách mạng dân chủ kiểu mới của nhân dân Việt Nam trải qua hai bước và kết quả cuối cùng của bước đầu tiên theo Hồ Chí Minh chính là xây dựng chế độ nhà nước dân chủ cộng hòa. Hồ Chí Minh đã trình bày bản chất ưu việt của mô hình này cho nhân dân nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của nhân dân.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Theo Hồ Chí Minh, đó là nhà nước của nhân dân, nó khác biệt hoàn toàn với nhà nước phong kiến hay nhà nước tư sản. Nhà nước lấy lợi ích của nhân dân làm mục tiêu hoạt động, thực hiện dân chủ với nhân dân và chuyên chính với kẻ thù.

Hồ Chí Minh đã dùng biện pháp so sánh để nhân dân hiểu rõ sự khác biệt giữa nhà nước cũ (nhà nước nằm trong tay thực dân, phong kiến) với nhà nước mới (nhà nước nằm trong tay nhân dân). Nhà nước cũ bảo vệ quyền lợi của thực dân, phong kiến, còn nhà nước mới bảo vệ nhân dân. Trong nhà nước mới, Hồ Chí Minh xác định vai trò: “Đối với nội bộ nhân dân thì *thực hành dân chủ*. Đối với đế quốc, phong kiến và lũ phản động, thì *thực hành chuyên chính*”¹. Đồng thời Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh, trong nhà nước mới “mọi quyền lực đều là *của nhân dân*, tức là của giai cấp công, nông, tiểu tư sản và tư sản dân tộc”², Hồ Chí Minh đã khẳng định đó là nhà nước của nhân dân, mọi quyền lực trong nhà nước đều thuộc về nhân dân. Đây chính là sự tiếp nối tư tưởng về xây dựng nhà nước mới của Hồ Chí Minh từ tác phẩm *Dân vận* (1949).

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.262.

Đề cập tới nhà nước mới, Hồ Chí Minh còn khẳng định, đó là một nhà nước do nhân dân lập nên. Người nói: “Ở nước ta chính quyền là của nhân dân, *do nhân dân làm chủ*. Nhân dân bầu ra các hội đồng nhân dân, ủy ban kháng chiến hành chính địa phương, và Quốc hội cùng Chính phủ Trung ương”¹. Để thực thi quyền lực trong xã hội, nhân dân đã “ủy thác” cho cán bộ nhà nước thông qua bầu cử. Theo Hồ Chí Minh quyền bầu cử của nhân dân được thể chế hóa thành pháp luật, quy định rõ quyền và nghĩa vụ để nhân dân thực hành quyền lực của mình. Theo Hồ Chí Minh Nhà nước mới phải được tổ chức và hoạt động theo chế độ dân chủ tập trung. Người giải thích: “Nhân dân là *ông chủ* nắm chính quyền. Nhân dân bầu ra đại biểu thay mặt mình thi hành chính quyền ấy. Thế là *dân chủ*” và “Các cơ quan chính quyền là thống nhất, tập trung”². Tất cả các cơ quan nhà nước hoạt động trên cơ sở thống nhất, phân công và phối hợp với nhau. Thông qua chế độ dân chủ tập trung, Hồ Chí Minh đã đưa nhân dân trở thành người là chủ và làm chủ thực sự đất nước.

Nhà nước dân chủ mới ra đời, tuy bản chất là nhà nước của nhân dân, do nhân dân lập nên nhưng phải có nghĩa vụ đối với nhân dân. Hồ Chí Minh chỉ rõ, nhà nước phải “Làm cho dân được hưởng hạnh phúc và xây dựng một xã hội sung sướng, vẻ vang”³. Để đạt được mục đích đó,

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.263, 263, 265.

trong giai đoạn hiện nay, nhà nước phải ra sức kháng chiến, xây dựng đất nước trên các mặt quân sự, chính quyền, kinh tế, văn hóa. Thông qua quá trình xây dựng đó, dân chủ được thực hành, sức mạnh và lực lượng của nhân dân sẽ được phát huy tối đa.

Trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân mặc dù là người làm chủ nhà nước mới, nhân dân vừa có quyền nhưng đồng thời cũng phải có nghĩa vụ. Đây cũng là sự khác biệt về chất so với nhà nước cũ, trong đó nhân dân chỉ có nghĩa vụ mà không có quyền. Nhà nước mới sẽ đảm bảo cho nhân dân có quyền tự do, quyền dân chủ, quyền bình đẳng. Đồng thời, nhân dân cũng có nghĩa vụ trong kháng chiến, xây dựng chế độ mới.

Nghiên cứu tư tưởng về xây dựng nhà nước mới trong tác phẩm *Thường thức chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lại hiểu hơn nữa bản chất của nền dân chủ ở nước ta sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Hồ Chí Minh đã trình bày một cách hệ thống và thấu đáo từng nội dung, trên cơ sở đó, nhân dân tự xác định vai trò và trách nhiệm của mình trong xây dựng nhà nước mới.

5. Quan điểm về xây dựng và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta

Thứ nhất, các thành phần kinh tế ở nước ta.

Thực hiện chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhân dân tích cực xây dựng nền dân chủ mới trên tất cả các lĩnh vực của đời

sống xã hội. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị*, Hồ Chí Minh đã đề ra các nội dung cơ bản trong xây dựng nền kinh tế ở vùng tự do.

Trong xây dựng nền kinh tế mới ở nước Nga sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917, V.I. Lênin và Đảng Bôn-sê-vích chủ trương thực hiện Chính sách kinh tế mới nhằm xây dựng nền tảng cho chủ nghĩa xã hội. V.I. Lênin khẳng định: “Kinh tế nông dân, với tư cách là một nền kinh tế tiểu nông, không thể đứng vững được, nếu không có một sự tự do trao đổi nào đó, và không có những quan hệ tư bản chủ nghĩa gắn liền với tự do trao đổi đó”¹. Vì vậy, V.I. Lênin chủ trương phải phát triển chủ nghĩa tư bản nhà nước coi đó là “mắt xích” trung gian quan trọng để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở đó, V.I. Lênin và Đảng Bôn-sê-vích đã thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần ở nước Nga.

Xuất phát từ thực tiễn ở Việt Nam, vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, trong tác phẩm *Thường thức chính trị* Hồ Chí Minh đã khẳng định nền kinh tế ở nước ta tồn tại 6 thành phần kinh tế. Cụ thể:

Một là, kinh tế địa chủ phong kiến bóc lột địa tô.

Hai là, kinh tế quốc doanh, có tính chất chủ nghĩa xã hội.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.43, tr.276.

Ba là, các hợp tác xã tiêu thụ và hợp tác xã mua bán, có tính chất nửa chủ nghĩa xã hội. Các hội đồng công ở nông thôn, cũng là một loại hợp tác xã.

Bốn là, kinh tế cá nhân của nông dân và của thủ công nghệ, họ thường tự túc ít có gì bán và cũng ít khi mua gì. Đó là một thứ kinh tế lạc hậu.

Năm là, kinh tế tư bản tư nhân. Họ bóc lột công nhân, nhưng đồng thời họ cũng góp phần vào xây dựng kinh tế.

Sáu là, kinh tế tư bản quốc gia là Nhà nước hùn vốn với tư nhân để kinh doanh và do Nhà nước lãnh đạo. Trong loại này tư bản của tư nhân là chủ nghĩa tư bản. Tư bản của Nhà nước là chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh đã lý giải nguyên nhân tồn tại và nội dung của từng thành phần kinh tế ở nước ta. Trong đó, nước ta vẫn duy trì kinh tế địa chủ, phong kiến vì cải cách ruộng đất chưa hoàn thành, ruộng đất chưa được giao hết cho dân cày. Cần phát triển kinh tế quốc doanh để đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện vai trò làm chủ tư liệu sản xuất, tham gia quản lý xã hội của nhân dân. Kinh tế hợp tác xã với tính chất nửa hợp tác xã sẽ giúp nhân dân trao đổi hàng hóa, thúc đẩy quá trình sản xuất và lưu thông. Mặc dù lạc hậu, nhưng Hồ Chí Minh khẳng định, kinh tế cá nhân của nông dân và của thợ thủ công vẫn tồn tại trong nền kinh tế. Nguyên nhân là do thói quen sản xuất của người dân trong các xã hội trước. Đồng thời, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh tới sự phát triển

kinh tế tư nhân của tư bản và kinh tế tư bản quốc gia. Sự tồn tại của hai thành phần kinh tế này chính là việc lợi dụng tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mặt khác, khẳng định sự tồn tại của 6 thành phần kinh tế, Hồ Chí Minh muốn nhấn mạnh tới việc còn tồn tại nhiều hình thức sở hữu. Thông qua các thành phần kinh tế, có thể khai thác và phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế nhằm đáp ứng các yêu cầu và nhiệm vụ của cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ.

Thứ hai, các chính sách phát triển kinh tế ở nước ta.

Để xây dựng và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, Hồ Chí Minh đưa ra chính sách kinh tế của Đảng và Chính phủ gồm bốn điểm mấu chốt:

Một là, công tư đều lợi. Hồ Chí Minh đã lý giải công ở đây là thành phần kinh tế quốc doanh, còn tư là thành phần kinh tế cá nhân và tư bản tư nhân. Hồ Chí Minh yêu cầu Nhà nước cần có chính sách đảm bảo lợi ích cho các thành phần kinh tế; trong đó, lợi ích của các thành phần kinh tế tư nhân không được trái với lợi ích của quốc gia và dân tộc.

Hai là, chủ thợ đều lợi. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, còn tồn tại các thành phần kinh tế có yếu tố tư bản thì còn bóc lột. Tuy nhiên, trong chế độ xã hội mới ở nước ta, Nhà nước sẽ đảm bảo lợi ích của chủ thợ. Qua đó, nhà tư bản không được bóc lột công nhân một cách “quá tay” như

trong xã hội tư bản. Đồng thời, Nhà nước sẽ bảo vệ lợi ích của công nhân một cách hợp lý để cả hai bên chủ và thợ đều có lợi.

Ba là, công nông giúp nhau. Trong một nền kinh tế, công nghiệp và nông nghiệp luôn gắn bó chặt chẽ với nhau. Vì vậy, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nước ta là một nước nông nghiệp giống như Trung Quốc, Triều Tiên. Muốn phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế nói chung phải lấy việc phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính”¹. Sự gắn bó giữa công nghiệp và nông nghiệp tất yếu đưa đến sự gắn bó giữa công nhân với nông dân trong xã hội.

Trong quá trình xây dựng nước Nga, V.I. Lênin khẳng định: “Vì muốn cải thiện đời sống của công nhân thì phải có bánh mì và nhiên liệu... Thế mà chúng ta chỉ có thể tăng thêm sản xuất và thu hoạch lúa mì, tăng thêm dự trữ và vận tải nhiên liệu bằng cách cải thiện đời sống của nông dân, bằng cách nâng cao lực lượng sản xuất của họ. Phải bắt đầu từ nông dân”². Nông dân sẽ cung cấp cho công nhân các nhu cầu thiết yếu, ngược lại công nhân sẽ giúp nông dân phát triển nông nghiệp. Đối với Việt Nam, xuất phát điểm từ một nước nông nghiệp, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.635.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.43, tr.262-263.

thịnh thì nước ta thịnh”¹. Vì vậy, giai cấp công nhân cần sản xuất công cụ phục vụ cho sự phát triển của nông nghiệp, làm cho nông nghiệp phát triển. Nông nghiệp tạo ra nhiều lương thực, thực phẩm phục vụ giai cấp công nhân, phục vụ xã hội và sẽ tích lũy vốn cho sự phát triển công nghiệp. Nên công nông ở nước ta luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, cùng nhau phát triển.

Bốn là, lưu thông trong ngoài. Điều này đã được V.I. Lênin chỉ ra từ trong quá trình xây dựng nền kinh tế và thực hiện chính sách kinh tế mới ở nước Nga. V.I. Lênin coi việc thực hiện trao đổi và lưu thông hàng hóa “là hòn đá thử vàng” trong hoạt động của nền kinh tế.

Sự phát triển của công nghiệp và nông nghiệp trong nền kinh tế sẽ thúc đẩy trao đổi hàng hóa trong nước và với nước ngoài. Mà trước hết, đó là sự trao đổi giữa nông nghiệp và công nghiệp trong phạm vi quốc gia. Sau đó, là sự trao đổi giữa nước ta với các nước bạn thông qua mua bán các hàng hóa còn thiếu và chưa sản xuất được. Hồ Chí Minh cho rằng, việc thực hiện lưu thông hàng hóa đó chính là thực hiện chính sách mậu dịch, giúp đỡ lẫn nhau giữa các ngành kinh tế và giữa các nước với nhau.

Hồ Chí Minh không chỉ ra mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế, mà còn khẳng định các chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước luôn tác động lẫn nhau.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.246.

Mỗi chính sách được vạch ra nhằm mục tiêu phát triển kinh tế, nhưng vẫn nhấn mạnh tới việc phát huy vai trò của kinh tế quốc doanh với tư cách là thành phần kinh tế có tính chất xã hội chủ nghĩa.

6. Quan điểm về xây dựng Đảng ở nước ta

Thứ nhất, vai trò lãnh đạo của Đảng.

Là người sáng lập và lãnh đạo Đảng, Hồ Chí Minh đã xác định vai trò của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ rất sớm. Ngay từ trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927), Hồ Chí Minh đặt câu hỏi “Cách mệnh trước hết phải có cái gì?” và Người khẳng định: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”¹. Đảng có sứ mệnh lãnh đạo nhân dân Việt Nam vừa kháng chiến vừa kiến quốc.

Trên cơ sở những thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và giai đoạn đầu của kháng chiến chống thực dân Pháp, trong tác phẩm *Thường thức chính trị*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Có Đảng lãnh đạo, cách mạng và kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công”². Trong cách mạng, vai trò lãnh đạo của Đảng được thể hiện

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.289.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.273.

ở nhiều nội dung. Trước hết, Đảng phải đề ra đường lối và tuyên truyền để giác ngộ quần chúng, làm cho quần chúng hiểu và nắm được các quy luật xã hội, xác định được mục đích và con đường đấu tranh cách mạng. Trên cơ sở đó, Đảng tập hợp được quần chúng, tổ chức họ thành “một *đội quân thật mạnh*, để đánh đổ kẻ địch, tranh lấy chính quyền”¹. Có như vậy, cách mạng mới thành công, quần chúng nhân dân mới trở thành lực lượng của cách mạng. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, khi dân tộc ta bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã giác ngộ người dân về đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Đồng thời, Đảng lãnh đạo Mặt trận dân tộc thống nhất tập hợp lực lượng cách mạng phát huy vai trò của nhân dân từng bước đánh bại âm mưu của thực dân Pháp.

Trong kiến quốc, Hồ Chí Minh chỉ rõ, quần chúng nhân dân vẫn cần có Đảng lãnh đạo. Bởi tuy nhân dân đã giành được chính quyền về tay mình và trở thành người làm chủ đất nước, nhưng chính quyền đó còn non trẻ và phải đối mặt với “mưu mô” của kẻ thù nên Đảng phải lãnh đạo nhân dân xây dựng chính quyền. Đảng phải tiếp tục tổ chức và lãnh đạo nhân dân xây dựng các lĩnh vực của chế độ xã hội mới. Qua đó, đưa nhân dân đi tới thắng lợi

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.274.

cuối cùng là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Thứ hai, phương thức lãnh đạo của Đảng.

Để Đảng lãnh đạo cách mạng và kháng chiến thành công, Hồ Chí Minh đã đặt ra vấn đề cho nhân dân là: “Đảng dùng cách gì và làm thế nào để lãnh đạo?”¹. Từ đó, Người đã chỉ ra phương thức mà Đảng đã thực hiện để lãnh đạo. Cụ thể là:

Một là, theo Hồ Chí Minh, để lãnh đạo nhân dân, Đảng đã “*truyền bá lý luận Mác - Lênin vào trong quần chúng nhân dân*”². Hồ Chí Minh coi lý luận Mác - Lênin là kim chỉ nam không chỉ cho cán bộ, đảng viên mà còn cho cả nhân dân. Bởi nếu trong cách mạng và kháng chiến, nếu nhân dân “không hiểu lý luận thì như người mù đi đêm”³. Có lý luận, nhân dân được giác ngộ về mục tiêu, lý tưởng cách mạng, về vai trò của giai cấp công nhân và chính bản thân mình thì sẽ tự giác đứng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở đó, nhân dân sẽ phát huy được vai trò, sức mạnh để đưa cách mạng và kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cũng lưu ý, trong tuyên truyền lý luận Mác - Lênin cho nhân dân, Đảng cần phải đảm bảo tính khoa học, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của nhân dân.

Hai là, Đảng lãnh đạo thông qua việc đề ra các khẩu hiệu, mục đích và kế hoạch đấu tranh. Theo Hồ Chí Minh,

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.276, 278.

từ khẩu hiệu đúng thì nhân dân sẽ nhận thức được con đường, phương hướng, xác định được kẻ thù để đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mỗi khẩu hiệu của Đảng luôn gắn với mục đích và kế hoạch cụ thể nhằm phát huy sức mạnh của nhân dân. Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ, việc đề ra khẩu hiệu phải xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể, phản ánh được nguyện vọng, tâm tư của nhân dân.

Ba là, Đảng lãnh đạo “kinh qua đảng viên và các tổ chức Đảng”¹. Đảng viên và cán bộ là đại diện của Đảng và là lực lượng gần nhân dân, gắn bó với nhân dân. Vì vậy, thông qua đảng viên và cán bộ, lý luận Mác - Lênin và các khẩu hiệu sẽ đến với nhân dân. Đặc biệt, tấm gương của cán bộ, đảng viên sẽ làm cho nhân dân học tập và noi theo. Muốn vậy, Hồ Chí Minh nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải nắm vững đường lối, chính sách, gần dân, tin dân và lắng nghe nhân dân.

Thứ ba, xây dựng Đảng trong sạch, sáng suốt và thống nhất.

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng Đảng là nhiệm vụ vô cùng quan trọng vì Đảng có vai trò lãnh đạo cách mạng và kiến quốc. Xây dựng Đảng không chỉ là công việc của Đảng và của đảng viên, mà Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh, đó là công việc của toàn dân ta. Công tác xây dựng Đảng được tiến hành toàn diện trên cả 3 lĩnh vực. Cụ thể:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.278.

Một là, xây dựng Đảng về tư tưởng.

Hồ Chí Minh khẳng định: “*Chủ nghĩa* của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, mỗi đảng viên đều phải nghiên cứu”¹. Do đó, trong công tác xây dựng Đảng cần làm cho cán bộ, đảng viên thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, coi đó là “cẩm nang thần kỳ để giải quyết các công việc. Người chủ trương, cán bộ, đảng viên “nhất định phải học tập lý luận Mác - Lênin””² thì mới thực hiện được vai trò tiên phong, mới lãnh đạo được giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình. Trong xây dựng Đảng về tư tưởng, Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ, Đảng cần phải đấu tranh chống lại thói “xem nhẹ” tư tưởng, không nhận thức đúng đắn vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Hai là, xây dựng Đảng về chính trị.

Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng và phát triển hệ tư tưởng chính trị trong đảng viên, mà trước hết là giai cấp công nhân. Mục đích của công tác này là để giai cấp công nhân tăng cường tư tưởng Mác - Lênin và “gột rửa” những tư tưởng “phi vô sản”. Đó chính là những tư tưởng phong kiến, thực dân đã ảnh hưởng tiêu cực tới đảng viên của Đảng. Người yêu cầu, Đảng phải tích cực giáo dục lý luận để đảng viên có thể nhìn xa trông rộng.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.275, 279.

Ba là, xây dựng Đảng về tổ chức.

Trong xây dựng Đảng về tổ chức, Hồ Chí Minh chú trọng tới khâu đầu tiên là “lựa chọn đảng viên”. Người coi đảng viên là nền tảng của tổ chức đảng, vì mọi công việc đều do đảng viên thực hiện, mọi Nghị quyết do đảng viên chấp hành và mọi chính sách của Đảng do đảng viên tuyên truyền cho quần chúng nhân dân. Người yêu cầu: “*Người vào Đảng phải thừa nhận Đảng cương và Đảng chương. Phải tham gia công tác trong một tổ chức của Đảng. Phải phục tùng nghị quyết của Đảng. Phải nộp đảng phí*”¹. Thông qua việc thừa nhận Đảng cương và Đảng chương, đảng viên sẽ có lập trường tư tưởng vững vàng, thống nhất về ý chí và hành động. Tuy nhiên, để lựa chọn được những thành phần ưu tú của các giai cấp và tầng lớp vào Đảng, Hồ Chí Minh đã đưa ra 7 tiêu chí. Đó là: 1) Không bóc lột người; 2) Suốt đời kiên quyết đấu tranh cho nhân dân, cho chủ nghĩa xã hội; 3) Luôn rèn luyện tư tưởng của giai cấp công nhân; 4) Đặt lợi ích của Đảng, tức là của nhân dân lên trên hết, lên trước hết; 5) Phải tuyệt đối trung thành những nghị quyết của Đảng, giữ gìn kỷ luật của Đảng và của Chính phủ; 6) Phải liên hệ chặt chẽ với quần chúng; 7) Phải thường xuyên thật thà tự phê bình, hoan nghênh quần chúng phê bình mình và thành khẩn phê bình anh em,...². Nếu đại biểu ưu tú của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.282.

2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.279.

các giai cấp, tầng lớp nào đủ 7 tiêu chí trên, Đảng sẽ bồi dưỡng thêm để kết nạp vào tổ chức đảng. Trong quá trình bồi dưỡng, theo Hồ Chí Minh, Đảng cần chỉ ra nghĩa vụ và quyền lợi của đảng viên để giác ngộ họ tự giác thực hiện.

Để trở thành người đảng viên có trình độ lý luận và chính trị, có ý thức tổ chức kỷ luật, có trình độ, theo Hồ Chí Minh, đảng viên phải hoàn thành bốn nghĩa vụ cơ bản: 1) Đảng viên cần cố gắng học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, nâng cao trình độ giác ngộ. Trên cơ sở nền tảng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, đảng viên sẽ xác định được nhiệm vụ và hăng hái đấu tranh cho quần chúng nhân dân; 2) Đảng viên cần giữ gìn kỷ luật của Đảng. Đảng viên sẽ chấp hành đầy đủ chủ trương và chính sách của Đảng tạo sự đoàn kết, thống nhất. Để trong cách mạng, Đảng tuy nhiều người, nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một. Kỷ luật của Đảng là kỷ luật sắt, vừa nghiêm túc vừa tự giác để tạo nên sức mạnh đánh thắng mọi kẻ thù; 3) Đảng viên ra sức phục vụ nhân dân. Tức là đảng viên phải đi vào quần chúng, tìm hiểu, giác ngộ và tập hợp họ. Thông qua đó, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân ngày càng gắn bó máu thịt. Đảng sẽ trở thành một Đảng chân chính, Đảng của nhân dân thực sự; 4) Đảng viên phải giữ gìn kỷ luật của Chính phủ và của các đoàn thể cách mạng, thông thạo mọi công việc mình phụ trách, làm gương mẫu trong mọi công việc cách mạng. Mỗi đảng viên do phải phụ trách một công tác cụ thể, nên bên cạnh kỷ luật của Đảng cần phải

thực hiện các chính sách của Chính phủ. Đảng viên luôn tích cực trau dồi trình độ chuyên môn, làm gương cho quần chúng nhân dân. Có như vậy, đảng viên mới hoàn thành được mọi nhiệm vụ cách mạng.

Bên cạnh nghĩa vụ, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh đến các quyền lợi mà đảng viên được hưởng và yêu cầu tất cả mọi người đều phải tôn trọng các quyền lợi đó. Bởi mỗi quyền lợi đều thể hiện vai trò của đảng viên trong xây dựng tổ chức đảng. Hồ Chí Minh chỉ rõ, đảng viên có *quyền tự do và thiết thực thảo luận* việc thi hành chính sách. Nói cách khác, thông qua thực hành dân chủ trong Đảng, đảng viên có quyền tự do trình bày, thảo luận các vấn đề mà mình quan tâm mà không bị nghiêm cấm. Nếu thấy bản thân có đủ đức, đủ tài, đảng viên có *quyền được tuyển cử và ứng cử* vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng để phục vụ quần chúng nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, đảng viên cũng có *quyền đề nghị, thanh minh, kêu nại* nhằm bảo vệ quyền lợi, ý kiến của bản thân và của quần chúng nhân dân. Đồng thời, để Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, đảng viên còn có *quyền phê bình* đối với hoạt động của Đảng và các cán bộ. Qua đó, đảng viên sẽ góp phần vào việc chống quan liêu, tham nhũng, độc đoán, chuyên quyền trong Đảng. Từ đó, làm cho Đảng ngày càng đạo đức, văn minh đáp ứng được các yêu cầu, đòi hỏi của cách mạng và xã hội.

Trong xây dựng Đảng về tổ chức, để đảng viên thực hiện các nghĩa vụ, quyền lợi và biết đặt nghĩa vụ đối với

dân tộc lên hàng đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng. Người đặc biệt quan tâm đến hai nguyên tắc: tự phê bình và phê bình, dân chủ tập trung. Bàn về vai trò của nguyên tắc tự phê bình và phê bình, Người khẳng định: “Để nâng cao trình độ lý luận và chính trị thì mỗi đảng viên phải luôn luôn thực hành thật thà tự phê bình và phê bình. Đảng thì dùng cách chỉnh Đảng, chỉnh huấn để giáo dục đảng viên”¹. Thông qua thực hành tự phê bình và phê bình, đảng viên sẽ hăng hái học hỏi, cầu thị và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Bên cạnh đó, Người còn chỉ rõ vai trò của nguyên tắc dân chủ tập trung trong xây dựng Đảng. Người chỉ rõ nguyên tắc này là sự thống nhất của tập trung trên nền tảng dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung. Người giải thích, tập trung trên nền tảng dân chủ là: “Cơ quan lãnh đạo của Đảng có uy tín và quyền lực chân chính. Những phương châm, chính sách, nghị quyết của Đảng, mọi đảng viên nhất định phải chấp hành. Kỷ luật của Đảng, mọi đảng viên phải tuân theo. Thế là *tập trung*. Nhưng tập trung ấy không phải là cá nhân chuyên chính; nó là xây dựng trên nền tảng *dân chủ*”². Tức là, việc tập trung trong tổ chức của Đảng phải được xây dựng dựa trên đường lối mà Đảng đề ra. Dân chủ trên nền tảng tập trung được Người nhấn mạnh trên bốn phương diện: quần chúng bầu lên các cơ

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.279, 286.

quan lãnh đạo của Đảng; đường lối của Đảng do đảng viên và quần chúng xây dựng lên, quyền lực của Đảng là do nhân dân giao phó, cá nhân phải phục tùng tổ chức. Đồng thời, Người cũng chỉ rõ, dân chủ dưới sự chỉ đạo tập trung là quyền nêu ý kiến, tham gia giải quyết các vấn đề của đảng viên phải dựa vào đường lối của Đảng. Có như vậy, mới không dẫn tới tình trạng “dân chủ quá trớn” làm mất vai trò lãnh đạo của Đảng.

Bàn về cơ cấu tổ chức trong Đảng, Hồ Chí Minh còn làm rõ vai trò “gốc rễ” của chi bộ. Theo Hồ Chí Minh, tổ chức của Đảng phải được xây dựng từ Trung ương tới cơ sở, hạt nhân là các chi bộ. Chi bộ chính là cầu nối giữa Đảng với nhân dân trong cách mạng và kháng chiến. Người nhấn mạnh: “Chi bộ là đồn lũy của Đảng chiến đấu ở trong quần chúng”, “là sợi dây chuyên để liên hệ Đảng với quần chúng”¹. Vì vậy, Đảng phải có nhiệm vụ củng cố và phát huy vai trò của các chi bộ. Qua đó, chi bộ sẽ làm tốt công tác tuyên truyền, tổ chức, tìm hiểu tâm tư và nguyện vọng, đời sống của nhân dân. Thông qua chi bộ, Đảng cũng sẽ bồi dưỡng được các đại biểu ưu tú của các giai cấp và tầng lớp góp phần xây dựng và phát triển lực lượng. Đồng thời, chi bộ còn phát hiện và tẩy trừ những thành phần xấu, tiêu cực để Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.288.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã đưa ra nội dung về công tác xây dựng Đảng một cách toàn diện. Với nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin vững chắc, cùng với kỷ luật nghiêm khắc, tự phê bình và phê bình, dân chủ tập trung, gắn bó với quần chúng nhân dân, theo Hồ Chí Minh đó là đảm bảo vô cùng vững chắc cho thắng lợi của cách mạng và kháng chiến.

7. Quan điểm về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản

Chủ nghĩa cộng sản là con đường tất yếu mà dân tộc Việt Nam sẽ đi lên dưới sự lãnh đạo của Đảng. Hồ Chí Minh đã bàn và giải thích về chủ nghĩa cộng sản trong các tác phẩm, bài nói, bài viết. Tuy nhiên, quan điểm về chủ nghĩa cộng sản được Người trình bày một cách có hệ thống trong tác phẩm *Thường thức chính trị*.

V.I. Lênin cho rằng, cộng sản đó là chế độ xã hội không còn chế độ tư hữu, bóc lột, mọi thứ đều là của chung. Cộng sản sẽ trải qua hai giai đoạn, giai đoạn thấp là chủ nghĩa xã hội, giai đoạn cao là chủ nghĩa cộng sản; trong đó, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ các vết tích của xã hội là cơ sở để đi lên chủ nghĩa cộng sản.

Kế thừa quan điểm của V.I. Lênin và vận dụng vào Việt Nam, Hồ Chí Minh đã rút ra được 5 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Đó là: công cụ và tư liệu sản xuất đều là của chung; tư bản, địa chủ, phú nông không còn; ai làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít hưởng ít; kinh tế có kế

hoạch; không có sự đối lập giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động chân tay và trí óc¹. Hồ Chí Minh đã giải thích cho nhân dân hiểu rõ đặc trưng và bản chất của chủ nghĩa xã hội; trong đó, chủ nghĩa xã hội mọi thứ là của chung, không còn bóc lột, phân phối theo lao động, nhà nước sẽ điều hành nền kinh tế và xóa bỏ sự bất bình đẳng trong xã hội. Với cách giải thích đơn giản, dễ hiểu đã góp phần tạo động lực mạnh mẽ cho nhân dân trong công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tuy nhiên, theo Hồ Chí Minh chủ nghĩa xã hội không phải là đích đến cuối cùng của nhân dân ta trong công cuộc giải phóng hoàn toàn. Nhân dân mong muốn tiến lên bước cao nhất trong sự phát triển của xã hội đó là chủ nghĩa cộng sản. Xã hội đó không chỉ phù hợp với nguyện vọng của nhân dân mà còn phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Ngay từ khi tìm đường cứu nước và giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã xác định một cách rõ ràng: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.290.

nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”¹. Chủ nghĩa cộng sản sẽ mang lại cho nhân dân những quyền tự nhiên vốn có trên nền tảng một nền kinh tế phát triển cao. Do đó, để xây dựng được chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đưa ra ba điều: mọi ngành sản xuất phát triển rất cao và không ngừng; nông trường công cộng biến dần thành của chung cả nhân dân; nâng văn hóa lên thật cao và nâng cả mức sống vật chất của nhân dân. Ba điều này sẽ được xây dựng từ giai đoạn thấp chủ nghĩa xã hội, và khi kinh tế phát triển cao, đời sống nhân dân không ngừng nâng cao thì nước ta sẽ bước sang giai đoạn chủ nghĩa cộng sản. Đặc biệt, trong chủ nghĩa cộng sản, đạo đức làm nền tảng cho sự phát triển của xã hội. Mọi người lao động dựa vào ý thức tự giác, tiêu dùng hợp lý của cải vật chất. Quan hệ trong xã hội là tự do, bình đẳng, hợp tác, không cần tới sự quản lý của Nhà nước.

Đối với nước ta, Hồ Chí Minh khẳng định, chủ nghĩa cộng sản nhất định thắng lợi. Đó là sự phát triển theo quy luật mà không phải do ý muốn chủ quan của con người. Hồ Chí Minh đã phân tích các mâu thuẫn nội tại không thể điều hòa được trong lòng chủ nghĩa tư bản và vai trò của giai cấp công nhân trong đấu tranh để đi tới chủ nghĩa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.496.

cộng sản. Trên cơ sở đó, xã hội tư bản chủ nghĩa tất yếu sẽ được thay thế bởi chủ nghĩa cộng sản. Người đã minh chứng bằng sự phát triển của Liên Xô và các nước trong hệ thống chủ nghĩa xã hội để chứng minh tính hiện thực của chủ nghĩa cộng sản.

Với tư duy biện chứng, Hồ Chí Minh luôn giải quyết các vấn đề của cách mạng Việt Nam một cách sáng tạo. Căn cứ vào xuất phát điểm của Việt Nam khi đi lên xây dựng chủ nghĩa cộng sản, Người kết luận: “Có nước thì đi thẳng đến chủ nghĩa xã hội (cộng sản) như Liên Xô. Có nước thì phải kinh qua chế độ dân chủ mới, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội (cộng sản) - như các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam ta...”¹. Như vậy, con đường đi lên chủ nghĩa cộng sản của nước ta sẽ khác với Liên Xô. Người khẳng định, nước ta “phải kinh qua *chế độ dân chủ mới*”, rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội (cộng sản)². Thực chất của chế độ dân chủ mới, theo tư tưởng của Hồ Chí Minh, chính là thời kỳ quá độ. Trong thời kỳ này, nước ta phải giữ vững sự lãnh đạo của Đảng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần (kinh tế quốc doanh, hợp tác xã, kinh tế của cá nhân, tư bản tư nhân, tư bản của nhà nước). Nhân dân đồng lòng, quyết tâm tiến lên. Có như vậy, chủ nghĩa cộng sản mới được xây dựng thành công ở Việt Nam. Trong quá trình đó,

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.293.

Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò tiên phong của cán bộ, đảng viên. Đồng thời, Người cũng chỉ rõ cho nhân dân thấy, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là một hành trình lâu dài, gian khổ nhưng nhất định thắng lợi.

III- GIÁ TRỊ, Ý NGHĨA CỦA TÁC PHẨM

1. Về phương diện lý luận

Với 50 bài viết dễ hiểu, dễ nhớ, thông qua tác phẩm *Thường thức chính trị*, Hồ Chí Minh đã cung cấp cho nhân dân hệ thống kiến thức chính trị phổ thông cơ bản, quan trọng bắt đầu từ sự hình thành giai cấp đến sự ra đời của các chế độ xã hội khác nhau đến tình hình thời đại, tình hình đất nước con đường cách mạng của nhân dân ta, vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, vai trò nhiệm vụ của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

Với 14 bài viết về Đảng, có thể nói đây là tác phẩm mà Hồ Chí Minh bàn sâu sắc và đầy đủ nhất về công tác xây dựng Đảng ở nước ta. Đây chính là cơ sở lý luận quan trọng để Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ đạo quá trình tổ chức, xây dựng Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Từ việc phân tích các chế độ xã hội, Hồ Chí Minh đã giúp nhân dân so sánh, đối chiếu, tìm ra được tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Trên cơ sở đó,

Hồ Chí Minh đã cung cấp một cách có hệ thống con đường hình thành, điều kiện, lực lượng và bản chất của chủ nghĩa cộng sản.

Có thể khẳng định, tác phẩm đã làm phong phú lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về con đường giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung công tác xây dựng Đảng và việc thực hiện quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa cộng sản.

2. Về phương diện thực tiễn

- Đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp:

Trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam đang đi vào giai đoạn cuối cùng, tác phẩm *Thường thức chính trị* của Hồ Chí Minh đã chuẩn bị về tư tưởng cho toàn Đảng, toàn dân. Trên cơ sở đó, tạo niềm tin vững chắc của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và tin tưởng vào thắng lợi của kháng chiến chống thực dân Pháp sẽ đưa nhân dân đi tới xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Tác phẩm không chỉ cung cấp các tri thức chính trị phổ thông cho nhân dân mà còn là sự nhắc nhở đối với cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Vì muốn cho những bài ấy giản đơn và tóm tắt, dễ hiểu, dễ nhớ mà không đào sâu vào các vấn đề. Nhưng nếu các bạn *đọc kỹ nhớ suốt, và khéo liên hệ* với công việc hằng ngày của mình, thì chắc rằng, những bài ấy giúp ích cho các bạn

khá nhiều. Mong rằng các bạn xem lại, *ôn lại cho kỹ*¹. Hồ Chí Minh mong muốn cán bộ và đảng viên phải tràn đầy quyết tâm và tin tưởng để đưa cách mạng và kháng chiến đi đến thắng lợi cuối cùng.

Thực tiễn lịch sử đã chứng minh, với tinh thần đấu tranh anh dũng, tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân, Đảng đã lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam thắng lợi hoàn toàn. Từ đó, làm tiền đề cho miền Bắc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm hiện thực hóa cuộc sống bình đẳng, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

- *Đối với cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc:*

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, đất nước ta tạm thời chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Miền Bắc đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, đánh đuổi đế quốc Mỹ xâm lược. Trong bối cảnh lịch sử mới, tác phẩm *Thường thức chính trị* vẫn có ý nghĩa thiết thực.

Những chỉ dẫn của Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế trong tác phẩm *Thường thức chính trị* là cơ sở để Đảng ta tổ chức và lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa ở miền Bắc. Trên cơ sở đó,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.296.

nhân dân miền Bắc đã hoàn thành được kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) và hoàn thành được vai trò hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam. Đồng thời, củng cố niềm tin của nhân dân về mô hình của chủ nghĩa xã hội.

Đối với quân và dân miền Nam, tác phẩm *Thường thức chính trị* của Hồ Chí Minh đã củng cố niềm tin về tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội sau khi hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Bên cạnh đó, tác phẩm cũng giúp quân và dân miền Nam hiểu rõ bản chất của chủ nghĩa đế quốc và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

- *Đối với công cuộc đổi mới hiện nay:*

Hiện nay, công cuộc đổi mới ở nước ta đã tiến hành được 35 năm. Nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã đạt nhiều thành tựu quan trọng nhưng cũng còn những thiếu sót, khuyết điểm nhất định trên nhiều lĩnh vực. Với tinh thần “ôn cố nhi tri tân”, tác phẩm vẫn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

Trước hết, cần tập trung làm tốt công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Đồng thời, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng sao cho hiệu quả. Qua đó, làm thất bại mọi âm mưu của kẻ thù trong “diễn biến hòa bình”, củng cố mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

Trong xây dựng nền kinh tế, cần kế thừa và phát huy tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tác phẩm *Thường thức chính trị*. Nước ta ở thời kỳ quá độ vẫn thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần, nhưng cần đảm bảo

vai trò của kinh tế quốc doanh (kinh tế nhà nước) để đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Từ nội dung về giai cấp trong tác phẩm *Thường thức chính trị*, hãy phân tích vai trò của các giai cấp, tầng lớp ở nước ta trong giai đoạn hiện nay?

2. Trong tác phẩm *Thường thức chính trị*, Hồ Chí Minh đã khẳng định: Để xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản ở nước ta phải trải qua quá trình đấu tranh gian khổ. Hãy phân tích những khó khăn mà nước ta phải trải qua để hiện thực hóa chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam?

3. Từ những lưu ý của Hồ Chí Minh về chế độ dân chủ mới khi nước ta tiến từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản, hãy liên hệ đến nội dung xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam hiện nay?

4. Hãy phân tích vai trò của Đảng trong cách mạng và kháng chiến theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đánh giá vai trò của Đảng trong công cuộc đổi mới hiện nay?

5. Phân tích sự sáng tạo của Hồ Chí Minh trong xác định con đường giải phóng dân tộc Việt Nam?

6. Hãy liên hệ giá trị của tác phẩm *Thường thức chính trị* của Hồ Chí Minh đối với bản thân?

NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, QUÉT SẠCH CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN

A. MỤC TIÊU

- *Về phẩm chất:* Việc học tập, nghiên cứu tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* là cơ sở góp phần xây dựng và củng cố cho người học có ý thức, trách nhiệm bảo vệ và phát huy bản chất cách mạng chân chính của Đảng Cộng sản Việt Nam; có ý thức và trách nhiệm tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, hoàn thành tốt mọi trọng trách của bản thân, tích cực đóng góp có hiệu quả với sự nghiệp cách mạng xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn; có thái độ phê phán, đấu tranh loại bỏ những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân trong thực tiễn đời sống xã hội.

- *Về năng lực:* Thông qua việc học tập, nghiên cứu tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* của Hồ Chí Minh, những năng lực sẽ được hình thành ở người học, đó là: năng lực giải quyết vấn đề (hiểu được hoàn cảnh lịch sử ra đời, phân tích được nội dung cốt lõi của tác phẩm và hiểu được giá trị của tác phẩm); năng lực tự học và sáng tạo; năng lực làm việc nhóm; năng lực tư duy phản biện (thông qua việc nhận thiết kế và tổ chức

các hoạt động tìm hiểu về tác phẩm dưới định hướng của giảng viên bộ môn); năng lực vận dụng thực tiễn,...

B. NỘI DUNG

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ BỐ CỤC CỦA TÁC PHẨM

1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Tình hình thế giới: Sau khi trúng cử Tổng thống Mỹ vào đầu năm 1969, Níchxơn đã cho ra đời học thuyết mang tên “*Học thuyết Níchxơn*” với chiến lược quân sự tương ứng “*Ngăn đe thực tế*” và tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới. “Đề ra học thuyết mới, chiến lược toàn cầu mới, tập đoàn Níchxơn mưu toan khôi phục lại sức mạnh của Mỹ, cố giữ vai trò “sen đầm quốc tế”, vai trò lãnh đạo “thế giới tự do”, cố bám lấy những lợi ích đế quốc chủ nghĩa trên thế giới”¹.

Tình hình trong nước: Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 của quân và dân ta đã đánh đòn bất ngờ, làm cho địch choáng váng và lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải tuyên bố “phi Mỹ hóa” chiến tranh xâm lược (tức là thừa nhận thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”), chấm dứt không điều kiện

1. Trương Hữu Quỳnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn: *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008, tr.1046.

chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Thời cuộc đang có những chuyển biến rất quan trọng và thuận lợi, sự nghiệp cách mạng giải phóng miền Nam đang đi vào thời kỳ có tính chất quyết định.

Phán đoán trước Mỹ sẽ chấm dứt ném bom bắn phá miền Bắc trong thời gian gần nhất, ngày 28/10/1968, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp nhận định tình hình và ra Nghị quyết của Bộ Chính trị số 185-NQ/TW, ngày 26/12/1968 về nhận định tình hình kinh tế hiện nay và nhiệm vụ kinh tế năm 1969 với mục tiêu khôi phục và phát triển kinh tế ở miền Bắc trong điều kiện mới. Về tình hình, Đảng nhận định: “Trước những thử thách nặng nề của chiến tranh, miền Bắc xã hội chủ nghĩa được bảo vệ và vững bước tiến lên trên con đường xã hội chủ nghĩa, đang phát huy mạnh mẽ vai trò, tác dụng của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn”¹. Nhưng bên cạnh những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, miền Bắc cũng đã phạm những khuyết điểm về công tác chỉ đạo và quản lý kinh tế, quản lý nhà nước. Những khuyết điểm và nhược điểm đó đã “dẫn đến tình trạng trì trệ, giảm sút trong một số ngành kinh tế và làm nảy sinh một số hiện tượng tiêu cực”².

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.29, tr.567.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.29, tr.568.

Nghị quyết nhấn mạnh: “Trước cục diện mới và yêu cầu mới của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, phải nhận rõ và kiên quyết khắc phục những chỗ yếu và buông lỏng trong công tác chỉ đạo và quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, để sớm làm chuyển biến tình hình một cách mạnh mẽ, làm đà tiến lên thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trước mắt”¹. Trên tinh thần đó, “các cấp ủy Đảng và các ngành phải chuyển mạnh về tư tưởng và tổ chức, phải nắm chắc và cải tiến công tác quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, phải khắc phục sớm các thiếu sót về chỉ đạo, về quản lý kinh tế, ra sức động viên mọi khả năng cách mạng và tính sáng tạo của cán bộ, đoàn viên và nhân dân ta, nhanh chóng tạo nên một đà tiến bộ mới để thúc đẩy các mặt hoạt động phát triển mạnh mẽ”². Trong tình hình mới, nhiệm vụ khẩn cấp nhất của miền Bắc là tranh thủ thời gian khi hòa bình vừa mới lập lại, ra sức khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh, khôi phục và phát triển một bước nền kinh tế quốc dân, sớm ổn định tình hình, nhanh chóng tạo thêm nguồn sức mạnh của hậu phương lớn³.

Đầu năm 1969, đế quốc Mỹ bắt đầu thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Nhân dân Việt Nam

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.29, tr.571, 584.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.31, tr.88.

chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” là chống lại cuộc chiến tranh xâm lược toàn diện được tăng cường và mở rộng ra toàn Đông Dương.

Thực tiễn sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã đặt ra nhiều vấn đề thử thách, để vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ chiến lược cách mạng đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân đoàn kết một lòng, phát huy trí tuệ và sức mạnh. Song, trong xã hội lúc này “xuất hiện tư tưởng nghỉ ngơi, xả hơi sau những năm chống chiến tranh phá hoại ác liệt của đế quốc Mỹ và nguy hiểm nhất là khuynh hướng lợi dụng tình hình thuận lợi và cả khó khăn của cách mạng để mưu cầu danh lợi cho cá nhân, gia đình... Những diễn biến tiêu cực này ảnh hưởng không nhỏ tới tinh thần quyết tâm “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta”¹.

Để khắc phục những hiện tượng xuống cấp về mặt đạo đức, nâng cao tinh thần trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, trước hết là đảng viên, cán bộ của Đảng, Hồ Chí Minh đã viết bài: “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, với bút danh T.L, đăng trên báo *Nhân dân* số 5409, ngày 03/02/1969.

1. Nguyễn Văn Công: “50 năm Bác Hồ viết bài báo Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, báo *Nhân dân điện tử*, thứ năm, ngày 24/01/2019, <https://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/39005202-50-nam-bac-ho-viet-bai-bao-nang-cao-dao-duc-cach-mang-quet-sach-chu-nghia-ca-nhan.html>.

Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân là tác phẩm ngắn gọn với 687 từ đã nêu rõ mục đích, nội dung và nhấn mạnh yêu cầu là: *Quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng* nhằm giáo dục đảng viên, cán bộ phải thường xuyên tự trau dồi phẩm chất đạo đức, hoàn thành nhiệm vụ Đảng và cách mạng giao phó, góp phần xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh, là đạo đức, là văn minh. *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* là tác phẩm cuối cùng của Hồ Chí Minh viết về vấn đề đạo đức cách mạng, góp phần hoàn chỉnh tư tưởng đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh.

2. Bố cục của tác phẩm

Bố cục của tác phẩm tập trung ở ba phần chủ yếu:

Phần thứ nhất, Từ “Nhân dân ta thường nói...” cho đến “những người con xứng đáng như thế”, Hồ Chí Minh tổng kết lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam sau 39 năm kể từ ngày thành lập.

Phần thứ hai, từ “Song bên cạnh những đồng chí ấy” đến “do chủ nghĩa cá nhân mà phạm nhiều sai lầm”, trình bày biểu hiện nhận biết, phân tích hệ lụy của chủ nghĩa cá nhân và khẳng định chủ nghĩa cá nhân là nguyên nhân dẫn tới tình trạng đạo đức cách mạng thấp kém của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Phần thứ ba, phần còn lại của tác phẩm, đề xuất những biện pháp cơ bản để nâng cao đạo đức cách mạng,

quét sạch chủ nghĩa cá nhân trong đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng.

II- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1. Tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* khẳng định tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên có bản chất cách mạng, vì dân, vì nước sẽ luôn luôn được nhân dân tin phục và đi theo

Mở đầu tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, Hồ Chí Minh đã tổng kết lịch sử của Đảng trong suốt 39 năm kể từ ngày thành lập Đảng. Hồ Chí Minh đã khẳng định 39 năm đó là 39 năm đấu tranh oanh liệt của Đảng: “Trải qua 39 năm đấu tranh oanh liệt, làm Cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến lần thứ nhất thắng lợi và ngày nay vừa chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc”¹. Những thắng lợi lịch sử trong suốt 39 năm đó có ý nghĩa to lớn, đã đem lại sự chuyển mình cho cả dân tộc. Lịch sử dân tộc đã chứng minh để giành được thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng ta đã có quá trình chuẩn bị trong suốt 15 năm, qua các phong trào cách mạng 1930 - 1935, phong trào dân chủ 1936 - 1939, phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945, đã đúc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.546.

rút được những bài học kinh nghiệm qua những thành công và thất bại. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nhân dân Việt Nam đã lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở đầu kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: Kỷ nguyên độc lập, tự do, kỷ nguyên nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc, kỷ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền giải phóng xã hội; với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng ta đã lãnh đạo thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa và trở thành một Đảng cầm quyền, chuẩn bị những điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954) đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ trên đất nước ta, miền Bắc được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và tạo cơ sở để nhân dân ta giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trong suốt 39 năm hoạt động và trưởng thành, Đảng Cộng sản Việt Nam với bản chất cách mạng chân chính đã một lòng vì đất nước, vì nhân dân mà đấu tranh oanh liệt và đã ghi vào lịch sử dân tộc những chiến công bất hủ. Bản chất tốt đẹp vì dân, vì nước của Đảng như một lẽ tự nhiên đã sớm trở thành sức mạnh cảm hóa đầy thuyết phục đối với các giai cấp, tầng lớp nhân dân ta, quy tụ sức mạnh đại

đoàn kết toàn dân xung quanh Đảng. Nhờ đó, Đảng gắn bó máu thịt với nhân dân, Đảng sống trong lòng dân, Đảng được nhân dân tin theo và ủng hộ. Hồ Chí Minh khẳng định niềm tin yêu của nhân dân đối với Đảng: “Nhân dân ta tin tưởng rằng: Đảng ta lãnh đạo rất sáng suốt đã đưa dân tộc ta tiến lên không ngừng từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”¹.

Đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên là nhân tố tạo nên uy tín và sức mạnh của Đảng. Từ việc tổng kết lịch sử 39 năm đấu tranh oanh liệt của Đảng, Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong lịch sử đấu tranh của Đảng và trong mọi hoạt động hằng ngày, nhất là trên mặt trận chiến đấu và sản xuất, rất nhiều cán bộ, đảng viên ta đã tỏ ra anh dũng, gương mẫu, gian khổ đi trước, hưởng thụ đi sau và đã làm nên những thành tích rất vẻ vang”². Trong cuộc đấu tranh cách mạng, những cán bộ, đảng viên kiên trung, giữ vững lập trường cách mạng, một lòng vì dân, vì nước, sẵn sàng chịu đựng gian khổ, vượt mọi hiểm nguy để hoàn thành nhiệm vụ, không đòi hỏi quyền lợi cá nhân, quyết thân cho mục tiêu cuối cùng vì độc lập của đất nước, vì tự do và hạnh phúc cho nhân dân là tiêu biểu cho đạo đức cách mạng của người chiến sĩ cộng sản. Ghi nhận và tự hào bởi những cán bộ, đảng viên đó của Đảng, Hồ Chí Minh khẳng định: “Đó là những bông hoa

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.546.

tươi thắm của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Nhân dân ta và Đảng ta rất tự hào có những người con xứng đáng như thế”¹.

Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Nói chung thì các dân tộc phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”², qua thực tiễn lịch sử 39 năm đấu tranh vì dân, vì nước của các chiến sĩ cách mạng là những cán bộ, đảng viên của Đảng đã trở thành những minh chứng sống động và đầy sức thuyết phục nhất cho đạo đức cách mạng của một Đảng chân chính cách mạng. Đạo đức cách mạng của mỗi cán bộ, đảng viên là nhân tố quan trọng tạo nên uy tín và sức mạnh của Đảng, là cơ sở tạo nên sức hấp dẫn của Đảng và củng cố niềm tin tưởng của quảng đại quần chúng nhân dân đối với Đảng, là yếu tố then chốt đảm bảo thắng lợi trong công tác tổ chức và lãnh đạo của Đảng.

Trong tác phẩm *Chào mừng những người cộng sản Ý, Pháp và Đức* năm 1919, V.I. Lênin đã khẳng định: “Không có sự đồng tình và ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiên phong của mình, tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được”³. Đảng phải thực sự là Đảng cách mạng, vì dân, vì nước;

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.546.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.284.

3. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.39, tr.251.

đảng viên của Đảng phải thực sự là những người trung kiên, là tấm gương trong thực hành đạo đức cách mạng,... chỉ khi đó, nhân dân mới thực sự tin tưởng, ủng hộ và đi theo Đảng. Đó là lẽ tất nhiên, không thể phủ định. Đó là bài học có giá trị lý luận sâu sắc trong hoạt động giáo dục đạo đức và rèn luyện cán bộ, đảng viên của Đảng, trong công tác xây dựng và phát triển Đảng.

Chú trọng tới vấn đề đạo đức cách mạng, gắn đạo đức cách mạng với tư cách của một Đảng chân chính cách mạng và mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng, Hồ Chí Minh đã góp phần bổ sung, mở rộng và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về công tác xây dựng Đảng, đồng thời là sự sáng tạo phù hợp với truyền thống đạo lý, lịch sử văn hóa của dân tộc Việt Nam.

2. Chủ nghĩa cá nhân là nguyên nhân của đạo đức cách mạng thấp kém; những dấu hiệu nhận biết, hậu quả của chủ nghĩa cá nhân được chỉ ra trong tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* là cơ sở lý luận quan trọng trong công tác nghiên cứu, phát hiện, ngăn ngừa và đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân

Đạo đức cách mạng, phẩm chất của cán bộ, đảng viên còn thấp kém do mang nặng chủ nghĩa cá nhân. Là người sáng lập và rèn luyện Đảng, nhìn lại suốt chặng đường 39 năm xây dựng và trưởng thành của Đảng, Hồ Chí Minh đã thẳng thắn nhìn vào thực tế để phát hiện tính có vấn đề trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên: “Song bên cạnh những

đồng chí tốt ấy, còn có một số ít cán bộ, đảng viên mà đạo đức, phẩm chất còn thấp kém”¹. Đó là tồn tại thực tế mà hệ lụy của nó quyết định tới sự tồn vong của Đảng. Đạo đức cách mạng, phẩm chất của cán bộ, đảng viên xuống cấp là một thực tế đang tồn tại, vậy nguyên nhân của tình trạng đó do đâu? Hồ Chí Minh chỉ đích danh đó là chủ nghĩa cá nhân.

Chủ nghĩa cá nhân là kẻ đưa đường khiến đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên thấp kém. Để nâng cao đạo đức cách mạng phải đấu tranh quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân không như kẻ địch hiển hiện thành hình khối, đấu tranh với nó không thể dàn thành chiến tuyến, nó nằm trong tư tưởng của con người, trực tiếp chế ngự và khống chế đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên. Song, để chống lại chủ nghĩa cá nhân phải đích thị xác định được những biểu hiện cụ thể của nó. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa cá nhân: “... việc gì cũng nghĩ đến lợi ích riêng của mình trước hết. Họ không lo “mình vì mọi người”, mà chỉ muốn “mọi người vì mình””².

Bằng nhãn quan chính trị sắc bén, Hồ Chí Minh đã gọi thành tên năm hệ lụy của chủ nghĩa cá nhân xét trong mối quan hệ giữa bản thân người cán bộ, đảng viên với quần chúng nhân dân và với công việc: “Một là: “ngại gian

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.546.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.546-547.

khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa”, Hai là: “tham danh trục lợi, thích địa vị quyền lợi quyền hành”, Ba là: “tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán, chuyên quyền”, Bốn là: “xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh”, Năm là: “không có tinh thần cố gắng vươn lên, không chịu học tập để tiến bộ”¹.

Xét trong mối quan hệ giữa cán bộ, đảng viên đối với tổ chức đảng, Hồ Chí Minh chỉ ra năm biểu hiện cụ thể để nhận thức về hệ lụy của chủ nghĩa cá nhân: “mất đoàn kết, thiếu tính tổ chức, tính kỷ luật, kém tinh thần trách nhiệm, không chấp hành đúng đường lối, chính sách của Đảng và của Nhà nước, làm hại đến lợi ích của cách mạng, của nhân dân”².

Trên cơ sở chỉ rõ những hệ lụy của chủ nghĩa cá nhân đối với người cán bộ, đảng viên xét trong mối quan hệ với quần chúng nhân dân, với công việc và đối với tổ chức Đảng, Hồ Chí Minh đi tới kết luận: “do cá nhân chủ nghĩa mà phạm nhiều sai lầm”³.

Nghiên cứu nguyên nhân của thực trạng đạo đức cách mạng thấp kém còn tồn tại ở một số cán bộ, đảng viên và xác định đó là chủ nghĩa cá nhân; quan sát, khái quát vấn đề và nêu lên thành biểu hiện cụ thể của chủ nghĩa cá nhân để nhận biết đối tượng cần đấu tranh loại bỏ; chỉ ra những hệ lụy khôn lường của chủ nghĩa cá

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.547.

nhân đối với cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng để mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc sự nguy hại của chủ nghĩa cá nhân, qua đó giúp mỗi cán bộ và đảng viên nâng tầm nhận thức, cảnh giác bản thân, xa tránh bệnh chủ nghĩa cá nhân. Việc làm này là cơ sở quan trọng tạo nên sự đồng tình ủng hộ, hưởng ứng của cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân nhằm phát huy sức mạnh trí tuệ tập thể của cả hệ thống chính trị, tổ chức Đảng, đoàn thể trong đấu tranh, phòng, chống chủ nghĩa cá nhân. Đó là chuỗi logic làm sáng tỏ vấn đề chủ nghĩa cá nhân đối với mỗi cán bộ, đảng viên của Hồ Chí Minh và trở thành cơ sở lý luận quan trọng trong công tác nghiên cứu, phát hiện, ngăn ngừa và đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân: Muốn đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân tất yếu phải chỉ ra dấu hiệu nhận biết, phân tích làm sáng tỏ hệ lụy của chủ nghĩa cá nhân đối với cán bộ, đảng viên và đối với tổ chức đảng. Chỉ khi đó, tổ chức đảng mới có thêm sức mạnh tập thể, sự ủng hộ của quần chúng nhân dân trong việc chung tay đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân.

Như vậy, qua nhiều bài viết, bài nói chuyện, Hồ Chí Minh đã nêu cao tinh thần cảnh giác, thể hiện tư tưởng đấu tranh không khoan nhượng với chủ nghĩa cá nhân để giữ gìn Đảng trong sạch, vững mạnh, đó là vấn đề mấu chốt phải giải quyết trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng; đồng thời là vấn đề thời sự, một trong những yếu tố quyết định sự sống còn của Đảng ta.

3. Hệ thống biện pháp nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên trong tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* là sự chỉ dẫn quan trọng của Hồ Chí Minh cho công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng

Từ thực tiễn do cá nhân chủ nghĩa dẫn đến nhiều sai lầm, làm cho đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên thấp kém, Hồ Chí Minh đề ra các biện pháp nhằm mục đích nâng cao đạo đức cách mạng “để làm cho tất cả cán bộ, đảng viên xứng đáng là những chiến sĩ cách mạng”¹. Hai nhóm biện pháp được đề ra hướng tới hai đối tượng cụ thể là tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên.

Đối với tổ chức đảng, với trách nhiệm là cơ quan quản lý, tổ chức giáo dục cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh chỉ rõ sáu biện pháp cụ thể: “Đảng ta phải ra sức tăng cường giáo dục toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về đường lối, chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và đạo đức của người đảng viên. Phải thực hành phê bình và tự phê bình nghiêm chỉnh trong Đảng. Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên. Chế độ sinh hoạt của chi bộ phải nghiêm túc. Kỷ luật của Đảng phải nghiêm minh. Công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ”².

Trong sáu biện pháp, biện pháp đầu tiên đối với tổ chức đảng, Hồ Chí Minh đề cập tới trách nhiệm tăng

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.547.

cường giáo dục đạo đức, chính trị và tư tưởng cho cán bộ, đảng viên để mỗi cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng hiểu rõ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nắm vững được đường lối và chính sách của Đảng, đồng thời ý thức rõ trách nhiệm của bản thân với tư cách là một đảng viên của Đảng. Đó là cơ sở quan trọng tạo nên sự nhất quán trong nhận thức và thống nhất trong hành động của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc học tập và nâng cao đạo đức cách mạng.

Vấn đề thứ hai trong sáu biện pháp của Hồ Chí Minh nêu lên là vấn đề thuộc về cách thức tổ chức giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên của tổ chức đảng. Đảng muốn giáo dục để nâng cao đạo đức cách mạng cho đảng viên của mình, Đảng phải là người biết tổ chức để xây dựng trong Đảng nề lối thực hành phê bình và tự phê bình. Trong tổ chức đảng, chi bộ cơ sở là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở của Đảng. Do vậy, chi bộ Đảng luôn gần gũi, trực tiếp nắm bắt và giám sát mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng. Qua đó, cho thấy chi bộ Đảng có vai trò quan trọng trong việc triển khai mọi chủ trương, đường lối của Đảng. Với vị trí, vai trò quan trọng trong tổ chức của Đảng, chi bộ Đảng phải thực hiện chế độ sinh hoạt thật nghiêm túc và Đảng phải giữ kỷ luật của mình thật nghiêm minh, công tác kiểm tra của Đảng phải chặt chẽ đó là biện pháp căn bản, là cơ sở cần thiết để Đảng tạo dựng uy tín thực thi chức năng và nhiệm vụ giáo dục đảng viên của mình, đồng thời cũng là biện pháp hữu hiệu tạo môi trường lành mạnh, nghiêm

túc để mỗi đảng viên tu dưỡng và rèn luyện đạo đức cách mạng của bản thân.

Vấn đề thứ ba trong sáu biện pháp mà Hồ Chí Minh đề cập cho tổ chức đảng đó là vấn đề lực lượng thực hiện công tác giáo dục đạo đức cách mạng đối với cán bộ, đảng viên. Lực lượng tham gia thực hiện công tác giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng cho mỗi đảng viên theo đề xuất của Hồ Chí Minh không chỉ có tổ chức đảng với các chi bộ đảng mà còn bao gồm quần đại quần chúng nhân dân. Do đó, Hồ Chí Minh chỉ rõ Đảng “Phải hoan nghênh và khuyến khích quần chúng thật thà phê bình cán bộ, đảng viên”¹. Với sự tham gia của quần chúng nhân dân vào công việc giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng cho đảng viên của Đảng, Đảng thể hiện ra là một đảng cầu thị biết lắng nghe để học hỏi quần chúng, có tinh thần tôn trọng và gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân.

Sáu biện pháp đề ra cho tổ chức đảng với 107 chữ, Hồ Chí Minh đã đề cập tới các khía cạnh khác nhau thuộc công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng từ tổ chức quản lý hoạt động giáo dục về chính trị, tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên tới cách thức tổ chức hoạt động và lực lượng tham gia công tác giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng cho mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng. Qua đó, Hồ Chí Minh đã mang lại tầm nhận thức mới với hướng biện pháp cụ thể, thiết thực và toàn diện, là cơ sở lý luận

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.547.

cho Đảng ta nghiên cứu, học tập và vận dụng trong công tác giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Đối với mỗi cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh nêu lên bốn biện pháp nâng cao đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh viết: “Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trước hết, trên hết. Phải kiên quyết *quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và tính kỷ luật. Phải đi sâu đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Phải cố gắng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ hiểu biết để làm tốt mọi nhiệm vụ”¹.

Trong bốn biện pháp nâng cao đạo đức cách mạng dành cho mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng, Hồ Chí Minh đặt vấn đề đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng và của nhân dân thành vấn đề đầu tiên, Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng phải đặt lợi ích đó lên trước hết, trên hết. Mỗi cán bộ, đảng viên phải xác định thông suốt, tự giác ý thức rõ ràng về lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân đó là yếu tố quyết định sự nhất quán trong tư tưởng và định hướng thống nhất trong hành động của mỗi cán bộ, đảng viên để mỗi cán bộ, đảng viên luôn luôn tiên phong trên mọi mặt trận từ chiến đấu tới công tác và lao động sản xuất, biết lo trước

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.547.

sự lo của nhân dân, biết hưởng sau sự hưởng của nhân dân, một lòng vì dân, vì nước.

Vấn đề thứ hai trong bốn biện pháp đề ra, đặt trong mối quan hệ của mỗi cán bộ, đảng viên đối với chính bản thân họ, Hồ Chí Minh đề xuất biện pháp để nâng cao đạo đức cách mạng của chính bản thân mình, người cán bộ, đảng viên phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Nâng cao đạo đức cách mạng là một quá trình tu dưỡng và rèn luyện, người cán bộ, đảng viên phải là người tự giác ý thức và tự giác quyết tâm thực hành bằng chính sự nỗ lực của bản thân. Để quét sạch chủ nghĩa cá nhân trong bản thân mình, mỗi cán bộ và đảng viên phải nỗ lực bồi dưỡng tư tưởng tập thể và tinh thần đoàn kết, đồng thời bản thân mỗi cán bộ, đảng viên phải bồi dưỡng tính tổ chức và tính kỷ luật của Đảng trong suốt quá trình hoạt động cách mạng và công tác của mình. Chỉ có quét sạch chủ nghĩa cá nhân mới có thể nâng cao đạo đức cách mạng, đó là vấn đề then chốt trong công tác giáo dục đạo đức cho mỗi cán bộ, đảng viên và có giá trị lý luận hiện thời quan trọng trong quá trình xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Phải đi sâu đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân thuộc vấn đề thứ ba trong nhóm giải pháp được Hồ Chí Minh quan tâm. Nhân dân là vấn đề chiếm vị trí đặc biệt quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân là trường học thiết thực của những người cách mạng. Do đó, trong quá trình tu dưỡng và rèn luyện đạo đức cách mạng,

mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng phải là những người biết gần gũi nhân dân, gắn bó chặt chẽ với đời sống thực tế, biết tôn trọng nhân dân. Với tư cách là đảng viên của Đảng, mỗi đảng viên vừa là người cán bộ, vừa là người dày tở trung thành của nhân dân, vậy nên trong việc nâng cao đạo đức cách mạng của mình mỗi đảng viên phải thực sự là những người biết phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Vấn đề cuối cùng trong nhóm biện pháp nâng cao đạo đức cách mạng cho mỗi cán bộ, đảng viên được Hồ Chí Minh đề ra trong tác phẩm thuộc vấn đề mối quan hệ giữa cán bộ, đảng viên với công việc. Làm tốt mọi nhiệm vụ được tổ chức đảng, đoàn thể, nhân dân giao phó là một trong những tiêu chí phản ánh tư cách một người cách mạng có đạo đức, có lương tâm. Muốn làm tốt mọi nhiệm vụ của bản thân, mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn luôn cố gắng học tập, thường xuyên tự giác rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn, đó là bước đường giúp mỗi cán bộ, đảng viên có năng lực đạo đức, trình độ hiểu biết thực thi nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ mình phụ trách.

Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân là tác phẩm chuyên luận bàn một cách cụ thể về các biện pháp nhằm nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên của Đảng tạo nên nét khác biệt với những bài viết trước đó về cùng vấn đề đạo đức cách mạng của Hồ Chí Minh. Đặt vấn đề “quét sạch chủ nghĩa cá nhân” và vấn đề “nâng cao đạo đức cách mạng” làm trọng tâm

của bài viết, Hồ Chí Minh đã đưa ra hệ thống các biện pháp hướng tới từng đối tượng cụ thể đó là tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên và để lại cho Đảng ta giá trị lý luận quan trọng trong công tác xây dựng biện pháp giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên.

Hệ thống các biện pháp nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên của Hồ Chí Minh thể hiện qua tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* là một hệ thống được xây dựng trên cơ sở đảm bảo sự chặt chẽ đặt trong chỉnh thể thống nhất chung là nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, vừa cụ thể, thiết thực và hiệu quả, vừa thống nhất, đồng bộ trong hệ thống chính trị từ tổ chức đảng, chi bộ tới mỗi cán bộ, đảng viên.

4. Luận điểm “quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng” là bài học thiết thực trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, giáo dục và đào tạo cán bộ, đảng viên của Đảng

Tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* vốn lúc đầu có tựa đề là “quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng” là bài viết được Hồ Chí Minh cho đăng trên Báo *Nhân Dân* nhân dịp kỷ niệm 39 năm ngày thành lập Đảng. Ngày 30/01/1969, Hồ Chí Minh làm việc với Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương là đồng chí Tố Hữu, trong buổi làm việc này, đồng chí Tố Hữu đã nêu ý kiến: “Thưa Bác, cán bộ Đảng ta

nói chung là tốt, chỉ có một số ít thoái hóa biến chất. Bác đặt đầu đề như vậy thì mạnh quá! Xin phép được đưa vế “Nâng cao đạo đức cách mạng lên trước”, vế “Quét sạch chủ nghĩa cá nhân” ra sau”. Sau khi nghe xong ý kiến của đồng chí Tố Hữu, Chủ tịch Hồ Chí Minh quay sang hỏi đồng chí thư ký là đồng chí Vũ Kỳ cũng tán thành ý kiến đó. Hồ Chí Minh đã phân tích: “Các chú nói có lý nhưng chưa hợp lý. Bác muốn hỏi điều này: Gia đình các chú tiết kiệm mua sắm được bộ bàn ghế, giường tủ mới. Vậy trước khi kê vào phòng, các chú có khênh đồ cũ ra và quét dọn sạch sẽ hay cứ để rác rưởi bản thủ mà kê bộ bàn ghế, giường tủ mới vào?”. Hai đồng chí còn đang lúng túng chưa biết trả lời ra sao thì Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói tiếp: “Vì các chú là đa số. Bác đồng ý nhượng bộ, đổi lại đầu đề là: Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nhưng ở trong bài dứt khoát phải để nguyên ý: Quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng”¹.

Từ quan điểm về việc đặt tiêu đề cho bài viết chuyên luận cuối cùng của mình trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh đã thể hiện thái độ dứt khoát trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân để giữ gìn và nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên của Đảng. Đồng ý đổi lại đầu đề bài viết thành

1. Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.106-107.

Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân trên tinh thần dân chủ, song vẫn dút khoát để nguyên ý “*quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*” trong nội dung bài viết là thái độ thể hiện rõ tinh thần bút chiến của Hồ Chí Minh. Nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên là công việc thường xuyên và liên tục, có ý nghĩa quan trọng trong giữ gìn bản chất cách mạng tốt đẹp của tổ chức đảng và tư cách một người cách mạng, nhưng muốn nâng cao đạo đức cách mạng, tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên phải “quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, đó như một điều kiện cần để đảm bảo sự thành công của công việc nâng cao đạo đức cách mạng. “Quét sạch chủ nghĩa cá nhân” để làm thật sạch, làm cho nền móng đạo đức cách mạng thật vững vàng nhằm đảm bảo cho “nâng cao đạo đức” thêm chắc chắn và đạt được trình độ mới cao hơn, đẹp hơn là luận điểm có giá trị lý luận sâu sắc trong công tác giáo dục nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên của Đảng, đồng thời là luận điểm cơ bản thể hiện sinh động nguyên tắc “chống” gắn liền với “xây” trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, giữ gìn và phát huy bản chất cách mạng của một Đảng vì dân, vì nước.

III- GIÁ TRỊ CỦA TÁC PHẨM

1. Giá trị lý luận

Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân là tác phẩm cuối cùng của Hồ Chí Minh viết về

công tác xây dựng Đảng, giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên.

Đặt trong tiến trình lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự vận động tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, xây dựng và phát triển Đảng là những bước phát triển không ngừng. Xuyên suốt kể từ tác phẩm *Đường cách mệnh* xuất bản năm 1927 khi Đảng ta chưa được thành lập, tới *Lệ vào Đảng* viết trong *Điều lệ vắn tắt của Đảng* được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng tháng 02/1930; *Thư gửi các đồng chí tỉnh nhà* viết ngay sau ngày Tuyên ngôn độc lập và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ngày 02/9/1945); qua các tác phẩm: *Sửa đổi lối làm việc* (năm 1947), *Cách xem xét việc đời và cách tu dưỡng của người cách mạng* (năm 1949), *Người đảng viên của Đảng Lao động Việt Nam phải thế nào?* (năm 1951), *Người cán bộ cách mạng* (năm 1955), *Phê bình và tự phê bình* (năm 1957), *Đạo đức cách mạng* (năm 1958), *Tiêu chuẩn của người đảng viên* (năm 1959), *Ba mươi năm hoạt động của Đảng* (năm 1960),... Cuối cùng là tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* được viết trước khi Hồ Chí Minh qua đời bảy tháng. Nổi bật qua các tác phẩm trên của Hồ Chí Minh đó là vấn đề đạo đức cách mạng của người cán bộ, đảng viên của Đảng, trong đó Hồ Chí Minh đề cập tới hai nội dung cơ bản: *Một là*, vấn đề vị trí, vai trò của đạo đức cách mạng đối với bản thân mỗi cán bộ, đảng viên và đối với tổ chức đảng; *Hai là*, vấn đề cách thức nâng cao đạo đức cách mạng cho mỗi cán bộ,

đảng viên. Đạo đức cách mạng trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt qua các tác phẩm, bài báo, buổi nói chuyện của Hồ Chí Minh về công tác giáo dục đạo đức cho cán bộ, đảng viên của Đảng, thể hiện tầm nhìn, tư duy chiến lược cách mạng trong xây dựng và phát triển Đảng của Hồ Chí Minh. Tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* là tác phẩm cuối cùng của Hồ Chí Minh trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức cách mạng, hội tụ những vấn đề chiến lược có ý nghĩa hoàn thiện tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng và giáo dục đạo đức đối với mỗi cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng.

Đối tượng hướng tới của tác phẩm là cán bộ, đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam, tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* ra đời với mục đích giúp cho tất cả cán bộ, đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam nâng cao đạo đức cách mạng và đều tiến bộ, Hồ Chí Minh đã đặt ra tính có vấn đề làm trọng tâm cần giải quyết của toàn tác phẩm: Muốn nâng cao đạo đức cách mạng, trước hết phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng nhất quán quan điểm chủ nghĩa cá nhân là ngọn nguồn của sai lầm trong tư tưởng và hành động, là căn nguyên khiến cho đạo đức và phẩm chất của cán bộ, đảng viên thấp kém. Do đó, mấu chốt của vấn đề nâng cao đạo đức cách mạng nằm ở việc quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Thuật ngữ “chủ nghĩa cá nhân” lần đầu được Hồ Chí Minh sử dụng trong bài viết với tựa đề “*Chủ nghĩa cá nhân*”,

bút danh X.Y.Z, đăng trên báo *Sự thật*, số 101, ngày 15/10/1948. Đây cũng là bài viết mà lần đầu tiên, Hồ Chí Minh gọi chủ nghĩa cá nhân là một “bệnh”. Trải qua nhiều tác phẩm, bài viết, bài nói chuyện như: *Đạo đức cách mạng*, tháng 12/1958, *Bài nói tại hội nghị toàn Đảng bộ khu Việt Bắc*, ngày 08/6/1959; “*Bài nói tại Lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng*” tối 05/01/1960, đăng trên Báo Nhân Dân, số 2121, ngày 07/01/1960; “*Ba mươi năm hoạt động của Đảng*” đăng trên Báo Nhân Dân, số 2120, ngày 06/01/1960; “*Bài nói chuyện tại Hội nghị bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo các cấp toàn miền Bắc*” do Ban bí thư Trung ương Đảng triệu tập từ ngày 13/3 đến 21/3/1961 tập trung ở nội dung “*Xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội*” đăng trên Báo Nhân Dân, số 2563, ngày 27/3/1961,... Trong mỗi tác phẩm, bài viết này, Hồ Chí Minh đã sử dụng những cụm từ thể hiện rõ thái độ cương quyết trong cuộc đấu tranh loại bỏ chủ nghĩa cá nhân như: “từ bỏ chủ nghĩa cá nhân”, “chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó”, “tẩy hết cái bệnh chủ nghĩa cá nhân”; “phải kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân”; “tẩy trừ chủ nghĩa cá nhân”; “phải đánh thắng kẻ địch bên trong là chủ nghĩa cá nhân”. Khác với những tác phẩm, bài viết trước đó, khi đến tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, Hồ Chí Minh sử dụng động từ “quét” đặt trong cụm từ “quét sạch chủ nghĩa cá nhân”. Qua ngôn từ toát lên tư tưởng, thể hiện

sự nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân để giữ gìn và nâng cao đạo đức cách mạng của người đảng viên của Đảng. Xem chủ nghĩa cá nhân như thứ rác rưởi cần phải quét dọn, luận điểm “quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng” đã góp phần quan trọng hoàn thiện tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, là lý luận có giá trị thiết thực trong công tác xây dựng đạo đức cách mạng, củng cố và phát triển Đảng làm cho Đảng Cộng sản Việt Nam giữ gìn và luôn phát huy được bản chất cách mạng tốt đẹp của mình.

Là tác phẩm được viết vào dịp kỷ niệm 39 năm ngày thành lập Đảng, *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* bao hàm thông điệp quan trọng đối với tổ chức đảng cũng như đối với mỗi cán bộ, đảng viên về nội dung thiêng liêng và cao quý của người đảng viên đó là giữ gìn và nâng cao đạo đức cách mạng. Là chuyên luận về đạo đức cách mạng cuối cùng được viết trước khi Hồ Chí Minh qua đời bảy tháng, *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* chứa đựng nhiều trăn trở của Hồ Chí Minh về công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, về đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên; đồng thời tác phẩm là lời nhắc nhở, căn dặn chân thành đối với mỗi cán bộ, đảng viên, tổ chức của Đảng. *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* là tác phẩm góp phần hoàn chỉnh tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng.

Qua tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, bằng việc gắn đạo đức với tư cách của một đảng chân chính cách mạng, Hồ Chí Minh đã góp phần bổ sung, mở rộng và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nội dung công tác xây dựng Đảng, để lại lý luận quan trọng cho toàn Đảng, toàn dân ta về phương cách xây dựng và giữ vững bản chất của một đảng chân chính cách mạng luôn luôn lấy mục tiêu và động lực phát triển của mình từ quyền lợi chính đáng của Tổ quốc và nhân dân.

2. Giá trị thực tiễn

Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân là tác phẩm cuối cùng của Hồ Chí Minh trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức, với tổng số 687 từ, tác phẩm đã để lại giá trị thực tiễn sâu sắc.

- *Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1969 - 1975).*

Tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* được Hồ Chí Minh viết vào đầu năm 1969, đây là thời điểm đất nước Việt Nam đang phải trải qua những thử thách cam go, quyết liệt vừa kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược ở miền Nam, vừa hàn gắn vết thương chiến tranh và đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Thử thách của lịch sử đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải chung sức, đồng lòng đặt quyền lợi của dân tộc, của đất nước, của nhân dân lên trước hết, trên hết.

Bất cứ sự toan tính, vụ lợi, ích kỷ cá nhân chủ nghĩa nào len lỏi vào công cuộc này đều trở thành mầm mống nguy hại cho sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân.

“Quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng” là luận điểm thiết thực trực tiếp trong việc giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và công tác chỉnh đốn Đảng trước yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng. *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* là tác phẩm bút chiến, trực tiếp tuyên chiến với chủ nghĩa cá nhân, là ngọn đuốc soi đường chỉ lối trong công cuộc nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên toàn Đảng. Chỉ rõ chủ nghĩa cá nhân là căn nguyên của mọi sai lầm của cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh đã đề xuất một hệ thống những biện pháp hướng tới đối tượng là tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên nhằm mục đích giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên đã phạm phải sai lầm biết được đường lối để sửa chữa và chấn chỉnh; hệ thống các biện pháp được Hồ Chí Minh đề ra một cách rõ ràng, cụ thể, thiết thực đã trở thành những tiêu chuẩn quan trọng, giúp cho tổ chức đảng có thêm cách thức tăng cường trong công tác quản lý, giám sát, giáo dục và nâng cao đạo đức cán bộ, đảng viên của mình, đồng thời những biện pháp được Hồ Chí Minh đề xuất qua tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* là cẩm nang định hướng thiết thực nhất đối với cán bộ, đảng viên trong suốt quá trình tu dưỡng và rèn luyện đạo đức cách mạng để có đủ đầy tư cách của người cách mạng xứng đáng là

đảng viên của một đảng cách mạng chân chính - Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ sự nhạy cảm cách mạng, với tâm nhìn thực tế sắc sảo, Hồ Chí Minh vạch rõ vấn đề đang tồn tại trong Đảng đó là tình trạng đạo đức, phẩm chất của một số cán bộ, đảng viên còn thấp kém, điều đó được bắt nguồn từ cá nhân chủ nghĩa, cũng bởi cá nhân chủ nghĩa mà bản thân cán bộ, đảng viên đó phạm nhiều sai lầm, đánh mất đạo đức cách mạng. Đặt trong bối cảnh lịch sử đất nước khi tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* được chấp bút và hoàn chỉnh bởi Hồ Chí Minh, tác phẩm đã thực sự trở thành hồi chuông cảnh tỉnh đối với toàn Đảng, là lời nhắc nhở nghiêm khắc chân tình đối với toàn thể cán bộ, đảng viên, trực tiếp tác động và kịp thời thúc tỉnh đối với bộ phận cán bộ, đảng viên phạm sai lầm. Trên cơ sở đó, tác phẩm đã sức lại tinh thần cách mạng trong toàn Đảng, củng cố niềm tin vào bản chất cách mạng của Đảng đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên và toàn thể quần chúng nhân dân lao động, qua đó huy động lực lượng toàn Đảng, toàn dân tạo nên sức mạnh đoàn kết và thống nhất để quyết chiến và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- *Trong thời kỳ đất nước đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (1975 - 1986):*

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 thắng lợi, miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất,

non sông thu về một mối. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi đã mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc - kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Trên cơ sở đó, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, thống nhất đất nước. Đảng ta và nhân dân ta có thêm vinh dự một nước nhỏ mà đánh thắng đế quốc mạnh giàu là đế quốc Mỹ.

Thời đại mới mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, đồng nghĩa với việc Đảng Cộng sản Việt Nam, toàn thể nhân dân Việt Nam tiếp tục bước vào thời đại mới với những nhiệm vụ mới của sự nghiệp cách mạng. Đặc điểm lớn nhất của đất nước lúc này là: “Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp vô cùng khó khăn và phức tạp do quy mô rộng lớn và toàn diện của những biến đổi cách mạng trên mọi lĩnh vực. “Sự nghiệp ấy càng khó khăn phức tạp gấp bội do ở chỗ nước ta đi thẳng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa; đất nước ta sau 30 năm chiến tranh ác liệt và 20 năm thống trị của chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở miền Nam còn phải chịu

đựng biết bao hậu quả nặng nề. Chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ và bọn tay sai đã bị đánh đổ, nhưng chưa chịu ngổ yên và đang tìm mọi cách để phá hoại sự nghiệp xây dựng hòa bình của nhân dân ta”¹. Đặc điểm này quy định cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là một quá trình biến đổi cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để, đồng thời cũng quy định tính chất lâu dài, khó khăn và phức tạp trong quá trình đó. Điều đó đặt ra yêu cầu khách quan của thời đại đối với Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách đảng cầm quyền phải thực sự là một đảng cách mạng chân chính, mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng phải thực sự là những tấm gương mẫu mực trong thực hành đạo đức cách mạng, tiếp tục tiên phong trong mọi lĩnh vực và đời sống xã hội.

Đặt trong bối cảnh đó, tinh thần bút chiến, quan điểm quyết chiến với chủ nghĩa cá nhân trong tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* có giá trị to lớn.

Thứ nhất, xét ở tinh thần thẳng thắn, sáng suốt trong việc quản lý, giám sát, đánh giá đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng nhằm kịp thời phát hiện những vấn đề hạn chế còn tồn tại về tư tưởng, đời sống chính trị, đạo đức cách mạng. Trên cơ sở đó, tổ chức đảng phải kịp thời phân tích nguyên nhân, xác định biện pháp đúng đắn nhằm xử trí

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.37, tr.739.

khéo léo, đúng đắn vấn đề hạn chế với mục tiêu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về đạo đức cách mạng, tăng cường sức mạnh của tổ chức đảng.

Thứ hai, xét ở bình diện nhận thức về vai trò, vị trí của đạo đức cách mạng và hệ lụy của chủ nghĩa cá nhân đối với đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên của Đảng. Tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* tiếp tục trở thành kim chỉ nam, là cẩm nang hữu ích giúp cho tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng sáng tỏ về vị trí và vai trò của đạo đức cách mạng trong việc tạo dựng uy tín, tập hợp lực lượng và tăng cường sức mạnh của Đảng, đồng thời giúp cho cán bộ, đảng viên hiểu thấu đáo về chủ nghĩa cá nhân, về sự nguy hại của nó đối với đạo đức cách mạng, về những biện pháp để bản thân tổ chức đảng đến mỗi cán bộ, đảng viên cùng thực hiện nhằm nâng cao đạo đức cách mạng.

Một thời đại mới mở ra trong lịch sử dân tộc, nhiều yêu cầu mới đặt ra đòi hỏi ở mỗi cán bộ, đảng viên nhiều năng lực mới. Song, đạo đức cách mạng luôn luôn trở thành yếu tố tiên quyết đảm bảo sự chắc thắng trong thực hiện thành công trong bất cứ nhiệm vụ nào của mỗi cán bộ, đảng viên trước nhân dân và đất nước.

- Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay):

Năm 1986 là dấu mốc mới trong tiến trình lịch sử dân tộc của thời đại Hồ Chí Minh. Đường lối đổi mới của Đảng được đề ra đầu tiên tại Đại hội VI (tháng 12/1986),

với quan điểm đổi mới đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội không phải là thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp; đổi mới phải toàn diện và đồng bộ, từ kinh tế và chính trị đến tổ chức, tư tưởng, văn hóa.

Đổi mới đất nước, hội nhập khu vực và quốc tế, thực hiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước đưa đời sống kinh tế - xã hội của đất nước ra khỏi khó khăn đi lên phát triển, làm cho vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, nhiều khó khăn, thách thức mới luôn đặt ra đối với sự nghiệp cách mạng nói chung, với công tác xây dựng Đảng về đạo đức nói riêng. Đó là những tác động từ mặt trái của nền kinh tế thị trường với sự thâm nhập của lối sống đề cao chủ nghĩa cá nhân tư bản chủ nghĩa,... Cùng với đó, các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá Đảng, Nhà nước trên mọi khía cạnh đời sống kinh tế - xã hội, nhất là trên mặt trận tư tưởng.

Bước vào những năm cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX, các nước phương Tây đẩy mạnh phát triển và mở rộng thực hiện hóa âm mưu “diễn biến hòa bình” trở thành một chiến lược chống chế độ xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới. Năm 1988, Cựu Tổng thống Hợp chúng quốc Hoa Kỳ là R. Níchxơn cho công bố cuốn sách *Năm 1999 - Chiến thắng không cần chiến tranh*, trình bày một cách

toàn diện về chiến lược “diễn biến hòa bình” và tuyên bố: “Chúng ta đang trong một cuộc chiến tranh với cái tên gọi là hòa bình. Đó là một cuộc xung đột không bao giờ kết thúc và vẫn tiếp tục qua nhiều thế hệ”¹. Các thế lực phản động, thù địch với những chiêu thức hoạt động tinh vi trong thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” hòng hướng vào đối tượng chủ yếu là cán bộ, đảng viên của Đảng nhằm ngấm ngòm gây nên những hoài nghi lý tưởng cách mạng, mất phương hướng và niềm tin vào Đảng, lôi kéo và cám dỗ một bộ phận cán bộ, đảng viên ta bằng những lợi ích vật chất tầm thường,... Trong bối cảnh thế giới, khu vực có nhiều biến động, nhiều cuộc “cách mạng nhung” đã diễn ra ở nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ đang phát triển, kém phát triển trở thành minh chứng rõ rệt nhất của sự chống phá bởi các lực lượng phản động từ bên ngoài tạo nên những rối ren, khủng hoảng trong đời sống kinh tế - xã hội, làm mất đi cuộc sống hòa bình, đời sống tự chủ của nhân dân các dân tộc đang phát triển, chậm phát triển trên thế giới. Bối cảnh đó tiếp tục đặt ra những nhiệm vụ đối với Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác xây dựng, chỉnh đốn và bảo vệ Đảng, nhất là trong công tác bồi dưỡng, giáo dục và nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên của tổ chức đảng.

1. Richard Nixon: *Năm 1999 - Chiến thắng không cần chiến tranh*, Bản dịch tiếng Việt của Cục Nghiên cứu, Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, 1992, tr.19.

Tại Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 01/1994), Đảng đã chỉ ra những biểu hiện của tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, và coi đó là một trong bốn nguy cơ cần quan tâm đấu tranh phòng, chống. Trải qua các kỳ đại hội VIII, IX, X, XI, XII và các hội nghị trung ương các khóa VIII, IX, X, XI, XII, Đảng ta tiếp tục đánh giá thực trạng và diễn biến của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên; xác định việc ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống là nhiệm vụ vừa cơ bản và lâu dài, vừa có ý nghĩa cấp bách trước mắt.

V.I. Lênin từng khẳng định: “Không ai có thể tiêu diệt được chúng ta, ngoài những sai lầm của bản thân chúng ta. Toàn bộ vấn đề là ở chữ “nếu” này. Nếu chúng ta do sai lầm mà gây ra sự chia rẽ thì tất cả sẽ sụp đổ”¹. Thế giới còn thay đổi, các thế lực thù địch luôn ủ giấu những âm mưu và thực hiện những hành động chống phá gian hiểm, những tác động từ mặt trái của nền kinh tế thị trường,... sẽ trở thành vô hiệu hóa khi mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng luôn luôn trau dồi đạo đức cách mạng, nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, kiên trung với lý tưởng cách mạng, sống, chiến đấu và lao động một lòng vì dân, vì nước.

1. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.42, tr.311.

Bài học về nâng cao đạo đức cách mạng, những phân tích về hệ lụy khôn lường của chủ nghĩa cá nhân, hệ thống biện pháp đề ra nhằm sửa chữa sai lầm hướng tới nâng cao đạo đức cách mạng của người cách mạng chứa đựng trong tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* có giá trị thực tiễn sinh động, sâu sắc, cảnh giác đối với tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa cá nhân, về phương hướng trong quá trình tu dưỡng đạo đức cách mạng, rèn luyện bản thân và phấn đấu vì sự nghiệp cách mạng đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Anh/chị hãy trình bày hoàn cảnh ra đời tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* của Hồ Chí Minh?

2. Có nhận định cho rằng: “*Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*” là tác phẩm góp phần hoàn chỉnh tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng”. Anh/chị hãy trình bày quan điểm của mình về nhận định trên?

3. Trong tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, Hồ Chí Minh nhắc tới câu nói “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”.

a) Anh/chị hãy cho biết, Hồ Chí Minh nhắc tới câu nói đó với dụng ý gì?

b) Theo anh/chị, tổ chức đảng và mỗi đảng viên, cán bộ của Đảng phải có những phẩm chất gì để dân tin, dân phục, dân theo?

4. Anh/chị hãy chứng minh tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* là tác phẩm bút chiến của Hồ Chí Minh đối với *chủ nghĩa cá nhân*?

5. Anh/chị hãy cho biết ý nghĩa của những biện pháp nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên được Hồ Chí Minh chỉ ra trong tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*?

6. Theo anh/chị, luận điểm “quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng” trong nội dung tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* đã nói lên điều gì trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đấu tranh loại bỏ chủ nghĩa cá nhân?

7. Tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* có ý nghĩa như thế nào trong công cuộc xây dựng và chỉnh đốn Đảng ta hiện nay?

8. Anh/chị hãy trình bày giá trị lý luận và thực tiễn của tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* trong việc nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên của Đảng ta hiện nay?

9. Với tư cách là người học tập, nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, anh/chị nhận thức như thế nào về trách nhiệm của bản thân trong việc đưa tư tưởng của tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân* vào thực tiễn cuộc sống?

DI CHỨC

A. MỤC TIÊU

Theo cách tiếp cận mới về mục tiêu dạy học dựa trên định hướng năng lực và phẩm chất người học, dạy học tác phẩm *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh góp phần hướng tới các mục tiêu cụ thể như sau:

- *Về phẩm chất*: Việc học tập, nghiên cứu tác phẩm *Di chúc* là cơ sở góp phần xây dựng và củng cố cho người học ý thức tôn kính và biết ơn sâu sắc đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, có ý thức nâng cao lòng tự hào về Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Tổ quốc Việt Nam, tự nguyện “Sống, chiến đấu, học tập và lao động theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, tự giác về ý thức và trách nhiệm tu dưỡng, rèn luyện và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ của bản thân, đóng góp thiết thực, hiệu quả đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước theo con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

- *Về năng lực*: Thông qua việc học tập, nghiên cứu tác phẩm *Di chúc* của Hồ Chí Minh, những năng lực sẽ được hình thành ở người học, đó là: năng lực giải quyết vấn đề (hiểu được hoàn cảnh lịch sử ra đời, phân tích được nội dung cốt lõi và hiểu được giá trị của tác phẩm); năng lực

tự học và sáng tạo; năng lực làm việc nhóm; năng lực tư duy phản biện (thông qua việc nhận thiết kế và tổ chức các hoạt động tìm hiểu về tác phẩm dưới định hướng của giảng viên bộ môn); năng lực vận dụng thực tiễn,...

B. NỘI DUNG

I- HOÀN CẢNH RA ĐỜI VÀ BỐ CỤC CỦA TÁC PHẨM

1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

a) Tình hình thế giới trong những năm 1965 - 1969

Trong những năm 1965 - 1969, với tiềm lực về kinh tế và quân sự to lớn, đế quốc Mỹ đã tiếp tục triển khai chiến lược toàn cầu với tham vọng bá chủ thế giới, nhằm thực hiện mục tiêu chủ yếu: ngăn chặn, đẩy lùi và tiến tới xóa bỏ hoàn toàn chủ nghĩa xã hội trên thế giới; đàn áp phong trào giải phóng dân tộc, phong trào công nhân và cộng sản quốc tế, phong trào chống chiến tranh, vì hòa bình, dân chủ trên thế giới; khống chế các nước tư bản, đồng minh của Mỹ. Mỹ trực tiếp gây ra hoặc tiếp tay cho nhiều cuộc chiến tranh và bạo loạn, lật đổ ở nhiều nơi trên thế giới, tiêu biểu là việc tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai, đứng đầu là Mỹ, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trong những năm 1965 - 1969 tiếp diễn một cách gay go. Tình hình thế giới có nhiều thuận lợi cho phong trào cách mạng của nhân dân Việt Nam.

Trong khối các nước xã hội chủ nghĩa, Liên Xô là một thành trì vững chắc, Đảng và Nhà nước Xôviết thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình và tích cực ủng hộ phong trào cách mạng thế giới, đấu tranh cho hòa bình, an ninh, kiên quyết chống chính sách gây chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, đồng thời giúp đỡ tích cực các nước xã hội chủ nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước. Cùng với Liên Xô, Trung Quốc ủng hộ cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân Việt Nam cũng như cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ Latinh. Phong trào đấu tranh chống Mỹ và chế độ độc tài thân Mỹ tại các nước Mỹ Latinh ngày càng phát triển và thu nhiều thắng lợi lớn.

Trong số các nước tư bản chủ nghĩa là đồng minh của Mỹ, có những nước đã có những quan điểm bất đồng với Mỹ. Trong những năm 60 của thế kỷ XX, ở Pháp, chính quyền của Tổng thống ĐờGôn đã phản đối việc trang bị vũ khí hạt nhân cho Cộng hòa Liên bang Đức, phản đối Mỹ xâm lược Việt Nam, chú ý phát triển quan hệ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác; các nước: Thụy Điển, Phần Lan,... cũng phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

Trong khi đó, đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ngày càng cô lập trên trường quốc tế. Năm 1967, theo sáng kiến của nhà bác học người Anh là Bécơrăng Rútxen, Tòa án Quốc tế xét xử tội ác chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam và

Đông Dương được thành lập, tội ác chiến tranh của Mỹ bị vạch trần.

b) Tình hình trong nước những năm 1965 - 1969

Tác phẩm *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh được viết trong thời gian từ năm 1965 đến năm 1969, đó là thời điểm cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam diễn ra cam go, quyết liệt.

Từ khi bắt đầu tham chiến ở Việt Nam, âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ là tiêu diệt bằng được phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam, thôn tính và chia cắt lâu dài đất nước Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ, lập phòng tuyến ngăn chặn chủ nghĩa xã hội lan xuống Đông Nam Á, hòng dè bẹp và đẩy lùi chủ nghĩa xã hội ở vùng này, bao vây và uy hiếp các nước xã hội chủ nghĩa khác. Từ Giôn-xơn đến Ních-xơn là những tổng thống Mỹ đã kế tiếp nhau theo đuổi âm mưu ấy bằng con đường chiến tranh phi nghĩa, ngoan cố bám lấy chính sách thực dân mới.

Năm 1965, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ phát triển lên một bước mới. Sau thất bại trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ đẩy mạnh chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam, chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Nhận định về hành động của đế quốc Mỹ, *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng*

ngày 27/12/1965 khẳng định: “Rõ ràng, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở miền Nam nước ta, về tính chất và mục đích chính trị vẫn là chiến tranh xâm lược nhằm thực hiện chủ nghĩa thực dân kiểu mới, song cuộc chiến tranh đó từ chỗ dựa vào lực lượng ngụy quân, ngụy quyền là chủ yếu đã phát triển thành một cuộc chiến tranh dựa vào hai lực lượng chiến lược là quân đội viễn chinh Mỹ và ngụy quân, ngụy quyền; từ chỗ trước kia đế quốc Mỹ hạn chế cuộc chiến tranh trong phạm vi miền Nam, ngày nay chúng vừa tập trung lực lượng chủ yếu trên chiến trường miền Nam, vừa mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân đối với miền Bắc nước ta, tạo ra tình hình cả nước có chiến tranh với Mỹ, với mức độ khác nhau”¹. Trong tình hình chính quyền Giôn-xơn tiến hành “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và gây chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã động viên quân đội và nhân dân cả nước giữ vững chiến lược tiến công, nêu cao ý chí tự lực tự cường, phát huy sức mạnh của mình, ra sức tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, kiên quyết đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới thống nhất đất nước.

Mùa Xuân năm 1968, giữa lúc cuộc chiến tranh của đế quốc Mỹ leo thang đến đỉnh cao nhất, Hội nghị lần thứ 14

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.26, tr.625.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương mở cuộc *Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân* nhằm giáng một đòn quyết liệt vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Thắng lợi rất oanh liệt của đòn tiến công và nổi dậy táo bạo, bất ngờ đó đã đảo lộn thế chiến lược của địch, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào đàm phán với ta tại Hội nghị Pari.

Với bản chất cực kỳ ngoan cố và tàn bạo, đế quốc Mỹ không cam chịu thất bại, đầu năm 1969, Níchxơn vừa lên nắm chính quyền đã đề ra chiến lược toàn cầu “Ngăn đe thực tế” (thay cho chiến lược “Phản ứng linh hoạt” của Kennơđi) và tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương với chiến lược “Đông Dương hóa chiến tranh”. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hỏa lực, không quân, hậu cần của Mỹ, vẫn do Mỹ chỉ huy bằng lực lượng cố vấn. Với chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, quân Mỹ và quân đồng minh rút dần khỏi chiến tranh để giảm xương máu của người Mỹ trên chiến trường, đồng thời là quá trình tăng cường lực lượng của quân đội Sài Gòn nhằm tận dụng xương máu người Việt Nam. Thực chất đó là sự tiếp tục thực hiện âm mưu “Dùng người Việt, đánh người Việt” của Mỹ.

Tình hình ấy đòi hỏi nhân dân ta ở miền Bắc cũng như ở miền Nam, phải có những cố gắng rất lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất đất nước.

Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước ấy, từ 9 giờ sáng, ngày 10/5/1965 đến ngày 10/5/1969 đó là khoảng thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo bản Di chúc.

Năm 1965, trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh viết về tình hình sức khỏe của bản thân: “Năm nay, tôi đã 75 tuổi. Tinh thần vẫn sáng suốt, thân thể vẫn mạnh khỏe. Tuy vậy, tôi cũng đã là lớp người “xưa nay hiếm”¹. Năm 1968, trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh viết: “Năm nay, tôi vừa 78 tuổi, vào lớp những người “trung thọ”. Tinh thần vẫn sáng suốt tuy sức khỏe có kém so với vài năm trước đây. Người ta đến khi tuổi tác càng cao thì sức khỏe càng thấp. Đó là một điều bình thường. Nhưng không ai đoán biết được tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy tháng, mấy năm nữa? Vì vậy, tôi viết sẵn và để lại mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước và đồng chí trong Đảng khỏi cảm thấy đột ngột”². Đến năm 1969, trong lần sửa và bổ sung cuối cùng vào bản *Di chúc*, với một trang viết tay, Hồ Chí Minh viết: “Năm nay, tôi vừa 79 tuổi, đã là hạng người “xưa nay hiếm” nhưng tinh thần, đầu óc vẫn rất sáng suốt, tuy sức khỏe có kém so với vài

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.30, tr.257, 261.

năm trước đây. Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ. Nhưng ai mà đoán biết tôi còn phục vụ cách mạng, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân được bao lâu nữa? Vì vậy tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác, thì đồng bào cả nước, đồng chí trong Đảng và bầu bạn khắp nơi đều khỏi cảm thấy đột ngột”¹.

Trên cơ sở thấu hiểu được quy luật của đời người, khi nhận thấy tuổi mình đã cao và sức khỏe kém dần đồng nghĩa với đó là sự ít dần quỹ thời gian sống, Hồ Chí Minh đã lặng lẽ một mình công phu và tỉ mỉ viết nên tài liệu “Tuyệt đối bí mật” để lại những căn dặn có giá trị định hướng cho Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng, xây dựng và đổi mới, phát triển đất nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, dân chủ, giàu mạnh, văn minh và gửi lời chào thân ái vĩnh biệt tới đồng chí, đồng bào và bầu bạn thế giới. Đó là *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Bố cục của tác phẩm

a) Về quá trình soạn thảo Di chúc của Hồ Chí Minh

Thông báo của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng số 151-TB/TW, ngày 19/8/1989 về một số vấn

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.30, tr.266.

đề liên quan đến *Di chúc* và ngày qua đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Năm 1965, Bác viết bản *Di chúc* gồm 3 trang, do chính Bác đánh máy, ở cuối đề ngày 15/5/1965. Đây là bản *Di chúc* hoàn chỉnh, có chữ ký của Bác và bên cạnh có chữ ký của đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Năm 1968, Bác viết bổ sung thêm một số đoạn, gồm sáu trang viết tay; trong đó, Bác viết lại đoạn mở đầu và đoạn nói “về việc riêng” đã viết trong bản năm 1965 và viết thêm một số đoạn. Đó là những đoạn nói về những công việc cần làm sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi, như: Chính đốn lại Đảng, chăm sóc đời sống của các tầng lớp nhân dân, miễn thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp, xây dựng lại thành phố và làng mạc, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng, chuẩn bị thống nhất đất nước.

“Ngày 10/5/1969, Bác viết lại toàn bộ đoạn mở đầu *Di chúc*, gồm một trang viết tay.

Các năm 1966, 1967 Bác không có những bản viết riêng”¹.

Di chúc của Hồ Chí Minh lần đầu tiên được công bố trong Lễ tang Hồ Chí Minh được tổ chức vào tháng 9/1969, gồm 4 trang in khổ 14,5 x 22 cm. Ngày 19/8/1989,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd*, t.49, tr.705.

Bộ Chính trị ra Thông báo số 151-TB/TW về một số vấn đề liên quan đến *Di chúc* và ngày qua đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *Di chúc* công bố chính thức năm 1969 đảm bảo trung thành với bản gốc của Người. Nội dung chủ yếu dựa theo bản Bác viết năm 1965, trong đó đoạn mở đầu là của bản viết năm 1969, đoạn về việc riêng là của bản viết năm 1968. Lúc đầu, vì những lý do nhất định, nên một số vấn đề trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh chưa được công bố, như: Việc căn dặn của Hồ Chí Minh về hỏa táng thi hài; việc cần làm sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi; miễn giảm thuế nông nghiệp một năm cho các hợp tác xã nông nghiệp,... Năm 1990, trong dịp kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) đã quyết định công bố toàn bộ các bản viết *Di chúc* của Hồ Chí Minh.

b) Bối cảnh tác phẩm

Thứ nhất, Di chúc đề cập tới những đối tượng và công việc cụ thể liên quan trực tiếp tới sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và sự nghiệp xây dựng đất nước sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hoàn toàn thắng lợi. Nội dung này được thể hiện qua các phần: về Đảng; về đoàn viên và thanh niên, nói về nhân dân lao động; về dự báo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có thể kéo dài nhưng nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi; về phong trào cộng sản thế giới.

Thứ hai, Di chúc đề cập tới một số việc riêng và mong muốn cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước lúc qua đời.

II- NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TÁC PHẨM

1. Di chúc của Hồ Chí Minh là công trình lý luận về công tác xây dựng và củng cố Đảng

Từ tác phẩm *Đường cách mệnh* năm 1927 cho tới bản *Di chúc* để lại cho toàn Đảng, toàn dân, Hồ Chí Minh luôn đặt vấn đề xây dựng, củng cố và chỉnh đốn Đảng cầm quyền trở thành nội dung quan trọng trong suốt quá trình sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng. Đảng là vấn đề đầu tiên được Hồ Chí Minh đề cập trong bản *Di chúc* và để lại cho Đảng ta, cho nhân dân ta những cơ sở quan trọng trong công tác xây dựng và củng cố Đảng.

Trước hết, “Đảng ta là một đảng cầm quyền” đó là khẳng định của Hồ Chí Minh trong *Di chúc*, luận điểm đó là sự xác định vị trí, vai trò hạt nhân chính trị của Đảng trong hệ thống chính trị: Đảng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Để thực sự là một đảng cầm quyền, Đảng phải thực sự là đạo đức, là văn minh, Đảng phải có được trong mình những đảng viên thấm nhuần đạo đức cách mạng, một lòng vì Tổ quốc, vì nhân dân. Đó là một cơ sở tạo nên sức mạnh để Đảng thực hiện vai trò tổ chức và lãnh đạo nhân dân tiến hành và giành được những thắng

lợi trước mỗi yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra trong tiến trình lịch sử cách mạng của dân tộc.

Thứ hai, “Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta”¹, đó là cơ sở tạo nên sức mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam, là yếu tố then chốt quyết định sự sống còn của Đảng.

Trải qua những năm tháng đấu tranh oanh liệt vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân, đứng trước những thử thách khó khăn của lịch sử, nhờ có đoàn kết chặt chẽ giữa các đảng viên trong tổ chức đảng, Đảng đã không ngừng lớn mạnh và trưởng thành, đã không ngừng tổ chức và lãnh đạo toàn dân tiến hành những cuộc đấu tranh làm nên những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử trọng đại: Cách mạng Tháng Tám lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945, thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc vừa chiến đấu chống đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam. Đó là minh chứng sinh động về vai trò của sự đoàn kết trong việc tạo nên sức mạnh thời đại Hồ Chí Minh.

Ngày nay, đất nước ta đang tiến hành đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện xây dựng và vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường và mở rộng quan hệ đối với hầu khắp các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới,...

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611.

Thời kỳ mới mở ra cho đất nước nhiều cơ hội phát triển, song nhiều thách thức mới tiếp tục đặt ra, đó là những âm mưu chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta của các thế lực thù địch được thực hiện dưới những cách thức tinh vi, thâm độc, nhất là với “diễn biến hòa bình”, “tự diễn biến”, “tự chuyển biến” với những cuộc “cách mạng nhung” làm phá hoại tổ chức đảng từ bên trong mà không cần tới sức mạnh của lực lượng quân sự hùng hậu, của vũ khí tối tân hiện đại. Đứng trước thử thách mới của thời đại, để đảm bảo chắc thắng trong cuộc đấu tranh chống lại các thế lực thù địch, Đảng phải đảm bảo sự đoàn kết chặt chẽ và thống nhất trong tổ chức của mình. Đó là bài học được cô đọng lại trong suốt tiến trình hoạt động đấu tranh cách mạng của Đảng được Hồ Chí Minh tổng kết và căn dặn trong bản *Di chúc* gửi lại cho đồng chí, đồng bào.

Thứ ba, để giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, Đảng phải tự mình đổi mới, chấn chỉnh; đồng thời mỗi đảng viên và cán bộ của Đảng phải có ý thức tự giác giáo dục và rèn luyện bản thân.

Sức mạnh của Đảng được bắt nguồn bởi đoàn kết, nhờ đoàn kết chặt chẽ trong Đảng mà tạo nên sự thống nhất trong Đảng, từ thống nhất về tư tưởng dẫn tới sự thống nhất trong hành động. Đó là con đường đảm bảo chắc chắn trong việc xây dựng và củng cố Đảng vững mạnh.

Tạo dựng và giữ gìn đoàn kết trong Đảng là việc hệ trọng của công tác xây dựng và củng cố Đảng, muốn làm

tốt công việc này, trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn một số biện pháp. Trước hết, bản thân Đảng phải đảm bảo: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh *tự phê bình và phê bình* là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí thương yêu lẫn nhau”¹. Thực hành dân chủ rộng rãi nhằm phát huy trí tuệ và sức mạnh của tập thể, của mỗi đảng viên và cán bộ trong Đảng kết hợp với việc Đảng thường xuyên, nghiêm túc tự phê bình và phê bình để Đảng tự nhìn nhận lại mình nhằm phát huy ưu điểm, rút kinh nghiệm và sửa chữa khuyết điểm của mình. Đó là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là vấn đề có tính chiến lược trong tổ chức và hoạt động của Đảng, là bài học mang tính định hướng và có giá trị trong suốt tiến trình đảng cầm quyền.

Để giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng, *Di chúc* của Hồ Chí Minh nhấn mạnh từng đảng viên và cán bộ của Đảng phải có trách nhiệm tự giác tu dưỡng và rèn luyện bản thân, học tập và “phải thấm nhuần đạo đức cách mạng”, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, đối với bản thân, đối với đồng chí và đối với công việc phải thực sự cần, kiệm, liêm, chính và chí công vô tư. Bản thân mỗi đảng viên của Đảng là đại diện của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611.

Đảng trước quần chúng nhân dân, do đó, từng đảng viên phải có trách nhiệm giữ gìn Đảng thật trong sạch. Đó là điều kiện đảm bảo đoàn kết trong đảng vững bền.

Chinh đồn Đảng là nhiệm vụ chiến lược, là công việc thường xuyên để giữ vững vai trò cầm quyền của Đảng. Đó là một quá trình không ngừng nghỉ, đòi hỏi ở Đảng và mỗi đảng viên sự kiên trì với mục tiêu lý tưởng và bản chất cách mạng chân chính, kiên quyết đấu tranh và giành thắng lợi trước mọi thế lực thù địch. Với lời căn dặn cuối cùng đối với các đồng chí của mình trong bản *Di chúc*: “Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần *đạo đức cách mạng*, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”¹. Hồ Chí Minh đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta di sản tư tưởng có giá trị định hướng quan trọng về chiến lược xây dựng và củng cố Đảng để Đảng mãi xứng đáng và vững vàng với tư cách đảng cầm quyền.

Thứ tư, Di chúc của Hồ Chí Minh để lại tư tưởng chiến lược về chăm lo và phát triển lực lượng cho sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Chăm lo và bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là yêu cầu khách quan, vừa cấp bách, vừa lâu dài của sự nghiệp cách mạng. Trong suốt chiều dài của lịch sử đấu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.611-612.

tranh cách mạng, thế hệ đoàn viên và thanh niên Việt Nam đã nối tiếp nhau góp phần quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ghi nhận những cống hiến ấy, trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “*Đoàn viên và thanh niên* ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ”¹. Những đoàn viên và thanh niên ấy chính là thế hệ tương lai nối tiếp sự nghiệp cách mạng của thế hệ cha anh đi trước. Do đó, việc chăm lo và bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một trọng tâm, là một bộ phận quan trọng trong chiến lược cách mạng của Đảng.

Với tư cách là một đảng cầm quyền, Đảng ta phải có trách nhiệm vừa bồi dưỡng và phát triển lực lượng cách mạng hiện tại, vừa chú trọng chăm lo giáo dục và đào tạo nên thế hệ cách mạng cho đời sau. Đó là yếu tố then chốt đảm bảo sự nghiệp cách mạng phát triển vững bền. Để chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, Đảng phải tìm được biện pháp đúng đắn, phù hợp, trong đó giáo dục đạo đức cách mạng, bồi dưỡng lý tưởng cộng sản, phát triển con người toàn diện về đạo đức và tài năng kế thừa sự nghiệp cách mạng của Đảng trở thành yêu cầu được Hồ Chí Minh nêu lên trong lời căn dặn đối với toàn Đảng: “Đảng cần phải chăm lo giáo dục *đạo đức cách mạng* cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa “*hồng*” vừa “*chuyên*””².

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.612.

“Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”¹ là lời căn dặn đồng thời là sự định hướng mở đường của Hồ Chí Minh trong chiến lược “trồng người” đối với Đảng ta.

Thứ năm, Di chúc của Hồ Chí Minh là sự chỉ dẫn tiên phong trong hoạt động đối ngoại của Đảng.

Là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh sớm có chiến lược về quan hệ đối ngoại của Đảng. Từ thực tiễn sinh động của quá trình hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh ý thức sâu sắc cách mạng Việt Nam không thể tách rời cách mạng thế giới, đó là mối quan hệ biện chứng giữa cái bộ phận và cái tổng thể trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Trong bước đường vận động cách mạng, định hướng chiến lược và tiến hành các hoạt động cách mạng của mình, Đảng ta không thể đặt ngoài những diễn biến của tình hình cách mạng thế giới, không có mối liên hệ với các đảng anh em. Chính sự đoàn kết giữa Đảng ta với các đảng cộng sản anh em và bầu bạn quốc tế là yếu tố cần thiết để củng cố sự vững mạnh của Đảng ta, là cơ hội và điều kiện quan trọng nâng cao uy tín và vị thế của dân tộc ta trên trường quốc tế. Đó là cơ sở để khi chấp bút viết lời căn dặn cho Đảng, Hồ Chí Minh xác định trách nhiệm của Đảng ta với tư cách là một thành viên trong

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

phong trào cộng sản và công nhân quốc tế: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”¹. Trong quan hệ đối ngoại đó, nguyên tắc phải được chú trọng là đoàn kết quốc tế trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình. Đó là chỉ dẫn quan trọng của Hồ Chí Minh cho Đảng ta trong việc đặt quan hệ và phát triển quan hệ đối ngoại quốc tế.

Trải qua những bước thăng trầm của lịch sử thế giới nói chung, lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nói riêng, nhất là sau sự kiện tan rã của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết và sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu, bằng sự nhất quán kiên định lập trường chủ nghĩa xã hội, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng, Đảng ta đã tiếp tục giữ vững vai trò là đảng cầm quyền, là lực lượng tổ chức và lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập sâu rộng với hầu khắp các quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực và trên thế giới.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.613.

2. *Di chúc* là tiếng lòng vì dân, là bài học sâu sắc về chăm lo đời sống nhân dân để lại cho Đảng của Hồ Chí Minh

Là lãnh tụ của dân tộc, là người sáng lập và rèn luyện Đảng, Hồ Chí Minh thấu hiểu sâu sắc nỗi cực khổ của nhân dân trong những năm tháng dưới ách áp bức của phong kiến, thực dân và những tháng ngày tiến hành kháng chiến chống ngoại xâm, trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh viết: “Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh”¹. Thấu hiểu nhân dân, Hồ Chí Minh luôn kịp thời phát hiện và nhận thức đúng đắn về lòng dân: “nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”². Nhờ có nhân dân tin tưởng, trung thành và gắn bó máu thịt với Đảng, Đảng đã làm tròn những trọng trách trước nhân dân trong những chặng đường hiểm nguy đầy thử thách của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Bởi vậy, với tư cách là đảng cầm quyền, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, “Đảng cần phải có *kế hoạch* thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

ngừng *nâng cao đời sống của nhân dân*"¹. Đó là lời căn dặn của Hồ Chí Minh đối với Đảng trong bản *Di chúc*, là sự trăng trối cuối cùng với tư cách của người chiến sĩ cách mạng đã sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng.

Lời căn dặn của Hồ Chí Minh đối với Đảng về trách nhiệm với nhân dân đã phản ánh tư tưởng gần dân, yêu thương nhân dân, trách nhiệm với nhân dân của Hồ Chí Minh; không những thế, đó còn là bài học sâu sắc về chăm lo đời sống của nhân dân. Qua tư tưởng Hồ Chí Minh đối với nhân dân lao động trong *Di chúc*, mỗi đảng viên và cán bộ thêm hiểu hơn về vai trò và sức mạnh của quần chúng nhân dân. Quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo chân chính ra lịch sử, đó là lực lượng sản xuất cơ bản của xã hội, trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất, là cơ sở của tồn tại và phát triển xã hội; đồng thời, quần chúng nhân dân là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội. Lịch sử dân tộc ta qua hàng nghìn năm, nhất là kể từ ngày Đảng ta ra đời đã minh chứng không có cuộc chuyển biến cách mạng nào mà không là hoạt động đông đảo của quần chúng nhân dân. Đảng muốn tiến hành đấu tranh chống ngoại xâm để giành độc lập dân tộc, Đảng muốn thực hiện lý tưởng xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa,... Đảng sẽ không thể làm nổi nếu không thông qua hành động cách mạng, hoạt động thực tiễn của quần chúng nhân dân, để biến ước mơ, lý tưởng ấy thành

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.15, tr.612.

hiện thực. Với vai trò là đảng cầm quyền, Đảng phải có trách nhiệm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân. Nhân dân đã một lòng tin theo và trung thành với Đảng, góp sức vào công cuộc cách mạng do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, nhằm mưu cầu tự do, hướng tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

3. Di chúc của Hồ Chí Minh nâng cao tinh thần chiến đấu và củng cố niềm tin chiến thắng cho nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Trong những năm 1965 - 1969, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam bước vào giai đoạn mới, với mức độ khốc liệt và tàn bạo hơn rất nhiều khi đế quốc Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh mới “Chiến tranh cục bộ” tiếp đó là chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam, và đẩy mạnh hoạt động chống phá nhân dân ta ở miền Bắc. Đó cũng là thời điểm Hồ Chí Minh soạn thảo những trang viết trong bản *Di chúc* gửi lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân.

Với nhãn quan thao lược của nhà quân sự, Hồ Chí Minh nhận thấy cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta “có thể sẽ kéo dài mấy năm nữa”¹. Thời gian cuộc chiến có thể kéo dài tất yếu sẽ khiến cho “đồng bào có thể phải hy sinh nhiều của nhiều người”². Song, nhân dân Việt Nam không còn con đường nào khác là phải tiếp tục

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược để giành lại quyền độc lập cho đất nước, tự do và hạnh phúc cho chính mình. Trong tâm điểm của cuộc kháng chiến, *Di chúc* của Hồ Chí Minh tỏ rõ tinh thần quyết chiến và quyết thắng trong cuộc kháng chiến đầy cam go, thử thách ấy: “Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn”¹. Điều đó phản ánh một cách khách quan tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của quảng đại quần chúng nhân dân Việt Nam, làm thổi bùng ngọn lửa căm thù và khích lệ tinh thần quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân.

Tiến hành cuộc kháng chiến gian nan, đầy hy sinh và mất mát, song với tính chính nghĩa của cuộc chiến, với tinh thần đoàn kết và ý chí nỗ lực thắng thù, nhân dân Việt Nam tất yếu sẽ giành được thắng lợi. *Di chúc* của Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”². Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống giặc Mỹ xâm lược, chẳng những nhân dân Việt Nam thực hiện được mong muốn chính đáng của mình là giành được độc lập dân tộc và tự do, hạnh phúc cho nhân dân, mà còn

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

mang lại vinh dự lớn lao đối với nhân dân Việt Nam đầu là một nước nhỏ nhưng đã anh dũng đánh thắng đế quốc to, và góp phần quan trọng vào phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Trên cơ sở nắm bắt xu thế vận động của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nêu cao tinh thần yêu nước và chỉ ra tính tất yếu thắng lợi của cuộc chiến, *Di chúc* của Hồ Chí Minh trở thành mệnh lệnh ra trận, là hồi trống thúc quân, là tiếng lòng thôi thúc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta xốc tới chiến trường quyết chiến và quyết thắng giặc ngoại xâm vì một đất nước Việt Nam độc lập, vì cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

4. *Di chúc* thể hiện tinh thần trách nhiệm của người chiến sĩ cộng sản quốc tế Hồ Chí Minh đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế

Trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, ngay từ khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, tin tưởng và đi theo lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, Hồ Chí Minh với tư cách người chiến sĩ cộng sản đã tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, ủng hộ và tham gia Quốc tế thứ ba, sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng với Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức và lãnh đạo nhân dân Việt Nam tiến hành những cuộc đấu tranh cách mạng chống lại chủ nghĩa thực dân cũ là Pháp, chủ nghĩa thực dân mới là đế quốc Mỹ làm nức lòng và khích lệ tinh

thần nhân dân các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa tại châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh vùng lên tự giải phóng dân tộc mình.

Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế lớn mạnh là mong muốn, là niềm tin, niềm hạnh phúc, niềm tự hào của Hồ Chí Minh. Song, những sự bất hòa nảy sinh trong quan hệ giữa các đảng cộng sản anh em trong phe xã hội chủ nghĩa thực sự là điều đáng tiếc và gây tổn hại chung đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Với tư cách là một chiến sĩ cộng sản, Hồ Chí Minh không khỏi buồn lòng trước thực trạng này. Trong *Di chúc* để lại cho toàn Đảng và toàn thể nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh đã bày tỏ tâm sự: “Là một người suốt đời phục vụ cách mạng, tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bao nhiêu, thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hòa hiện nay giữa các đảng anh em!”¹.

Trước thực trạng bất hòa giữa các đảng cộng sản, trong tư cách của người chiến sĩ cách mạng mácxít, người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh đã thực hiện trách nhiệm của mình đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế qua cử chỉ căn dặn đối với các đồng chí trong toàn Đảng được thể hiện trong *Di chúc*: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động, góp phần đắc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.613.

các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý có tình”¹.

Qua thực tiễn hoạt động đấu tranh cách mạng, nhìn vào xu thế cách mạng thế giới trước những toan tính đầy mưu mô và thủ đoạn thâm độc mới của chủ nghĩa đế quốc hiếu chiến, Hồ Chí Minh khẳng định niềm tin tất yếu ở sự đoàn kết, hòa hợp giữa các đảng cộng sản: “Tôi tin chắc rằng các đảng anh em và các nước anh em nhất định sẽ phải đoàn kết lại”².

Trải qua hơn 60 năm hoạt động không ngừng nghỉ đấu tranh vì độc lập và tự do, hạnh phúc của đất nước và nhân dân Việt Nam, đến những tháng ngày cuối cùng của cuộc đời, Hồ Chí Minh đã có những đóng góp quan trọng và thể hiện tinh thần trách nhiệm nghiêm túc đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Tư tưởng quốc tế cộng sản của Hồ Chí Minh qua *Di chúc* đã để lại bài học sâu sắc đối với toàn Đảng trong công tác xây dựng, duy trì, phát triển quan hệ với các đảng cộng sản, phong trào công nhân quốc tế, tăng cường đa phương hóa, đa dạng hóa với các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới trong hiện tại và tương lai.

5. *Di chúc* phản ánh sự hy sinh cao thượng, hết lòng vì dân vì nước của Hồ Chí Minh

Trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn thể nhân dân ta, có một đoạn được đặt

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.613.

tên với tiêu đề “*về việc riêng*”. Đó là những tâm sự cùng lời căn dặn của Hồ Chí Minh đối với đồng bào, đồng chí trước khi qua đời. Nội dung của phần viết “*về việc riêng*” là minh chứng phản ánh sống động nhất sự hy sinh cao cả, hết lòng vì dân tộc, vì nhân dân của Hồ Chí Minh.

Trước hết, phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân là khát vọng xuyên suốt cuộc đời cách mạng của Hồ Chí Minh.

Thời điểm Hồ Chí Minh chấp bút viết nên bản *Di chúc* đó là khi Hồ Chí Minh vừa tròn 75 tuổi, nhớ tới câu thơ của nhà thơ Đỗ Phủ thời nhà Đường bên Trung Quốc: “Nhân sinh thất thập cổ lai hy” (có nghĩa: Người thọ bảy mươi, xưa nay hiếm), Hồ Chí Minh tự xếp mình vào lớp người “xưa nay hiếm” và bình thản trước quy luật của đời người “Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ”¹. Song, trong tâm khảm của mình, Hồ Chí Minh luôn canh cánh với nỗi lòng: “Ai đoán biết tôi sẽ sống và phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng mấy năm mấy tháng nữa?”². Xuất phát từ đây, nhìn lại suốt chặng đường hoạt động cách mạng với lý tưởng cứu dân, cứu nước của mình, Hồ Chí Minh bày tỏ tâm tư của mình trước đồng bào, đồng chí: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân”³. Nghĩ về sự chết của bản thân, Hồ Chí Minh trăng trối duy nhất một điều: “Nay dù phải từ biệt thế giới này,

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612, 611, 615.

tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”¹.

Trọn vẹn cuộc đời của Hồ Chí Minh từ những ngày đầu tiên rời Bến cảng Nhà Rồng tìm đường cứu nước cho tới những tháng ngày cuối cùng của cuộc đời, từ vị trí lãnh tụ sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam đến vị trí Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, từ *Bản án chế độ thực dân Pháp* (viết bằng tiếng Pháp trong những năm 1921 - 1925) đến *Đường cách mạng* (năm 1927), *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng* (năm 1930), *Tuyên ngôn độc lập* (năm 1945), *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (ngày 19/12/1946), đến bản *Di chúc* để lại cho toàn Đảng, toàn dân. Đó là cả chặng đường hoạt động và đấu tranh lâu dài, kiên trì, bền bỉ với những khó khăn và gian khổ, hy sinh và mất mát mà Hồ Chí Minh đã kinh qua, tất cả đều tựu trung vì mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì một nước Việt Nam độc lập, vì cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của toàn thể nhân dân Việt Nam. Bày tỏ tâm sự cuối cùng trước khi qua đời, Hồ Chí Minh đau đáu một nỗi niềm tiếc nuối rằng không được phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân được lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa. Khát vọng được phụng sự Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân là nhu cầu tự thân, là động lực thôi thúc, là niềm hạnh phúc trong cuộc đời của Hồ Chí Minh.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.615.

Thứ hai, nguyện vọng về công việc hậu sự thể hiện trong Di chúc là nguyện vọng thấm đượm nỗi lòng vì dân, thương yêu nhân dân của Hồ Chí Minh.

Từ năm 1965 đến năm 1969, là khoảng thời gian Hồ Chí Minh dành thì giờ và công sức viết *Di chúc* gửi lại cho toàn Đảng và cho toàn thể nhân dân. Trên cơ sở nắm bắt quy luật của cuộc đời con người với chu trình sinh - lão - bệnh - tử, Hồ Chí Minh đã suy tư, sắp đặt và căn dặn đối với đồng bào, đồng chí về dự định sẽ làm trong hậu sự của mình:

Về công tác tổ chức lễ tang, Hồ Chí Minh bày tỏ nguyện vọng: “Sau khi tôi đã qua đời, chớ nên tổ chức điều phúng linh đình, để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân”¹.

Về hình thức mai táng thi hài, Hồ Chí Minh đề nghị với toàn Đảng và toàn thể nhân dân: “Tôi yêu cầu thi hài tôi được đốt đi, tức là “hỏa táng”. Tôi mong rằng cách “hỏa táng” sau này sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất ruộng. Khi ta có nhiều điện, thì “điện táng” càng tốt hơn”².

Về cách thức tổ chức mai táng, Hồ Chí Minh đề xuất: “Tro thì chia làm 3 phần, bỏ vào 3 cái hộp sành. Một hộp cho miền Bắc. Một hộp cho miền Trung. Một hộp cho miền Nam. Đồng bào mỗi miền nên chọn 1 quả đồi mà chôn hộp tro đó”³.

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.615.

Nguyện vọng về công việc hậu sự của Hồ Chí Minh bày tỏ trong *Di chúc* đều tựu trung ở sự tương đồng về xuất phát điểm, đó là “Nhân dân”: Hồ Chí Minh mong muốn lễ tang của mình chớ tổ chức điệu phúng linh đình để tránh mất thì giờ và tiền bạc của nhân dân và đưa ra đề nghị “hỏa táng” thi hài của mình để đỡ tốn đất ruộng của nông dân. Nhân dân thực sự là nơi hướng tới, là cơ sở để Hồ Chí Minh đưa ra quyết định riêng cuối cùng của cuộc đời mình và gửi gắm nơi đồng bào, đồng chí thực hiện giúp. Với nguyện vọng thi hài của mình được hỏa táng, sau đó tro cốt được chia cho cả ba miền Bắc - Trung - Nam, Hồ Chí Minh thực sự đã quyện hòa vào nhân dân, sống gửi thác về nơi nhân dân, dành trọn vẹn tình cảm của mình với nhân dân trên mọi miền đất nước. Tinh thần vì dân, thương yêu và gắn bó với nhân dân trong *Di chúc* là vấn đề then chốt tạo nên sức hấp dẫn của Hồ Chí Minh với đồng chí, đồng bào, là bài học giáo dục sâu sắc cho toàn Đảng, toàn quân và toàn thể nhân dân về một khát vọng sống vì nhân dân mà phục vụ.

6. *Di chúc* của Hồ Chí Minh là sự chỉ dẫn quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Thứ nhất, Di chúc của Hồ Chí Minh là một kế hoạch, một chương trình hành động của toàn Đảng, toàn dân về sự nghiệp xây dựng đất nước sau chiến tranh.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam tiến hành là một cuộc cách mạng có tiến trình liên tục, tiếp sau giai đoạn giai cấp công nhân trở thành giai cấp

thống trị, nhân dân Việt Nam giành lấy quyền dân chủ là giai đoạn giai cấp công nhân nắm chính quyền, sử dụng chính quyền đó dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để tập hợp các tầng lớp nhân dân lao động thực hiện cải tạo xã hội cũ, tổ chức xây dựng xã hội mới về mọi mặt từ kinh tế, chính trị đến tư tưởng, văn hóa, xã hội,...

Từ dự liệu về sự toàn thắng của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã nêu lên kế hoạch hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân về sự nghiệp xây dựng đất nước sau chiến tranh: “Ngay sau khi cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, công việc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta phải ra sức làm là mau chóng hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược dã man”¹, và để lại lời căn dặn: “Chúng ta phải có kế hoạch sẵn sàng, rõ ràng, chu đáo, để tránh khỏi bị động, thiếu sót và sai lầm”².

- *Chỉnh đốn lại Đảng ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hoàn toàn thắng lợi.*

Di chúc của Hồ Chí Minh chỉ rõ công việc trước tiên Đảng phải tiến hành là chỉnh đốn lại Đảng: “Theo ý tôi, việc cần phải làm trước tiên là *chỉnh đốn lại Đảng*”³. Trong điều kiện đất nước vừa bước ra khỏi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, hậu quả chiến tranh để lại cho nhân dân Việt Nam là rất nặng nề, đầy đau thương và mất mát,

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.616.

việc tiến hành chinh đốn lại Đảng theo quan điểm Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng là “làm cho mỗi đảng viên, mỗi đoàn viên, mỗi chi bộ đều ra sức làm tròn nhiệm vụ đảng giao phó cho mình, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân”¹. Đó là cơ sở đảm bảo cho công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng lại đất nước của nhân dân nhất định thắng lợi.

- Công việc đối với con người:

Đề ra kế hoạch xây dựng lại đất nước sau khi kết thúc chiến tranh, đối tượng hướng tới đầu tiên mà *Di chúc* đề cập là nhân dân. Những đề nghị về công việc đối con người thể hiện trong *Di chúc* hướng tới từng đối tượng cụ thể: từ các anh hùng liệt sĩ, thân nhân gia đình liệt sĩ, những chiến sĩ đã hy sinh một phần xương máu vì sự nghiệp cách mạng của nhân dân, đồng bào, nhất là nông dân, những chiến sĩ trẻ tuổi trong lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong, phụ nữ, cho tới những nạn nhân của chế độ xã hội cũ như trộm cắp, cờ bạc, buôn lậu,... Tất cả đều được Hồ Chí Minh thấu hiểu, đồng cảm, thương yêu và thấu thái vào mục đích cuối cùng là giải quyết và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân, đảm bảo tính ưu việt của Đảng Cộng sản với tư cách một đảng cầm quyền nhằm làm cho nhân dân tin tưởng, gắn bó với Đảng và Nhà nước, tạo nên sự đoàn kết toàn Đảng, toàn dân phục vụ đắc lực cho công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh và xây dựng đất nước.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.616.

- *Xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, an ninh - quốc phòng,...*

Di chúc của Hồ Chí Minh là phác thảo về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình xây dựng đất nước sau chiến tranh với những chỉ dẫn quan trọng cho toàn Đảng và toàn thể nhân dân Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực: Về kinh tế, đó là những định hướng về xây dựng lại các thành phố, làng mạc đẹp đẽ và đàng hoàng hơn so với thời kỳ trước chiến tranh, khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế; về công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân đó là định hướng chú trọng “phát triển công tác vệ sinh, y tế”¹; trong lĩnh vực giáo dục, Hồ Chí Minh nêu lên phương hướng “Sửa đổi chế độ giáo dục cho phù hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân”²;... Thực hiện xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội là đòi hỏi tất yếu đối với Việt Nam trong bối cảnh vừa kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đồng thời là cơ sở đảm bảo tăng cường sức mạnh quốc gia, giữ vững chủ quyền lãnh thổ đất nước và nâng cao đời sống của toàn thể nhân dân lao động.

Thứ hai, Di chúc xác định tính chất của quá trình xây dựng và đổi mới đất nước trong tình hình đất nước độc lập, tự chủ đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở vận dụng lý luận về cách mạng không ngừng, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin và xuất phát từ đặc điểm tình hình thực

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.617.

tế của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định con đường cách mạng Việt Nam là tiến hành giải phóng dân tộc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Do đó, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam hoàn toàn thắng lợi, việc thực hiện hàn gắn vết thương nghiêm trọng do đế quốc Mỹ gây ra trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam là công việc có ý nghĩa khởi đầu của công cuộc xây dựng đất nước trong điều kiện mới khi đất nước đã độc lập, hòa bình, thống nhất hai miền Nam - Bắc. Bản chất của quá trình này là khắc phục những hậu quả mà đế quốc Mỹ và tay sai đã để lại trên đất nước Việt Nam ở tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, an ninh - quốc phòng,... thông qua những hoạt động cải tạo quan hệ sản xuất, tổ chức lại đời sống xã hội, tiến hành giáo dục quần chúng nhân dân theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây thực sự là quá trình cải tạo xã hội cũ để xây dựng xã hội mới. Quá trình đó là một nhiệm vụ rất mới mẻ, do đó rất phức tạp, lâu dài, gian khổ. Một mặt cần phải khắc phục những tàn dư, thói quen tập tục lạc hậu đã ăn sâu trong hàng triệu quần chúng nhân dân lao động, mặt khác phải tiến hành cuộc đấu tranh chống lại những âm mưu phá hoại vừa thâm độc, vừa nham hiểm của các thế lực phản động, hiếu chiến. Trên cơ sở đó, Hồ Chí Minh đã xác định tính chất cơ bản nhất của công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng và đổi mới đất nước của nhân dân ta

là “... rất to lớn, nặng nề, và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi”¹.

Thứ ba, Di chúc là chiến lược về huy động xây dựng và phát triển lực lượng tiến hành công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước, tiếp tục sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng đất nước, tiếp tục sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn Đảng và toàn thể nhân dân Việt Nam. Để thực hiện những công việc đó, cần phát hiện những động lực và những điều kiện bảo đảm cho động lực đó thực sự trở thành sức mạnh thúc đẩy công cuộc xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là những động lực bên trong. V.I. Lênin đã khẳng định: “Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động”².

Tiếp thu tinh thần chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng lực lượng cách mạng, từ thực tiễn hơn 60 năm hoạt động tổ chức và lãnh đạo phong trào cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã để lại những căn dặn thiết thực đối với toàn Đảng, toàn dân về chiến lược huy động, xây dựng, phát triển lực lượng tiến hành công cuộc xây dựng đất nước ngay sau khi chiến tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân giành thắng lợi.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.617.

2. V.I. Lênin: *Toàn tập, Sđd*, t.38, tr.430.

Trước hết, theo Hồ Chí Minh, nhân dân là lực lượng cách mạng hùng hậu, quan trọng của sự nghiệp xây dựng đất nước. Trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh viết: “Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân”¹. Ở đây, nhân dân là lực lượng vĩ đại trong quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, song nhân dân chỉ thực sự trở thành lực lượng vĩ đại khi Đảng làm tốt được nhiệm vụ của mình là động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, Đảng phải thực sự gắn bó với nhân dân, dựa vào lực lượng của toàn dân.

Trong quảng đại quần chúng nhân dân, thanh niên và phụ nữ là hai nhóm đối tượng được Hồ Chí Minh nhấn mạnh trong căn dặn Đảng về chiến lược huy động, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng phục vụ sự nghiệp xây dựng và đổi mới đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Đối với thanh niên, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Những chiến sĩ trẻ tuổi trong lực lượng vũ trang nhân dân và thanh niên xung phong đều đã được rèn luyện trong chiến đấu và đều tỏ ra dũng cảm. Đảng và Chính phủ cần chọn một số ưu tú nhất, cho các cháu ấy đi học thêm các ngành, các nghề, để đào tạo thành những cán bộ và công nhân có kỹ thuật giỏi, tư tưởng tốt, lập trường cách mạng vững chắc. Đó là đội quân chủ lực trong công

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.15, tr.617.

cuộc xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội ở nước ta”¹. Đối với phụ nữ, Hồ Chí Minh nêu lên phương hướng cho Đảng: “Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc kể cả công việc lãnh đạo”².

Thực hiện cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là công việc đồ sộ, lớn lao phải dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân là tư tưởng có tính chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình tổ chức và lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh và trở thành chỉ dẫn quan trọng trong công tác xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng của Đảng.

Thứ tư, Di chúc là định hướng mục tiêu về một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngay từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX, khi tin theo lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng: “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính”³.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin về sự phát triển tất yếu của xã hội loài người

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.616-617, 617.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.496.

theo các hình thái kinh tế - xã hội vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế của Việt Nam.

Mục tiêu giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản mà Hồ Chí Minh đã lựa chọn cho dân tộc Việt Nam là nước nhà được độc lập, nhân dân được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, tức là sau khi giành độc lập dân tộc, nhân dân ta sẽ xây dựng một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Ý thức được rõ ràng giá trị của chủ nghĩa xã hội về mặt lý luận là quan trọng, nhưng vấn đề quan trọng hơn là tìm ra con đường để thực hiện những giá trị này. Điểm then chốt, có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng của Hồ Chí Minh là đề ra các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể xây dựng chủ nghĩa xã hội trong mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau ở Việt Nam. Ở Hồ Chí Minh, mục tiêu chung của chủ nghĩa xã hội là độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân; đó là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành.

Tiếp cận chủ nghĩa xã hội về phương diện mục tiêu thể hiện phong cách và năng lực tư duy lý luận khái quát của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh có nhiều cách đề cập mục tiêu chủ nghĩa xã hội, trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh nói một cách gián tiếp, tuy không nhắc đến thuật ngữ “*chủ nghĩa xã hội*”, nhưng xét về bản chất, đó chính là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội theo quan niệm của Hồ Chí Minh: “Toàn Đảng toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây

dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”¹.

Điều mong muốn cuối cùng của Hồ Chí Minh trong *Di chúc* gửi lại cho toàn Đảng, toàn dân Việt Nam vừa là khát vọng của Hồ Chí Minh, vừa có ý nghĩa là sự định hướng mục tiêu trong bước đường xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

III- GIÁ TRỊ CỦA TÁC PHẨM

1. Giá trị lý luận

Là tác phẩm được viết nên với danh nghĩa là một bản “*Di chúc*” gửi lại cho toàn Đảng, toàn dân của Hồ Chí Minh, trước hết *Di chúc* là sự tự tổng kết đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh kể từ ngày dấn thân cho sự nghiệp cách mạng vì mục tiêu lý tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người cho tới những tháng ngày cuối cùng của cuộc đời sau hơn sáu mươi năm đầy gian nan, thử thách và hy sinh. *Di chúc* là sự kết đọng những tâm tư, tình cảm, niềm tin và trách nhiệm đối với non sông đất nước và nhân dân Việt Nam của Hồ Chí Minh. Đồng thời, *Di chúc* là văn kiện mang giá trị một công trình lý luận về xây dựng và củng cố đảng cầm quyền, chứa đựng những lý luận có ý nghĩa chỉ dẫn về

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.15, tr.614.

những bước đường tất yếu của sự nghiệp xây dựng, đổi mới và phát triển đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa phù hợp với những điều kiện thực tiễn của đất nước và con người Việt Nam. Do đó, *Di chúc* của Hồ Chí Minh trở thành di sản tư tưởng của toàn Đảng, toàn quân và toàn thể nhân dân Việt Nam, góp phần làm phong phú lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

2. Giá trị thực tiễn

Ra đời khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang trong giai đoạn cam go, quyết liệt, với tinh thần “Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam, Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”¹, *Di chúc* của Hồ Chí Minh đã thực sự trở thành niềm tin và động lực thúc đẩy toàn Đảng, toàn quân và toàn thể nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, non sông thu về một mối. Đồng thời, với ý tưởng về những công việc cần làm ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta hoàn toàn thắng lợi, *Di chúc* đã thực sự trở thành cơ sở và điểm tựa, dẫn dắt Đảng ta trong thực tiễn hoạt động tổ chức và lãnh đạo nhân dân thực hiện hàn gắn vết thương

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.612.

chiến tranh, khôi phục và phát triển mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, xây dựng và thực hiện đường lối ngoại giao đúng đắn nhằm mang lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, đóng góp xứng đáng phần mình vào sự nghiệp cách mạng chung toàn thế giới.

Đặt trong bối cảnh mới của tình hình khu vực và quốc tế, đặc biệt trong thời điểm cuối thập niên 80 đến đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, khi những thay đổi của tình hình thế giới và trong quan hệ giữa các quốc gia do tác động của cách mạng khoa học - kỹ thuật trở thành xu thế thế giới, cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác ở Đông Âu,... những tư tưởng đổi mới và xây dựng đất nước thể hiện cô đọng và sâu sắc trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh tiếp tục trở thành lực lượng tinh thần to lớn, là sự chỉ dẫn quan trọng cho Đảng ta trong quá trình hoạch định chiến lược và thực thi đường lối “đổi mới” đất nước, thực hiện chính sách đối nội và đối ngoại sáng tạo, linh hoạt, lần lượt đưa đất nước vượt qua thời khắc khủng hoảng đầy khó khăn, giữ vững lập trường và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tiếp tục sự nghiệp xây dựng đất nước theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình quốc tế có những biến động, các lực lượng tư bản chủ nghĩa đang có lợi thế về phát triển khoa học - công nghệ, về sức mạnh kinh tế, sức mạnh quân sự, chủ nghĩa xã hội đang thoái trào tạm thời sau sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và

Liên Xô,... những căn dặn và sự chỉ dẫn của Hồ Chí Minh trong *Di chúc* tiếp tục chỉ dẫn đối với toàn Đảng và toàn thể nhân dân ta vững vàng trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên cơ sở kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ. Bởi những lẽ đó, *Di chúc* của Hồ Chí Minh thực sự là bảo vật quốc gia chứa đựng những chỉ dẫn mang tính định hướng đối với toàn Đảng và toàn dân trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Qua *Di chúc* gửi lại cho toàn Đảng, toàn dân, với đời tư trong sáng hết lòng, hết sức vì Tổ quốc và nhân dân, Hồ Chí Minh trở thành biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là tấm gương tiêu biểu, là minh chứng sống động cho lý tưởng cộng sản kiên trung, suốt đời vì dân tộc, vì nhân dân của người chiến sĩ cộng sản kiệt xuất, một lãnh tụ vĩ đại đã sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện nên một đảng chân chính cách mạng - Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam và toàn thể nhân dân Việt Nam, trong đó lực lượng thanh niên, học sinh, sinh viên là lực lượng cách mạng hùng hậu, quyết tâm kiên trì con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, ra sức học tập và làm theo

tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tích cực chung tay góp sức xây dựng Tổ quốc Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong điều văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tại Lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh có đoạn viết: “Vĩnh biệt chúng ta, BÁC HỒ có để lại cho Đảng ta, cho toàn thể đồng bào và chiến sĩ hai miền Nam - Bắc một bản Di chúc lịch sử. Đó là những lời căn dặn cuối cùng của BÁC, là những tình cảm và niềm tin của BÁC đối với chúng ta ngày nay và các thế hệ mai sau. Chúng ta hãy xứng đáng với BÁC hơn nữa!”¹. Lời diếu đó là tiếng lòng, là sự tự nhắc nhở mình của toàn Đảng và toàn thể nhân dân Việt Nam đối với lãnh tụ Hồ Chí Minh.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Có luận điểm cho rằng: “*Di chúc* của Hồ Chí Minh là công trình lý luận về công tác xây dựng và củng cố đảng cầm quyền”. Anh/chị hãy trình bày quan điểm của mình về luận điểm trên?

2. “*Nhân dân* là xuất phát điểm, đồng thời là đích hướng tới trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh”. Trên cơ sở nghiên cứu về *Di chúc* của Hồ Chí Minh, anh/chị hãy làm sáng tỏ luận điểm trên?

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.630.

3. Có ý kiến cho rằng: “*Di chúc* của Hồ Chí Minh trở thành mệnh lệnh ra trận, là hồi trống thúc quân, là tiếng lòng thôi thúc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta xốc tới chiến trường quyết chiến và quyết thắng giặc ngoại xâm vì một đất nước Việt Nam độc lập, vì cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc của nhân dân”. Anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

4. Nội dung “Về phong trào cộng sản thế giới” trong *Di chúc* của Hồ Chí Minh đã thể hiện tinh thần trách nhiệm của Hồ Chí Minh đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế như thế nào?

5. Từ những hiểu biết của anh/chị về Hồ Chí Minh, hãy chứng minh ý kiến cho rằng: “*Di chúc* phản ánh sự hy sinh cao thượng, hết lòng vì dân vì nước của Hồ Chí Minh”?

6. Anh/chị hãy chứng minh: *Di chúc* của Hồ Chí Minh là sự chỉ dẫn quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

7. Với tư cách là một công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, anh/chị hiểu như thế nào về trách nhiệm của bản thân trong việc thực hiện những căn dặn của Hồ Chí Minh đã nêu lên trong *Di chúc*?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova, 1978, t.26, 37, 38, 39, 41, 42, 44.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1-15.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.1, 26, 27, 29, 49.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
7. Lưu Văn An: *Giới thiệu tác phẩm Hồ Chí Minh và Văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam về chính trị*, Nxb. Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2009.

8. Ban Tuyên giáo Trung ương: *Hướng dẫn thực hiện các chuyên đề giáo dục lý luận chính trị*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018.
9. Hoàng Chí Bảo: “Thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, tạp chí *Xây dựng Đảng* (9), 2009.
10. Hoàng Chí Bảo, Trần Thị Minh Tuyết: *5 tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh - 5 bảo vật quốc gia*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2017.
11. Phạm Văn Bính: *Phương pháp dân chủ Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017.
13. Phạm Hồng Chương, Doãn Thị Chín (Đồng chủ biên): *Tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.
14. *Đại Việt Sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967, t.2.
15. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh quá khứ, hiện tại và tương lai*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, t.2.
16. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình hình thành và phát triển*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1993.
17. Võ Nguyên Giáp (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
18. Lê Mậu Hãn: *Các cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.

19. Vũ Quang Hiên: *Tuyên ngôn độc lập, những khát vọng về quyền dân tộc và quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013.
20. Đinh Thế Huynh, Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiến, Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên): *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2015.
21. Trần Kư: *Bác Hồ viết Tuyên ngôn độc lập*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005.
22. Đặng Xuân Kỳ: *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1995.
23. Vũ Kỳ: *Thư ký Bác Hồ kể chuyện*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
24. Nguyễn Khắc Mai: *Dân chủ di sản văn hóa Hồ Chí Minh*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1997.
25. Richard Nixon: *Năm 1999 - Chiến thắng không cần chiến tranh*, Bản dịch tiếng Việt của Cục Nghiên cứu, Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam, 1992.
26. Lê Minh Quân: *Tư tưởng chính trị của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin và Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
27. Trương Hữu Quỳnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn: *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008.

28. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
29. Song Thành (Chủ biên): *Một số vấn đề phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu về Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
30. Hoàng Thị Thun: “Thực hành dân chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh và sự kế thừa, phát triển của Đảng trong Văn kiện Đại hội XII”, *Hội thảo khoa học quốc gia Quán triệt Văn kiện XII Đảng Cộng sản Việt Nam vào giảng dạy các môn lý luận chính trị tại các trường đại học*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2016.
31. Nguyễn Khánh Toàn (Chủ biên): *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, t.II.
32. Nguyễn Phú Trọng: *Cương lĩnh chính trị - ngọn cờ tư tưởng lý luận chỉ đạo sự nghiệp cách mạng của chúng ta*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
33. Viện Thông tin Khoa học xã hội: *Quyền con người - Các văn kiện quan trọng*, Nxb. Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
34. John Vũ: *Giáo dục trong thời đại tri thức*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2016.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7

Phần thứ nhất

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DẠY HỌC TÁC PHẨM HỒ CHÍ MINH	9
I- Sự cần thiết của vấn đề nâng cao chất lượng dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh	9
II- Những nguyên tắc dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh theo hướng tiếp cận phẩm chất và năng lực người học	16
1. Tiếp cận từ tư liệu gốc và chính thống	16
2. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính Đảng và tính khoa học	18
3. Đảm bảo tính thực tiễn và lý luận gắn với thực tiễn	20
4. Đảm bảo tính lịch sử - cụ thể	22
5. Đảm bảo tính toàn diện và hệ thống	23
6. Đảm bảo phát huy tính tích cực của người học	23

III-	Giải pháp nâng cao chất lượng dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất	25
------	---	----

Phần thứ hai

	GIỚI THIỆU MỘT SỐ TÁC PHẨM TIÊU BIỂU CỦA HỒ CHÍ MINH	31
--	---	----

	BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP (1925)	31
--	------------------------------------	----

A.	Mục tiêu	31
-----------	-----------------	----

B.	Nội dung	32
-----------	-----------------	----

I-	Hoàn cảnh ra đời và bố cục của tác phẩm	32
----	---	----

1.	Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm	32
----	-------------------------------	----

2.	Bố cục của tác phẩm	37
----	---------------------	----

II-	Nội dung cơ bản của tác phẩm	38
-----	------------------------------	----

1.	Tác phẩm tố cáo tội ác của thực dân Pháp trong quá trình khai thác thuộc địa	38
----	--	----

2.	Tác phẩm đã khắc họa số phận đau khổ của nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa trên thế giới	54
----	---	----

3.	Tác phẩm đã đề ra cho nhân dân Việt Nam con đường đấu tranh giải phóng dân tộc theo chủ nghĩa Mác - Lênin, thắp lên ngọn lửa đấu tranh cho độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội của dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới	58
----	---	----

III-	Giá trị, ý nghĩa của tác phẩm	63
------	-------------------------------	----

1.	Giá trị lịch sử	63
----	-----------------	----

2.	Ý nghĩa hiện thời	66
----	-------------------	----

ĐƯỜNG KÁCH MỆNH (1927)	69
A. Mục tiêu	69
B. Nội dung	70
I- Hoàn cảnh ra đời và bố cục của tác phẩm	70
1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm	70
2. Bố cục của tác phẩm	72
II- Nội dung của tác phẩm	73
1. <i>Đường cách mệnh</i> - Sự khẳng định tính đúng đắn của lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin đối với cách mạng vô sản ở thuộc địa	73
2. <i>Đường cách mệnh</i> - Bản tuyên ngôn về nhân cách, tư cách đạo đức của người cách mạng chân chính	79
3. <i>Đường cách mệnh</i> - Bước đột phá trong tư tưởng Hồ Chí Minh với vấn đề cách mệnh	82
4. <i>Đường cách mệnh</i> - Từ nghiên cứu lịch sử cách mạng thế giới đến sự hoạch định lời giải đầy đủ cho bài toán độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam	91
5. <i>Đường cách mệnh</i> - Bức tranh toàn cảnh về phong trào cách mạng thế giới và các tổ chức quốc tế	99
III- Giá trị, ý nghĩa của tác phẩm	104
CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN (1930)	110
A. Mục tiêu	110
B. Nội dung	111
I- Hoàn cảnh ra đời và bố cục của tác phẩm	111

1.	Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm	111
2.	Bố cục của tác phẩm	112
II-	Nội dung cơ bản của tác phẩm	113
1.	Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo năm 1930 đã xác định đường lối chiến lược cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là tiến hành cuộc “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”	113
2.	Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo nêu ra những nhiệm vụ quan trọng và cụ thể của cách mạng Việt Nam trên các phương diện chính trị, kinh tế, xã hội	117
3.	Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo chứa đựng tư tưởng chiến lược lớn về xây dựng lực lượng cách mạng Việt Nam	123
4.	Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo đã khẳng định vị trí, vai trò lịch sử, nhiệm vụ và bản chất, lý tưởng cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lịch sử cách mạng dân tộc Việt Nam	130
5.	Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo là sự hoạch định chiến lược về mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới	136
III-	Giá trị và ý nghĩa của tác phẩm	141

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP (1945)	148
A. Mục tiêu	148
B. Nội dung	149
I- Hoàn cảnh ra đời và bố cục của tác phẩm	149
1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm	149
2. Bố cục của tác phẩm	152
II- Nội dung cơ bản của tác phẩm	153
1. <i>Tuyên ngôn độc lập</i> nêu rõ những tội ác và sự hèn nhát của chính quyền thực dân Pháp đối với Việt Nam	153
2. <i>Tuyên ngôn độc lập</i> đã khắc họa cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam; đồng thời khẳng định giá trị hiện thực và cơ sở pháp lý của nước Việt Nam độc lập	158
3. <i>Tuyên ngôn độc lập</i> thể hiện khát vọng về quyền con người, quyền dân tộc của nhân dân Việt Nam	162
III- Giá trị, ý nghĩa của tác phẩm	170
1. Giá trị lịch sử của tác phẩm	170
2. Ý nghĩa của tác phẩm	175
SỬA ĐỔI LỖI LÀM VIỆC (1947)	184
A. Mục tiêu	184
B. Nội dung	184
I- Hoàn cảnh ra đời và bố cục của tác phẩm	184
1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm	184

2.	Bố cục của tác phẩm	188
II-	Nội dung cơ bản của tác phẩm	189
1.	Những khuyết điểm, căn bệnh của cán bộ, đảng viên và cách sửa chữa	189
2.	Về tư cách của đảng chân chính và bốn phạm của đảng viên	201
3.	Về phương thức lãnh đạo và phương pháp công tác của Đảng	208
4.	Vấn đề cán bộ và công tác cán bộ Đảng	211
III-	Giá trị, ý nghĩa của tác phẩm	220
1.	Về giá trị lý luận	220
2.	Về giá trị thực tiễn	221

DÂN VẬN (1949) 224

A.	Mục tiêu	224
B.	Nội dung	225
I-	Hoàn cảnh ra đời và bố cục của tác phẩm	225
1.	Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm	225
2.	Bố cục của tác phẩm	227
II-	Nội dung cơ bản của tác phẩm	227
1.	Quan điểm của Hồ Chí Minh về nhà nước dân chủ và mối quan hệ giữa dân vận và xây dựng nhà nước dân chủ	227
2.	Quan niệm của Hồ Chí Minh về dân vận và các bước thực hiện dân vận	236
3.	Quan điểm về lực lượng thực hiện công tác dân vận	241

4.	Quan điểm về phương pháp thực hiện dân vận	244
III-	Giá trị, ý nghĩa của tác phẩm	251
1.	Về phương diện lý luận	251
2.	Về phương diện thực tiễn	253
	THƯỜNG THỨC CHÍNH TRỊ (1953)	257
A.	Mục tiêu	257
B.	Nội dung	258
I-	Hoàn cảnh ra đời và bố cục của tác phẩm	258
1.	Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm	258
2.	Bố cục của tác phẩm	261
II-	Nội dung cơ bản của tác phẩm	263
1.	Quan điểm về giai cấp	263
2.	Quan điểm về các chế độ xã hội có giai cấp	265
3.	Quan điểm về con đường giải phóng dân tộc Việt Nam	269
4.	Quan điểm về xây dựng nhà nước mới ở Việt Nam	277
5.	Quan điểm về xây dựng và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta	280
6.	Quan điểm về xây dựng Đảng ở nước ta	286
7.	Quan điểm về chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản	296
III-	Giá trị, ý nghĩa của tác phẩm	300
1.	Về phương diện lý luận	300
2.	Về phương diện thực tiễn	301

	NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG, QUÉT SẠCH CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN	305
A.	Mục tiêu	305
B.	Nội dung	306
I-	Hoàn cảnh ra đời và bố cục của tác phẩm	306
1.	Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm	306
2.	Bố cục của tác phẩm	310
II-	Nội dung cơ bản của tác phẩm	311
1.	Tác phẩm <i>Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân</i> khẳng định tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên có bản chất cách mạng, vì dân, vì nước sẽ luôn luôn được nhân dân tin phục và đi theo	311
2.	Chủ nghĩa cá nhân là nguyên nhân của đạo đức cách mạng thấp kém; những dấu hiệu nhận biết, hậu quả của chủ nghĩa cá nhân được chỉ ra trong tác phẩm <i>Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân</i> là cơ sở lý luận quan trọng trong công tác nghiên cứu, phát hiện, ngăn ngừa và đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân	315
3.	Hệ thống biện pháp nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên trong tác phẩm <i>Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân</i> là sự chỉ dẫn quan trọng của Hồ Chí Minh cho công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng	319

4.	Luận điểm “quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng” là bài học thiết thực trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, giáo dục và đào tạo cán bộ, đảng viên của Đảng	325
III-	Giá trị của tác phẩm	327
1.	Giá trị lý luận	327
2.	Giá trị thực tiễn	332

DI CHÚC 343

A.	Mục tiêu	343
B.	Nội dung	344
I-	Hoàn cảnh ra đời và bố cục của tác phẩm	344
1.	Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm	344
2.	Bố cục của tác phẩm	350
II-	Nội dung cơ bản của tác phẩm	353
1.	<i>Di chúc</i> của Hồ Chí Minh là công trình lý luận về công tác xây dựng và củng cố Đảng	353
2.	<i>Di chúc</i> là tiếng lòng vì dân, là bài học sâu sắc về chăm lo đời sống nhân dân để lại cho Đảng của Hồ Chí Minh	361
3.	<i>Di chúc</i> của Hồ Chí Minh nâng cao tinh thần chiến đấu và củng cố niềm tin chiến thắng cho nhân dân trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước	363
4.	<i>Di chúc</i> thể hiện tinh thần trách nhiệm của người chiến sĩ cộng sản quốc tế Hồ Chí Minh đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	365

5.	<i>Di chúc</i> phản ánh sự hy sinh cao thượng, hết lòng vì dân vì nước của Hồ Chí Minh	367
6.	<i>Di chúc</i> của Hồ Chí Minh là sự chỉ dẫn quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	371
III-	Giá trị của tác phẩm	380
1.	Giá trị lý luận	380
2.	Giá trị thực tiễn	381
	<i>Tài liệu tham khảo</i>	386

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch

*** 50 NĂM TÁC PHẨM NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG,
QUÉT SẠCH CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH -
GIÁ TRỊ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN ĐỐI VỚI CÔNG TÁC
XÂY DỰNG ĐẢNG HIỆN NAY**

Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam
Cục Tuyên huấn

*** LỜI BÁC HỒ DẠY NGÀY NÀY NĂM XƯA**

Lê Xuân Đức

*** THƠ CHÚC TẾT MỪNG XUÂN CỦA BÁC HỒ VÀ LỜI BÌNH**



Giá: 114.000đ